làng văn

109
Tháng 9, 93

Số đặc-biệt về
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

THƯ-MỤC BỔ-TÚC

(DÙNG KÈM THƯ-MỤC LÀNG VĂN 1993
ĐÃ ĐĂNG TRÊN SỐ 105)

30 NGÀY THIỀN-QUÁN
Sách thiền
14 mỹ-kim - 19 gia-kim

1500 TỪ-NGỮ TOÁN ĐIỆN-GIẢI
Vũ Công Hiển
11MK - 15GK

AL CAPONE IV
Tiểu-thuyết của Lê Xuân Nhị
18MK - 24.50GK

BÍ-ẨN TIỀN KIẾP HẬU KIẾP
Sách thần-học
15MK - 20GK

BỎ CHỐN MÙ SƯƠNG
Tập truyện ngắn, Song Thao
12MK - 16GK

BÚT KHẢO VỀ ĂN
Bút-khảo, Lê Văn Lân
10MK - 13,50GK

CÁCH LÀM MÓN ĂN
ĐẶC-BIỆT BA MIỀN
Cô Lệ Hoa
12MK - 16GK

CĂN-BẢN THỰC-HÀNH
PHIM VIDEO
Sách dạy làm phim video theo phương-pháp mới nhất.
14MK - 19GK

CẨM-KHÊ DI-HẬN (bộ 4 cuốn)
Truyện dã sử, Yên Tử cư-sĩ
52MK - 70GK

CÂY CỎ MIỀN NAM (TẬP 4)
Biên-khảo Phạm Hoàng Hộ
35MK - 47GK

CÂY ĐÀN MIẾN ĐIỆN
Đỗ Khánh Hoan dịch
10MK - 13.50GK

CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI-CƯ
NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI
Tạp-Bút Nguyễn Bá Trạc
10MK - 13,50GK

CHUYỆN ĐỜI TÔI
Truyện dài của Quỳnh Dao
11MK - 15GK

CHUYẾN METRO
ĐI TỪ BELLEVILLE
Tập truyện ngắn, Mai Thảo
10MK - 13,50GK

CUỘC CÁCH-MẠNG BỊ
PHẢN-BỘI
Sách chính-trị, L. Trost-ski
12MK - 16GK

CUỐI ĐÊM DÀI
Tập truyện ngắn của Nguyễn Thị Thanh Bình
10MK - 13,50GK

DANH-TỪ KỸ-THUẬT ANH VIỆT
Biên-khảo, Nguyễn Đức Lưu
6,50MK - 9GK

ĐỒI LÁ KHÔ
Truyện dài của Nguyễn Tư
10MK - 13,50GK

HÀ-NỘI BÁO-ĐỘNG ĐỎ
Hồi-ký Dương Văn Lợi
20MK - 27GK

HỌC ANH-VĂN BẰNG
THÀNH-NGỮ
Trần Văn Điền
7.50MK - 10GK

HƯƠNG RỪNG CÀ-MAU
Tập truyện ngắn, Sơn Nam
8MK - 11GK

LÀM MAI LÃNH NỢ
Tập truyện ngắn, Nguyễn Văn Ba
10MK - 13,50GK

MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường
16MK - 20.50GK

NAM-KỲ LỤC TỈNH I, II
Biên-khảo của Hứa Hoành
Mỗi cuốn 13MK - 17.50GK

NỬA ĐỜI TUNG CÁNH
Truyện ngắn của Herky 012
10MK - 13.50GK

NHÂN-TƯỚNG HỌC
Kiến-thức phổ-thông
16MK - 21,50GK

NHỮNG BÍ-ẨN SAU CÕI CHẾT
Nghiên-cứu, Đoàn Văn Thông
16MK - 21.50GK

NHỮNG NĂM MẤT TRẮNG
Trần Tri Vũ
25MK - 34GK

NOSTRADAMUS
14MK - 19GK

NỬA CHỢ NỬA QUÊ
Truyện dài, Hồ Trường An
12MK - 16GK

PHƯƠNG-PHÁP NUÔI CON
Bà E. Sommes
7MK - 9.50GK

PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Phạm Công Thiện dịch
12MK - 16GK

QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồi-ký, Hồ Dzếnh
7MK - 9.50GK

SẢN XUẤT VÀ CẠNH TRANH
Biên-khảo, Phạm Côn Sơn
7MK - 9.50GK

TẤM MÁU ĐEN
Hồi-ký, Võ Đại Tôn
20MK - 27GK

TIẾNG ANH THỰC-DỤNG
Nguyễn Tế Thế
6MK - 8GK

(xem tiếp trang bìa sau, mặt trong)

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (416) 607-8010 / Fax: (416) 607-8011

Published 12 times a year
Publications Class Mail Reg. No: 8040
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 10 – No 109–September 1993
Năm thứ mười - số 109 - ngày15 tháng 9,1993

TRONG SỐ NÀY :

Tin văn thế-giới....2
Tin Việt-nam....5
Tin trong làng....7
Nhóm "Vietnam Forum" mời cán-bộ VC sang Mỹ diễn-thuyết....8
Bà Irina Zisman họp báo Việt tại Nam Cali....9
Ngoài ngõ....10
Tin tị-nạn....12
Câu chuyện xứ người: Phù-tang nhật hạ, Vi An....15
Nói với người bạn trẻ, Nguyễn Hữu Nghĩa....18

CHỦ-ĐỀ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Vũ Hoàng Chương....20
Vũ Hoàng Chương, ờ thế à, Nguyễn Hữu Nhật....21
Thơ Vũ Hoàng Chương: Ba kiếp lang-thang....23
Vũ Hoàng Chương và kịch thơ, Diệu Tần....24
Thơ Vũ Hoàng Chương: Đời tàn ngõ hẹp....27
Thơ Vũ Hoàng Chương bằng tiếng Đức, Trần Văn Tích....28
Thơ Vũ Hoàng Chương: Quên....30
Vũ Hoàng Chương với gác mây vườn Úc, Hồ Trường An....31
Thơ Đắc Trung....33
Vũ Hoàng Chương, trông ra bến hoặc bờ mê, Thanh Nam....35
Thơ Vũ Hoàng Chương: Gọi lòng kiêu....36
Từ lầu hạc đến gác mây, Nguyễn Hữu Nghĩa....38
Thơ Vũ Hoàng Chương: Ngoài 30 tuổi, Mười hai tháng sáu....38

BÀI VỞ THƯỜNG-XUYÊN:

Nàng tiên cá, Hoàng Chính....39
Thơ Vân Nương....43
Thơ Hoài Nam....44
Rửa nhục, Đặng Văn Nhâm....47
Thơ Phan Thịnh....51
Thơ Đông Vũ....53
Ràng buộc chi nhau, Hồ Phổ Lại....54
Thơ Nguyễn Văn Ngọc....59
Nhân-duyên, Hựu Nguyên....60
Những đóa hoa trên đồi, Nguyễn Văn Thông....61
Thơ Nguyên Quân....63
Thơ Nguyễn Duy Tâm....64
Chiếc bánh của Nga hoàng, Trương Mỹ Vân....65
Thơ Trần Vấn Lệ....66
Con chim khờ dại, Lưu Hải Sơn....67
Xóm cũ: Chùa Giác Viên, Trần Lang....68
Những ngày ở hẻm Đội Có, Nguyễn Quốc Trụ....72
Thơ Nguyễn Trung Dũng....71
Xóm măng: Ông thần cây đa, Minh Tâm....74
Hàng cây bên đường, Cao Xuân Lý....75
Thơ Gã Tư Mã....78
Xếp Al Capone V, Lê Xuân Nhị....79
Thơ Lãm Thúy, Cao Xuân Tứ....87
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyên Phong....88
Thơ Trần Hoài Ngọc....91
Quay trong cơn lốc, Nguyễn Ngọc Ngạn....92
Thơ Hồ Ông....95
Thơ TT Mây Trên Ngàn, Kha Huyền....98
Bãi gió cồn trăng, Hồ Trường An....99
Thơ Vạn Giả....101
Thơ Hoài Việt....103
Độc-giả thắc-mắc, Bút Chì....104
Trang khoa-học: Khám-phá vật-lý thiên-thể, Trần Văn Nam....110
Diễn-đàn., Hoàng Lan....113
Thư đi tin lại, Nguyên Hương....117

Tranh bìa: của Nguyên Khai

Chủ-nhiệm: Nguyên Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyên Nghĩa

Ban biên-tập:
Bạch Thái Hà - Bút Chì - Cao Tiêu - Đan Quế
Đào Huy Đán - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Du Thụy - Kiên Trung - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyên Dũng
Nguyên Phong - Nguyễn Bá Dĩnh
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ngọc
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thăng - Tự Tỉnh
Thái Văn Kiểm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích
ViVi Võ Hùng Kiệt

Cộng-tác:
Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tứ - Diệu Tần - Dương Kim
Đặng Thị Quế Phượng - Đào Trường Phúc
Đoàn Tam - Đỗ Khánh Hoan - Huỳnh Liễu Ngạn
Hồ Ông - Hoài Châu - Kha Huyền - Kinh Tân
Lê Thụy Vi - Ngô Du Trung - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Quốc Trụ
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Văn Thông
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Việt - Nguyễn Tư - Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật - Phạm Hoàng Hộ - Quỳ Hương
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thủy Trang
Thúy Sơn - Trần Mộng Tú - Trần Quang Hải
Trần Vấn Lệ - Trịnh Gia Mỹ - Vân Nương
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-hoạ:
Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:
Babui Nguyễn Tấn Phú - Hiếu Đệ - Nguyên Khai
Nguyễn Đông - Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung
Thái Tuấn - Hồ Đắc Vũ (Vẹt) - ViVi Võ Hùng Kiệt
Vũ Thái Hòa

Góp ảnh:
Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:
Pháp: Bạch Thái Hà — *Anh: Hoài Châu*
Đức: Ngô Việt Dũng — *Hòa-lan: Hồ Thị Chiến*
Na-uy: Dương Kim — *Nhật: Đỗ Thông Minh*
Úc: Phạm Quang Ngọc
Hoa-kỳ: Lê Xuân Phương (Dallas)
Trương Sỹ Lương (Arlington)
Võ Thắng Tiết (Nam California)
Nguyễn Hùng (Bắc California)
Linh Phương (Florida)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey)

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 40 quan; Úc: 10$; Na-uy: 40 krone;
Nhật: 800 yen; Các nước khác: 5 mỹ-kim

Giá báo dài hạn, thể-lệ mua báo
và giá biểu quảng-cáo: trang 116

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

tin vắn

Kiên Trung phụ-trách

ĐỨC GIÁO HOÀNG JOHN PAUL II GẶP GIỚI TRẺ TẠI HOA-KỲ

Gần nửa triệu người, phần lớn là thanh thiếu niên, đã tập họp tại công viên Cheery Creek (Denver, tiểu bang Colorado, Hoa kỳ) ngày 15.3.93 để nghe Đức Giáo Hoàng John Paul II rao giảng về vai trò của tuổi trẻ trong việc kiến tạo một nền văn minh công chính và bác ái cho thế giới .

Buổi lễ là trọng điểm của Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới, một sinh hoạt dành cho thanh thiếu niên do chính đức Giáo Hoàng John Paul khởi xướng từ năm 1985 tại La mã.

Trong buổi lễ, cũng như trong cuộc tiếp đón, có sự hiện diện của Tổng thống Hoa kỳ Bill Clinton tại phi trường Denver trước đó, và trong buổi tiễn đưa (cũng tại phi trường quốc tế Denver) có mặt Phó Tổng thống Al Gore, Đức Giáo Hoàng đã lên án nặng nề các phong trào cho phép phá thai và giúp những người ốm tự kết liễu cuộc sống (euthanasia). Cả hai vị tổng-thống và phó tổng-thống Hoa kỳ đều là những người ủng hộ quyền phá thai.

Vị Giáo chủ giáo hội Công giáo thế giới đã gọi những phong trào ủng hộ phá thai và giúp tự sát là *"nền văn hoá của tử thần"*. Ngài kêu gọi các tín đồ trẻ và mọi người củng cố một nền *"văn hoá của sự sống"*, *"tôn trọng sự sống ngay từ lúc mới hoài thai cho đến lúc kết thúc tự nhiên."*

Trong ngày đại hội, thời tiết quá nóng bức của mùa hè đã làm cho hàng chục ngàn người phải được cấp cứu trong khi trước đó, người ta cũng đã phải đưa đi cấp cứu một số người đến cắm trại ngủ đêm để chờ dự lễ vì bị phỏng lạnh. (kt)

TÂN THỦ TƯỚNG NHẬT BẢN NHẬM CHỨC

Đầu tháng 8. 93, ông Morihiro Hosokawa đã nhậm chức Thủ tướng chính phủ Nhật bản và trình diện nội các, khởi đầu một giai đoạn mới của lịch sử chính trị xứ mặt trời mọc.

Morihiro Hosokawa, 55 tuổi, từng là thượng nghị sĩ lúc mới 33 tuổi, là lãnh tụ Tân Đảng Nhật Bản do chính ông sáng lập sau khi từ bỏ đảng Dân chủ Cấp tiến. Ngay khi lên nhậm chức, Hosakawa đã thực hiện nhiều biện pháp mới trong chính phủ và quốc hội như bổ nhiệm một phụ nữ vào chức vụ chủ tịch quốc hội, tổ chức văn phòng thủ tướng theo kiểu Mỹ và quan hệ với giới truyền thông một cách thoải mái, bình dân.

Nội dung diễn văn nhậm chức của Hosakawa cho thấy ông chưa chủ trương giải quyết nhanh các vấn đề căn bản trong quan hệ chính trị và kinh tế giữa Nhật bản và thế giới. Ông cam kết sẽ xem xét vấn đề mất cân đối mậu dịch giữa Nhật và các nước, đặc biệt là Hoa kỳ nhưng từ chối phần lớn các đề nghị của chính quyền Clinton, kể cả các đề xuất về các mục tiêu nhập cảng. Có lẽ Hosakawa sẽ tập trung các hoạt động trong thời gian này vào công tác củng cố chính phủ, đồng thời cải tổ và làm trong sạch chính trường Nhật bản đã quá nhiều tai tiếng trong thời gian gần đây. (kt)

BA PHE BOSNIA THOẢ THUẬN CHIA BA ĐẤT NƯỚC

Các cuộc đàm phán giữa ba phe tranh chấp ở Bosnia đã tiếp tục cuộc thương thuyết trên căn bản Bosnia sẽ được chia làm ba vùng cho ba sắc tộc người Serb, người Croat và người Hồi giáo.

Cuộc thương thuyết, đã bị đình hoãn gần hai tuần, chỉ được tiếp tục sau khi quân Serb rút khỏi một cao điểm chiến lược khống chế thủ đô Sarajevo của Bosnia. Liên Hiệp Quốc trước đó đã phải đe dọa sẽ cho phi cơ oanh tạc các cao điểm này.

Các phe phái tranh chấp cũng đã thoả thuận sẽ biến Sarajevo thành một thành phố bỏ ngỏ, đặt dưới sự kiểm soát của LHQ trong vòng hai năm.

Trung tuần tháng 8. 93, xúc động trước những hình ảnh thê thảm của các thiếu nhi bị thương không có thuốc men và phương tiện y tế chăm sóc tại Sarajevo, Anh quốc đã chuyển một số khoảng 20 thiếu nhi về các bệnh viện ở Anh để chữa trị. Chiến dịch nhân đạo này được đặt tên là "Chiến dịch Irma", theo tên bé gái 5 tuổi Irma Hadzimuratovic, thiếu nhi đầu tiên được đưa về Anh quốc. Nhiều quốc gia khác đã đón nhận các người bị thương, gồm cả người lớn và trẻ em về nước chữa trị. Tuy nhiên, hoạt động này bị một số nhân viên cứu trợ Y tế LHQ cho là chỉ có tính cách "trình diễn". Các cuộc không vận chỉ giúp được một số quá nhỏ người bị thương trong lúc cả thành phố Sarajevo là một địa ngục đầy những người cần được cứu giúp sau 500 ngày bị phong toả và bắn phá. Chính phủ Gia nã đại đang xem xét việc gởi một bệnh viện dã chiến đến tại chỗ để cứu trợ.

Ngày 20.8, Liên-hiệp-quốc đã tìm ra 55.000 người Hồi-giáo sắp chết đói tại thành-phố Mostar, thuộc khu-vực kiểm-soát của người Croat. Họ bị cầm chân tại phía đông thành-phố trong suốt hai tháng, kể từ khi liên-

minh Croat-Hồi-giáo (chống lại Bosnia) tan-vỡ vì tranh-chấp đất-đai. (kt)

DO THÁI LẠI OANH TẠC LEBANON

Ngày 19 tháng 8, du kích quân Hezbolla (hệ phái Shite, Hồi giáo, được Iran hỗ trợ) phục kích hạ sát 7 lính Do thái trong vùng phía nam Lebanon. Tổ chức Hezbolla cho biết cuộc tấn công của họ nhằm phá hoại cuộc hoà đàm Trung đông do Hoa kỳ đỡ đầu sắp mở lại vào cuối tháng 8.

Do thái đã lập tức cho phi cơ oanh tạc các cứ điểm du kích quân Hezbola trong lãnh thổ Lebanon. Cuộc tấn công nhằm vào các mục tiêu trong vùng cổ thành Baalbek và làng Janta, gần biên giới Lebanon - Syria.

Hồi cuối tháng 7. 93, Do thái đã trả đũa việc quân du kích và khủng bố sát hại lính Do thái bằng cách oanh tạc và bắn trọng pháo vào các khu vực phía nam Lebanon, buộc dân Lebanon bỏ nhà cửa chạy sâu vào nội địa tị nạn. (kt)

PHI CƠ HOA KỲ LẠI DỘI BOM IRAQ

Cuộc phong tỏa kinh tế của LHQ đối với Iraq đã gây những ảnh hưởng nặng nề lên đời sống của người dân xứ này. Theo phúc trình của tổ chức Lương Nông Quốc Tế (FAO), đa số dân Iraq hiện nay sống dưới mức nghèo khổ. Giá cả thực phẩm và hàng hoá trong nước đã tăng vọt, những mặt hàng cần yếu như bột mì, đường, gạo ... tăng lên từ 70% đến gần 400% so với trước ngày cuộc chiến vùng Vịnh khai diễn.

Biện pháp phong toả kinh tế được áp dụng nhằm buộc chính quyền Saddam Hussein khuất phục áp lực quốc tế để thực hiện triệt để các điều kiện ngưng bắn, đồng thời nhằm tạo khó khăn để dân Iraq nổi lên lật đổ Saddam đã không thành công. Saddam Hussein vẫn một mặt lì lợm giữ vững quyền bính và không ngừng bày những trò chọc phá LHQ và Hoa kỳ, một mặt tăng cường tuyên truyền và kiểm soát dân chúng trong nước.

Ngày 19. 8, phi cơ Hoa kỳ đã dội bom một căn cứ phòng không của Iraq sau khi phi cơ Hoa kỳ bay tuần tiễu bị hoả tiễn từ đây bắn lên. Phe Iraq quả quyết không bắn hoả tiễn nhưng xác nhận có dùng súng phòng không "đuổi" phi cơ Mỹ. (kt)

KÊU GỌI FIDEL CASTRO TỪ CHỨC

Hàng trăm chính trị gia quốc tế từ Âu châu đến Nam Mỹ và vùng Caribean đã kêu gọi nhà độc tài Fidel Castro từ chức và tổ chức tuyển cử tự do tại Cuba.

Lời kêu gọi đăng trên các báo ở Cartagena (Colombia) trong dịp Castro công du Columbia, đã khuyên Fidel Castro hãy *"dũng cảm và độ lượng chấm dứt đời hoạt động của mình để giúp các thế hệ mới ở Cuba cơ hội được tự do chọn tương lai của họ, để họ được biết ý nghĩa đích thực của tự do..."*.

Là một trong những nước cộng sản cuối cùng của thế giới, Cuba hiện đang lâm vào tình cảnh cùng quẫn về xã hội và kinh tế. Mới đây, Fidel Castro đã phải thay đổi hàng loạt bộ trưởng trong chính phủ, ban hành nhiều biện pháp "cải cách kinh tế" để mong cứu vãn tình hình. Các biện pháp này chắc chắn cũng không giúp chế độ cộng sản Cuba kéo dài được bao lâu.

Trong số các nhân vật chính trị ký tên vào thư kêu gọi Fidel Castro từ chức có cả Bộ trưởng Ngoại giao Đức Hans Dietrich-Genscher, thủ lãnh đảng Dân chủ Tự do Anh Paddy Ashdown, phó Tổng thống Nicaragua Virgilio G. Reyes. (kt)

DU KÍCH SOMALIA LẠI TẤN CÔNG LÍNH MỸ

Sứ mạng bảo vệ hoà bình và cứu đói của Liên Hiệp Quốc tại Somalia đã bước sang giai đoạn mới. Về mặt quân sự, một cuộc chiến tranh giữa liên quân LHQ và du kích quân của các sứ quân chống đối đã khởi phát, bắt đầu từ các cuộc hành quân tầm nã và trừng phạt sứ quân Aidid sau khi lính của Aidid sát hại binh sĩ Hồi quốc của Lực lượng giữ Hoà bình. Về mặt cứu trợ, từ nay, dân Somalia sẽ phải mua lương thực. Phát ngôn nhân của LHQ cho biết sẽ chấm dứt việc phát không lương thực cho dân chúng thủ đô Mogadishu vì mùa màng đã có thu hoạch.

Đầu tháng 8. 93, du kích của Mohamed F. Aidid đã đặt bom điều khiển từ xa gây tử thương cho bốn quân nhân Hoa kỳ. Ngày 19. 8, thêm một quả bom nữa cùng loại được đặt cách một căn cứ Hoa kỳ khoảng 600 mét. Quả bom nổ khi đoàn xe vận tải của quân đội Hoa kỳ chạy qua nhưng không gây thiệt hại nhân mạng. Sau khi bom nổ, du kích của Aidid đã xả súng máy bắn vào các binh sĩ đến tiếp ứng.

Lực lượng LHQ chưa có hành động trả đũa nhưng một phát ngôn viên thông báo, LHQ vẫn quyết tâm bắt cho bằng được Aidid và các thủ lãnh loạn quân. Trong những ngày sắp tới, dân chúng Mogadishu sẽ được yêu cầu tự giác đem giao nộp vũ khí trước khi quân LHQ tiến hành lục xét từng khu phố để tịch thu. (kt)

CAM BỐT ĐÃ SOẠN XONG HIẾN-PHÁP MỚI

Các lãnh tụ Cam bốt Norodom Ranariddh và Hunsen, đồng Thủ tướng Cam bốt, đã thông báo cho phái bộ UNTAC rằng họ sẽ hoàn thành việc soạn thảo bản tân hiến pháp đúng thời hạn dự trù, nghĩa là trước ngày 28. 8, ba tháng sau khi quốc hội được bầu cử. Các điều khoản trong bản tân hiến pháp này, do Ủy ban Hiến pháp Cam bốt soạn, được giữ tuyệt đối bí mật cho đến ngày được ban hành.

Theo đúng chương trình, sau khi

Cam bốt thông qua tân hiến pháp, lực lượng quốc tế UNTAC sẽ kết thúc nhiệm vụ và rời khỏi xứ Chùa Tháp. LHQ có mặt ở Cam bốt trong 17 tháng qua, đã thất bại trong một số nhiệm vụ, như việc giải giới các lực lượng vũ trang của các phe phái. Cho đến nay, phe Khmer Đỏ vẫn còn giữ nguyên vũ khí và quân đội. Gần đây, Khmer Đỏ còn tiếp tục phá quấy ở nhiều nơi. Có khi quân Bảo vệ Hoà bình cũng bị họ pháo kích và tấn công.

Việc lực lượng quốc tế hơn 20 ngàn người của UNTAC rút khỏi Cam bốt chắc chắn sẽ tạo ra nhiều vấn đề chính trị, quân sự và cả kinh tế cho quốc gia đầy nhiễu nhương này trong thời gian tới. (kt)

THÁI LAN: KHÁCH SẠN SẬP, 100 CHẾT

Ngày thứ sáu 13 tháng 7, khách sạn 7 tầng, 143 phòng Royal Plaza tại Korat (cách thủ đô Vọng các hơn 200 cây số về phía đông bắc) đã đổ sập, làm tử thương gần 100 người và bị thương 250 người khác.

Tai nạn này do việc xây cất cẩu thả gây ra. Royal Plaza trước đây là một kiến trúc chỉ có hai tầng, sau đó được nâng thêm ba tầng và đang xây thêm một tầng nữa. Chủ khách sạn, một số thành viên ban Giám đốc và một kỹ sư xây dựng đã bị bắt và truy tố về tội bất cẩn. (kt)

KHỦNG-BỐ TẠI NICARAGUA

Quân khủng-bố Sandinista (cánh tả) Nicaragua đã bắt-cóc Phó Tổng-thống Virgilio Godoy và 33 người khác, hầu hết là chính-khách.

Vụ bắt cóc xảy ra ngay trong buổi tiệc chung giữa hai cánh tả (Sandinista) và hữu (Nghiệp-đoàn quốc-gia bảo-thủ) hôm 20.8 vừa qua.

Ngày 21.8, quân khủng-bố thả bớt 14 người, gồm cán-bộ cấp thấp của Nghiệp-đoàn quốc-gia, các phụ-tá và nhân-viên quét dọn trong dinh.

Vụ bắt cóc này nhằm trao-đổi 42 nhân-viên chính-phủ thuộc phe tả, đã bị quân du-kích cánh hữu bắt tại phía Bắc Nicaruagua hôm 19.8 trước đó.

Chính tình tại Nicaruagua hiện nay vẫn tiếp-tục lộn-xộn. Phe hữu tuy nắm chính-quyền nhưng thế-lực cánh tả do Daniel Ortega bí-mật điều-khiển, rất mạnh trong guồng máy cai-trị. (dtn)

BIỂN-THỦ CÔNG-QUỸ 9 TỈ TẠI TRUNG CỘNG

21.8.-Tờ *Nam-Hoa Bưu-báo sáng Chủ-nhật* xuất-bản tại Hương-cảng loan tin, Trung Cộng đang truy-tầm 80 nhân-viên cao-cấp của Ngân-hàng Trung-hoa về tội biển-thủ tổng-cộng hơn 9 tỉ mỹ-kim.

Bắc-kinh đã khám-phá ra vụ gian-lận lớn nhất lịch-sử Trung-hoa này từ tháng trước, sau khi cách chức Tổng giám-đốc Ngân-hàng Trung-hoa, đưa viên phó tổng giám-đốc lên thay. Ban Giám-đốc mới điều-tra ra nhiều vụ gian lận tinh-vi. Các viên-chức cao-cấp của ngân-hàng đứng ra mở các công-ty và tự ký giấy tháo khoán cho công-ty của họ mượn tiền, rút từ quỹ dự-trữ ngoại-tệ của quốc-gia. Các số tiền này được chuyển vào các trương-mục bí-mật tại ngoại-quốc và nội-địa và không hề được dùng vào việc kinh-doanh.

Sau các vụ biển-thủ, hiện Trung Cộng chỉ còn hơn 11 tỉ mỹ-kim trong quỹ dự-trữ ngoại-tệ.

Tình-trạng gian-lận này giống hệt và vẫn xảy ra hàng ngày dưới chế-độ cộng-sản tại Việt-nam. VC ráo-riết vận-động và thành-công trong việc vay mượn Quỹ tiền-tệ thế-giới. Tiền vay mượn này sẽ lần lượt chui vào trương-mục của các công-ty ma của cán-bộ cao-cấp, và dân-chúng Việt-nam sẽ phải è cổ ra trả nợ đầy hàng mấy trăm năm nữa chưa chắc đã hết.

Cho nên vận-động bãi bỏ cấm-vận, cho CSVN vay tiền đồng nghĩa với việc tiếp tay cho giai-cấp cán-bộ cộng-sản phá-hoại kinh-tế quốc-gia, tròng lên cổ nhân-dân Việt-nam những món nợ oan-khiên truyền kiếp. Mong các nhà kinh-tế "yêu nước" tại hải-ngoại hãy truy-xét thật cặn-kẽ trước khi kêu gào thế-giới giúp-đỡ cho CSVN. (dtn)

THỔ-DÂN BA-TÂY BỊ TÀN-SÁT

Thợ mỏ Ba-tây đã tàn-sát 73 trong số 77 thổ-dân Yanomami sinh sống tại thung-lũng Amazon thuộc tiểu-bang Roraima, gần biên-giới Ve-nezuela. Các thợ mỏ đã bất-thần xông vào bộ-lạc của họ, dùng súng tiểu-liên ha-sát tất cả đàn ông, đàn bà, trẻ con, người già cả và tàn-tật rồi châm lửa đốt các thi-thể. Chỉ có 4 người đàn ông chạy thoát và báo-cáo nội-vụ với chính-quyền thổ-dân ở Boa Vista.

Thổ-dân Yanomami hiền-lành như trẻ nhỏ, chỉ cần tặng họ một muỗng đường, hai bên trở thành bạn ngay. Giống dân này đã gần tuyệt-chủng trước sự tàn-bạo của người Ba-tây.

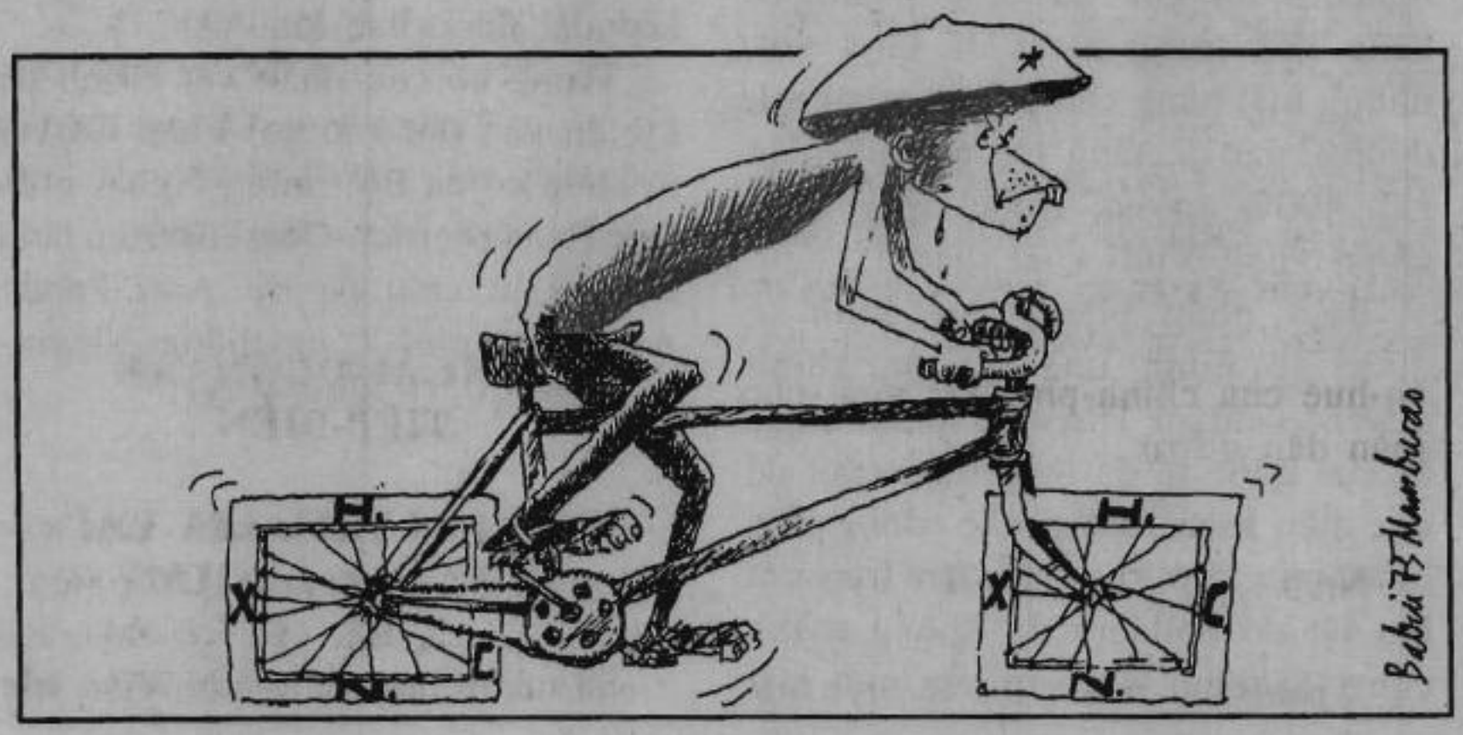

tin việt-nam

. *Dương Thượng Ngã* phụ-trách

LẠI CẢI-CÁCH ĐẤT-ĐAI TẠI VIỆT-NAM

Gần 20 năm sau ngày chiếm được miền Nam, CSVN mới bắt đầu phát-động chiến-dịch cải-cách đất-đai, nói rõ-ràng nhất, là cướp không toàn bộ đất đai của dân-chúng.

Trước kia, mỗi chủ đất làm chủ đất đai của mình, ít nhất là mảnh đất có nhà mà họ đang cư-ngụ. Nay theo luật đất-đai mới ban-hành, chủ-quyền mảnh đất ấy thuộc về "toàn dân", và người chủ cũ chỉ có "quyền sử-dụng" mà thôi.

Nội trong năm 1993, chính-phủ CSVN sẽ cấp *"giấy chứng-nhận quyền sử-dụng đất"* cho các chủ đất. Kể từ khi cấp giấy chứng-nhận này, các bằng-khoán đất đương nhiên vô-hiệu-lực, bất-kỳ người chủ đã làm chủ miếng đất bao nhiêu năm, bao nhiêu đời.

Đây là một vụ cướp của một cách trắng-trợn, được hợp-pháp-hóa bằng một đạo luật, và CSVN đang vận-dụng các cơ-quan truyền-thông ra sức đánh bóng, coi như đây là một ân-huệ của chính-phủ ban phát cho toàn dân. (dtn)

NẠN GIẬT HỤI LAN-TRÀN

Trong khi nạn giật hụi trốn về Việt-nam đã giảm hẳn trong cộng-đồng Việt tại hải-ngoại thì thành Hồ đang lên cơn sốt trầm-trọng về vụ này.

Báo *Sài-gòn giải-phóng* số ra ngày 16.7 loan tin trên trang nhất, chỉ với một nhóm nhỏ, 300 dây hụi đã bể đồng loạt, tổng số tiền hụi lên tới hàng chục tỉ đồng (khoảng 800.000 mỹ-kim).

Theo bài báo, từ năm 1990, ông Trần Thành, chủ quán Vườn Tre trong khuôn-viên nhà Văn-hóa quận 5, tổ-chức chơi hụi qui-mô tại quán, làm chủ 97 dây hụi.

Đến nay, tổng-số chủ hụi trong nhóm Trần Thành lên đến 40 tay, làm chủ 300 dây hụi, trong đó có những hụi viên phải đóng tới 100 triệu đồng mỗi tháng.

Cầm được tiền hụi, ông Trần Thành cho ông Vưu Thiêm Hoa vay 2,5 tỉ, trả góp mỗi ngày 30 triệu đồng trong 110 ngày, thành ra 3,8 tỉ cả vốn lẫn lãi. Việc làm ăn vấp-váp, ông Vưu Thiêm Hoa không trả nổi khiến cả 300 dây hụi bể một lượt, nội-vụ vỡ-lở như trên. (dtn)

NẠN CÁP-DUỒN VẪN TIẾP-DIỄN

Nạn chém giết người Việt vẫn tiếp-diễn hàng ngày tại Cao-miên.

Ngày 6.7, Khờ-me đỏ chặn hai thuyền đánh cá của người Việt, bắn chết bà Nguyễn Thị Xá, 53 tuổi cùng các con là Nguyễn Văn Hắc 31 tuổi, Nguyễn Văn Mát 20 tuổi, Nguyễn Văn Nghĩa 14 tuổi và Nguyễn Thị Lưu 12 tuổi. Các nạn-nhân đang đánh cá trên rạch Lung-lia, huyện Boribo, cách thị-xã Compuong Chnang 10 cây số về hướng Bắc. Cho tới nay vẫn chưa vớt được xác của các nạn-nhân.

Ngày 8.7, Khờ-me đỏ giết 3 dân chài Huỳnh Văn Tỷ 23 tuổi, Huỳnh Văn Tài 18 tuổi và Nguyễn Văn Giàu 28 tuổi trong khi họ đang đánh cá tại Cúc-xây, huyện Boribo. Trước khi bắn, Khờ-me đỏ bắt trói họ, đòi chuộc 10 lượng vàng. Trong lúc thân-nhân của họ đang chạy đôn chạy đáo vay tiền, mượn vàng để cứu người nhà, bọn lính chờ lâu quá sốt ruột, bắn chết các nạn-nhân.

Ngày 10.7, Khờ-me đỏ giết 12 người Việt đạp xác xuống sông tại tại xã Seslap, huyện Boribo. Cho tới nay chỉ có 3 xác nổi lên gần đó, còn 9 xác kia trôi mất tăm.

Ngày 12.7, Khờ-me đỏ bắn chết 6 nông-dân người Việt, trong đó có một cụ già 78 tuổi đang trên đường mót lúa về nhà. Lính Khờ-me không cho dân làng ra lấy xác, và sau đó chất rơm lên thi-thể của họ mà thui xong hất xuống mương. (dtn)

TRỊNH CÔNG SƠN LẠI CHUẨN-BỊ TRỞ CỜ

Trịnh Công Sơn, nhạc-sĩ tài-hoa nhưng quen thói trở cờ, người đã tiếp-thu đài phát-thanh Sài-gòn trưa 30.4.1975, người thử âm-thanh và hát bài *Nối vòng tay lớn* chào mừng bộ-đội, mới đây đã bị Sở Văn-hóa Thông-tin thành Hồ ra lệnh thu-hồi 3 tập nhạc vừa in xong.

Công văn số 530/VHTT ngày 30.6.93 của Sở Văn-hóa giải-thích, 3 tập nhạc Trịnh Công Sơn vừa in xong, đối-chiếu với bản đã nộp lưu chiểu có nhiều chỗ không giống như:

- đổi tên nhà xuất-bản.
- thêm nhiều bài khác.

- thêm nhiều ảnh khác.

Sở Văn-hóa "đề-nghị ngưng ngay việc phát-hành."

Sau đó, hôm 2.7, Hội Âm-nhạc Thành-phố, cơ-quan đứng tên đầu-tiên xuất-bản nhạc của Trịnh Công Sơn đã lên tiếng tự phê như sau: *"Đây là việc làm sai trái với qui-định hiện-hành của Nhà nước về xuất-bản. Hội đã nghiêm-khắc phê-bình những người thực hiện in ấn. Đồng-thời Hội tự phê nhận lãnh trách-nhiệm trước những sơ-suất này đối với cơ-quan quản-lý Nhà nước về công-tác xuất-bản."*

Hội này cũng tự "đề-xuất": *"Xóa tất cả những tên NB (Nhân-bản) ở bìa, ở gáy và trang trong, đồng thời in thêm tên đơn-vị xuất-bản: 'Hội Âm-nhạc Thành-phố', còn phần bài và ảnh in thêm không có gì hại xin để nguyên."*

Dù Hội Âm-nhạc Thành-phố đã "thành khẩn nhận lỗi và sửa sai", ngày 12.7, Sở Văn-hóa vẫn gửi công-văn xuống xưởng in và công-ty phát-hành Fahasa (Phát-hành sách) "yêu-cầu tiếp-tục tạm ngưng phát-hành 3 tập nhạc trên."

Nhắc lại, theo lời Trịnh Công Sơn viết trên báo CS *Đất Việt* xuất-bản tại Gia-nã-đại, anh ta tuy được miền Nam nuôi dạy, nhưng "đã *trở về với nhân-dân* từ năm Mậu-thân 1968." Trịnh Công Sơn viết nhiều bài nhạc phản-chiến, tiêm nọc độc triệt hạ tinh-thần đấu-tranh chống Cộng của giới trí-thức miền Nam, đồng-thời anh ta cũng sáng-tác nhiều bài hát hô-hào sinh-viên Sài-gòn vùng lên theo cách-mạng CS, đại-loại như *"Việt-nam ơi xin hãy vùng lên!"*

Sau 1975, Trịnh Công Sơn tiếp-tục soạn nhạc ca-tụng các công-trình xâm-lăng của CS, như *"Bài ca đường tàu thống nhất"*, hô-hào giới trẻ gia-nhập Thanh-niên xung-phong và xâm-lăng Cao-miên, như *"Em ở nông trường em ra biên giới"*...

Nay có thể trước thế yếu của CS, Trịnh Công Sơn lại chuẩn-bị phất cờ "nhân-bản" để mai kia dễ ăn dễ nói với những người đã có một thời mến mộ anh.

Tin từ Sài-gòn cho biết, dù bị cấm, 3 tập nhạc của TCS vẫn được bày bán công-khai tại các sạp sách báo của Nhà nước mà không hề sửa-chữa như Hội Âm-nhạc tự đề ra. Dù vậy, số bán cũng không cao. Đồng-bào ở quê nhà không buồn để tâm tới sinh-hoạt của những người luôn luôn tự tước bỏ tư-cách nghệ-sĩ, khép mình vào hàng bồi bút, dù dưới bất cứ chế-độ nào. (hhk)

DI-TÍCH CỔ TẠI CỦ CHI

Thông-tấn-xã CSVN loan báo, các nhà khảo-cổ học đã tìm ra 2 rìu đá và 1 cuốc đá cổ 3000 năm tại Củ Chi.

Hai chiếc rìu đá tứ giác này đào được tại ấp Tâm-lanh xã Trung-lập thượng, có lớp patine màu vàng, dài 11,3 phân, dày 2,6 phân; chiếc thứ hai dài 10 phân, dày 2 phân.

Chiếc cuốc đá đào được trong vườn bạch-đàn ấp Phú-hiệp xã Phú-mỹ trung, dài 17,8 phân, lưỡi rộng 9 phân, dày 1,7 phân.

Trước đây các nhà khảo-cổ cũng đã tìm được các cuốc đá tượng-tự tại Gò Cát, Thủ-đức và dốc Chùa, Tân-uyên, Biên-hòa. (hhk)

CSVN: NẠN THAM-NHŨNG VẪN TRƠ TRƠ

Ban chỉ-đạo Quản-lý thị-trường trung-ương trong buổi họp sơ-kết việc chấp-hành chỉ-thị 15/CT-Tư và GĐ-114/Ttg đã kết-luận rằng: *"Công-tác chống lại tham-nhũng chưa đủ liều lượng để tạo ra chuyển biến quan-trọng, và tạo niềm tin mạnh-mẽ trong dân-chúng."*

Người nói câu này là Phó Thủ-tướng VC Phạm Văn Khải. Diễn nghĩa một cách rõ-ràng, là mặc dù chính-phủ hô-hào chống tham-nhũng, nhưng tệ nạn này vẫn cứ trơ-trơ ra đấy không nhúc-nhích, và dân-chúng dĩ-nhiên không tin là chính-phủ thực lòng muốn chống tham-nhũng.

Theo báo *Sài-gòn giải-phóng* số ra ngày 3.8, trong 6 tháng đầu năm 1993, Lực-lượng quản-lý thị-trường phía Nam đã "phát-hiện, kiểm-tra và xử-lý" 71.547 vụ tham-nhũng, trong đó có 18.518 vụ buôn lậu, 449 vụ làm hàng giả và 52.580 vụ kinh-doanh trái phép.

Đã xô đẩy tới hơn bảy chục ngàn vụ mà nạn tham-nhũng vẫn "không có chuyển biến quan-trọng", e rằng con vi-trùng tham-nhũng đã đục mòn cả cái ghế của ông Phó Khải rồi!

THIẾU-NIÊN VN ĐOẠT GIẢI CỜ VUA

Em Đào Thiện Hải, 15 tuổi ở tỉnh Đồng-tháp đã hạ 559 đối-thủ thuộc 75 quốc-gia tham-dự, đoạt giải cờ vua thiếu-nhi tại Praha, nước Slovakia (từ Tiệp-khắc tách ra).

Ngoài Đào Thiện Hải, còn có các em Hoàng Thanh Trang, 13 tuổi ở Hà-nội đoạt huy-chương đồng. (dtn)

ĐÀN VOI RỪNG XUYÊN-MỘC ĐÃ BỊ BẮT HẾT

Sau gần hai tháng bị săn bắt, đàn voi rừng 6 con ở Xuyên-mộc đã bị bắt hết, trong số đó có 2 con đã chết. Số còn lại sẽ bị bán ra ngoại-quốc.

Con voi cái đầu đàn 40 tuổi bị bắt và bứt xiềng thoát chạy được hai lần, cuối cùng bị bắt lại vì không trốn vào rừng sâu mà cứ lẩn-quẩn ở bìa rừng tìm cách đánh tháo cho đồng loại.

Việc voi làm loạn, tàn phá nương rẫy là do tình trạng phá rừng bừa bãi khiến ảnh hưởng trầm trọng đến môi sinh của thú rừng. (dtn)

614 NGƯỜI NHIỄM-TRÙNG LIỆT-KHÁNG

Báo *Sài-gòn giải-phóng* ngày 31.7 loan tin, hiện nay tại VN đã có 614 người nhiễm-trùng liệt-kháng (AIDS), trong đó có 432 người tại thành Hồ. Đây là những trường-hợp có khai báo. Cả nước không mấy ai đi thử máu để tìm bệnh. (dtn)

trong làng

ĐÊM THƠ NHẠC
TÌNH NÀO NHƯ CA DAO

Nhạc-sĩ Trọng Nghĩa và Mộng Lan đã thực-hiện đêm thơ nhạc thính-phòng *Tình nào như ca-dao* vào tối Thứ sáu 4.6 vừa qua tại phòng sinh hoạt Thế kỷ, Westminster, California, qui-tụ nhiều thành-phần khán-giả.

Chương-trình gồm bốn phần: *Hát cho quê-hương và thuyền-nhân, Hát cho tình-yêu, Thiền-ca* và ngâm thơ.

Điểm đặc-biệt là tất cả những ca-khúc trong buổi trình-diễn (phần lớn của Trọng Nghĩa), đều là các bài thơ phổ nhạc, do Trọng Nghĩa hát và ngâm, Mộng-Lan đệm đàn.

Các bài hát nổi bật trong chương-trình gồm: *Những con thuyền lang-thang* (thơ Vũ Kiện, nhạc Trọng Nghĩa); *Tôi xa người* (thơ Du Tử lê, nhạc Phạm Anh Dũng); *Em là ai* (thơ Cung Vũ, nhạc Trọng Nghĩa); *Tiễn biệt* (thơ Nguyên Sa, nhạc Trọng Nghĩa); *Thanh-tịnh khúc* (thơ Thái Tú Hạp, nhạc Trọng Nghĩa) và *Như cánh nhạn về* (thơ Cung Vũ, nhạc Trọng Nghĩa).

Trong bài viết đăng trên tạp-chí *Việt báo kinh-tế* ấn-bản cuối tuần 4.6, nhà thơ Nguyên Sa trình-bày cảm-xúc của ông khi nghe thơ phổ nhạc của Trọng Nghĩa như sau:

"Lần đầu tôi vỗ tay, có những nhịp của lễ nghi, của lịch-sự, xen kẽ với những nhịp dập của trái tim. Tới Nguyễn Mạnh Trinh, tới Cung Vũ, hoàn-toàn rộn-rã những nhịp đập của trái tim.

Nhịp tim trong bàn tay, vào lúc Trọng Nghĩa trình-bày xong bài Nghĩa phổ nhạc thơ Cung Vũ, đột-nhiên có cả tuổi trẻ, và cả sự hào-hứng..."

Được biết, Trọng Nghĩa đi hát từ năm 15 tuổi và đã sớm thành danh tại quê nhà trước 1975. Sau cuộc đổi đời, anh vượt biên sang Gia-nã-đại, định cư tại Montréal 8 năm trước khi dọn xuống California và lập gia-đình cùng Mộng Lan. Lúc sau này Trọng Nghĩa viết rất nhiều nhạc, và được chú-ý đặc-biệt trong loạt thiền-ca, với các bài như *Thanh-tịnh-khúc* (thơ Thái Tú Hạp), *Tôi lạy suối nguồn* (thơ Cung Vũ),.. (hhk)

ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

Phạm Anh Dũng, một nhạc-sĩ trẻ vừa rời Việt-nam chưa lâu, đã trình làng đĩa nhạc (compact-disc) đầu-tiên của anh, *Đưa người về phương Đông*, gồm 12 ca-khúc của anh, qua các giọng hát của Thiên Phượng, Duy Trác, Mai Hương, Tuấn Ngọc, Lệ Thu, Thái Hiền, Trọng Nghĩa, Quỳnh Giao và chính tác-giả, Phạm Anh Dũng.

Trong 12 ca-khúc rất trang-trọng này, có 6 bài là thơ phổ nhạc, thi-phẩm của Du Tử Lê, Nguyên Sa, Y Dịch, Bích Huyền và Cung Vũ. Thành-công nhất, có lẽ là bài *Tôi xa người* (phổ từ thơ Du Tử Lê); nhưng được tác-giả thích nhất, là bài *Đưa người về phương Đông* (thơ Cung Vũ).

Phần hòa-âm và phối-khí do Duy Cường đảm-trách, cùng với nhiều tiếng hát già dặn trong nghề bảo-đảm cho giá-trị của đĩa nhạc. *Đưa người về phương Đông* đã được bày bán tại các hiệu băng nhạc Việt-nam trên khắp thế-giới. (hhk)

RA MẮT SÁCH CỦA NHÀ VĂN LÊ VĂN LÂN TẠI PHILADELPHIA, HOA-KỲ

Ngày 11.7. 93, Nhóm Văn Hữu Philadelphia & New Jersey đã tổ chức ra mắt tác phẩm *"Bút Khảo Về Ăn"* của nhà văn Lê Văn Lân tại nhà hàng Việt Nam Palace, thành phố Philadelphia (Hoa kỳ).

"Bút khảo về Ăn " là tác phẩm đầu tay của nhà văn kiêm bác sĩ Lê Văn Lân do *Làng Văn* xuất bản và phát hành. Tác giả rất quen thuộc với độc giả *Làng Văn* với những bài biên khảo công phu, mới lạ, độc đáo qua những đề-tài thú-vị.(kt)

VIỆT PHƯƠNG VÀ *"TRƯỚC BẾN VÂN LÂU"*

Một buổi sinh hoạt cộng đồng long trọng đã được tổ chức tại nhà hàng Chinese Kitchen (Dallas, Texas) để ra mắt tác phẩm *"Trước bến Vân Lâu"* của nhà văn trẻ Việt Phương.

Buổi lễ do Hội Các Bà Mẹ VN tại Dallas bảo trợ, có mặt đông đảo các thân hào nhân sĩ, báo chí và văn giới trong cộng đồng địa phương.

"Trước bến Vân Lâu" là tuyển tập truyện ngắn của Việt Phương do *Làng Văn* xuất bản. Nội dung, như tên tập truyện, xoay quanh những thăng trầm của lịch sử và nhân vật của thành phố Huế, quê hương tác giả. Nhà văn Nguyễn Hương (Dallas) trong buổi sinh-hoạt, nêu ra nhận-xét: *"các truyện ngắn trong "Trước bến Vân Lâu" buồn lâng lâng man mác. Không phải cái buồn của tuyệt vọng chán chường... Đây đó người đọc thấy loé lên những điểm rực sáng của niềm tin... "* (kt)

Đọc và cổ-động
LÀNG VĂN
tờ báo của
gia-đình bạn

Đứng Ra Tổ-Chức Hội-Thảo, Mời CSVN Sang Diễn-Thuyết, Nhóm "Vietnam Forum" Gặp Phản-Ứng Mạnh

Kiên Trung & Dương Thượng Ngã

Gần đây tại hải-ngoại xuất-hiện một phong-trào tổ-chức hội-thảo, lấy đề-tài chung là *"Vai trò của người Việt hải ngoại trong công cuộc tái thiết đất nước"*. Nhiều nhóm khác nhau đã liên-tiếp tổ-chức hội-thảo cùng một đề-tài này. Có nhóm còn dự-định mời cả cán-bộ cao-cấp của CSVN sang thuyết-trình, điển-hình là nhóm *Vietnam Forum* của Phạm Đức Trung Kiên. Dĩ nhiên là cộng-đồng VN ở hải-ngoại phản-ứng quyết-liệt để chống lại.

Nhóm Vietnam Forum dự định tổ chức hội-thảo tại Hoa Thịnh Đốn (Hoa Kỳ) trong hai ngày 7 và 8 tháng 9.93. Tuy nhiên chỉ trong vài ngày sau khi tin tức về cuộc hội thảo được thông báo, hàng trăm đảng phái, hội đoàn chính trị và văn hoá, xã hội Việt Nam trên khắp nước Mỹ đã đồng loạt ra thông cáo, tuyên cáo, tuyên bố chung và riêng tẩy chay và lên án cuộc hội thảo.

Các tổ chức của người Việt ở hải-ngoại nhận-định rằng, cuộc hội thảo của nhóm *Vietnam Forum "có mục đích để nhiều cán bộ CSVN có cơ hội tuyên truyền bịp bợm trước dư luận thế giới"* (bản lên tiếng của tập thể người Việt tị nạn tại miền Nam Cali); *"tạo sân khấu cho CS múa may tại đây* (Hoa Kỳ)" (giới truyền thông VN tại Hoa Thịnh Đốn) ; *"trong thời gian chuẩn bị đã gây ra nhiều phản ứng sôi nổi trong cộng đồng ...có hậu quả làm phân hoá cộng đồng đúng vào lúc cộng đồng đang cần được kết hợp chặt chẽ thành một khối nhất trí hầu có thể góp phần tạo áp lực buộc chế độ Hà nội thay đổi theo chiều hướng dân chủ."* (Hội Chuyên Gia VN); *"âm mưu dùng người Việt hải ngoại để tuyên truyền trong chính giới Hoa kỳ, cũng như để chiêu dụ tập thể người Việt hải ngoại và phỉnh gạt đồng bào trong nước."* (Tổ chức Tranh-đấu Dân-chủ cho VN) ...

Những nhận định trên được đưa ra vì:

- cuộc hội thảo được tổ chức đúng vào thời điểm CSVN đang tích cực vận động xin viện trợ và đầu tư, quảng cáo món hàng đổi mới và đang nín thở chờ xem Hoa kỳ có quyết định hủy bỏ cấm vận hay không (đầu tháng 9),

- thành phần "thuyết trình viên" trong hội thảo về phía VC có tới 7 cán bộ cao-cấp trong bộ Chính-trị Trung-ương đảng CSVN, phủ Thủ Tướng, bộ Ngoại Giao, đến bộ Nội vụ, Ủy ban Việt kiều Trung ương (Mặt trận Tổ quốc).

Trong khi đó, về phía người Việt hải ngoại, các thuyết trình viên hầu hết là những chuyên viên (các ông Phạm Văn Thuyết, Nguyễn Mạnh Hùng, Phạm Đức Minh Trí, Phạm Đức Trung Kiên, Nguyễn Hữu Xương, BS Trần Ngọc Ninh, bà Lê Thị Ngoan, bà Tôn Nữ Tường Vi), không có một người nào đại diện cho cộng đồng, nhất là không hề có một người nào có đủ trình-độ chính-trị và kinh-nghiệm đối đầu với CSVN, để chống lại, tẩy rửa nọc độc tuyên-truyền của CS.

- các đề tài hội thảo không hề nhắc nhở đến tình trạng nhân quyền và dân chủ ở VN mà chỉ gồm: *"nguyện vọng của người Việt hải ngoại mong được đóng góp vào tiến trình phát triển VN, những trở ngại cho người Việt hải ngoại trong việc tái thiết VN, những bước đưa đến sự hiểu biết lẫn nhau hơn và đóng góp tích cực hơn của người Việt hải ngoại..."*

Trước phản-ứng quyết-liệt của cộng-đồng người Việt, nhóm Vietnam Forum ra *"Thư ngỏ gửi đồng bào hải ngoại"*, phân bua rằng:

- Buổi hội thảo có hai mục tiêu rõ rệt:

Thứ nhất là tạo ra một cơ hội trực diện để cộng đồng người Việt Hải ngoại và đại diện chính quyền Hà nội phát biểu trong tinh thần xây dựng thẳng thắn và cởi mở về vai trò của người Việt hải ngoại trong công cuộc tái thiết quê hương.

Thứ nhì là cùng nhận diện những khác biệt về ý thức hệ và những trở ngại khó khăn từ địa phương cho đến chính sách chung, đã và đang khiến cho người Việt hải ngoại không tích cực tham gia vào việc tái thiết đất nước. Đồng thời rút tỉa những đề nghị và phương thức thoả đáng để giải quyết những nỗi trở ngại nói trên".

Nhóm *Vietnam Forum* cũng phàn nàn rằng họ bị *giới báo chí và các vị thuộc thế hệ cha anh* ở Hoa Thịnh Đốn phản phé. Nhóm này cho biết, họ đã *"báo tin và tham khảo ý kiến"* các vị này hồi giữa tháng 7, nhưng sau đó các vị này vẫn quay mặt lên án họ và chụp mũ *"nỗ lực công minh chính đại"* của họ *"thay vì hỗ trợ, giúp ý kiến ... trong lúc chúng tôi tham gia vào việc vận động dư luận quốc tế để cải thiện đời sống của 70 triệu đồng bào trong nước"*.

Nhà báo Chử Bá Anh tại Hoa-

thịnh-đốn cho biết, nhóm này thực-sự có hỏi ý-kiến ông, nhưng ông đã thẳng-thắn trả lời "không" và khuyên họ "đừng làm." Ngoài ông Anh, nhóm này còn dò ý một vài người khác, nhưng không ai ủng-hộ cái kế-hoạch "tiền-chế" của họ.

Cần nói thêm tổ chức *Vietnam Forum* do ông Phạm Đức Trung Kiên (ở Texas) làm chủ tịch đưa ra các mục tiêu: *Khuyến khích các hoạt động giáo dục cho quần chúng những vấn đề thời sự liên quan đến VN; khuyến khích các chương trình văn hoá nghệ thuật VN; khuyến khích người Việt hải ngoại đóng góp vào tiến trình cải tổ và tái thiết VN.*

Cuộc hội thảo do *Vietnam Forum* tổ chức dưới sự bảo trợ của Sasakawa Peace Foundation, một bộ phận của tổ chức tài phiệt Nhật Bản nấp dưới tên một cơ quan làm công tác hoà bình với mục tiêu tạo thanh thế cho công ty Sasakawa đang hoạt động tại thị trường VN. Theo bản công bố của Tổ chức Tranh đấu Dân chủ cho Việt Nam (Cali), cùng tham gia tổ chức cuộc hội thảo này còn có Lê Bằng (Đại sứ VC tại New York) và Võ Khắc Nhụ (Vụ Châu Mỹ, bộ Ngoại giao Hà nội).

Trước phản-ứng bất-lợi của cộng-đồng, nhóm *Vietnam Forum* tuyên bố hoãn vô hạn định việc tổ chức hội nghị và ra thư ngỏ chỉ-trích cộng-đồng bằng nhiều lời-lẽ gay-gắt. Mặt khác, một thành viên của *Vietnam Forum* tiết-lộ rằng họ lại vẫn tiếp tục mời phái đoàn Hà nội.

Ngoài ra, tin mới nhất cho biết, không riêng gì nhóm Vietnam Forum vì đứng ra tổ-chức mời VC sang Mỹ nói chuyện nên bị cộng-đồng phản-đối, những người nhận lời thuyết-trình chung với cán-bộ CSVN cũng bị xa lánh.

Hội Chuyên-gia Việt-nam sau đó đã thông-báo hủy-bỏ phần thuyết-trình của GS Phạm Văn Thuyết tại Đại-hội thế-giới chuyên-gia VN, lý do là vì ông Thuyết có tên trong danh-sách thuyết-trình-đoàn của Vietnam Forum, bên cạnh 7 cán-bộ cao-cấp của VC. (kt&dtn)

Bà Irina Zisman, Giám-Đốc Đài Phát-Thanh "Hi-Vọng" Mạc-Tư-Khoa Họp Báo Việt tại Quận Cam

Bà Irina Zisman, Giám-đốc đài phát-thanh Hi-vọng Mạc-tư-khoa (tức đài Tiếng nói tự-do trước kia) đã họp báo Việt hôm 14.8 vừa qua, ngay tại trụ-sở Ủy ban yểm-trợ trung-ương (cũ) để trình-bày một số vấn-đề liên-quan tới hoạt-động của đài và bạch hóa mối liên-lạc của bà với Tổ-chức Phục Hưng.

Buổi họp báo được mở rộng cho các hội-đoàn cộng-đồng VN tham-dự.

Trong buổi họp báo, bà Zisman thông-báo và giải-thích về việc đổi tên đài, theo bà, chỉ là một biện-pháp hành-chánh nhằm tránh né bớt áp-lực của sứ-quán VC, tác-động lên guồng máy hành-chánh Nga.

Về trường-hợp xướng-ngôn-viên Hoàng Dung, vốn là du-sinh VN, bà cho biết, chính-phủ Nga đã chính-thức cho phép cô ở lại nước Nga và từ nay sứ-quán VC sẽ không thể làm khó dễ cô như trước.

Về mối liên-lạc giữa đài và Tổ-chức Phục Hưng, bà cho biết Tổ-chức này không hề áp đặt đường lối chính-trị của họ lên sinh-hoạt của đài (trong thực-tế, trước khi bà Zisman chính thức ra mắt, Tổ-chức Phục Hưng luôn luôn tạo ấn-tượng sai lầm trong quần-chúng VN rằng đài Tiếng nói tự-do là của họ). Nhưng bà Zisman nói thêm, bà rất "đau buồn" vì do mối liên-lạc mật-thiết giữa đài và Tổ-chức Phục Hưng trước đó, một số tổ-chức chính-trị không muốn yểm-trợ Đài.

Về lập-trường của đài Hi-vọng, bà Zisman nhắc lại quan-điểm đấu-tranh cho tự-do và nhân-quyền tại VN. Với kinh-nghiệm của một người đã sống nửa đời trong chế-độ cộng-sản, bà thấy chủ-trương hoà-hợp hòa-giải với cộng-sản chẳng những không thực-tế mà còn là một điều nhục-nhã. Nhân-dân trong nước VN không mong muốn hòa-hợp hòa-giải với cộng-sản. Mục-tiêu tranh-đấu của đài Hi-vọng cũng không phải chỉ đòi đảng Cộng-sản VN phải nhượng-bộ, mà đòi họ phải giải-thể.

Buổi họp báo trở nên gay-gắt khi đại-diện của nguyệt-san *Thế-giới Ngày nay* ở Wichita chất-vấn Tổ-chức Phục Hưng về việc sử-dụng đồng tiền quyên góp do đồng-bào yểm-trợ Đài gửi về cho Ủy ban trung-ương. Sự nóng-nảy quá đáng của nhiều vị lãnh-đạo Tổ-chức Phục Hưng đã khiến cho buổi họp chừng như sắp tan vỡ, nhưng nhờ sự khéo-léo của bà Zisman, trật-tự đã vãn-hồi dần dần.

Một vị trong Ủy ban yểm-trợ đã cầm một nắm giấy giơ lên giảng giải này là tiền đăng quảng-cáo cho Đài, nọ là hóa đơn mua... quần áo tặng bà Zisman khi thấy bà sang Mỹ chỉ với hai bộ quần-áo. Bà Zisman cười buồn, trả lời: *"Tôi không bao giờ quên ngày... con lọ-lem Nga tới đây đã được mọi người thương-mến, và được chị Ng. đưa đi mua sắm ít quần-áo. Nhưng, hôm nay tôi mới được biết Ủy ban đã tính tiền ấy vào khoản mua... thiết-bị cho Đài!"*

Sau đó một vị khác cũng thuộc

Ủy ban yểm-trợ trung-ương đứng lên đọc một văn-thư do ông Đặng Cao Thăng gửi bà Irina Zisman, yêu-cầu bà hội-ý với Ủy ban trước khi phát-thanh tin-tức liên-quan đến các đảng-phái khác (!)

Nghe tới đó, một vị ở cuối phòng họp đứng dậy phát-biểu: *"Sau khi nghe trình-bày một số việc làm của Ủy ban, tôi nghĩ Ủy ban giải-tán là phải! Chuyện phải hỏi ý-kiến Ủy ban trước khi loan tin là chuyện vô-lý, làm chậm-trễ việc thông-tin, và việc dùng tiền quyên-góp để đăng quảng-cáo thật đáng xấu-hổ. Cứ để cho những ai muốn yểm-trợ Đài thành-lập những nhóm nhỏ và gửi thẳng tiền cho Đài."*

Lời phát-biểu sau cùng của vị khách nói trên chính là mong muốn của những bạn đường chiến-đấu bên cạnh đài Hi-vọng.

Tình-hình tài-chánh của Đài hiện nay rất nguy-khốn vì nợ-nần chồng-chất. Việc thành-lập các nhóm Bạn của đài Hi-vọng cần được xúc-tiến gấp để giữ vững tiếng nói tự-do phát về quốc-nội qua làn sóng của Mạc-tư-khoa.

Mô-thức hoạt-động được đề ra là các địa-phương lập các nhóm nhỏ, qui-tụ những người bạn của Đài, đóng-góp thường-xuyên mỗi tháng 10 mỹ-kim, gửi trực-tiếp về địa-chỉ của Đài ở Mạc-tư-khoa. Chỉ cần 800 trong số hai triệu người Việt lưu-vong hợp sức nhau sẽ giúp đài Tiếng nói Hi-vọng làm tròn sứ-mạng thông-tin, tranh-đấu cho chính dân-tộc Việt.

Địa-chỉ liên-lạc của Đài:
Radio Nadejda
121069 Moscow
Novinsky Bulvar 18/257
Russia.

Về các hội Bạn của đài Hi-vọng, hiện nay tại Montréal có nhóm của Bác-sĩ Lâm Thu Vân tại Montréal và nhóm của ký-giả Sơn Tùng tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn. Các bạn muốn thành-lập các nhóm Bạn của đài Hi-vọng, có thể liên-lạc thẳng về Đài (viết thư bằng chữ Việt), hoặc liên-lạc các nhóm bạn ở Montréal và D.C. (dtn, theo tài-liệu của st).

ngoài ngõ

THÊM MỘT CUỘC HỘI-THẢO QUẢNG-CÁO CHO VC BỊ TẨY CHAY

Nằm trong kế-hoạch ve-vãn người Việt về nước du-lịch và đầu-tư, một "Việt-kiều" tên Vũ Đức Vượng đã lấy danh-nghĩa "Phòng Thương-mãi Đông Nam Á" đứng ra tổ-chức một cuộc hội-thảo tại San Jose, California, Hoa-kỳ hôm 12.8, để quảng-cáo cho CSVN. Việc tổ-chức đã gặp trở-ngại lớn, vì cả ba người bị ghi đại tên vào thuyết-trình-đoàn đã lên tiếng xác-nhận là không hề nhận lời thuyết-trình trong buổi này.

Dù vậy, để cứu vãn tình-hình, ông Vượng vẫn cho tiến hành cuộc hội-thảo và mời hai "Việt kiều" ăn phải bả CS tới trám chỗ, nói chuyện về tình-trạng giáo-dục và y-tế tại VN.

Trong hội-trường rộng thênh-thang chỉ có 30 người ngồi, trong đó có hơn phân nửa tới để chất-vấn và phản-đối ban tổ-chức.

Hiện nay phong-trào hội-thảo quảng-cáo cho CSVN được rầm-rộ tổ-chức hầu như đồng loạt trên thế-giới. VC khôn-khéo lợi-dụng sự nhiệt-tình của giới trẻ Việt vốn giàu lòng yêu nước nhưng thiếu kinh-nghiệm đối đầu với cộng-sản, đứng ra cầm biển quảng-cáo *"tái-thiết Việt-nam"* (nhưng kỳ thực là làm giàu cho lớp cán-bộ cao-cấp đang chuẩn-bị bỏ trốn ra ngoại-quốc). (theo cba)

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG HỘI CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VN TẠI HOA KỲ

Trong tháng 7. 93, Tổng Hội Cựu Tù-nhân Chính-trị VN tại Hoa kỳ đã tiếp xúc với các giới chức cao cấp của bộ Ngoại Giao Hoa kỳ để vận động chính phủ HK tiếp tục áp lực buộc Hà nội tôn trọng nhân quyền. Ngày 23.7, ông Đào Văn Bình, Chủ tịch ban Chấp-hành Tổng Hội đã trao cho ông James H. Hall, Giám đốc Á Châu Sự Vụ, Thỉnh Nguyện Thư của Đại hội III Tổng hội để nhờ chuyển lên Tổng thống Clinton. Nội dung thỉnh nguyện thư yêu cầu TT Clinton thực hiện những cam kết của ông với cộng đồng Việt ở HK khi vận động tranh cử là đặt vấn đề dân chủ, tự do và nhân quyền trong tiến trình bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Hà nội.

Trong cuộc hội kiến với cựu đại sứ Jimmerman Warren (Giám đốc nha Định cư bộ Ngoại Giao) và bà Ann Morgan (Giám đốc sở Huấn luyện bộ Ngoại-giao), phái đoàn Tổng Hội Cựu Tù-nhân Chínht-trị VN tại Hoa kỳ đã cám ơn bộ Ngoại-giao HK đã giúp đỡ chương trình HO tiến triển đồng thời kêu gọi Bộ giúp Tổng Hội thành lập những trung tâm sinh hoạt cho cựu tù-nhân chính-trị VN.

Dịp này, phái đoàn đã được bộ Ngoại-giao Hoa kỳ thông báo việc giải tán trại Bataan, Phi-luật-tân, trước nay vẫn dành cho cựu tù HO đi HK tạm trú.

Cùng ngày, ông Đào Văn Bình, bà Khúc Minh Thơ, bà Xuân Lan và một số cựu tù nhân chính trị 17 năm tù gồm cựu luật sư Nguyễn Khắc Chính, cựu đại tá Nguyễn văn Của, cựu trung tá Nguyễn văn Ngưu đã gặp ông Kenneth Quin, Phụ tá Thứ trưởng Ngoại giao HK để nghe trình bày về chuyến đi VN của ông Quinn và ông Winston Lord (thứ trưởng

đặc trách Á châu). Trong dịp này, phái-đoàn Tổng Hội Cựu Tù-nhân Chính-trị VN tại Hoa kỳ đã trao cho ông Kenneth Quinn danh sách 105 tù nhân chính trị bị Hà nội kết án tù từ 10 năm đến chung thân và hiện bị giam giữ tại Hàm Tân. Danh sách này là số tên tuổi mà các tù nhân chính trị mới được phóng thích đã thu thập được trong tổng số 850 người bị giam giữ trong hai trại ở miền Nam. (kt)

KS NGUYỄN SĨ BÌNH SẼ TIẾP TỤC ĐẤU TRANH

Ngày 2.7.93, kỹ sư Nguyễn Sĩ Bình đã về tới Hoa kỳ sau hơn một năm bị CS VN giam cầm.

Lên tiếng trước những người đón tiếp ông tại Los Angeles và San Francisco, ông Bình cho biết ông sẽ tiếp tục đường lối đấu tranh với CS đòi hỏi một chế độ đa đảng và tự do tại VN.

Theo ông Bình việc ông được trả tự do là kết quả của các áp lực đấu tranh bên ngoài, ý chí của người tù chính trị từ bên trong và hoàn cảnh của CSVN hiện nay. Ông cám ơn các đồng bào thân hữu VN, các tổ chức ân xá, nhân quyền, các chính trị gia Hoa kỳ đã tranh đấu cho ông được tự do, tuy nhiên ông bày tỏ mối lo ngại cho số phận của những chiến hữu đảng Nhân-dân Hành-động của ông còn nằm trong các nhà tù CS.

Kỹ sư Nguyễn Sĩ Bình tị nạn tại Hoa Kỳ năm 1975, về nước năm 1988 để tổ chức đảng Nhân-dân Hành-động đấu tranh theo đường lối bất bạo động, không vũ trang. Ông bị VC bắt ngày 25.4.92 tại Sài gòn cùng 16 đảng-viên. (kt)

ĐẠI HỘI QUỐC TẾ CHUYÊN GIA VN 1993

Gần 400 chuyên gia VN đã dự đại hội Quốc tế Chuyên Gia VN 1993 tại khách sạn Marriott, (Washington, Hoa kỳ) trong các ngày 6, 7 và 8 tháng 8, 1993.

Đại hội mang chủ đề *"Canh tân VN: thực trạng và hướng giải quyết tương lai"* với các đề tài đều tập trung vào các biện pháp xây dựng đất nước, từ hạ tầng cơ sở đến kinh tế, giáo dục.

Các chuyên gia VN tại hải ngoại đã đồng ý với nhau rằng họ chỉ thực sự giúp ích được cho tổ quốc và nhân dân VN khi đất nước có tự do, dân chủ và nhân quyền.

Trả lời phỏng vấn của báo chí ngoại quốc, Giáo sư Vũ Quý Kỳ, Hội trưởng Hội Chuyên-gia Việt-nam nói: *"Guồng máy chính trị phải được sửa đổi trước khi canh tân đất nước."* Các chuyên gia VN đã thông báo cho nhau về thực trạng của những cái gọi là "công cuộc cải cách", "chính sách mở cửa" và "thành tâm mời gọi Việt kiều hải ngoại về đóng góp xây dựng đất nước" của chính quyền CS (kt)

VẬN-ĐỘNG NOBEL HOÀ-BÌNH CHO BS NGUYỄN ĐAN QUẾ

Sau vụ điều-trần của BS Nguyễn Quốc Quân tại Thượng-viện Hoa-kỳ, một ủy-ban vận-động giải Nobel Hòa-bình cho BS Nguyễn Đan Quế đã được thành-lập, qui-tụ nhiều dân-biểu, nghị-sĩ và nghiệp-đoàn Hoa-kỳ.

Ngoài ra, Nghị-sĩ Charles S. Robb, thuộc Á-đông Thái-bình-dương sự vụ của Thượng-viện Hoa-kỳ trong chuyến công-du Á-đông của ông, đã yêu-cầu CSVN cho ông vào nhà lao Xuân-lộc thăm BS Nguyễn Đan Quế. CSVN chấp-thuận, đã sắp-xếp và thông-báo ngày, giờ, địa-điểm cho Nghị-sĩ Charles Robb trước khi ông rời Hoa-kỳ. Nhưng với bản-chất lật-lọng thường-lệ, khi ông Robb đổ đường tới tận nơi, CSVN trơ-tráo rút lại lời hứa, khiến ông nghị đi không rồi lại về không. (dtn)

ĐẠI-HỘI THẾ-GIỚI PHONG-TRÀO HƯNG CA VN

Đại-hội thế-giới kỳ IV của Phong-trào Hưng Ca Việt-nam sẽ nhóm tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn (Hoa-kỳ) thay vì tại Cựu-kim-sơn như bản tin đã loan trên *Làng Văn* trước đây. Hai ngày họp không thay-đổi, là 9 và 10.10.1993.

Đại-hội sẽ tổng-kết hoạt-động trong thời-gian hai năm 1991-1993, thảo-luận chương-trình hoạt-động sắp tới và bầu ban chấp-hành mới.

Ngày 10.10, Đại-hội sẽ thực-hiện chương-trình văn-nghệ cộng-đồng *Trả ta sông núi*, với các trưởng và thân-hữu Hưng Ca từ khắp nơi trên thế-giới về hát, như Bạch Yến & Trần Quang Hải, Nguyệt Ánh, Đoàn Chính, Nguyễn Hữu Nghĩa, Huỳnh Công Ánh, Việt Dzũng, Trọng Nghĩa & Mộng Lan, v.v.

Muốn biết thêm chi-tiết về Đại-hội, xin liên-lạc Nguyệt Ánh (Phong-trào phó, trưởng ban tổ-chức), điện-thoại: (703)-533-0264, điện thư: (703) 532-7453.

NGÀY NHÂN-QUYỀN CHO VIỆT-NAM

Năm tôn-giáo và 49 đoàn-thể vùng Tây-Bắc Hoa-kỳ đã tổ-chức tuyệt-thực và tuần-hành tranh-đấu cho nhân-quyền Việt-nam vào hai ngày 9 và 10.9 vừa qua tại Seattle, tiểu-bang Hoa-thịnh-đốn, với hàng ngàn người dự.

Lãnh-đạo hàng-ngũ tôn-giáo, có Thượng-tọa Thích Minh Tuyền, Thượng-tọa Thích Nguyên An, Linh-mục Phan Văn Trọng, Mục-sư Đào Minh Tường, ông Võ Minh Tá (Cao-đài) và ông Võ Tài Năng (Hòa-hảo). Giới lãnh-đạo chính-trị, có Tiến-sĩ Lê Phước Sang (Hội-đồng Việt-nam Tự-do) và cụ Phan Như Toản (Chủ-tịch Việt-nam Quốc-dân đảng). Phía những người bạn Mỹ, có Dân-biểu Wayne Gilchrest (Chủ-tịch Ủy ban đặc-nhiệm lưỡng viện Quốc-hội về vấn-đề Việt-nam).

Trong dịp đấu-tranh này, một nhân-sĩ cộng-đồng đã trao tặng cụ Phan Như Toản và TS Lê Phước Sang cặp bảo đao có khắc chữ *"Trừ Gian"* và *"Sát Cộng"* trước sự hoan-hô của đồng-bào. (dtn)

tin tị-nạn

. *Kiên Trung* phụ-trách

HƯƠNG CẢNG : NHỮNG BIỆN PHÁP 'KHUYẾN KHÍCH' HỒI HƯƠNG MỚI

Cao ủy Tị nạn Liên-hiệp-quốc và nhà cầm quyền Hương cảng đã bắt đầu áp dụng những thủ đoạn mới nhằm thúc đẩy thuyền nhân VN tại các trại ở Hương cảng hồi hương. Đây là những cố gắng để thực hiện bước cuối cùng của Kế hoạch Toàn diện (CPA) nhằm chấm dứt vấn đề thuyền nhân VN.

Các biện pháp mới tập trung nhắm vào hai mặt: tâm lý và kinh tế. Về mặt tâm lý, chính quyền Hương Cảng và Cao ủy Tị nạn Liên-hiệp-quốc thay đổi cách thuyết phục thuyền nhân. Thay vì vận động hồi hương chung như trước đây, họ sẽ nhắm vào từng cá nhân, từng gia đình bằng cách bẻ gãy quan hệ cộng đồng, chỗ dựa của thuyền nhân để đấu tranh trước nay. Một tài liệu của Cao ủy Tị nạn Liên-hiệp-quốc cho thấy họ đã dự tính tuyển dụng thêm nhiều nhân viên xã hội *(counsellor)* từ cấp chỉ huy đến nhân viên thông dịch để "hướng dẫn" thuyền nhân, từng người một, ràng chẳng có gì tốt hơn cho người tị nạn bằng việc tự nguyện hồi hương. Việc này khá tốn kém, các nhân viên tuyển mới, theo kế hoạch, sẽ được trả lương gấp bốn lần mức lương cũ, và tiền lương của họ lấy từ đóng góp của quốc tế nhằm lo cho quyền lợi và an sinh của người tị nạn!

Về mặt kinh tế, ngày 23.7, Cao ủy Tị nạn Liên-hiệp-quốc ra thông báo cho biết thuyền nhân bị đánh rớt thanh lọc nếu không tình nguyện hồi hương trong vòng 90 ngày từ khi nhận được quyết định sẽ bị cắt tiền trợ cấp tái hội nhập - dĩ nhiên vẫn bị cưỡng bức hồi hương - từ 360 mỹ kim xuống 240 mỹ kim.

Quyền Cao ủy trưởng tại Hương Cảng, ông Kaiser Zaman tuyên bố rằng cộng đồng thế giới và Hương Cảng hết chịu nổi gánh nặng người Việt tại đây, công tác thanh lọc trên khắp thế giới đã hoàn tất, những người còn ở trại không phải là người tị nạn và 4000 người "tự nguyện hồi hương" từ Hương Cảng là một con số quá thấp.

Kế hoạch mới này đã bị chỉ trích nặng nề từ nhiều phía. Bà Pam Baker, Chủ tịch tổ chức Refugee Concern Hongkong, nhận định *"Cũng vậy thôi, họ chỉ cố làm cho đời sống người tị nạn thêm cơ cực để buộc họ phải ra đi. Đây chỉ là một bước trước việc cưỡng bức... Thủ tục thanh lọc hoàn toàn sai, những người này (thuyền nhân) nếu không phải là tị nạn thì họ đâu có đến đây."* Giám đốc Oxfarm Hongkong John Torgrimson ủng hộ Cao ủy nhưng không tin tưởng vào kết quả của các biện pháp mới vì "người tị nạn đã thích ứng được với hoàn cảnh sống cơ cực trong các trại."

Con số thuyền nhân VN còn tại các trại ở Hương Cảng tính đến giữa tháng 7. 93 là 38.233 người, có 33.622 người đã bị thanh lọc đánh rớt. Ngày 12. 7. 93, chính quyền Hương Cảng đã âm thầm đưa thêm 50 người về VN theo hình thức cưỡng bách (trước đây, các chuyến bay này đều được thông báo cho báo chí). Trong năm 1993 chỉ có 4.000 người "tự nguyện hồi hương". (kt)

"NẠN KIỀU 1979" ĐỔ VÀO HƯƠNG CẢNG

Chính quyền Hương Cảng đang điên đầu vì số "thuyền nhân" mới ào ạt đổ vào Cảng thơm trong các tháng gần đây. Những thuyền nhân mới này hầu hết là người Việt gốc Hoa, đến từ Beihai, tỉnh Quảng tây, Hoa Lục. Họ là những "nạn kiều" bị Việt cộng xua đuổi hồi năm 1979, đã được nhà cầm quyền Trung cộng nhận định cư, đưa vào các nông trường ở các vùng thôn quê. Gần đây, do sự phát triển kinh tế tại Quảng tây, họ bỏ nông trường, lên tỉnh kiếm việc và tạo thành một cộng đồng hàng chục ngàn người sống trong các nhà ổ chuột tại Beihai. Gần đây, chính quyền Beihai đã san bằng các khu gia cư của họ nhằm buộc họ trở về quê đồng thời lấy đất phát triển đô thị. Số "nạn kiều" lại phải tiếp tục lên đường, lần này, họ dùng thuyền sang Hương Cảng.

Tính đến giữa tháng 7.9 có đến gần hai ngàn người, được gọi là "Ex-China Vietnamese Illegal Immigrants" đến Hương Cảng và bị nhốt trong các trại trước đây dành cho thuyền nhân VN, hiện bỏ trống.

Hương Cảng một mặt yêu cầu chính phủ Hoa Lục nhận lại cấp tốc số "thuyền nhân" mới này, một mặt cầu cứu Anh quốc tiếp sức giải quyết. Cho đến nay, chính quyền Beihei đồng ý trên nguyên tắc nhưng yêu cầu phải cho họ "xác minh lý lịch" những người này trước khi nhận lại. Việc xác minh lý lịch xem ra không dễ dàng vì toàn thể "tân thuyền nhân" đều không có giấy tờ gì cả. Trong số này, có thể có cả những người dân các tỉnh khác muốn nhân cơ hội vào sống ở Beihei, một khu vực đời sống khá hơn vì kinh tế của tỉnh Quảng tây đang phát triển phồn thịnh.

Cần nhớ lại hồi năm 1979, đã có gần 300 ngàn người Việt gốc Hoa bị

Việt cộng khủng bố phải chạy về Trung Hoa và được Trung cộng cho nhập cư. (kt)

HƯƠNG CẢNG BỒI THƯỜNG CHO THUYỀN NHÂN TÀU 101

Ngày 30.7. 93, Toà án Hương Cảng đã kết thúc vụ tàu 101 kiện chống chính phủ Hương Cảng, phán quyết chính phủ phải bồi thường cho 7 thuyền nhân VN 205.100 đô la Hương cảng.

Câu chuyện xảy ra hồi năm 1989, khi chiếc tàu vượt biên của thuyền trưởng Phạm Văn Ngộ trên đường từ Hải Phòng đi Nhật Bản giạt vào cảng Stanley buổi trưa ngày 1 tháng 5 và gặp một tàu tuần của Cảnh sát Hương Cảng tại đây. Tàu VN được thông báo rằng theo luật mới, các thuyền nhân từ VN đến Hương Cảng tầm trú với tính cách là dân tị nạn kinh tế sẽ bị coi là di dân bất hợp pháp. Họ được quyền tự do rời Hương Cảng và nếu muốn tiếp tục hành trình, họ sẽ được cung cấp thực phẩm, nước uống và nếu cần, sửa chữa tàu (theo chủ trương Millport áp dụng sau năm 1982). Đại diện tàu ngỏ ý muốn tiếp tục đi và xin được tiếp tế thực phẩm, nước uống cũng như sửa chữa tàu theo thông báo. 69 người lớn, 5 thiếu niên và 37 trẻ em trên tàu hy vọng sẽ được tiếp tục hành trình trong vài ngày, nhưng thay vào đó, họ đã bị giam giữ suốt 18 tháng cho đến khi được toà thượng thẩm Hương Cảng ra lệnh trả tự do. Họ đã không được chính phủ Hương Cảng thông báo quyết định rút lại "lời hứa" theo tinh thần chủ trương Millport là không giúp họ tiếp tục hành trình nữa. Chiếc tàu, mang ký số 101, không được sửa chữa vì chính phủ thấy quá tốn kém (khoảng 5 đến 7 trăm ngàn đô la HK) và bị phá hủy vào đầu tháng Sáu, 1989.

Ngay sau khi được lệnh trả tự do, 111 thuyền nhân tàu 101 được công nhận quyền tị nạn và được tái định cư.

Vụ xử dài 121 ngày, làm chính phủ Hương Cảng tốn gần 20 triệu đô la HK, chưa kể tiền nuôi ăn số thuyền nhân trong 18 tháng lên tới khoảng trên ba triệu. Mới chỉ có 7 thuyền nhân được bồi thường, đơn kiện của số còn lại sẽ được được xét xử tiếp và chắc chắn chính phủ Hương Cảng sẽ còn phải bồi thường dài dài.

Các luật sư bên nguyên đơn (thuyền nhân) kết luận bản án này là một sự cảnh cáo đối với chính phủ về việc đã coi thường quyền tự do cá nhân của con người, tuy nhiên họ đang nghiên cứu việc chống án vì số tiền bồi thường quá nhỏ, cho thấy toà án vẫn còn thiên vị chính quyền.

Cần nhắc lại thuyền nhân VN đến Hương Cảng trước ngày 1 tháng 7, 1982 được đương nhiên công nhận tư cách tị nạn. Sau ngày này, chính sách Millport được áp dụng nhằm giảm bớt gánh nặng cho địa phương khi số thuyền nhân ghé đến quá nhiều.(kt)

5% TỊ NẠN VN TẠI THÁI LAN ĐẬU THANH LỌC

Theo tin của thông tín viên *Làng Văn* từ Panat Nikhom, kết quả thanh lọc tại trại cấm "O" (Panat Nikhom, Thái Lan) được công bố vào giờ chót chỉ có 5% thuyền nhân được công nhận tư cách tị nạn.

Trong số 385 người của trại O bị loại có cả những cựu sĩ quan trốn học tập cải tạo tổ chức chống Cộng sản trong nước, cả những người bị VC lên án tử hình khiếm diện vì tham gia lực lượng Phục quốc như anh Trần Dũng Thủy (cựu Thiếu sinh quân), các phụ nữ bị hải tặc cướp bóc và hãm hiếp... Lý do đánh rớt rất giản dị "Lời khai không thể tin được !"

Những người bị bác đơn tị nạn lần 1 đều được làm đơn xin Cao ủy Tị nạn tái xét, tuy nhiên đơn chỉ làm cho có vì toàn trại không ai được trông thấy nhân viên Cao ủy bao giờ, và kết quả tái xét vẫn là rớt.

Tin giờ chót từ Panat Nikhom cho biết nhà sư Thích Trí Lãng đã bị chính quyền Thái-lan bắt dẫn đi biệt tích từ giữa tháng 7.93. (kt)

NAM DƯƠNG BIẾN GALANG THÀNH TRẠI CẤM

Ủy Ban báo Nguy Cứu Người Vượt Biển báo động Nam Dương đã đồn mười ngàn thuyền nhân vào các khu tập trung giống như các trại Hương Cảng để đóng cửa trại Galang vào tháng 9. 93.

Chính quyền trại đã dựng các hàng rào cấm ngăn các khu, dẹp các hàng quán và cả các nhà cửa do thuyền nhân dựng lên, đóng khoá các giếng nước hạn chế việc lấy nước uống...

Các hành động kể trên đều nhằm mục đích gia tăng bóp nghẹt đời sống của người tị nạn để dồn họ đến chỗ phải xin hồi hương.

Thuyền nhân VN trong trại đang lâm vào cảnh thiếu ăn, mất tự do, hoang mang và sợ hãi. Chắc chắn trong những ngày sắp tới sẽ có nhiều diễn biến bi thảm mới tại trại. (kt)

TỊ NẠN TẠI SUNGEI BESI VẪN CÒN GẶP KHÓ KHĂN

Sau cuộc tranh đấu thắng lợi thuyền nhân VN trại Sungei Besi (Mã lai á) đã được phép sử dụng 10 khu nhà bếp công cộng để nấu nướng. Ba ngàn thuyền nhân cũng đã ghi tên theo học sinh ngữ trong 67 lớp, do 61 thuyền nhân tình nguyện giảng dạy.

Tuy nhiên không phải mọi việc đều diễn tiến theo chiều hướng lạc quan. Những thuyền nhân VN lãnh đạo các cuộc biểu tình và tranh đấu đang bị cắt liên lạc với bên ngoài. Từ tháng 4 đến nay họ không nhận được thư từ của thân nhân. Những người này thường xuyên bị các thành phần bất hảo trong trại hăm dọa, có người đã bị hành hung đến mang thương tích. Theo thư của một số thuyền nhân gửi cho thân nhân ở bên ngoài trại, lính Mã lai đang mượn tay các thành phần bất hảo trong trại để dằn mặt những người tích cực trong cuộc tranh đấu. (kt)

LAVAS KÊU GỌI CHUYỂN HƯỚNG CỨU TRỢ TỊ NẠN

Trước tình hình Cao ủy Tị nạn LHQ và các nước tạm dung đang nỗ lực đẩy mạnh tiến độ thực hiện những bước cuối cùng của Kế Hoạch Hành Động Toàn Diện (CPA), tình trạng của người tị nạn VN tại các trại đang bước vào giai đoạn nguy kịch. Chính sách đang được áp dụng hiện nay là thanh lọc bất công và bóp nghẹt đời sống để buộc thuyền nhân phải hồi hương vì không chịu đựng cơ cực, khổ nhục.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng, giám đốc tổ chức LAVAS - Trợ Giúp Pháp Lý cho người Tị Nạn - trong giai đoạn này đồng bào tị nạn cần được bảo vệ trong cả thanh lọc lẫn đời sống.

Biện pháp duy nhất hiện nay, theo ông Thắng, là trực diện đối đầu với chính sách của Cao ủy Tị nạn Liên-hiệp-quốc và các quốc gia tạm dung.

Đối với thanh lọc, về pháp lý cần gửi luật sư đến trại để bênh vực cho những người mất quyền tị nạn một cách bất công, về chính sách phải vận động đòi hỏi cải thiện thể thức thanh lọc.

Về đời sống, phải vận động quốc tế chặn đứng và đẩy lùi chính sách cắt xén thực phẩm, giáo dục, y tế... dành cho thuyền nhân.

Vẫn theo ông Thắng, các việc cứu tế, gửi tiền bạc, quà... vào trại không giúp gì được cho vấn đề thanh lọc mà còn bị vô hiệu hoá bởi chính sách cố tình bóp nghẹt đời sống. Cộng đồng hải ngoại cần phối hợp, dốc toàn lực vào hai trọng điểm vận động quốc tế và gửi luật sư vào trại. (kt)

TẾT TRUNG THU CHO THIẾU NHI VN Ở TRẠI TỊ NẠN THÁI LAN

Mỗi năm, Cộng đoàn Công Giáo VN ở trại tị nạn Thái lan đều tổ chức phát quà Trung Thu cho tất cả các trẻ em trong trại.

Để chia sẻ, giúp đỡ những trẻ em bất hạnh này có được một ngày vui, xin quí vị phụ huynh và các em thiếu nhi ở hải ngoại rộng tay đóng góp tùy theo khả năng để mua quà bánh cho các thiếu nhi tị nạn.

Chi phiếu xin gửi cho liên lạc viên của Cộng đoàn Công giáo VN tại Thái lan trước ngày 10.9.93 theo địa chỉ:

Trần Văn Nhã
1350 Rue Ontario
Sherbrooke, PQ J1J 3S3
Canada

Người liên lạc của Cộng đoàn sẽ báo cáo chi tiết công tác đến từng vị ân nhân khi nhận được tin tức từ trại.

Quang-cảnh Galang những ngày còn tự-do. Bây giờ tất cả thu gọn trong bốn vuông rào sắt, trại tị-nạn biến thành trại tù, y như các nơi khác.

Tết Trung-thu tại trại Sikiew

CÂU CHUYỆN XỨ NGƯỜI:

Phù-Tang Nhật Hạ

Vi An

Nhật Bản đang ở giữa những ngày hè. Trời không nóng lắm như mọi năm bị "khổ nhiệt", bởi mùa mưa đầu hạ mà người Nhật gọi là mùa Mai Vũ (bai-u) kéo hơi dài, mãi trung tuần tháng tám vẫn chưa dứt hẳn. Nhiệt độ nhiều hôm xuống khá thấp, khoảng 18-20 độ bách phân, mát lạnh tựa buổi chớm thu nên các cô, các cụ ra đường phải choàng thêm áo ấm, trông y hệt cảnh mùa áo len về phố. Riêng mấy bác nhà nông thì lo ra mặt.Vẫn biết rằng nắng tốt dưa mưa tốt lúa nhưng mưa dai quá, cộng thêm cái lạnh đêm đêm theo gió từ phương bắc thổi về làm lúa lớn chậm, đèo đẹt tấm thân gầy, không chịu trổ mã con gái đến thì trên những đám ruộng bé tí dọc theo vùng đồng bằng Quan Đông. Bản hợp tấu khúc nhạc đồng quê ồm ộp của lũ cóc nhái giảm hẳn cường độ âm thanh và than ôi, vì lạnh thấu xương nên bầy ve lãng mạn mới ca hát đâu được ít ngày bỗng lăn đùng ra chết yểu.

Trái thời tiết, rau cỏ trong vườn không tươi tốt, mức sản xuất rau mùa nóng kém đi. Các bà nội trợ đảm đang ra siêu thị đứng tần ngần trước quầy rau, lòng buồn vô hạn: Giá cả không tăng gì hết, vẫn cỡ 300 yen (gần 3 đô Mỹ) một bó cải như thường lệ nhưng sao bó rau lại... khiêm tốn thế này! dùng hai ngón tay gấp cũng vừa vặn. Các nhà buôn thay vì tăng giá gấp ba lần, đã nghĩ ra cách san bó rau ra làm nhiều bó nhỏ để... tiết kiệm hộ các bà ngân quĩ gia đình!

Mùa này không phải chỉ có mưa mà thôi đâu, còn bão nữa! Năm nào cũng vậy, đến hẹn lại lên, khoảng chừng mười mấy hai chục cơn bão từ nam Thái Bình Dương lên ghé thăm xứ Hoa Anh Đào. Hứng chịu thiệt thòi nhiều nhất là miền nam Nhật. Bão, mưa lũ cuốn trôi đi đường xá cầu cống, làm lở đất sụp nhà và lấy đi hàng trăm nhân mạng.

Nhưng sau cơn mưa trời lại sáng nên mùa hè cũng là mùa náo nhiệt nhất của dân tộc Phù Tang. Hầu như khắp mọi địa phương đều có tổ chức hội hè. Ngày Hội (Matsuri) đối với người Nhật còn vui hơn ngày Tết. Xinh lịch trong các bộ áo kimono sặc sỡ, từng đoàn kiều nữ Nhật uốn éo "múa dân tộc" theo điệu nhạc trên những đường phố được qui định dùng làm tụ điểm vui chơi. Đàn ông, thanh niên mình trần trùng trục, quấn độc mỗi cái khố vải chen vai thích cánh cùng đám thanh nữ vận áo chẽn mùa hè, mặc quần đùi đi chân đất xúm vào khiêng những chiếc kiệu sơn son thếp vàng mang hình thù một ngôi đền thờ Thần đạo. Như bị kích động bởi nhịp trống Thái Cổ (Tai Ko), mặt mày ai nấy đỏ gay như người say rượu, mình lắc lư tựa kẻ lên đồng, chân dậm đất bình bịch, mồm thì gào "Wasshoi! Wasshoi!" (Tiếng gào khi khiêng kiệu lễ, tựa như ta "Hò dô ta"). Kiệu nghiêng ngả bên này bên kia vì kẻ giằng người kéo, lúc thì quay vòng vòng, lúc thì tuôn chạy phăng phăng như bị "bà nhập", đâm sầm vô cả cột đèn tùy theo cơn hứng khởi của đám người khiêng.

Tại các bãi đất trống, sân khấu dã chiến được dựng lên với dàn âm thanh, máy, loa vô cùng tiện lợi. Vô vài ly saké hừng lên rồi, các ông bà tuổi sồn sồn ôm micro làm vài bản tình ca karaoke, hát dở hát hay gì cũng được thưởng một tràng pháo tay lộp độp. Phần bọn trẻ con thì thích mê đi vì mấy dãy sạp hàng ăn: mì xào, mực sống nướng, bắp nướng,v.v.. Chúng cũng bu đông đen nơi mấy sạp vớt cá vàng: người ta phát cho mỗi đứa một cái vợt nhỏ làm bằng bột, đứa nào khéo tay lắm cũng chỉ vớt được dăm ba con cá trước khi cái vợt bị nước làm rã ra từng mảnh.

Ở các phố thị nằm gần bờ sông thường có đêm hội pháo bông. Suốt mấy tiếng đồng hồ, bầu trời đêm hè rực sáng với từng chùm pháo bông đa sắc được liên tục bắn lên không kể tốn kém nhằm mua vui mãn nhãn. Phụt, hoa pháo thăng thiên vỡ toé ra, loé sáng tưng bừng vài giây phù du rồi tất ngấm giữa tiếng reo hò hân thưởng của công chúng đứng xem. Đêm pháo hoa đông vui nhất nước Nhật có lẽ là đêm bắn pháo trên nền trời thủ đô Đông kinh gần vùng Asakusa trên dòng sông Sumida. Trên 20 ngàn trái pháo nở hoa lửa chói sáng cả một góc trời đô thị đầu tháng tám với cỡ một triệu người qui tụ về đầy nghẹt hai bên bờ sông thưởng lãm. Hội pháo bông hàng năm tại Asakusa có truyền thống rất lâu đời, kể từ năm 1733 và tiếp tục mãi cho đến ngày nay.

Sóng gió chính trường

Suốt 38 năm qua, nước Nhật đã

biết bao lần đổi thay thủ tường. Ông miệng rộng này lên đớp hít một mớ bạc rồi xuống, nhường cho ông mõm to kia. Tiền hối lộ chúng đưa đến toàn bạc ức, bạc tỉ, không ăn cũng uổng! Do đó, đối với chuyện thay thủ tướng như thay áo, dân Nhật phần đông tỏ ra rất hững hờ vì họ cho rằng ông nào cũng xuất thân từ cái lò đảng Tự Dân, một đảng luôn luôn chiếm đa số quá bán trong quốc hội từ năm 1955 cho đến nay, thậm chí có nhiều người không nhớ nổi tên tuổi các ông ấy nữa!

Của đồng lần thiên hạ tiêu chung, đảng Tự Dân cứ độc quyền cỡi đầu cỡi cổ người ta, độc quyền ăn hối lộ mãi thì coi đâu có được! Phải để cho các đảng khác... ăn với chứ! Thế là đến đời Thủ tướng Miyazawa, sóng gió tranh chấp ngấm ngầm từ bao năm bỗng nổi lên dữ dội trên chính trường Nhật Bản. Liên tiếp các vụ tham nhũng của hạm lớn hạm bé trong đảng cầm quyền Tự Dân bị giới truyền thông phanh phui, tin tức về tệ nạn tham ô kéo thành truyện dài cả năm trên ti-vi, báo chí. Điển hình gần đây nhất là vụ nuốt 500 triệu yen do công ty vận tải Sagawa đấm mõm đã khiến cho tay "bố già" Kanemaru, 78 tuổi, phó đảng Tự Dân kiêm phó Thủ tướng phải từ chức và vác chiếu ra toà. Khi ông Miyazawa không chịu thi hành cải cách chính trị theo sự đòi hỏi của phe đối lập, một phong trào phản đối nổi dậy. Các dân biểu, nghị sĩ đã bỏ phiếu bất tín nhiệm nội các Miyazawa hồi tháng 6 vừa qua. Tiếp theo là sự rạn nứt nội bộ trầm trọng trong đảng cầm quyền: Một nhóm đảng viên do ông Hata, cựu bộ trưởng Tài chính, cầm đầu, tuyên bố ly khai để thành lập đảng mới "Tân Sinh". Bị lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, ông Miyazawa đành phải giải tán quốc hội để tổ chức bầu cử lại.

Cuộc bầu cử Hạ viện hôm 18 tháng 7 vừa rồi đánh dấu sự thảm bại của đảng Tự Dân: Lần đầu tiên kể từ thời thành lập cách đây 38 năm, đảng này chỉ còn được 223 ghế so với con số quá bán 256 ghế. Chính sự ly khai của nhóm ông Hata là nguyên nhân gần dẫn tới chuyện thất thế kỳ này.

Chụp được cơ hội bằng vàng, tám đảng phái đối lập không chơi với đảng Cộng sản liên kết hợp lại, đưa ông Mori Hiro Hosokawa, 55 tuổi, đảng trưởng của đảng Nhật Bản Tân Đảng, một đảng tuy mới thành lập từ tháng 5 năm ngoái nhưng đang có uy tín mạnh, giữ vai chủ chốt giữa hai cán cân, ra ứng cử thủ tướng.

Buổi sáng hôm quốc hội bỏ phiếu chọn tân thủ tướng, ông Miyazawa bùi ngùi làm lễ từ chức, giải thể nội các cũ để về vườn đuổi gà cho vợ.

Mãnh hổ nan địch quần hồ, số phiếu của liên đảng ở cả thượng viện lẫn hạ viện vượt trội hẳn số phiếu của đảng Tự Dân bỏ cho gà nhà là ông Kono. Kết quả nước Nhật có một ông thủ tướng mới toanh là ông Hosokawa (Tế Xuyên), và cái đầu thiệt to của Đạt Ma sư tổ lại bị tân thủ tướng Nhật phết một cục mực đen thui vào mắt.

Được biết, ông Hosokawa xuất thân dòng dõi Samurai chính cống, là cháu nội của Hoàng tử Fumimaro từng giữ chức thủ tướng hồi tiền chiến. Ông này cũng có lập trường mềm dẻo hơn lập trường sống chết của đảng Tự Dân đối với việc mở cửa thị trường gạo, điều mà người Mỹ hằng thúc giục. Trước đó, ông đã từng ở trong đảng Tự Dân nhưng

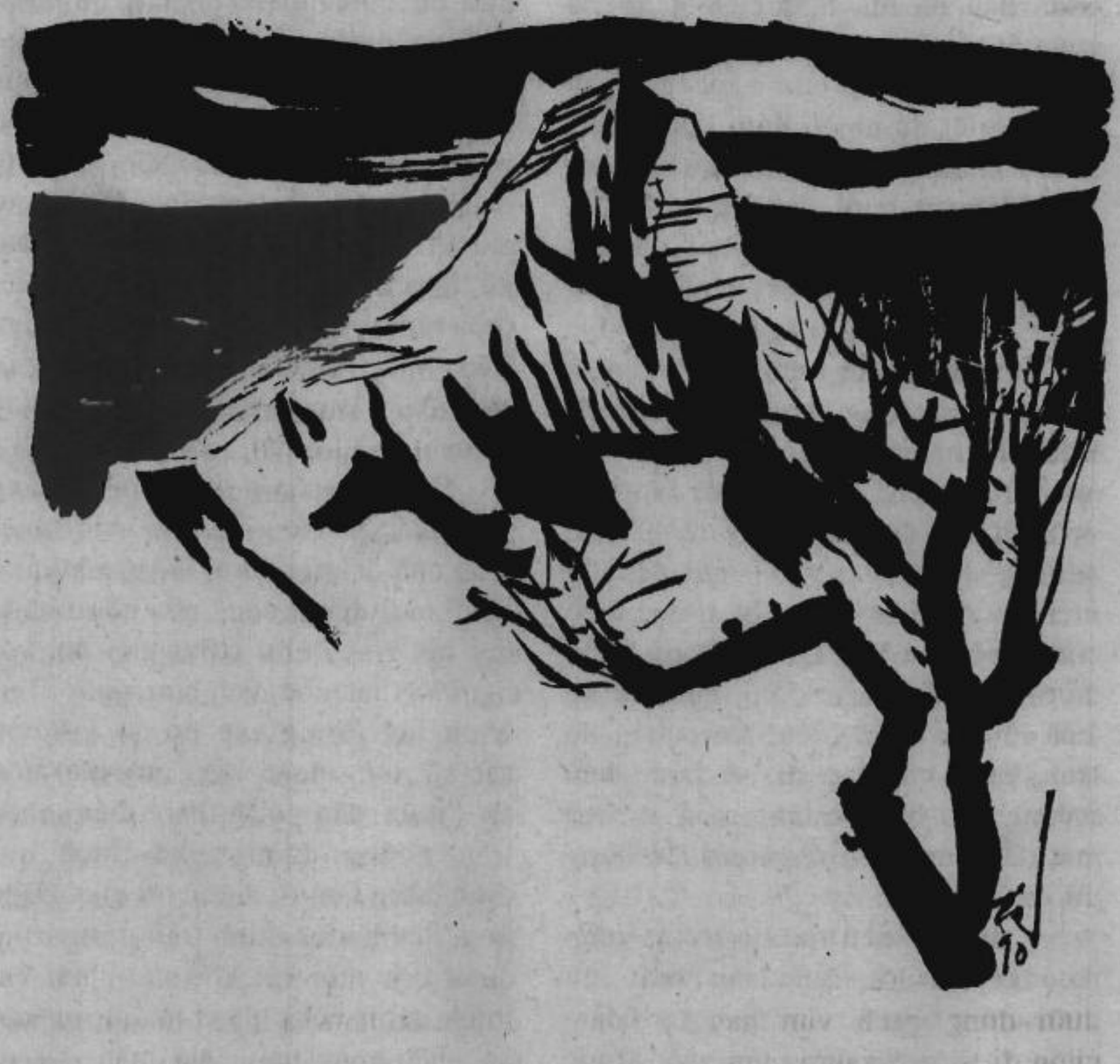

rồi ly khai lập đảng mới. Chức vị thủ tướng của ông Hosokawa đã chính thức được Thiên hoàng Heisei ban chuẩn. Một nội các mới được thành hình mau chóng với những ngài tai to mặt bự thuộc đa đảng đề huề. Phần ông Hata bởi có công đầu nên được chức phó thủ tướng.

Muốn biết cái nội các mới của tân thủ tướng Nhật có lâm vào cảnh lắm thầy thối ma hay không, phải chờ xem hồi sau sẽ rõ.

Trê quẫy đuôi

Người Nhật tin tưởng rằng nền đất được nâng đỡ bởi một loại cá tên Namazu (giống cá trê). Hễ cá quậy râu thì động đất nhẹ và quẫy đít quẫy đuôi thì động mạnh. Bởi thế, tại một số đền Thần đạo, người ta đè một cục đá thật to lên mình tượng con cá Namazu để phòng ngừa nó nổi cơn ngứa ngáy lên mà cựa quậy thì khốn!

Đêm 13 tháng 7 vừa qua, cục đá đè lên mình con trê ở Hokkaido (Bắc Hải đảo) đã tỏ ra không mấy hữu hiệu. Vào lúc 10 giờ 17 phút, giữa lúc 4700 dân cư trên đảo Okushiri đang chuẩn bị đi vào giấc ngủ thì nền đất bỗng rung chuyển dữ dội. Trung tâm động đất phát xuất từ biển Nhật Bản cách bờ 120 km làm rung rinh đất đai nhà cửa. Chấn động ngầm chạy dọc theo lòng biển tạo nên những con sóng thần. Ngọn cao nhất đo được 30 mét, đổ ập vào các thôn xóm ven biển trên hòn đảo nhỏ bé Okushiri. Sóng thần quét đi hơn 200 nóc gia ven bờ đảo phía tây nam trong lúc cơn động đất đo được 7.8 độ Richter làm sụp đổ trên 500 căn nhà khác, gây hỏa hoạn cho khu vực phố xá trên đảo. Đây là trận địa chấn mạnh nhất ở xứ Phù Tang kể từ 10 năm nay. Số tử nạn vì bị chôn vùi dưới đống gạch vụn hay bị sóng cuốn đi là 196 người cùng với 44 kẻ xấu số khác bị mất tích. Hàng trăm chiếc thuyền đánh cá thuộc các tỉnh miền bắc lân cận bị cuốn trôi đi, số lượng hoa màu tại các nông trang gần biển cũng bị thiệt hại đến hàng trăm triệu.

Nhật Bản là một xứ sở phải đối phó thường xuyên với thiên tai động đất. Mặc dù với những máy đo khá chính xác của thời đại tân kỳ, các chuyên gia vẫn không thể nào biết trước được cơn địa động sẽ xảy ra vào thời điểm nào để báo động kịp thời cho dân chúng trong vùng bị tai nạn biết. Trận đại địa chấn năm 1923 xảy ra ở Đông Kinh đã khiến hàng trăm ngàn căn nhà bị hủy hoại, cả trăm ngàn nhân mạng tử thương. Vì càng ngày phố phường càng chật hẹp người đông đúc nên nếu một khi có trận địa chấn cấp 7 độ Richter trở lên, thủ đô Đông Kinh sẽ gánh chịu một hậu quả khủng khiếp. Sở Điền địa Quốc gia đưa ra con số phỏng đoán sẽ có trên 2 triệu cao ốc, cửa nhà bị sụp đổ hay bị hỏa hoạn tàn hủy; khoảng 150 ngàn người chết và trên 200 ngàn người bị thương. Chu kỳ luẩn quẩn của trận đại địa chấn từ chết đến bị thương ấy cũng sắp đáo hạn rồi. Giáo sư Mizogami thuộc viện Nghiên cứu Địa chấn của Học viện Tokyo cho rằng đã có những dấu hiệu của nhiều đợt rung chuyển nhẹ xảy ra, dự báo một cuộc đại địa chấn long trời lở đất xảy ra trước đó rồi theo cấp số sẽ tăng dần đều: cấp 4 trong thập niên 40, cấp 5 trong thập niên 70, cấp 6 trong thập niên 80, cho nên trận cấp 7 chắc chắn sẽ diễn ra trong vòng 10 năm kể từ đây. Có nghĩa là thủ đô Tokyo và các vùng phụ cận sẽ phải đương đầu với cơn thiên tai sắp tới không biết vào giờ phút nào trong một tương lai gần. Theo các nguồn tin hành lang, chính phủ Nhật cũng đang tính chuyện dời đô. Một thủ đô mới sẽ được thiết lập tại một địa điểm thích hợp cách Đông Kinh khoảng trăm cây số. Vùng được dự trù xây dựng thủ đô mới sẽ không đông dân lắm và ít khi bị ảnh hưởng bởi các cơn động đất. Dĩ nhiên, chuyện dời đô là một vấn đề quan trọng, gây nhiều tốn kém và đồng thời làm xôn xao, tạo hoang mang cho quần chúng nên các phát ngôn nhân của chính phủ tỏ ra hết sức dè dặt trước nguồn tin này. Họ không phủ nhận mà cũng không xác nhận, chỉ trả lời cầm chừng: "Chưa phải lúc" mỗi khi được hỏi.

Ghe tị nạn đến Nhật

Đầu mùa hè năm nay, liên tiếp nhiều chuyến ghe chở người Việt tị nạn đã đổ bộ vào Nhật Bản làm con số thuyền nhân tăng lên cả trăm người so với 17 người của trọn năm ngoái.

Hôm mùng 8 tháng 7, một chiếc ghe có 37 người, gồm cả hai phụ nữ đang mang thai và một trẻ sơ sinh, nhập cảng Kagoshima. Chủ chiếc ghe trên khai với nhà cầm quyền rằng họ ra đi từ cảng Đồ Sơn, Bắc Việt.

Một tuần sau, 14 tháng 7, lại thêm một ghe nữa chở 29 thuyền nhân vào cảng Okinawa. Tiếp đó vào hôm 25 tháng 7, tàu tuần duyên Nhật Bản phát giác thêm hai chiếc ghe nữa đang tiến vào hải phận Nhật, hướng về đảo Kagoshima, miền nam Nhật. Nhờ cơn bão số 5 lúc ấy đang ập tới, toàn bộ 91 thuyền nhân trên hai chiếc ghe con đã được tàu tuần duyên với lên đưa vào đất liền an toàn.

Số người Việt tị nạn đến Nhật vào dịp này đều được đưa vào trại tư pháp Omura. Tại đây, chính quyền sẽ tiến hành việc thẩm tra, xếp loại vì Nhật Bản cũng theo gương các nước Đông Nam Á khác, áp dụng chính sách thanh lọc đối với thuyền nhân Việt Nam từ lâu.

Sự kiện các ghe tị nạn đến Phù Tang đã chứng tỏ cho ta thấy chính sách đổi mới vờ-vịt của CSVN không mang lại chút tự do dân chủ nào cho những người dân khốn khó, cần được hưởng chút an ninh cá nhân để yên tâm sinh sống. Ngày nào còn cộng sản, ngày đó còn thuyền nhân. Chết cũng đi. Muộn cũng đi. Tù đày, thanh lọc khổ ải cũng đi. Muốn chấm dứt "nạn" thuyền-nhân, trước hết phải chấm dứt quốc nạn cộng sản. Đó là chân lý. ❑

CÂU CHUYỆN THỜI-SỰ:

Nói Với Người Bạn Trẻ Trong Nhóm Vietnam Forum(*)

Nguyễn Hữu Nghĩa

Các bạn,

Xin phép được gọi các bạn bằng tự-ngữ thân-mật này, trong hoài-bão chung: đấu-tranh, xây-dựng *"một nước Việt-nam thực-sự dân-chủ, tự-do, no-ấm"* như các bạn xác-định trong thư ngỏ ngày 3 tháng 8 gửi cộng-đồng người Việt hải-ngoại.

Tôi cũng đồng ý với các bạn rằng, *"quê-hương Việt-nam cần một sự thay-đổi, và sự thay-đổi ấy bắt nguồn từ bên trong"*; chúng ta ở bên ngoài, nên tạo cơ-hội thuận-lợi cho đồng-bào quốc-nội nói lên tiếng nói chính-đáng của mình.

Với bấy nhiêu điểm tương-đồng, tôi lạc-quan cho phép mình được gọi các bạn là *"bạn"*, mong rằng hành-động này không đến nỗi lố-lăng.

Các bạn,

Vì có nhiều điểm tương-đồng như vậy nên khi nghe tin các bạn dự-định tổ-chức mời 7 cán-bộ cao-cấp của CSVN sang Mỹ "nói chuyện", tôi không khỏi sửng-sốt.

Các bạn chủ-trương *"tạo môi-trường thuận-lợi cho những người ở quê nhà nói lên được tiếng nói và nguyện-vọng của chính mình"*. Chủ-trương này hay lắm, đúng lắm, nhưng khi thực-hiện, các bạn lại mời chính những kẻ đang bịt mồm bịt miệng đồng-bào lên phát-biểu!

Họ tuy cũng là "những người ở quê nhà" thật đấy, nhưng nào phải thuộc thành-phần bị áp-bức, để các bạn phải khổ-công *"góp phần hữu-hiệu"*, *"tạo môi-trường thuận-lợi"* để họ *"nói lên được tiếng nói"* của... Đảng.

Không lẽ các bạn mời cai ngục đi thuyết-trình về nỗi khổ của tù-nhân ư? Các bạn mời những tên đồ-tể đi rao giảng về thân-phận nhỏ-nhoi của những kẻ bị sát hại trong lò sát sinh chăng? Các bạn hi-vọng gì ở những người đã từng chôn sống đồng-bào mình ở Ba-đồn, đã tắm máu đàn bà, trẻ con tại Đồng-tâm, Cai-lậy?

Trực diện với kẻ thù ư? Tưởng rằng các bạn kéo về Sài-gòn, Huế, Hà-nội, dõng-dạc nói thẳng với giới lãnh-đạo cộng-sản rằng *"đất nước này không cần sự cai-trị của các ông nữa"*, đàng này, các bạn chỉ làm cái công việc mà cộng-sản hằng làm, các bạn kêu giùm cộng-sản điều mà họ hằng kêu-gọi: vận-động kiều-bào hải-ngoại trở về "tái-thiết quê-hương."

Có một điều đơn-giản mà chúng ta không thể phủ-nhận là quyền-lợi của giai-cấp thống-trị và giai-cấp bị-trị không bao giờ giống nhau. Lợi-lộc của kẻ cướp và khổ chủ bao giờ cũng nghịch-đối: bên này cướp được một đồng thì bên kia mất một đồng; bên kia giấu được một đồng thì bên nọ mất hưởng một đồng.

Cán-bộ CSVN ra hải-ngoại kêu-gào viện-trợ, bạn có thực lòng tin rằng họ có thiện-chí muốn làm đầy bát cơm của dân đen không? Từ mấy chục năm nay, đã có bao nhiêu người theo lời chiêu-dụ của CS, mang tuổi trẻ và tài-năng về "phục-vụ đất nước", nhưng thực-tế đắng cay cho thấy, họ chỉ phục-vụ giai-cấp cầm quyền, làm nặng thêm cái gông trên cổ dân lành. Hồi-ký của họ, bài viết, tâm-sự của họ, của những Trần Đức Thảo, Trương Như Tảng,.. còn rành rành chưa ráo mực in, sao bạn không đọc?

Chúng ta không thể sơn phết lại một căn nhà khi nó còn đang cháy đỏ.

Chúng ta không thể dùng phương-pháp hô-hấp nhân-tạo để cứu sống một người chết đuối, khi chưa móc sạch bùn đất trong mũi, miệng của kẻ lâm nạn.

Ở đâu cũng vậy, có những việc phải làm trước, có những việc phải làm sau. Việc kiến quốc bao giờ cũng phải làm sau việc cứu quốc. Không thể xây-dựng trong khi chưa dẹp được kẻ phá-hoại. Một người làm dăm ba người phá, không một công-trình nào có thể thành-tựu được; và nếu như thành-tựu, ai sẽ là người thụ-hưởng công-trình ấy, kẻ cướp hay nạn-nhân?

Đấu-tranh đòi đa-nguyên đa-đảng chỉ có thể thực-hiện được khi tất cả các đảng chấp-nhận định-luật bình-đẳng. Cộng-sản không bao giờ tôn-trọng sự bình-đẳng đó. Cương-lĩnh và đảng-qui Cộng-sản nêu rõ ràng chỉ có đảng của họ là thành-phần duy-nhất có quyền lãnh-đạo đất nước. Lý-thuyết cộng-sản mà họ vẫn luôn luôn ca-tụng là *"đời đời bền vững"*, *"bách chiến bách thắng"* kêu-gọi đảng-viên sử-dụng mọi biện-pháp để cướp chính-quyền, nếu chính-quyền nằm trong tay đảng khác.

Chấp-nhận "đa đảng" khi vẫn còn Cộng-sản là hành-động bán nhà gom tiền đi đánh bạc với một tay cờ bạc bịp có súng. Thắng, nó vùa; thua, nó chĩa súng giựt tiền.

Đấu-tranh dân-chủ trong tình-trạng đó là tiếp-tục nuôi-dưỡng tai-họa, là lấy thuốc cao dán chữa bệnh ung-thư. Chúng ta có thể phung-phí tuổi xuân của chính mình vào một công-trình vô-nghĩa, nhưng không nên mang cả tương-lai dân-tộc vất ra chiếu bạc.

Tôi nhìn thấy sự kiêu-hãnh của các bạn, khi bảo rằng mời VC sang Mỹ cho các bạn "trực diện", là hình-thức cao hơn, mới hơn kiểu đấu-tranh bên lề đường qua các cuộc biểu-tình của cộng-đồng Việt tại hải-ngoại.

Tôi nghĩ niềm tự-hào của các bạn

đặt không đúng chỗ, và một cách nào đó, bày tỏ sự bội-bạc đối với công-lao tranh-đấu của lớp người đi trước, trong khi họ lê-lết đấu-tranh, ăn mày từng sự ủng-hộ còm-cõi của lương-tâm thế-giới qua những cuộc biểu-tình dầu dãi sương tuyết nắng mưa bên vệ đường của các đô-thị lớn trên thế-giới. Các bạn bình tâm nghĩ xem, nếu không có những người góp gió thành bão, du Hà-nội vào bước đường cùng, liệu ngày nay CSVN có chịu cúi xuống cho các bạn "trực diện" không?

Các bạn,

Bây giờ tôi xin đi sâu vào một số chi-tiết, bàn về những điểm nhận-định của các bạn.

Các bạn quan-niệm đơn-giản rằng *sự bế-tắc của đất nước hiện nay do chính-sách sai-lầm và chủ-trương lỗi-thời của nhà nước CSVN*. Các bạn muốn góp tay tìm kiếm một giải-pháp hữu-hiệu để đưa VN vào đà dân-chủ-hóa của thế-giới (Thư mời).

Thực ra CSVN không hề sai-lầm trong chính-sách, mà họ nghĩ đúng, làm đúng những điều Marx-Lenine đề ra. Chính vì vậy cả nước mới bế-tắc, toàn dân mới khốn-khổ; cũng chính vì vậy không ai có thể giúp họ sửa sai, và không có một chính-sách "hợp-thời" nào khả-dĩ mang lại cơm no áo ấm cho toàn dân, một khi xã-hội chủ-nghĩa vẫn được dùng làm nền-tảng cho cơ-chế chính-quyền. Muốn dân-chủ-hóa, trước hết phải xóa bỏ xã-hội chủ-nghĩa, xóa bỏ toàn bộ cơ-chế xây-dựng trên nền tảng xã-hội chủ-nghĩa, phải giải-tán và đặt đảng Cộng-sản ra ngoài vòng pháp-luật.

Tương-tự, tổ-tiên ta ngày xưa đã xả thân chống Bắc xâm, cha ông ta đã hi-sinh kháng Pháp, chắc-chắn không phải để "sửa sai" chế-độ, "cải-tiến" chính-sách cai-trị cho dân bớt khổ, mà tiến tới mục-tiêu sau cùng là giành độc-lập cho xứ-sở. Chúng ta ngày nay cũng phải làm một cuộc cách-mạng toàn diện chứ không phải chỉ vá-víu qua-loa mà mưu-cầu được hạnh-phúc cho con người.

Đọc kỹ các văn-kiện liên-quan nội-vụ, tôi thấy cộng-đồng không hề trách các bạn "trực diện" đối-thoại với Cộng-sản, một khi CS tự dựng diễn-đàn để tuyên-truyền ngoại-vận. Cộng-đồng chỉ trách các bạn đứng ra dựng diễn-đàn, tốn công tốn của trịnh-trọng mời CS sang nói chuyện, trong khi không hề đặt ra bất cứ một điều-kiện tiên-quyết nào về dân-chủ dân-quyền, đó mới là điểm đáng trách.

Tổ-chức cho CS sang nói chuyện, ở một mặt khác, từ ngoài trông vào có vẻ như cộng-đồng tị-nạn Việt-nam đã chấp-nhận CS, công-nhận sự cai-trị của CS là hợp hiến hợp pháp. Tới chừng đó, cho dù các bạn có gãy lưỡi giải-thích, cùng lắm người ta cũng chỉ nhìn các bạn như một lực-lượng đối-lập chính-quyền, đối-lập dưới bản hiến-pháp công-nhận sự độc tôn của đảng Cộng-sản, đối-lập dưới bóng cờ đỏ sao vàng, y như hai đảng Cộng-hòa và Dân-chủ Mỹ đối-lập nhau dưới bóng cờ sao sọc.

Trong thực-tế, chúng ta đối với Cộng-sản không chỉ đối-lập mà còn đối đầu ở vị-trí một còn một mất, không có chuyện dung dưỡng chấp-nhận nhau.

Chúng ta chỉ khoan-nhượng, chấp-nhận và sống bình-đẳng đối với những người cộng-sản ly-khai, từ bỏ xã-hội chủ-nghĩa, trở về với cộng-đồng dân-tộc.

Một điểm thực-tế nữa, là CS không cần phải đối-thoại với các bạn. Điều họ cần, là lột sạch túi tiền của các bạn, vắt kiệt sinh-lực của các bạn, biến các bạn thành công-cụ củng-cố guồng máy cai-trị của họ.

Dĩ-nhiên là các bạn khôn-ngoan, không thể mắc bẫy cộng-sản. Các bạn có một con đường riêng để đi. Điều đau lòng là con đường ấy có thể không phù-hợp với quyền-lợi và hạnh-phúc của dân-tộc. Nếu quả vậy, xin đừng vừa dấm lên, vừa nhân-danh sự đau-khổ của dân-tộc.

Khi trách-móc thế-hệ cha anh có nhiều người hư-đốn, xin các bạn hãy tránh vết xe đổ. Đừng tô màu cho cuộc "đối-thoại" này thành một vụ xung-khắc giữa hai thế hệ.

Trong lá thư ngỏ, các bạn đã vận-dụng đến những chữ "thẳng-thắn", "lễ-độ", "công-khai" và "cởi mở" khi nói về mình, và vùng-vằng đẩy những chữ " ác ý", "chụp mũ", vu-khống", "xuyên-tạc",.. về phía những người bất đồng ý-kiến với các bạn. Hành-động đó không thể-hiện cách hành xử thích hợp với những người ở lứa tuổi các bạn (26 tới 36). Tôi nghĩ rằng, ở tuổi đó các bạn phải chín-chắn hơn thế.

Các bạn viết rằng *"sau khi soạn xong chương-trình sơ-khởi"* đã *"báo tin và tham-khảo ý-kiến của báo giới"*, nhưng các bạn không nói rõ ràng "giới báo-chí đã khuyến-cáo các bạn đừng làm."

Sao lại có một sự thật nửa vời như vậy?

Cái mà các bạn gọi là "chương-trình sơ-khởi" ấy, đã qua những giai-đoạn nào trong khi tổ-chức? Một khi đã mời xong quan-khách quốc-tế, lập xong thuyết-trình đoàn, liên-lạc xong cán-bộ VC, tôi cho rằng hai chữ *"sơ-khởi"* các bạn dùng trong thư ngỏ, quả là cưỡng-ép từ-ngữ.

Mọi sự đã sẵn-sàng như vậy, khi đến với cộng-đồng, các bạn rõ-ràng chỉ cốt "báo tin" và "vận-động sự đồng ý" *(lobby)*, vậy thì nên tránh dùng nhóm chữ "tham-khảo ý-kiến".

Các bạn đã *"kêu-gọi lương-tâm nghề-nghiệp và sự sáng-suốt công-bằng của giới truyền-thông Việt-nam"*, tôi cũng muốn kêu gọi lương-tâm và sự công-bằng của các bạn.

Lương-tâm, để đừng đem cha anh đang kẹt trong vòng lao-lý ra làm bung-xung chống-đỡ búa-rìu công-luận. Công-bằng, để *"can-đảm đấu-tranh trực-diện"* với chính mình, chấp-nhận lẽ phải, chấp-nhận sự thật.

Các bạn *"tha-thiết kêu-gọi sự tiếp tay và hướng-dẫn"*, thì xin đừng gán cho những lời vụng-về này một ác-ý. Người viết, ngoài sự cầu mong *"mang lại được tự-do dân-chủ thực-sự cho quê-hương Việt-nam"*, còn mong gây được nơi các bạn sự thẳng-thắn mà các bạn mong muốn.❑

---

* Xin xem tin trang 8 số này

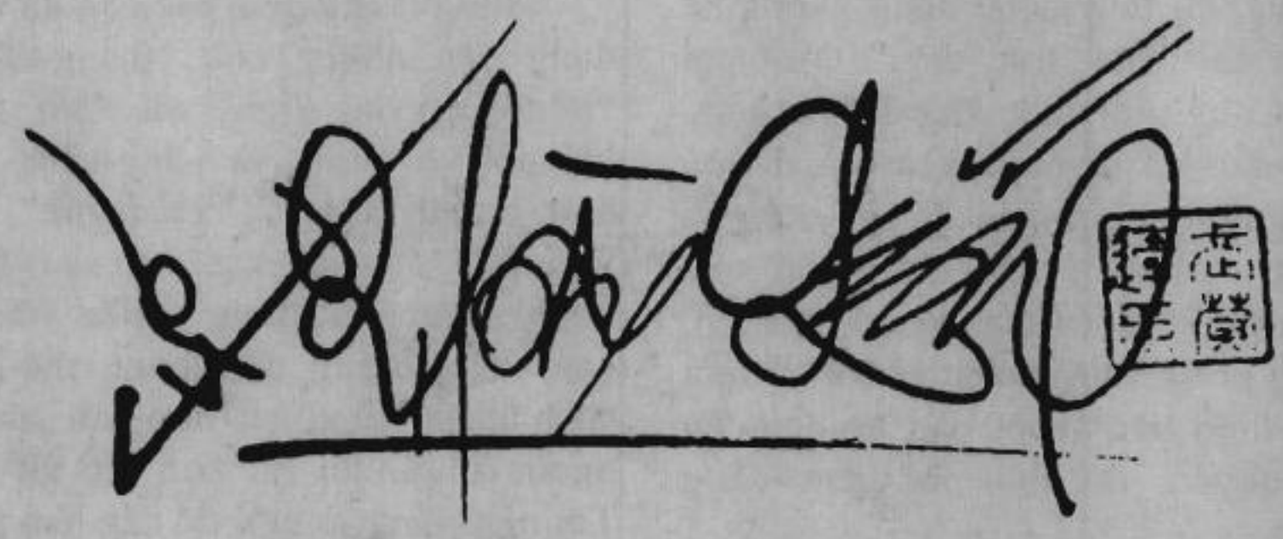

Vũ Hoàng Chương là tên thật dùng làm bút-hiệu, sinh ngày 5.5.1916 tại Nam-định, mất ngày 6.9.1976 tại Sài-gòn.

Ông học Trung-học Albert Sarraut, đậu Tú-tài Pháp năm 1937, trở thành sinh-viên Luật tại Đại-học Hà-nội được một năm thì bỏ học đi làm xếp ga, rồi bỏ việc nằm nhà làm thơ.

Năm 1940, ông in tác-phẩm đầu tay: *Thơ say* (nhà xuất-bản Cộng-lực Hà-nội, 1940).

Năm 1941, ông bỏ việc, đi học lại, theo ban Toán, Đại-học Khoa-học, được một năm lại bỏ học, đi dạy học tại Hải-phòng. Cũng trong năm này, ông cùng Chu Ngọc và Nguyễn Bính lập ban kịch Hà-nội, diễn vở Vân muội tại Nhà Hát Lớn Hà-nội đêm 12.12.1942.

Năm 1946, ông dạy học tại Thái-bình, được một năm, bỏ trường đi kháng-chiến. Tới 1950, hồi cư về Hà-nội dạy học. 1954 di-cư vào Nam.

Năm 1959, ông sang Bỉ dự Hội-nghị Thi-ca quốc-tế.

Năm 1973, Vũ Hoàng Chương được phủ Quốc-vụ-khanh đặc-trách Văn-hóa tuyên-dương văn-nghiệp.

Năm 1975, sau khi CS chiếm miền Nam, ông bị bắt đi lao-động cải-tạo cho tới lúc lâm bệnh sắp chết mới được báo cho thân-nhân khiêng về nhà, mấy ngày sau thì mất.

Tác-phẩm của Vũ Hoàng Chương gồm 19 thi-tập, 2 kịch thơ và 1 tập tùy-bút. Về thơ, có:

- *Thơ say*, nxb Cộng-lực, Hà-nội, 1940; nhà xuất-bản Nguyễn Đình Vượng tái-bản tại Sài-gòn, 1971.

- *Mây*, nxb Đời nay, Hà-nội, 1943. Tập này sau được tác-giả tái-bản tại Sài-gòn năm 1960, in chung với tập *Thơ say*.

- *Thơ lửa*, in chung với Đoàn Văn Cừ, Cơ-quan kháng-chiến Liên-khu 3 xuất-bản tại Thái-nguyên, 1947.

- *Rừng phong*, nxb Phạm Văn Tươi, Sài-gòn, 1954.

- *Hoa đăng*, nxb Văn-hữu Á-châu, Sài-gòn, 1959.

- *Cẩm-thông*, gồm 6 bài thơ mới in chung với 9 bài cũ, tất cả được Nguyễn Khang dịch ra Anh-văn, in tại Sài-gòn năm 1960.

- *Tâm-tình người đẹp*, Sài-gòn, 1961.

- *Trời một phương*, Sài-gòn, 1962.

- *Lửa từ-bi*, Sài-gòn, 1963.

- *Thi tuyển*, Sài-gòn, 1963.

- *Ánh trăng đạo*, Sài-gòn, 1966.

- *Tâm-tình người đẹp* tức *Nhị thập bát tú*, gồm 42 bài thơ ngắn, in kèm bản dịch Pháp-văn của Simone Kuhnen de la Cœuillerie (người Bỉ), in tại Sài-gòn năm 1966. Tập này cũng được dịch sang Đức ngữ, Hamburg 1966.

- *Bút nở hoa đàm*, Sài-gòn, 1967.

- *Cành mai trắng mộng*, Sài-gòn, 1968.

- *Ta đợi em từ ba mươi năm*, nxb An-Tiêm Sài-gòn, 1970.

- *Tân thi*, Sài-gòn, 1970.

- *Ngời quán*, Sài-gòn, 1970.

- *Đời vắng em rồi say với ai*, Sài-gòn, 1971.

- *Chúng ta mất hết chỉ còn nhau*, nxb Rùng Trúc Paris, 1974.

Về kịch thơ, có:

- *Trương Chi* (gồm ba vở: *Vân muội, Trương Chi, Hồng Diệp*), Hà-nội, 1944. Tập nay sau được nxb Nguyễn Đình Vượng tái-bản tại Sài-gòn năm 1960 dưới tên *Vân muội*.

- *Tâm-sự kẻ sang Tần*, tác-giả tự xuất-bản tại Sài-gòn, 1961.

Tuỳ-bút:

- *Loạn trung bút*, Sài-gòn 1970.

Cuộc đời và văn-nghiệp Vũ Hoàng Chương xứng-đáng với danh-từ *thi-sĩ*. Ông sáng tác rất nhiều thơ, dùng nhiều thể loại, phần lớn đều hay. Ông cũng là một trong số ít thi sĩ Việt Nam có thể sống bằng thơ, dùng thơ làm sinh kế. Qua những bản dịch Anh, Pháp, Đức, thơ Vũ Hoàng Chương đã được giới yêu thơ trên thế-giới biết tới.

Thơ ông giàu kịch-tính, kể cả những bài không phải là kịch thơ. Thơ đọc lên như nhạc, tiết-tấu chắc nịch, lời thơ khi cổ-kính, lúc tân-kỳ. Nét thơ đài-các, trau-chuốt kiểu-cách nên không thẩm-thấu dễ dàng vào tâm-hồn quần-chúng.

Thơ của ông đã thuộc về quá-khứ, ngay từ những dòng chữ đầu trong tập *Thơ say*. Cho tới những bài thơ cuối-cùng. Tất cả là những hạt ngọc đều-đặn xếp thành một chuỗi. Tất cả đều đẹp, đều quí, thể-hiện trọn-vẹn tài-hoa của một thi-sĩ hàng đầu trên thi đàn Việt Nam cận đại. ❑

Vũ Hoàng Chương
Ờ, Thế À?

Nguyễn Hữu Nhật

*V*ào lúc mà bạn bỗng thấy vui ở nơi vắng vẻ, hãy đọc thơ Vũ Hoàng Chương. Hoặc khi nao, chốn nào cũng được, miễn là trong lòng bạn có một điều gì đó để nhớ. Chất thơ Vũ Hoàng Chương như vầng trăng sáng, tròn đầy, được đẽo gọt sắc nét một cách rất tự nhiên. Mười chín năm qua, sống khổ quá, tôi đã quên bẵng mất thơ *Mây*, kể từ tháng tư năm 1974, đưa Bùi Giáng đi thăm Vũ Hoàng Chương ở gác Mây, gần Lăng Cha Cả, Sài gòn.

Giống như tôi đã quên khuấy mất vầng trăng sáng vẫn theo sau mình, trên đường về nhà. Trong một đêm hoa quỳnh, trăng sáng trắng muốt, ông Vũ Hoàng Chương đã nói: "Hoa thiên lý nấu canh ăn trừ bữa được. Tiếc thay hoa quỳnh thì không... và cũng không nỡ". Ông chăm sóc từng bông hoa, đắn đo từng chữ trong mỗi câu thơ như bà Thục Oanh, vợ ông, chắt chiu từng lon gạo. Dẫu ngày mai chưa biết lấy gì ăn để sống, chiều nay ông vẫn: "Ờ còn một bông nữa, thế à? Đêm mốt sẽ nở..."

Những năm còn trẻ, tôi thích thơ *Say*. Mặc dù cũng như ông, tôi uống rượu rất kém, vẫn cứ thích nghêu ngao: *Em ơi lửa tắt, bình khô rượu. Đời vắng em rồi say với ai.* (VHC) Ông say thơ nên có thơ *Say*, yêu mây nên có thơ *Mây*. Tới nỗi căn gác hẹp ông ở đậu nhà bà Mộng Tuyết, cũng hoá ra gác Mây.

Những áng mây ngoài cửa sổ gác Mây, giờ đây màu gì, đang bay đi hay ngưng lại? Vũ Hoàng Chương đã nằm yên ngủ trong nghĩa trang Hạnh Thông Tây, gần Nhất Linh và xa hơn một chút, Hồ Biểu Chánh.

Năm 1984, nằm trong xà lim số 22 đâu lưng với xà lim số 1 của Hiếu Chân ở khu B, số 4 Phan Đăng Lưu (Trung tâm Cải huấn Gia Định, đường Chi Lăng cũ), tôi đã thầm hỏi, sau năm 75, Vũ Hoàng Chương đã nằm trong chiếc quan tài bằng xi măng, số mấy, khu nào? Lúc đó, hàng ngày tôi thèm nhìn mây lắm. Chiếc cửa gió để tù thở luôn luôn bị đóng sập lại. Ai bảo những người cộng sản không biết quản lý không khí? Bị nhốt trong đó, tôi nằm nghe tiếng chân người đi phía ngoài mà cứ ngỡ như họ đang đạp trên đầu mình. Vũ Hoàng Chương vốn đã gầy ốm vì làm thơ rồi. Ông làm sao chịu nổi với bất kỳ một chiếc kim tĩnh nào!

Tấm hình tôi chụp ông năm 74, nắng chiều Sài gòn vẫn gắt. Ánh sáng hàng hiên hắt mạnh bên trái ông. Vũ Hoàng Chương quàng tay phải qua vai Bùi Giáng. Người viết *Mưa Nguồn* chắp hai tay, ba ngón tay trái sáng lên trong vùng bóng tối. Dáng người khom, chụm những ngón tay thô, nhám vào nhau, Bùi Giáng cười. Ông đến gác Mây để tạ lỗi cùng Vũ Hoàng Chương. Nhưng "Ờ, thế à, Bùi Giáng hôm đó nói thế à, ờ, thôi".

Người này tự thấy có lỗi với người kia, còn người kia lại chẳng biết người này có lỗi gì. Bởi trước đó, mấy tháng rồi, hai nhà thơ đã vì thơ mà "cãi" về thơ. Nhân nói về những bức tường trong thơ Nguyễn Du, Vũ Hoàng Chương thích *"Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông"*. Bùi Giáng thích *"Nách tường bông liễu bay sang láng giềng"*.

Khi Vũ Hoàng Chương hỏi tôi thích câu nào, tôi nói tôi không thích đầu hay nách. Tôi thích một chỗ khác. Bùi Giáng cười sung sướng.

Tháng tư năm 74, Vũ Hoàng Chương đã yếu lắm rồi, làm sao ông sống nổi trong đám cháy ngùn ngụt lửa thù hận của những người cộng sản! Trong hình, ông không chải tóc rẽ đường ngôi, mặc áo dài nâu đón bạn thơ lại thăm như mọi khi. Má hóp, đầu rù, nhăn chân chim những đuôi con mắt. Xương xẩu đẩy vai áo ngủ nhô cao. Bùi Giáng nhìn chén trà trên tay bạn run rẩy. Khóc.

Chúng tôi muốn ra về sớm để Vũ Hoàng Chương nghỉ nhưng ông không bằng lòng. Lại uống trà, nói chuyện về thơ. Lại những bức tường. Tôi sợ vì thơ mà phải lặn lội đến làm lành. Rồi đến bao giờ mới có dịp nữa, để Bùi Giáng khỏi bị "Làm ổng buồn, tôi không chịu nổi". Nhưng khi các nhà thơ nói chuyện thơ, dẫu trái đất có ngừng quay họ cũng không cần biết. Vui thật. Cả hai ông đều muốn biết tôi nghĩ gì về hai bức tường kể trên. Tôi đã nói về một bức tường khác. *Đông bích hàn trùng bi cách tân*, tiếng côn trùng lạnh còn sót lại nơi tường đông buồn, ở bài *Thu dạ*, trong tập (thơ chữ Hán của Nguyễn Du) *Thanh Hiên*.

Một bức tường màu sắc và nhiệt độ, lửa lựu lập loè. Một bức tường hình ảnh chuyển động, bông liễu bay. Một bức tường cảm xúc âm thanh, tiếng côn trùng buồn lạnh. Âm thanh, hình ảnh, màu sắc. Ba bức tường một tâm sự Tố Như.

Cũng đau ốm, cũng nhàu ná, Vũ Hoàng Chương chỉ thua Nguyễn Du

về đường con cái. Vũ Hoàng Chương một. Nguyễn Du mười một. Vợ con hai ông đều "xanh như tàu rau vì thiếu ăn". Vũ Hoàng Chương đứng dựa lưng vào tường, ngoài cửa gác Mây, phía sau là tấm lưới ô sắt vuông, rợn sóng. Đôi mắt sâu thẳm, buồn bã.

Sau đó, tôi đọc thơ Bùi Giáng cho ông nghe.

Bay về ổ chín từng cao
Con chim giã biệt quên chào mái hiên.
Nước lang thang chảy xa miền
Vòng quanh ngõ nọ còn triền miên chi
Tôi người tỉnh lẻ ra đi
Chân trời nhớ nước đợi kỳ lên mây.

Mây. Lại thấy Mây. Vũ Hoàng Chương thích lắm. Ông thích nhất hai câu thơ của Bùi Giáng:

Đi lên bắt hạt sương trời
Gieo vào khía cạnh lệ người hồng nhan.

Ông ngắt một số chữ trong bài thơ, gom thành một câu thơ. *Người hồng nhan gieo trời sương.*

Tôi cũng đã đọc thơ Vũ Hoàng Chương:

Ta van cát bụi bên đường
Dù nhơ dù sạch đường vương gót này
Cho ta tròn một kiếp say

Bụi đỏ không vương được gót chân ông. Vũ Hoàng Chương chết đi nhưng thơ ông còn sống mãi. Thơ đã đi vào lòng người, với những câu:

Một manh chiếu lác hồn ngây ngất
Ba chén cơm rau, xác mỏi mòn
Ngày đến bữa ăn càng nhớ vợ
Đêm về giấc ngủ lại thương con...

Thơ ông đã thật hơn trước nhiều tuy vẫn còn ước lệ "ba chén cơm rau". Chỉ một chén thôi, ông Vũ Hoàng Chương ơi! Bề gì, thơ ấy đã được dân gian truyền miệng ở khắp mọi nơi. Ngay quán cóc đầu ngõ 13/c Kỳ Đồng, bên bụi trúc xanh, nơi Bùi Giáng và tôi thường uống cà phê. Tôi, cà phê đen. Bùi Giáng, cà phê trắng. Đế. Cả những câu không biết tác giả là ai, cũng được mọi người nhắc nhở:

Đôi dép râu dẫm nát đời son trẻ,
Nón tai bèo che khuất nẻo tương lai.

Tuyệt nhiên tôi không nghe ai nói đến:

Hoa xuân không đẹp người không đến,
Chỉ có trăng vào khuôn cửa thôi.
(VHC)

Quả thật, tôi đã không thích những Isabel, Tố của Vũ Hoàng Chương, cũng như Brigitte, Kim Cương của Bùi Giáng. Tôi yêu những gì hướng về đám đông, nhà thơ nói thay cho nhiều người không mở miệng được.

Cớ sao lại: *Lũ chúng ta một đàn dăm bảy đứa, Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh* (VHC). Vũ Hoàng Chương nói thay cho một số văn nghệ sĩ dinh tê, vào vùng tề, về thành à? Sáng mắt trước cộng sản từ những năm 48-49, chính là sớm sáng lòng đấy chứ?

Về Bùi Giáng, tôi vẫn nghĩ rằng: Đã chắc gì những người thợ cấy thợ cày nào cũng hiểu truyện Kiều, sao vẫn mê Kiều, thuộc lòng truyện Kiều. Nhưng *"Rách quần quĩ đạo cho tà huy bay"* là cái gì? Ôi, Bùi Giáng!

Một lần kia, sao ông nỡ bực tôi khi tôi kể lại chuyện xưa, có ông vua chẳng mặc quần áo chi cả, mà bao người vẫn cố khen loại hàng vải đẹp. Nhưng tôi quý ông ở chỗ, sớm hơn Picasso của hội họa, ông đã thành thật "Tôi chỉ giỡn chơi".

Vũ Hoàng Chương nghiêm ngặt chữ nghĩa trong thơ, trong khi Bùi Giáng xuề xoà. Một vườn cảnh. Một vườn hoang. Những miếu nguyệt vườn sương, âm dương nhật nguyệt khác hẳn lục tỉnh chiêm bao, mù sương phố thị.

Trước khi đưa Bùi Giáng đến thăm Vũ Hoàng Chương, tôi đã phải hết lời xin ông để lại ở nhà tôi cả một cái túi lớn đầy những giầy, dép, guốc đàn bà. Giầy cao gót Hélène, dép Thôi Oanh Oanh, guốc mộc Thúy Kiều. Thêm một con khỉ nhỏ được Bùi Giáng đặt tên là Sầu Cố Quận. Tôi biết gác Mây chỉ chứa trà thơ và hoa quỳnh. Tôi thấy Vũ Hoàng Chương và Bùi Giáng giống như cỏ mọc trên mái nhà, phất phơ.

Quanh đời Bùi Giáng, người ta đã thêu dệt quá nhiều chuyện lạ, nhuốm cả mùi thủ đoạn chính trị. Có điều chắc chắn rằng ông không điên. Người điên nếu có làm thơ không biết giữ thơ lại để xuất bản. Mang gạo đến nhà in Năm Cao Gia Định, ăn dầm ở dề, chỉ để sửa bản vỗ cho không còn sai một cái dấu. Sách in đẹp lắm, giấy rất tốt. Đến nay, tôi vẫn còn thèm loại giấy in *Mưa Nguồn*. Bùi Giáng lại còn biết đề giá cao, bán giá hạ để sách đi cùng khắp chân trời. Năm 90, ở ngoài này, người ta mới in những bài thơ mới làm của Bùi Giáng. Ông không điên, dù ông đã từng in chung thơ với Nguiễn Ngu Í. Thơ Điên Thứ Thiệt. Bùi Giáng bỏ đi và tìm lại tôi cũng chỉ vì tôi hay nói thẳng ra với ông những điều như thế. Cũng như khi nói về thơ Vũ Hoàng Chương, Bùi Giáng bảo: Rồi ông Chương sẽ thấy "khúc nhạc hồng êm ái".

Bùi Giáng nói đúng. Giữa thời một triệu tấn bom trút xuống mỗi phút, suốt ba năm liền, mà cứ *"vọng mỹ nhân hề, thiên nhất phương"*. Trời một phương. Đời bao nhiêu ngả? Trại giam cộng sản nào cũng chỉ có một cổng vào. Vào dễ. Ra khó. Ra được về nhà cũng chết. Ôi, Vũ Hoàng Chương.

Người làm thơ đẹp, với dáng bề ngoài nom ông có vẻ ngơ ngơ ngác ngác. Nhìn trời. Cười. Ờ, thế à. Có nhà thơ trẻ, hồi ấy, kể ràng: Chở Vũ Hoàng Chương sau xe gắn máy đi đâu đó, đến ngã tư Hồng Thập Tự - Lê Văn Duyệt đèn đỏ, xe ngừng lại. Rồi đèn xanh, xe chạy, nhà thơ kia vẫn nói chuyện với Vũ Hoàng Chương, nhưng mãi không nghe tiếng ông đáp lại. Ngoái cổ ra phía sau, không thấy ông đâu. Nhà thơ trẻ vội vàng quay xe trở lại xem nhà thơ già có ngã xuống đường. Đến ngã tư cũ, nhà thơ trẻ thấy ông Vũ Hoàng Chương đang đứng trên vỉa hè, nhìn trời ngắm mây. Đời ông yêu mây lắm. Thơ Mây, gác Mây.

Mây trời quãng đường Yên Đổ, nơi tôi tình cờ gặp lại Bùi Giáng năm 1988, ánh xà cừ. Từ Kỳ Đồng, tôi tính về Gia Định, tìm Bùi Giáng, ở chùa Già Lam. Nhưng chúng tôi đã gặp nhau ở vỉa hè đối diện với nhà cũ của ông Nguyễn Tấn Đời. Vẫn

đầu tóc bù xù, quần áo tơi tả, chỉ thiếu cái kính trắng và túi dép, guốc. Tôi ngừng xe đứng bên hè đường. Bùi Giáng kéo tôi ngồi bệt xuống lề đường nói chuyện. Ông hỏi tôi "Mới về à? Sao tù lâu quá vậy?" Sau khi móc hết các túi quần áo, được cả thảy bảy ngàn không trăm hai mươi lăm đồng, Bùi Giáng giúi vào tay tôi, nói: "Cầm lấy tiêu đi, còn bấy nhiêu thôi". Tôi từ chối, vì trước đó mấy hôm, tôi đã nhận được tiền của Nguyễn Thị Vinh ở ngoài này gửi về. Tôi cảm ơn Bùi Giáng bằng những giọt nước mắt. Bùi Giáng tiều tụy, tiêu điều quá.

Vâng, tôi đã khóc bên lề đường. Bởi cái đẹp của một "người điên" dành cho một "người không điên"? Hay bên kia đường, mấy em nhỏ đen đủi, rách rưới, đang bới rác kiếm sống? Chưa chắc gì những người làm chính trị đã yêu nước bằng chúng tôi, những người làm thơ. Họ giết chết dễ dàng các nhà thơ. Nhưng thơ không bao giờ bị giết.

Vũ Hoàng Chương chết ngay. Bùi Giáng chết dần. Cả hai nhà thơ đều suốt đời không tự lái một loại xe nào cả. Đi bộ, nhưng họ đã đi đến tâm hồn mọi người ở những nơi rất xa. Thơ mỗi người một vẻ. Nhưng chung một tấm lòng nhân hậu yêu người. Không giận ai. Không muốn ai giận.

Tôi có ý muốn rủ Bùi Giáng đi thăm một Vũ Hoàng Chương. Xong, lại thôi. Mới ra tù, tôi không còn sức để chở ông sau xe đạp. Nếu đi được, cũng chẳng còn gác Mây nữa. Chỉ còn những đám mây ngoại ô sáng nắng màu ngọc bích, chuyển sang hồng vàng sau mưa chiều. Mây ở quê nhà giờ ra sao? Nếu như thác là thể phách còn là tinh anh, xin ông đừng để cho Bùi Giáng phải khổ thêm nữa. Ngồi hàng giờ trên cầu Trương Minh Giảng, nghe chuông chùa Pháp Hoa, vọng từ bên kia kinh nước đen, xóm Oẹc, bên cạnh những người cùi lê lết xin ăn.

Lòng tôi se thắt lại. Tôi thích hay không thơ Vũ Hoàng Chương và Bùi Giáng, vô ích. Hai ông vẫn là hai nhà thơ tài hoa của đất nước. Một đất nước mà ngày nay các thi sĩ thứ thiệt lại bị giết chết, bức hại nhiều hơn nơi nào hết. Đất nước ta vốn lạ lùng nhất trần gian: Làm thơ trên nón. Đội thơ lên đầu. Nón bài thơ.

Trước khi chia tay, Bùi Giáng đã cho tôi một ý thơ, triệu lần hơn bảy ngàn không trăm hai mươi lăm đồng, giá mười ký gạo: Chết đi, không làm thơ được, nên cố đi, phải đi mà làm thơ cho đến chết.

Hiển nhiên, đấy cũng là điều mà bấy lâu Vũ Hoàng Chương hằng mơ ước:

Cho ta tròn một kiếp say

Say tới cái độ: với ai, chuyện gì, cũng ờ, thế à!

Tháng 4.1991

thơ

vũ hoàng chương

ba kiếp lang thang

Chúng ta đánh mất cả rồi sao?
Cả đến âm thanh một thuở nào
Da trống, tơ đàn, ôi trúc phách!
Đều khô như tiếng hát gầy hao.

Đàn mang tên Đáy mà không đáy
Rút hết rồi chăng sợi nhớ thương?
Hay phách, từ đâu rồi lạc phách,
Không còn dựng nổi bến Tầm Dương?

Hơi ca hồng đã tan thành huyết
Để tiếp vào cho má đỡ xanh?
Bạc mệnh, hỡi ơi, hoàn mệnh bạc
Đâu còn ấm nữa rượu tàn canh!

Hay là đêm ấy Ngưu lìa Chức
Xé nát da mình lau mắt ai?
Còn được gì đâu cho mặt trống,
Đập lên, hoang vắng đến ghê người!

Âm thanh trống rỗng, còn chi nữa,
Gắng gượng chi cho hồn nhạc đau!
Ba kiếp lang thang ngồi chụm lại,
Chúng ta mất hết, chỉ còn nhau.

10.7.1973.

Vũ Hoàng Chương và Kịch Thơ

Diệu Tần

Vũ Hoàng Chương không chỉ nổi tiếng về làm thơ mà còn viết kịch thơ. Ông đã cho in sáu vở kịch thơ: *Vân Muội, Trương Chi, Hồng diệp, Tâm sự kẻ sang Tần, Thằng Cuội* và *Cô gái ma*. Không những viết kịch thơ, ông còn là người sáng lập ban kịch Hà Nội và là diễn viên kịch nữa.

Tính chất thơ và kịch có những điểm xung khắc, tại sao có một dạo các văn nghệ sĩ đã kết hợp được hai thể loại làm một để gọi là kịch thơ? Tại sao một thi sĩ như Vũ Hoàng Chương rất tự do, rất phóng khoáng, lại có thể chịu gò bó trong hình thức kịch và còn lên sân khấu ngâm nga thủ diễn nữa?

Người ta cho rằng thơ là tiếng nói của nhân loại từ khi biết suy tư đến những thắc mắc về sự sống, cái chết, về thế giới và muôn vật. Thơ là tinh túy vượt lên sự tầm thường, phải đẹp, bay bổng trên mây. Thơ là phải có tính lãng mạn, giàu tưởng tượng, gợi suy tư. Người ta đọc thơ, nghe thơ để cảm chứ không để hiểu. Đừng dùng lý luận để hiểu thơ, phân tách thơ. Thơ ít lời, tác động gián tiếp, tìm đến bằng trực giác, không có hay ít có động tác. Thơ tự do hơn văn xuôi và càng tự do hơn nữa so với thoại kịch.

Kịch thì khác. Kịch ở Tây phương và các loại tuồng ở Đông phương đã có mặt để nói lên những mâu thuẫn giữa người với thiên nhiên, giữa người với người, và giữa người với nội tâm của hắn. Kịch là đời sống thường ngày, là những hệ lụy giằng co đối chọi. Kịch là tiếng nói chân thực, là những dằn vặt của con người (không kể loại kịch siêu thực như *En Attendant Godot* của Samuel Beckett). Về kỹ thuật viết và trình diễn, kịch cần có xếp đặt, bố cục chặt chẽ, có đầu mối có kết thúc, có thắt có mở. Vì là thể loại tổng hợp các bộ môn nghệ thuật, muốn đưa kịch bản lên sân khấu là cả một công phu, cần tổ chức, phối hợp, bài trí, âm nhạc, tiếng động, ánh sáng, mỹ thuật, và quan trọng hơn cả: cần các diễn viên đủ tài giúp đạo diễn và tác giả thực hiện cho được một mảng đời sống trên sân khấu. Kịch để hiểu ngay khi đang thưởng ngoạn chứ không có thì giờ để cảm kịch. Kịch trực tiếp đến với đối tượng, đập hẳn vào thị giác, thính giác, có tác dụng mạnh như phim ảnh nhưng cụ thể hơn bởi diễn viên là con người bằng xương bằng thịt.

Nếu thơ tự nó đã giàu nhạc điệu, hàm súc âm thanh, nhiều màu sắc thì cứ để tự thơ phải tỏa ra, cần chi đến những người trung gian là diễn viên diễn tả hộ? Cần chi đến những kỹ thuật sân khấu phụ giúp?

Người khởi đầu viết kịch thơ là Phạm Huy Thông nhưng chưa đưa lên sân khấu, vở *Anh Nga* và *Tiếng địch trên sông* năm 1937. Rồi Phan Khắc Khoan viết và dựng *Trầu cau* năm 1941. Vũ Hoàng Chương cho trình diễn *Vân muội* và lần lượt cho in vở *Trương Chi, Hồng Diệp, Vân muội* ba năm sau đó. Trong khi Phan Khắc Khoan viết thêm *Lý Chiêu Hoàng, Phạm Thái* có tính cách hùng tráng thì Vũ Hoàng Chương vẫn chọn những đề tài như *Thằng Cuội, Cô gái ma* và đặc biệt có *Tâm sự kẻ sang Tần*.

Đồng thời và sau Vũ Hoàng Chương còn có Thao Thao viết *Quán biên thùy*, Nguyễn Bính viết *Bóng*

giai nhân, Nguyễn Huy Tưởng viết *Vũ Như Tô* và trước 75 có Vũ Quang Hân cũng viết kịch thơ.

Chính nhà thơ họ Vũ đã lập ra ban kịch Hà Nội và thủ vai Hoàng Long, còn thi sĩ Đinh Hùng đóng vai Vân muội. Vở *Vân muội* trình diễn đến mười lần trong khoảng hai năm 1942 và 1943. Đây là một việc hiếm có. Kịch đã mới mẻ vào thời 42-43 mà còn là kịch thơ, diễn được mười buổi vẫn có khán giả, lại là khán giả chọn lọc, thì phải kể như thành công. *Vân muội* đã đánh đúng vào tâm trạng khán giả thành thị những năm có thế chiến thứ hai.

Người viết bài này, hậu sinh, không được xem tài diễn xuất của Đinh Hùng với vóc dáng nhỏ bé Vân muội và giọng ngâm của Vũ Hoàng Chương Hoàng Lang, nhưng được xem *Tâm sự kẻ sang Tần* năm 1951 tại Nhà Hát Lớn Hà Nội, rất thích giọng ngâm số một Văn Phú trong vai Cao Tiệm Ly. Lại được xem *Vân muội* do ban kịch Mai Lâm dựng năm 1952, họa sĩ Mai Lâm đóng vai Hoàng Lang, Lộng Ngọc (vợ Mai Lâm) giữ vai Vân muội. Lần thứ nhất, được ngắm một Vũ Hoàng Chương, nhà thơ số một trong vùng tề thuộc lớp tiền chiến, rất nghệ sĩ, rất phong nhã, rất tự tin trong áo đoạn đen, khăn xếp, giày Gia Định, đứng trước màn nhung đỏ nói những lời giới thiệu. Lần thứ nhì, tại Sài gòn năm 57, ông mặc áo dài trắng, phong thái vẫn ung dung tuy có hơi gầy đi đứng nói lời mở đầu cho *Tâm sự kẻ sang Tần* được trình diễn lần thứ nhì.

Cả ba lần xem kịch thơ Vũ Hoàng Chương, tuy thích thơ ông, khoái giọng ngâm Văn Phú, ưa vẻ đẹp Lộng Ngọc, nhưng sao không thấy say mê và xúc động đến ứa nước mắt bằng khi được xem vở kịch thơ *Lên đường* của Hoàng cầm cũng ở Nhà Hát Lớn Hà Nội, với nhưng diễn viên học sinh không tên tuổi. Chưa kể đến vở trường kịch nổi tiếng *Lôi vũ* của Tào Ngu, do Tiền Phong dịch, dựng và đóng vai ông chủ họ Chu, Kiều Hạnh trong vai Phồn Y và Xuân Dung trong vai Thị Phượng.

Người viết bài này kính phục Vũ Hoàng Chương, có ý xin được gặp để học hỏi thêm về kịch bởi tập tọng viết kịch từ năm 1955. Rất tiếc là không được ra mắt nhà thơ. Năm 1969, Vũ Hoàng Chương là một trong các giám khảo giải Văn chương Toàn quốc, bộ môn thơ. Tôi đi học xa, khi trở về, được ông bạn chia giải thưởng nhất đồng hạng bộ môn thoại kịch trao lại cho một tấm danh thiếp của Vũ Hoàng Chương. Mặt sau tấm thiếp là hai câu thơ chữ viết như rồng bay phượng múa có lồng tên vở kịch và bút hiệu của tôi. Người bạn cũng khoe cánh thiếp thứ hai, có tên và vở kịch anh đoạt giải thưởng, hai câu thơ nối tiếp một hơi tứ tuyệt. Anh bạn kể lại: "Khiếp thật, ông hỏi tên anh và tôi rồi múa bút trong nháy mắt đã thành thơ..."

Giờ đây, ngồi nghĩ lại mới thấy kịch thơ về kỹ thuật truyền đạt không có tác dụng mạnh bằng thoại kịch. Ngoài ra, nội dung tác phẩm và thời điểm trình diễn còn giữ phần quan trọng hơn nữa. *Vân muội* được đón nhận nồng nhiệt năm 1942-1943 nhưng sức thuyết phục đó đã kém đi nhiều vào năm 1952. *Tâm sự kẻ sang Tần* cũng vậy, mặc dù kỹ thuật thơ, tứ thơ, hồn thơ vẫn là một áng văn xuất sắc.

Trong *Vân muội*, chàng thư sinh Hoàng Lang - hay chính Vũ Hoàng Chương - là một thanh niên lãng mạn, lẫn mộng với thực, mơ thoát ly, yêu để rồi thất tình vỡ mộng. Hướng đi trong kịch, khác với Hoàng Cầm và Phan Khắc Khoan, không hề có ý mượn chuyện xưa tích cũ để nhắc nhở, khuyến khích câu chuyện quốc gia, dân tộc. Đây là lý do tại sao vở kịch huyễn mộng đó được hoan nghênh tới mười lần trong hai năm 1942-1943. Hai năm này là dư hương, dư vị lối sống, cách nghĩ lãng mạn của thập niên 30. Đó là dấu chấm hết của một thời lãng mạn, không lý tưởng, không chủ đích, có nhiều cô gái tự tử cho đỡ buồn. Trong khi đó thì dân Việt bị chèn ép vây bủa dưới hai áp lực: Pháp thực dân hết thời và phát-xít Nhật Đại Đông Á. Ở nông thôn, chịu ảnh hưởng thế chiến thứ hai, dân càng đói khổ hơn để đi dần đến cái đói kinh khủng năm Ất Dậu. Nơi thành thị, ngoài những người thoát ra chiến khu quốc gia hay chiến khu cộng sản, đại đa số còn lại sống trong một không khí ngột ngạt, không lý tưởng, mang ý nghĩ "sinh nhầm thế kỷ", chán chường, buông thả, tìm quên thực tại trong tình yêu, tìm mộng, tìm say, tự đánh lừa mình. *Vân muội* đã xuất hiện để đáp ứng nhu cầu tìm giải thoát của đám khán giả thành thị.

Cho đến năm 1951, 1952, tình hình thế giới có nhiều thay đổi. Trong nước, Việt Minh thừa thắng xông lên. Vùng ảnh hưởng của Pháp và quốc gia cứ thu hẹp dần để đi đến đổ vỡ cuối cùng Điện Biên Phủ. Sống trong không khí đầu sôi lửa bỏng như thế, những vần thơ trau chuốt đẹp như ngọc gieo cũng không còn cảm nổi người thanh niên:

Nằm say nhựa tỏa cánh xiêu xiêu,
Giường thấp nghe trời xuống tịch liêu
Sự nghiệp nào đâu trưa nắng xế?
Hoa phai thề ước lá tàn yêu
Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết
Một ván cờ thua ngả bóng chiều
Ai khóc đời ai trên bấc lụi
Đây mùa thu sớm lửa dần thiêu.

(Ngoài ba mươi tuổi)

Họ cũng không đồng ý nổi với thú vui khiêu vũ:

Bốn tường gương điên đảo
bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió,
Không biết nữa, màu xanh hay sắc đỏ
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta.

(Say đi em)

Như vậy, chàng thư sinh Hoàng Lang trong *Vân muội*, sống được hơn mười năm, đã phải rút lui, nhường

niên mạnh khoẻ hơn cả thể chất lẫn tư tưởng để có thể đối phó với một vận hội đang biến chuyển mạnh thời đó.

Do đó, buổi trình diễn *Vân muội* lần thứ mười một, năm 1952, không thể kéo lui lại một thế giới, một không khí bế tắc thời 32-42, mặc dù lời thơ Vũ Hoàng Chương vẫn hàng hàng gấm thêu. Kết quả khiêm nhường của buổi trình diễn là điều không thể tránh. Không khí bế tắc, cái ngột ngạt của thời thế đã ảnh hưởng tới tài hoa Vũ Hoàng Chương nhiều lắm!

Tâm sự kẻ sang Tần được trình diễn năm 1951 tại Hà Nội và năm 1957 tại Sài gòn. So với *Lên đường* của Hoàng Cầm có nội dung dân tộc hơn, gần với cảm quan và tâm trạng người Việt thời đó hơn, *Tâm sự kẻ sang Tần* của Vũ Hoàng Chương tuy chải chuốt, dùng chữ lựa câu thần tình nhưng chỉ thành công vừa phải và do dựa vào uy tín của tác giả nhiều hơn vào kịch bản.

Nội dung *Tâm sự kẻ sang Tần* không đáp ứng được niềm suy tư của thanh niên lúc bấy giờ, không có điểm nào liên hệ đến thực tế cuộc sống năm 51 và 57. *Tâm sự kẻ sang Tần* đúng ra phải là tâm sự của Kinh Kha, vai chính. Nhưng Vũ Hoàng Chương đã hướng tâm sự Kinh Kha thành tâm sự hay quan niệm sống của Cao Tiệm Ly, có thể cũng là quan niệm sống của chính tác giả.

Từ xưa đến nay, hành động vượt sông Dịch qua Tần giết bạo chúa của Kinh Kha được khen cũng nhiều, bị chê cũng lắm. Ở đây, họ Vũ không khen hay chê, mà chỉ dùng Kinh Kha như một cái cớ để giãi bày, gửi gấm một quan niệm sống, qua lời phát biểu của Cao Tiệm Ly. Đừng mong thấy cảnh Phan Ô Kỳ khẳng khái tự đâm mình để lấy đầu dâng vua Tần, đừng mong có cảnh Kinh Kha buồn, lúc nhận bàn tay người đẹp bị chặt đứt do thái tử Đan dâng tặng; cũng không có cảnh hào hùng và tuyệt vọng lúc Kinh Kha cố giết cho được Tần Thủy Hoàng nhưng cuối cùng đã chịu hy sinh. Cao Tiệm Ly, bạn thân Kinh Kha thuở hàn vi, bạn rượu, bạn thơ, mới là vai chính; tuy ít xuất hiện trên sân khấu nhưng lối nghĩ, cách sống đã bàng bạc suốt vở kịch.

Nhân sinh quan và thế giới quan của Cao Tiệm Ly là: chúng ta đã sinh nhầm thời, kẻ địch đang mạnh (Tần Thủy Hoàng), phải tuân theo số mệnh, đừng cố xoay ngược tình thế mà uổng công, nên bỏ đi ngao du sơn thủy "nghiêng bầu mà hỏi, dốc bầu mà say", tự do, phóng khoáng, quên chuyện nhân thế bằng tiếng sáo phiêu diêu hơn là dấn mình trong vòng tranh chấp. Ngay cả trước khi vượt dòng Dịch thủy, thi hành sứ mệnh quan trọng do thái tử Đan giao phó, Cao Tiệm Ly cũng đã mớm lời chủ bại cho Kinh Kha. Phải chăng tâm thần bất ổn, đường gươm vụng về, chậm chạp, Kinh Kha đã nhận cái chết thảm khốc, một phần là do tư tưởng Cao Tiệm Ly gieo rắc?

Năm 1957 cũng không phải là năm thực sự thái bình thịnh trị ở miền Nam. Những người cộng sản nằm vùng bắt đầu ngóc dậy. Miền Bắc bắt đầu chiếu cố miền Nam, lén lút tung gián điệp xâm nhập để chuẩn bị cho ngày ra mắt Mặt trận Giải phóng miền Nam năm 1960. *Tâm sự kẻ sang Tần* được dựng một lần nữa tại Sài gòn năm ấy chỉ có giá trị về nghiên cứu, thoả mãn nhu cầu ngâm vịnh trên sân khấu và để làm hài lòng những người yêu thơ, có tâm hồn hoài cổ.

Ngoài vấn đề nội dung và thời điểm trình diễn là những yếu tố quyết định của kịch, còn phải nói đến vấn đề kỹ thuật và không gian trình diễn nữa.

Kịch vốn khó thực hiện ở Việt Nam từ xưa đến nay, lại càng khó hơn khi trình diễn ở miền Nam. Càng khó hơn nữa khi đó là kịch thơ. So sánh với cải lương đã có sẵn nền nếp trong Nam, kịch thơ không thể hấp dẫn người xem bằng phông cảnh, y trang, ánh sáng, bài trí rực rỡ nhiều màu sắc như cải lương. Màu sắc bài trí của thơ là cả một sự hoà hợp có suy tính, cân nhắc, điều độ, nhẹ nhàng và tượng trưng. Màu sân khấu thơ là màu lạnh, màu sân khấu cải lương là màu nóng. Hình thức này khán giả đại chúng miền Nam không hài lòng.

Về âm điệu ngâm thơ và ca cải lương có những điểm khác biệt. Thể điệu ca này, thể điệu ngâm kia chọn khán thính giả từng miền khác nhau, nên kịch ngâm bằng thơ không được phổ biến rộng.

Một khó khăn khác là động tác của thơ không theo kịp động tác kịch. Nhịp độ thơ không chạy theo kịp nhịp độ kịch khi cần có những nút thắt mở bất ngờ. Một ví dụ nhỏ, thơ dưới dạng đối thoại, nhiều lúc phải ngắt rời câu thơ thành nhiều mảnh: Dạ, thưa, xin vâng, xin bái lĩnh, xin lĩnh ý,v.v... hơi gượng ép và cũng làm giảm hơi thơ đi phần nào.

Vì thế, có thể trả lời câu hỏi bên trên rằng, Vũ Hoàng Chương đã không làm kịch thơ - có lẽ nên đặt là thơ kịch thì đúng hơn. Ông chỉ muốn dùng hình thức kịch, kỹ thuật kịch, mượn sân khấu để chuyên chở, quảng bá thơ, diễn đạt hộ cho thơ thôi. Ông chỉ chơi thơ chứ không chơi kịch. Ông vừa đạt được nhu cầu dùng kịch để đưa thơ đến người thưởng ngoạn, thoả mãn được nhu cầu xướng ngâm cho mình và cho đối tượng, vừa nói to lên quan niệm sống nhàn lạc, tìm quên lãng của mình.

Kịch thơ của Vũ Hoàng Chương trước hết phải là một tập thơ trọn vẹn. Độc giả có thể ngâm nga thơ lúc nào muốn. Thính giả có thể thưởng thức giọng ngâm lúc đêm khuya qua làn sóng điện. Kịch thơ không bắt buộc như kịch nói, nghĩa là phải được trình diễn trên sân khấu.

Khác với Phan Khắc Khoan, Thao Thao, Nguyễn Huy Tưởng, Hoàng Cầm, Vũ Quang Hân; Vũ Hoàng Chương không viết kịch thơ để làm sống lại những nhân vật lịch sử nước nhà, khêu gợi, khích động sự bất khuất, tinh thần dân tộc, lòng yêu nước qua lời thơ mạnh khoẻ, hùng tráng, quả cảm. Nhất là so với *Lên đường* của Hoàng Cầm đã được diễn nhiều lần trong vùng kháng chiến

chống Pháp cũng như các vở kịch thơ ngắn khác, gợi nên lòng căm thù, ý chí chiến đấu chống xâm lăng Pháp.

Kịch thơ xuất hiện trên sân khấu từ năm 1941 với vở *Trầu cau* của Phan Khắc Khoan, rồi *Vân muội* của Vũ Hoàng Chương ở Hà Nội, và sống cho đến lần trình diễn *Tâm sự kẻ sang Tần* năm 1957 tại Sài gòn. Mười bảy năm dai dẳng, khi thịnh khi suy, sau đó đã im tiếng hẳn.

Thoạt đầu ở miền Bắc, kịch thơ ra đời là để tránh cái khô khan tẻ nhạt theo quan niệm lúc đó, thỏa mãn nhu cầu xướng ngâm - khởi đi kịch thơ được làm theo thể thơ tám chữ, gốc từ lối Hát Nói, có tính chất mới mẻ và văn học cao hơn tuồng chèo; vừa với mục đích quảng bá quan niệm sống tự do, phóng khoáng, quên thực tại *(Vân muội, Tâm sự kẻ sang Tần)*, hoặc để khích động, đề cao lòng yêu nước *(Lên đường, Trầu cau, Lý Chiêu Hoàng, Phạm Thái,...)*.

Về sau này, như một vài nghệ sĩ đàn anh khác, theo với những biến chuyển trong và ngoài nước, quan niệm sáng tác của Vũ Hoàng Chương đã chuyển hướng, nhất là sau biến cố Phật giáo miền Trung và sự sụp đổ của nền Đệ nhất Cộng hoà. Ông có những bài thơ thật đôn hậu, đề cập đến gia đình, đến tình mẫu tử. Những bài thơ ông viết để phản đối độc tài, chống chế độ Tần Thủy Hoàng tân thời vừa sâu sắc vừa tràn ngập chất thơ. Tiếp sau, càng về hoàng hôn cuộc đời, thơ ông càng nhuốm màu từ bi, đạo hạnh.

Vũ Hoàng Chương làm thơ cả cuộc đời, nhưng chỉ thí nghiệm làm kịch thơ có mười bảy năm. Kịch thơ đã làm xong nhiệm vụ các tác giả muốn gửi gấm. Kịch thơ đã đóng trọn vai trò trong bối cảnh lịch sử và nhu cầu thời thế cần đến nó. Nếu sau này thể loại văn chương kịch kết hợp với thơ còn được dựng trên sân khấu thì ta có thể hiểu tương tự như hát bội, nó chỉ còn mang tính cách nghiên cứu và nặng phần hoài cổ.❑

thơ vũ hoàng chương

đời tàn ngõ hẹp

Gối vải mộng phong hầu
Vàng son mờ gác xép,
Bừng tỉnh mưa còn mau,
Chiều tàn trong ngõ hẹp.

Mưa lùa gian gác xép,
Ngày trắng theo nhau qua,
Lá rơi đầy ngõ hẹp,
Đời hiu hiu xế tà.

Ôi, ta đã làm chi đời ta?
Ai đã làm chi lòng ta?
Cho đời tàn tạ, lòng băng giá
Sương mong manh quạnh chớm thu già.

Mải mê theo sự nghiệp,
Quá trớn lỡ giàu sang,
Mưa rơi chiều ngõ hẹp,
Lá vàng bay ngổn ngang,
Dìu vương nhau mươi chiếc lá khô vàng
Xuân đời chưa kịp hưởng,
Mây mùa thu đã sang.

Giấc hồ nghe phất phới,
Cờ biển nhịp mơ màng,
Đường hoa son phấn đợi,
Áo gấm về xênh xang.

Chập chờn kim ốc giai nhân,
Gió lạnh đưa vèo,
Khoa danh trên gối rụng tàn theo,
Nao nao đàn sáo phai dần,
Hạnh phúc tàn theo,
Nửa gối thê nhi lá rụng vèo!

Song hồ lơ lửng khép,
Giường chiếu ẩm hơi mưa,
Chiêm bao mờ thoáng hương thừa,
Tan rồi mộng đẹp,
Ôi, thời xưa!

Ta đã làm chi đời ta xưa?
Ta đã dùng chi đời ta chưa?
Thiên thu ngờ sự nghiệp
Chiều mưa rồi đêm mưa.
Gió lùa gian gác xép,
Đời tàn trong ngõ hẹp!

Thơ Vũ Hoàng Chương Bằng Tiếng Đức

Trần Văn Tích

công trình văn học Đức ngữ liên quan đến văn chương Việt Nam có thể xem là một trân phẩm. Và một trong số những trân phẩm đó có đối tượng là một số bài thơ của Vũ Hoàng Chương. Bài viết ngắn này phân tích sơ lược bản dịch, nhằm góp thêm một cái nhìn về thi sĩ họ Vũ.

*

* *

Năm 1966, nhà xuất bản Hoffmann và Campe ở thành phố hải cảng Hamburg đã phát hành một tuyển tập hai mươi tám bài thơ thất ngôn tứ tuyệt của Vũ Hoàng Chương do Kosmas Ziegler dịch ra tiếng Đức, dưới nhan đề *Die achtundzwanzig Sterne (Nhị thập bát tú)*. Bản dịch có thủ bút của thi sĩ họ Vũ ghi lại bài *Lòng chàng ý thiếp* kèm theo một bài Bạt do Rudolf Hagelstange viết. Người phụ trách điểm sách ở thư viện viện đại học Bonn cho rằng đây là lần đầu tiên, thi ca Việt Nam được chuyển dịch sang tiếng Đức (?).

Đầu đề tập thơ không thấy ghi trong các tác phẩm của Vũ Hoàng Chương mà chúng tôi hiện có (9). Có thể đây đã là dụng ý của thi sĩ, khi chọn riêng một tên gọi cho một tuyển tập tiếng nước ngoài. Người

*N*ước Đức đương nhiên là ít có duyên nợ văn chương với tiếng Việt. Một câu khẩu hiệu:

Rồng Nam phun bạc,
đánh đổ Đức tặc (1);

một khổ ca dao song thất:

Trách Alơmăng nó lăng xăng làm loạn,
Thiếp đưa chàng lai láng dòng châu (2)

một câu văn tế:

Ấn tái phạm vì lời thông Đức,
Dạ sắt vàng thêm thử lại thêm bền (3)

một dòng thơ khen ngợi tài kinh doanh của một hãng dầu đặt trụ sở ở Sài gòn xưa cũ:

Có hãng trữ dầu tên Ét-bê-đen (4)
Cần lao thương cuộc khá khen,
Gốc người Đại Đức Rút-sen (5)
kinh thành (6);

một nhân danh rất xa lạ trong thơ văn Tản Đà: *Kha Dinh Bố Ước Hãn* (7); một định nghĩa trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi *"Thần đầu là cá có hình người có đuôi không vẩy"* khiến gợi nhớ đến mỏm Lorelei rất nổi tiếng trên sông Rhein gần thị trấn Koblenz; một khổ nạn chung của hai dân tộc do tên tướng Mông Cổ Ngột-lương-hợp-thai gây nên từ mấy thế kỷ trước (8),v.v.. là một ít chứng tích văn học sử họa hoằn thu nhặt được trong vốn liếng thư tịch nước nhà.

Về phần dịch thuật thì *Truyện Kiều* đã được dịch ra tiếng... Đông Đức (vì do một cơ sở ấn loát của chế độ E. Honecker xuất bản); *Chinh phụ ngâm* đã được dịch ra tiếng... Tây Đức (vì do Tiến sĩ Hohl, người từng giảng dạy ở Viện Goethe Sài gòn chấp bút); *Ngọc kiều lê* đã được dịch ra tiếng Đức, tuy rằng đối tượng dịch thuật không phải là tác phẩm của Lý Văn Phức mà là nguyên tắc Trung văn; đấy là không kể một số bản dịch thơ văn của các tác gia miền Bắc của nền văn học Xã hội Chủ nghĩa Cộng hoà Dân chủ Đức quá cố.

Tóm lại và nhìn chung, một

viết bài Bạt đã giải thích như sau:

"Tuyển tập của chúng tôi 'Hai mươi tám ngôi sao' qui tụ hai mươi tám bài thơ, mỗi bài gồm hai mươi tám chữ, trình bày thành bốn dòng, mỗi dòng bảy chữ. Tuyển tập kế tục truyền thống chơi số của Vũ Hoàng Chương (...) Bài thứ nhất 'Trời và nước trong đêm sao sáng' và bài thứ năm 'Dạ cảm' thuyết minh theo một phong cách vừa thi vị vừa toán học - thi sĩ đã từng qua một quá trình học hỏi chuyên môn về luật học và toán học - con số 7 thần kỳ (die mythische Zahl 7), con số 7 vẫn hằng tái hiện trong (khái niệm) *thất tinh, trong thơ thất ngôn, trong bảy màu cầu vồng, trong thất tình: hỉ, ai, ái, ố, dục, phẩn, hối (10)"*.

Người điểm sách nhấn mạnh thêm ý hướng của nhà thơ khi đùa bỡn với con số bảy là đã tự chứng minh được tư thế đại biểu cho *poésie pure* (tiếng Pháp trong nguyên tác).

Không những đầu đề tập thơ không thấy ghi trong các tác phẩm của Vũ Hoàng Chương chúng tôi gom góp được; mà bản thân các bài thơ đối tượng của bản dịch cũng không thấy được tuyển trạch trong ba công trình nghiên cứu văn học sử và trong hai thi phẩm của nhà thơ quá cố chúng tôi hiện có. Không có nguyên tác Việt ngữ để đối chiếu nên khi muốn đánh giá mức thành công của dịch phẩm thì cũng rất là khó khăn. Ngoại lệ duy nhất là bài thơ mang thủ bút của tác giả, bài *Lòng chàng ý thiếp*. Phần dịch tiếng Đức của bài này được in ở trang 27:

Soldaten und ihre Frauen
Zu Tausenden liegen die toten
Soldaten fluBhingestreckt.
Schwalben flug schreibt an den
Himmel die Todeskunde.
Zerfetzt wird auf Erden
schmerzstarrer Frauen Herz:
Schwalbenschrift im Himmelsblau
ist scharfstes gebogenes Messer.

Thử dịch ngược lại sang tiếng Việt thì sẽ là:

Chinh phu và chinh phụ
Quân lính chết nằm dọc dòng sông cả ngàn.
Chim én bay trên trời viết thành tin tử vong.
Dưới đất quả tim chai cứng của chinh phụ tan nát vì đau khổ.
Nét chữ chim én trên trời xanh là lưỡi dao cong bén nhất.

Bài thơ còn có những dòng chú thích như sau: *"Chim én được người Việt Nam gọi là 'chữ' vì cánh và thân chúng có những đường ngang nét dọc khiến liên tưởng đến chữ Hán. Hơn nữa chim én vốn được xem là kẻ mang tin"*.

Vẫn cũng là đầu đề *Lòng chàng ý thiếp* nhưng ở phần thủ bút của tác giả *Mây* thì đầu đề đó lại được dịch là:

Seine Seele - ihre Gedanken

hay, nếu trực dịch sang tiếng Việt:

Hồn chàng - ý nàng.

Sau đây là bài *Lòng chàng ý thiếp* trong bản ngữ:

Thây phơi dọc bến chẳng ai nhìn,
Giòng nhạn ngang trời tự sắp tin
Đâu đấy nàng Tô gan đá nát
Khuôn xanh từng chữ nét dao in.

Bài Bạt còn nhắc đến một đoạn thơ khác của Vũ Hoàng Chương trong tập *Mây*, bài *Hơi tàn Đông Á;*

Ngai vàng Mông Cổ ngự đêm nâu
Hãy nghe bão táp trong cô tịch
Vó ngựa dân Hồi dẫm đất Âu.

mà R. Hagelstange chuyển thành:

Dschingis Khans Thron steht
majestatisch in dunkler Nacht.
Hore den Sturm im Schweigen
brausen!
Pferdehufschlag der Unglaubigen
uberzieht Europas Lander...

dịch nghĩa:

Ngai Thành-cát-tư-hãn đứng
uy nghi trong đêm tối,
Hãy nghe cơn bão gầm
trong im lặng!
Vó ngựa lũ vô thần xâm lược
các nước châu Âu...

*
* *

Tập thơ dịch không dày, chỉ có 48 trang. Không có phần dành riêng giới thiệu sơ lược tiểu sử thi sĩ, tuy rằng bài Bạt có nhắc đến các đam mê của nhà thơ "nhạc, ca, vũ, tửu, sắc, nha phiến" nói riêng; đến tính cách giàu tiết tấu nhạc học, giàu sắc thái biểu đạt của tiếng Việt nói chung.

Trong quá trình dịch, có khi đã có sự chú trọng đến ngôn ngữ đích *(target language)*; có khi ngược lại, đã có sự vất vả cố theo cho được tinh thần ngôn ngữ gốc *(source language)*. Qua đọc trọn vẹn phần tiếng Đức và qua so sánh với hai đoạn ngắn nguyên tác, thấy người dịch có vẻ đã phải bỏ ra rất nhiều công sức để giới thiệu công trình khiêm tốn tiếng Việt với độc giả Đức ngữ.

Tất nhiên là bản dịch đã phần nào thể hiện được nội dung mà ngôn ngữ gốc biểu đạt. Tuy nhiên vì trong văn bản, có những điều không thuộc phạm vi ngôn ngữ (ý tại ngôn ngoại) gắn liền với hoàn cảnh xã hội của tác giả, với tâm tình nhà thơ, với cung cách sống của người viết, với quan niệm về cuộc đời của người sáng tác,v.v... nên người dịch, dẫu có dày công sáng tạo vẫn không phải bao giờ cũng tìm ra được những đơn vị khái niệm tương đương trong ngôn ngữ chuyển dịch để diễn tả.

Cùng một đầu đề bài thơ *Lòng chàng ý thiếp* đã có hai cách dịch. Điển tích nàng Tô đã bị bỏ rơi: chuyển qua Đức ngữ chẳng những khó khăn mà còn rắc rối, vì nàng Tô có thể là Tô Thị của cổ tích Việt Nam mà cũng có thể là Tô Huệ của *Tấn Thư*. Ngai vàng Mông Cổ trở thành Thành-cát-tư-hãn: nguyên tác không hề nói đến một nhân vật lịch sử cụ thể mà chỉ ghi khái quát về một ngôi vua. Dịch vậy không đúng đã đành, mà lại còn sai gấp đôi vì Thành-cát-tư-hãn không phải là kẻ đã dẫm nát hầu như toàn bộ đất Âu - kể cả nước Đức - mà là cháu của y, Bạt-đô, vào mùa đông năm 1240-1241. Chứ bản thân "Dschingis Khan" thì đã chết trên đường viễn chinh ở huyện Thanh Thủy, tỉnh Cam Túc từ năm 1227.

Nhưng điểm thiếu sót nặng nề nhất là phong cách của các bài thơ đã không được bảo đảm, nhất là đối với bài *Hơi tàn Đông Á*. Đây là một bài thơ vừa trang nhã vừa bay bướm, giàu ẩn dụ, dùng nhiều chữ với hai nghĩa hay ít nhất thì cũng với hai sắc

thái ngữ nghĩa. Ngay trong ba câu thơ được chọn để dịch cũng đã có chữ *đêm nâu* rơi vào tình huống này. Ở khổ thơ thứ nhất, bản gốc nhắc đến

Say nghe giọt nhựa khóc trên đèn.

Cho nên khi thấy bóng dáng *đêm nâu* thì người đọc phải theo cùng mạch văn mà nghĩ đến cái màu đặc biệt, cái màu nội tâm, cái màu ám ảnh nhà thơ trọn đời, cái màu mà tiếng Việt đã sẵn dành cho một nàng tiên. Chứ đêm của *Hơi tàn Đông Á* không thể chỉ là đêm tối. Vả lại, phủ lên trọn bài thơ cũng là đôi cánh của Phù Dung nương tử. Bốn khổ thơ, mỗi khổ bốn câu thất ngôn với nội dung cô đọng, ý tứ hàm súc, với văn phong uyển chuyển, với bút pháp nhẹ nhàng. Bản dịch phần thơ được trích dẫn - ba câu cuối của khổ thứ hai - đánh mất hoàn toàn không khí đó. Nó trở thành một chuỗi khớp ngạnh kết, một dòng văn xơ cứng đến là tội nghiệp.

Nếu chữ nâu người dịch không làm sao đưa được vào tiếng Đức thì cả hai cách chuyển ngữ Lòng chàng ý thiếp cũng cho thấy sự thất bại não nề của bản dịch. Tâm hồn Việt Nam nghe bốn chữ này là nghĩ ngay tức khắc đến khúc ngâm chinh phụ đã đành, mà mỗi chữ *lòng, chàng, ý, thiếp* cũng có một "lý lịch", một bản sắc riêng. Khi tiếng Đức bảo: *Soldaten und ihre Frauen* thì thực ra chỉ có nghĩa là lính và vợ họ. Câu văn dịch đành thúc thủ, chẳng làm sao lột được cái thần cái duyên của câu văn gốc: *lòng chàng* không phải là *lính* và *ý thiếp* không hề là *vợ họ*! Riêng sắc thái biểu đạt của chữ *thiếp* thì e rằng Goethe có sống lại chắc cũng không thể nào dịch nổi cho đạt: *thiếp* khác với *nàng*, với *vợ*, như màu tím hoa cà khác màu tím hoa sim.

Nhưng quả cũng là khó: làm thế nào tiếng Đức lại tạo được mỹ cảm cho người Việt cũng như người Đức thưởng thức Vũ Hoàng Chương? ❑

Chú thích:

1. Khẩu hiệu tuyên truyền nhằm kêu gọi quân chúng mua quốc trái thời Pháp thuộc.

2. Hai câu này mô tả nỗi lòng người vợ tiễn chồng tòng chinh sang Pháp đánh Đức hồi thế chiến I.

3. Phan Bội Châu. *Văn tế Phan Châu Trinh*. Năm 1914, Phan Châu Trinh nhận một bức thư được mô tả là của Hoàng thân Cường Để từ Đức gởi qua trong khi cụ Phan đang ở Paris nên bị Pháp bắt giam vào nhà ngục quốc sự phạm Santé.

4. Speidel. Cách phiên âm của tác giả bài thơ không đúng.

5. Prussien: thuộc nước Phổ.

6. Nguyễn Liên Phong. *Nam kỳ phong tục nhân vật diễn ca.*

7. Nguyên.văn câu liên hệ như sau: *"Nhờ thiên lương ông Kha Dinh Bố Ước Hãn mà thế gian mới có phép in chữ sách rời"*. Tản Đà muốn nhắc đến J. Gutenberg (1394?-1468), người phát minh nghề in bằng chữ rời.

8. Ngột-lương-hợp-thai từng tấn công vào Ba Lan và Đức trước khi sang xâm lăng Đại Việt.

9. Để viết bài này, chúng tôi có các tài liệu sau đây:

a. *Mây*, bản in lại ở quốc ngoại (Đài loan) theo bản năm 1959 của nhà in Nguyễn Đình Vượng.

b. *Chúng ta mất hết chỉ còn nhau*, nhà xuất bản Rừng Trúc, Paris 1954.

c. Các phần phê bình thơ Vũ Hoàng Chương trong:

- Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, in lần thứ nhất năm 1942 ở Hà Nội.

- Phạm Thanh, *Thi nhân Việt Nam hiện đại*, quyển I, Sài gòn 1959,

- Trần Tuấn Kiệt, *Thi ca Việt Nam hiện đại (1880-1965)*, quyển I, Đại Nam in lại ở quốc ngoại.

10. Dịch sát theo nguyên văn: hai tình cảm chót được ghi là Thất vọng (Verzweiflung) và Hối hận (Reue).

---

thơ

vũ hoàng chương

quên

Đã hẹn với em rồi không tưởng tiếc
Quãng đời xưa, không than khóc gì đâu!
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc,
Sát gần đây gần nữa cặp môi nâu.

Đêm nay lạnh tìm em trong gác tối,
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa
Có lẽ đâu tâm linh còn chọn lối
Để đi về cay đắng những thu xưa.

Trên nẻo ấy tơi bời, em đã biết,
Những tình phai duyên úa mộng tan tành
Trên nẻo ấy sẽ từ muôn đáy huyệt
Ái ân xưa vùng dậy níu chân anh!

Không em ạ, không còn can đảm nữa,
Không, nguồn yêu suối lệ cũng khô rồi!
Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa,
Chút ưu tư còn sót ở đôi môi!

Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây gần nữa cặp môi điên.
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói,
Đưa hồn say về tận cuối trời quên.

Vũ Hoàng Chương Với Gác Mây Vườn Úc

Hồ Trường An

*N*ăm 1966, khi Nguyễn Thị Thụy Vũ vừa cho trình làng tập truyện đầu tay *Mèo đêm* thì văn nghệ sĩ tới nhà chị em tôi nườm nượp. Thụy Vũ viết sau Nhã Ca bảy năm, sau Túy Hồng bốn năm, sau Trùng Dương và Nguyễn Thị Hoàng ba năm, nhưng vẫn được các văn hữu đón tiếp niềm nở.

Người đến viếng nhà trước hết là cụ Vũ Hoàng Chương. Cụ tặng chị tôi bốn câu thơ mà tôi chỉ còn nhớ có hai:

Phương Nam có người đẹp
Dùng văn thay phấn son

Tại sao cụ Vũ đến thăm trước tiên? Nhà chị em tôi ở gần đình Phú Thạnh, còn nhà cụ ở gần chợ Vườn Chuối, chỉ cách nhau chừng năm phút đi bộ nếu đi tắt.

Cụ Vũ thích đọc *Mèo đêm* cũng có nguyên do. Số là nhà chị em tôi và nhà ký giả Tùng Sơn cùng đâu lưng nhau. Chị Tùng Sơn khi làm cơm có thể nói chuyện với chị em tôi vì hai căn bếp chỉ ngăn nhau bằng một tấm vách tôn. Anh Tùng Sơn mở tiệm hút tại nhà. Khách hút có Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Ngọc Thứ Lang, Trọng Tấn và Đinh Hùng. Căn gác tối dùng để tiếp khách lúc nào cũng âm u, thắp sáng bởi những ngọn đèn dầu phọng. Khách kê đầu trên những chiếc gối sành vừa hút vừa lắng nghe giọng ngâm ngọt lìm lịm của chị Tùng Sơn. Chị tiêm thuốc, pha trà, bổ cam, lê, táo bày ra dĩa. Khách hút xong kể cho nhau nghe tin quốc nội quốc ngoại. Cuộc loan tin đó được gọi là "radio một đèn". Mỗi khi khói thuốc bay tản mạn, vài con thằn lằn ghiền khói từ góc tối bò ra trần nhà, chỗ khói vương là đà...

Cụ Vũ đến hút ở gác Khói, được anh Sơn Tùng cho xem cuốn *Mèo đêm*. Thế là cụ nhờ ký giả Lê Phương Chi đưa đến viếng chị tôi.

Cô Phương Đài tôi vốn quen biết nhà thơ Đinh Hùng, em vợ cụ Vũ, cho nên mỗi khi từ Phú Nhuận đến viếng chị tôi, thế nào cũng rủ tôi đến thăm cụ Vũ Hoàng Chương.

Lần đầu đến viếng nhà cụ, tôi được diện kiến bà Thục Oanh, vợ cụ, với nhan sắc thùy mị của bậc hiền phụ, từ mẫu. Tôi còn nhớ rõ, ngày ấy nơi bàn thờ thần tài còn có hai trái cốc chín vàng thơm ngọt lịm. Cụ Vũ mình mẩy mỏng lét như tờ giấy, da xám, mặt nhợt nhạt, mày thưa, nụ cười gượng gạo đôi lúc hóm hỉnh bất ngờ. Hôm đó vừa hút xong nên thần sắc cụ tươi tỉnh, mắt sáng rạo rực và đưa đẩy rất mau. Giọng cụ êm ái, rời rạc. Cụ không vồ vập với bất cứ ai, nhưng ở cụ toát ra sự nồng nàn, thân mật khiến tôi cảm thấy mến cụ ngay.

Lúc ấy, năm 1966, tôi không thể tưởng tượng nổi tôi đang ngồi hầu chuyện một nhà thơ lớn.

Trước đó, vào năm 1956, tôi ngồi lớp đệ nhứt B1, ban Toán trường Chu Văn An, ở Chợ Quán. Bạn cùng lớp tôi là Ngô Thế Vinh, Nguyễn Hữu Chung, Phạm Văn Hải. Về sau Ngô Thế Vinh trở thành bác sĩ y khoa, Nguyễn Hữu Chung thành dân biểu và Phạm Văn Hải là giáo sư trường Nguyễn Bá Tòng, còn tôi kẹt vào vòng lính tráng. Nhóm chúng tôi chuyền tay nhau đọc ngấu nghiến các tờ *Văn hoá Ngày nay* do Nhất Linh chủ trương. Tôi đi vào cõi thưởng thức văn chương là do lũ bạn Bắc kỳ lớp đệ nhứt B1 đó.

Đến nay, tôi vẫn còn nhớ lõm bõm vài đoạn thơ của Vũ thi sĩ đăng trong một số Tết *Văn hoá Ngày nay;*

Mờ tỏ đâu đây hiện xóm Mường
Nhà sàn e lệ nép trong sương
Mùa xuân chốn ấy riêng bờ cõi
Hong nụ tình kia chửa khép hương
Trăng nhô liềm bạc chốn thiên thai
Ta nhớ chiều xưa Vọng Mỹ Đài
Cặp mắt là đây, tiền kiếp nhé
Vành cong cong vẽ nguyệt sơ khai

Trong khi tâm hồn tôi thuở ấy như được thấm tình ý man mác qua hai đoạn trên, thì một số đoạn thơ khác của họ Vũ lại gợi tình, khích động lòng tôi:

Chất mởn đào yêu, nõn ngó sen
Nát tơ nhàu luạ phút trần duyên
(Duyên kỳ bút)

Ta đợi em từ ba mươi năm
Uổng hoa phong nhụy hoài trăng rằm
Heo may đã chớm lên mùa gió
Ngan ngát chiêm bao lạnh chiếu nằm
Cúc tả tơi vàng mộng xác xơ
Hiên sương ngõ lá vẫn mong chờ
Đêm dài quạnh hé đôi song lớn
Nguyệt đọng vàng tay, úa giấc mơ.
(Ta đợi em từ ba mươi năm)

Qua thơ, tôi ao ước muốn gặp người. Tôi ngỏ ý với Phạm Văn Hải, Hoàng Huyên và Nam Sinh Tín, mong sao thấy mặt cụ Vũ thì tôi mới thỏa lòng. Tôi tưởng tượng thi sĩ phải đẹp, dù là tuổi ngoài 40, phải có sống mũi thanh tú như sống mũi Robert Taylor, phải có đôi mắt hạnh

đào trong ướt như mất của tài tử Rodolph Valentino...

Một hôm, vào giờ học, Nam Sinh Tín, Phạm Văn Hải và tôi cúp cua, tuột xuống lầu đến các lớp đệ nhị A1, A2 xem các bạn lớp dưới học Việt văn. Hôm đó, Vũ thi sĩ đang giảng về thơ văn của Cao Bá Quát. Thấy thi sĩ, tôi chưng hửng. Thi sĩ không xấu nhưng nhợt nhạt yếu đuối. Trời nực thấy ông bà ông vải mà thi sĩ mặc vest thắt cà-vạt. Tôi thắc mắc thì được giải thích, cụ vốn là người yêu của Phù Dung tiên nữ nên cụ rất sợ gió máy, sợ lạnh. Cái đẹp của cụ chỉ còn hàm răng khá bóng để rồi vào năm 1966, hàm răng đó trở nên vàng ngàu, kẽ răng dính nhựa thuốc đen đen.

Năm đó ba tôi mướn nhà ở đường Trương Minh Giảng, gần hãng sơn Albatros. Vùng này thuở đó còn là khu tân lập, tre gai mọc đầy. Sau nhà là những sở rẫy trồng rau diếp, rau sà-lách rộng mênh mông. Dân trong xóm xài nước giếng, đốt đèn dầu. Tối thứ bảy, hai cha con tôi ăn cơm xong, thường đợi khách đến chơi. Khách là chú Nguyễn Xuân Cảnh, nhà báo và là đàn em học giả Lê Văn Siêu; ông phó giám đốc hãng kem Leyna; bác Mai, một giáo sư tư thục. Họ đều là người Bắc vì trong xóm chỉ có hai cha con tôi người Nam. Dưới ngọn đèn Hoa kỳ vàng úa, tất cả mê mệt nói chuyện văn thơ tiền chiến. Giọng ba tôi thật tốt, sang sảng ngâm bài *Quên* của Vũ Hoàng Chương theo giọng Bồng mạc nên ai cũng thích nghe:

Đêm nay lạnh tìm em trên gác tối
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa
Có lẽ đâu tâm linh còn chọn lối
Để đi về cay đắng những thu xưa.

Chú Xuân Cảnh tiếp theo, bài *Nghe hát:*

Phách ngọt đèn say, nệm khói êm
Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm
Canh khuya đưa khách lời gieo ngọc
Mơ gái Tầm Dương thoảng áo xiêm
Ai lạ nghìn thu xa tám cõi
Sen vàng như động phía châu liêm
Nao nao khói biếc hài thương nữ
Trở gối hoa lê rụng trắng thềm.

Tôi lơ đãng ngó ra ngoài giếng lạnh nơi những con đom đóm bay vơ vẩn, tiếng tre cọ kẽo kẹt, lá tre rung lào xào trong bóng tối. Tuổi thanh niên của tôi ướp đầm thấm thơ Vũ Hoàng Chương, trong khung cảnh một khu xóm Bắc kỳ với những gánh bún riêu, bún mọc hàng ngày đi qua trước nhà, với lũ bạn học Chu Văn An người Bắc di cư... Tất cả sáng rực trong tấm màn ký ức tôi, rõ nét và linh động!

Qua thơ văn của những tác giả miền Bắc, tôi ngưỡng mộ Hà Nội, nhà hàng Gô-đa, hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, cả một cõi văn vật trong đó có khuôn mặt thi sĩ Vũ Hoàng Chương ẩn hiện.

Từ năm 1971, gia đình thi sĩ vũ Hoàng Chương dọn về một căn gác rộng sau lưng ngôi Quỳnh Lâm biệt thất của bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Căn gác thoáng khí, mát mẻ, mái lợp ngói vảy cá, trần nhà bằng xi-măng. Gió và ánh sáng từ cửa cái, cửa sổ tuôn vào. Lúc đó nhà thơ Đông Hồ đã mất được hai năm. Cụ Vũ đặt tên căn gác đó là gác Mây (Vân các).

Thỉnh thoảng tôi theo nhà thơ Phổ Đức hay nghệ sĩ diễn ngâm Đoàn Yên Linh đến thăm cụ. Cụ Vũ và bà Thục Oanh rất hiếu khách. Đoàn Yên Linh và tôi đến viếng cụ, kể chuyện tào lao, chuyện các ca sĩ hục hặc, chuyện các tài tử xi-nê gây xì-căng-đan, chuyện chưởng của Kim Dung. Hai người lắng nghe chăm chú, cười thú vị. Mắt cụ sáng rực, thần sắc tươi tỉnh khác hẳn lúc bọn tôi mới tới. Thuở đó tôi mê thơ Trần Thị Tuệ Mai, thơ Hoàng Trúc Ly nên đọc cho hai cụ nghe. Thơ ai cụ cũng lắng nghe và không bao giờ chê, thỉnh thoảng khen vài lời nhẹ nhàng, đơn giản. Cụ Vũ ít đọc tiểu thuyết, truyện ngắn. Cụ không ưa nghe hát. Cụ chưa hề đặt chân đến rạp hát bóng, ít nhứt từ lúc dọn về gác Mây. Có lần cụ bảo tôi:

- Thụy Vũ viết văn mà lại đọc thơ nhiều hơn là đọc văn người khác. Hễ gặp câu thơ nào đắc ý là cô ta liền dùng đặt tựa truyện ngắn truyện dài của mình.

Thiệt tình không ai ngờ một người không biết làm một câu thơ như chị tôi lại yêu thơ mê mệt, yêu thơ chết bỏ, nhất là thơ Trần Thị Tuệ Mai, Nhã Ca, Tô Thùy Yên... Hồi mới lớn chị thích chép thơ Vũ Hoàng Chương nhưng chưa hề lấy một câu thơ nào của cụ để làm tựa. Thơ cụ hùng tráng, dọc ngang không hợp nội dung những tác phẩm của chị.

Năm 1973, Thụy Vũ có ý định làm một tuyển tập thơ văn. Chị đã chọn Vũ Hoàng Chương, Hoàng Trúc Ly, Nguyễn Đức Sơn, Cung Trầm Tưởng, Phạm Thiên Thư, Trần Thị Tuệ Mai, Nhã Ca. Vì là giám đốc nhà xuất bản Kẻ Sĩ nên chị xin thơ, văn dễ dàng. Đùng một cái, sau bao lần khám nghiệm, bác sĩ cho biết đứa con thứ ba của chị là một đứa con dại, suốt đời không thể lớn khôn. Kết quả cuộc khám nghiệm như một tiếng sét. Tô Thùy Yên và Thụy Vũ đóng cửa không tiếp khách, rũ liệt như người chết chưa chôn. Chị Trần Thị Tuệ Mai lật đật tìm đến an ủi rồi chạy lên Úc Viên báo tin cho bà Mộng Tuyết cùng vợ chồng thi sĩ Vũ Hoàng Chương biết. Rồi đó, bà Mộng Tuyết cùng bà Thục Oanh, cụ Vũ đến thăm chị tôi. Tuy chết điếng trong lòng, Thụy Vũ vẫn bảo:

- Thưa thầy cô, thưa cô Mộng Tuyết, thế nào con cũng lo xong tuyển tập, nhưng đợi tuần sau đã. Hiện giờ con không biết mình phải làm gì. Đầu óc con sao mà trống rỗng!

Bài vở vừa chuẩn bị xong thì ngày quốc nạn 30.4.75 tới. Giấc mộng của chị tôi là dùng thủ bút của cụ Vũ Hoàng Chương in ở bìa sau tuyển tập thơ văn. Nét bút của cụ khi thì mềm mại mơn trớn như lời thủ thỉ của khách nòi tình, khi thì có nét ngang ương ngạnh, nét sổ hùng tráng, nét đá lên tự tin, nét buông lơi phóng khoáng... Hoàng Hương Trang bắt chước môn thủ bút họa của cụ nhưng thay vì dùng bút lông chấm mực tàu, chị vạch lên khung vải bằng những lát sơn dầu, nền tranh

thủ bút thường là bóng trúc dưới trăng, là nền mây chiều chen lộn các màu cam, đỏ, vàng rạo rực... Đem thủ bút họa lên tranh sơn dầu, Hoàng Hương Trang không gây được tiếng vang. Dùng bút lông viết trên nền giấy trắng, cụ Vũ đã có hai nhà thơ Cao Tiêu, Đan Quế hưởng ứng, sau này còn có thêm Hà Huyền Chi, Thi Vũ và Vũ Kiện.

Mối giao tình giữa thi sĩ Vũ Hoàng Chương và Thụy Vũ được nối liền khắng khít là nhờ chị Hồ Điệp, một nghệ sĩ diễn ngâm ưu tú.

Năm 1972, chị Hồ Điệp và Thụy Vũ rất thân nhau. Chị Trần Thị Tuệ Mai, chị Nguyễn Thị Vinh, chị Hoàng Hương Trang đều thương mến chị Hồ Điệp. Cụ Vũ và bà Thục Oanh thì khỏi nói, thương mến Hồ Điệp như em cháu. Thuở đó, được như chị Nguyễn Thị Vinh, chị Hồ Điệp mới đáng gọi là đẹp. Chị Hồ Điệp mà mặc áo nhung nâu, áo nhung tím, áo lụa vàng vào là phải biết, đẹp và sang như mệnh phụ. Hễ ngâm đến hai câu:

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh

là nước mắt Hồ Điệp tuôn như mưa, có lần khóc đến nỗi nghẹn cổ, không ngâm tiếp được.

Cũng vào thuở 1973, 1974, nữ ca sĩ Hồng Vân được đài truyền hình giao cho làm trưởng ban một chương trình thi nhạc giao duyên tên là Mây Hồng. Phần ngâm thơ dĩ nhiên có Hồ Điệp, Hồng Vân, Hoàng Oanh, Đoàn Yên Linh,... Hồng Vân thường ỷ mình là trưởng ban nên ưa chơi gác các nghệ sĩ diễn ngâm khác. Chị Hồ Điệp rất thích bài *Lửa từ bi* của Vũ Hoàng Chương nhưng bị Hồng Vân giành mất. Lần khác, bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng cũng là bài chị Hồ Điệp mơ ước được ngâm một lần nhưng Hồng Vân cũng lại giành nốt. Hồng Vân bảo:

- Kỳ này cô ngâm bài thơ của cụ Vũ Hoàng Chương vừa đăng trên báo *Văn*, còn bài *Tây tiến* để cho cháu.

Chị Hồ Điệp lõ mắt ếch:

- Ơ hay, tuần rồi Vân bảo cô rằng Vân thích các bài của cụ Vũ mà!

Hồng Vân điềm nhiên:

- Nhưng bài thơ của cụ Vũ kỳ này dài phát khiếp! Cháu đâu phải chỉ ngâm thơ không mà còn hát với ban tam ca Đông Phương nữa cô ạ.

Mặt Hồ Điệp tái ngắt, môi run rẩy, mắt đổ hào quang. Con người đó lúc bình thường hiền hậu, nói năng mềm mỏng, dịu dàng. Kỳ này chị giận quá cỡ rồi. Chị liệng xấp giấy đánh máy xuống đất, gằn giọng:

- Cô đừng ỷ cô là trưởng ban mà cô giở thói khinh tôi. Cô vừa vừa chứ! Đừng có lấn lướt...

Chị tức giận bỏ ra. Hồng Vân sợ điếng người nhưng miệng vẫn láp dáp:

- Thơ tình mà đưa bả vừa ngâm vừa rặn è è thì con này chỉ có nước lấy cái bô hứng cứt...

Tôi chen vào:

- Nói cho bảnh đi, rồi lết tới nhà bả lạy lục năn nỉ!

Quả vậy, hôm sau Hồng Vân rủ Đoàn Yên Linh tìm tới nhà chị Hồ Điệp, chót chét:

- Cô ơi, nếu cháu có lỗi, cháu nằm dài ra đây để cô lấy roi mà dạy cháu. Cô mà giận cháu thì còn trời đất nào nữa! Thôi nhé, kỳ tới hai cô cháu ta cùng ngâm thơ Quang Dũng và thơ cụ Vũ, có được không?

Chị Hồ Điệp tức cười, nhưng mắng:

- *Lửa từ bi* mày đã thuổng rồi, thì bài *Tây tiến* phải để cho tao chứ! Nay mai, tới rằm tháng bảy mày giành luôn bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du thì tao có nước dẹp tiệm luôn!

Theo cụ Vũ, Hồ Điệp ngâm bài Văn tế này và bài *Gửi người dưới mộ* của Đinh Hùng hay hơn những nghệ sĩ diễn ngâm khác.

Ôi, giờ đây thì Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Hồ Điệp đều đã ra người thiên cổ! Chị Hồ Điệp vượt biên bằng đường bộ vào đầu năm 1988, cho tới nay con trai của chị ở Mỹ cũng như những người con còn kẹt lại Việt Nam vẫn không được tin tức gì về chị.

Gác Mây tấp nập văn nghệ sĩ thăm viếng. Tôi như con thoi, khi thì đến Hoàng Mai Hiên của cụ Vi Huyền Đắc ở Ngã Năm Bình Hoà để thăm cụ Vi và cặp vợ chồng Triều Linh, Hoàng Hương Trang; khi thì đến Động Hoa Vàng gần chợ Bà Chiểu thăm chị Tuệ Mai và Phạm Thiên Thư; lúc lại vào Chợ Lớn thăm anh chị Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật. Chính ở gác Mây tôi được uống nhiều thứ trà quý nhập cảng từ Đài Loan do các văn hữu gửi tặng cụ

---

gác bút

Gác Bút là nơi của bút nghiên
Để nhà thơ chắp điệu tìm vần
Nhưng đây bút gác nào ai biết
Câm lặng, nhà thơ sống lãng quên.

Hăm tám năm xưa tôi gặp người
Dáng gầy xanh, mắt mộng xa xôi
Người đi như áng mây theo gió
Bay bổng hồn thơ tận đỉnh trời.

Hăm tám năm sau lại một lần
Được tin người mất giữa cô đơn
Hao mòn tù tội thân già yếu,
Gác Bút từ đây vĩnh biệt luôn!

đắc trung

Vũ. Bà Mộng Tuyết chiết một nhánh quỳnh ương trong chậu sứ tráng men màu túy lục đem tặng Vũ thi sĩ. Và một kỳ rằm nọ, quỳnh nẩy hai búp ngọc để Vân Các chủ nhân mời nhóm hội viên và thi khách của thi đoàn Quỳnh Dao đến thưởng trăng, uống trà, ăn bánh chờ xem hoa quỳnh nở giữa khuya. Tất cả đều làm thơ xướng họa. Tôi không được tham dự dịp đó bởi lẽ kẹt ứng chiến ở tổng hành dinh Quân đoàn III tại Biên Hoà. Tuy nhiên ở Biên Hoà tôi vẫn làm một bài thơ:

Đêm rằm lộng lẫy bóng trăng đầy
Vườn Úc hoa về nở gác Mây
Cánh trắng chắc gì say mộng tuyết?
Lòng thơm há muốn cợt hương mai?
Chẳng trao lời thục oanh lưu luyến
Đã gửi tình thông điệp cảm hoài
Giao hưởng đôi lòng hoa với khách
Mà quên sương gió lạnh đêm dài.

Tôi không trình thơ cho cụ Vũ xem, bởi vì tuy có lồng được các ngôn từ vườn Úc, gác Mây, Mộng Tuyết, Thục Oanh trong bài thơ nhưng tôi không lồng được ba chữ Vũ Hoàng Chương.

Khi Đinh Hùng, Đông Hồ, Hư Chu tuần tự qua đời, bạn thơ của Vũ Hoàng Chương ngoài nhóm thi khách của thi đoàn Quỳnh Dao, hầu như chẳng có ai. Tôi mến cụ Vi Huyền Đắc lẫn cụ Vũ Hoàng Chương nhưng không thể nối liền gác Mây và Hoàng Mai Hiên được.

Nếp sống của cụ Vũ không cầu kỳ, kiểu cách như Đông Hồ, Đan Quế nhưng vẫn chu đáo, tươm tất. Nếp nhà sạch sẽ, giản dị, không tranh ảnh đắt tiền, không trưng bày đồ ngoạn khí, không chậu cây cảnh nào khác hơn chậu hoa quỳnh mà Úc Viên nữ chủ nhân gửi tặng.

Năm 1974, chị Tuệ Nga đoạt giải thưởng văn học nghệ thuật toàn quốc, bộ môn thi ca qua tập thơ *Suối*, cụ Vũ Hoàng Chương làm bài thơ chúc mừng:

Giòng suối ra đi tự bấy giờ
Đem lòng mây nước gửi vào thơ
Bao năm suối Tuệ xanh nguồn cảm
Một sớm thơ Nga đẹp giấc hồ
Nhị thủy đã lên mùa sóng đẩy
Hàn san lại lắng tiếng chuông ư?
Nước trôi, mây cuốn thơ còn bạn
Cửa động hoa còn mộng kết lư

Trong dịp thi đoàn Quỳnh Dao ăn mừng lễ hoa giáp (12 năm thành lập) tại biệt thất của nữ sĩ Trùng Quang, tôi có tháp tùng Đoàn Yên Linh tới dự. Chị Tuệ Nga và Tôn Nữ Hỷ Khương đưa tôi đến bàn có chị Tuệ Mai và cụ bà Quế Lâm (thân mẫu nhà thơ Phạm Thiên Thư). Vợ chồng cụ Vũ tới sau. Cụ đi ngay lại bàn tôi. Nhìn quanh ngó quất, tôi mới biết trong buổi tiệc ấy chỉ có tôi và Đoàn Yên Linh là trẻ nhất. Cụ Vũ muốn lấy cái không khí trẻ trung và muốn nghe những câu chuyện ngoài văn chương, thi ca.

Nhìn gác Mây, tôi biết nhà thơ túng quẫn. Tiền kiếm được bằng thơ vốn đã khó, lại tan theo khói phù dung nhanh chóng. Tôi biết cụ muốn cai thuốc nhiều lần nhưng thất bại. Cụ Vi Huyền Đắc, Lê văn Trương đều nghiệp ngập. Cụ Lê bị bịnh ghiền vật sớm nhứt, qua đời năm 1964. Cụ Vi nhờ hồng phúc tổ tiên, từ giã được nàng tiên nâu, nhưng từ khi cai thuốc, cụ không sáng tác nữa mà quay sang dịch sách Tàu của Lâm Ngữ Đường, Từ Vu, Quỳnh Dao, Quách Lương Huệ... Cụ Vũ thất bại trong việc cai thuốc nhưng không quá thiếu hút như cụ Lê. Cụ làm thơ càng lúc càng nhiều, càng có đông bè bạn, hào quang càng sáng chói trên thi đàn.

Tôi có đọc những vần thơ xây đời, tin tưởng, lạc quan của cụ trong quyển *Hoa đăng:*

Gió nối vần mây giục đấu tranh
Tâm tư lồng lộng kết nên thành
Thành ngăn sóng đỏ, mây sừng sững
Nước Tổ về ngôi đẹp sử xanh.

Tôi sẵn lòng tin tưởng cái khí phách, ngang tàng của Tản Đà, của Vũ Hoàng Chương ở mọi tâm trạng: lạc quan, phấn khích, đam mê, đau thương. Nhưng những đoạn bồng bột, ngất ngây hào khí như trên, theo tôi, chỉ là những chợt hứng, những nhứt thời của họ Vũ do kích thích thời cuộc dấy lên. Trước sau, tôi chỉ thích một Vũ Hoàng Chương đa tình, đam mê, vùng vẫy trong thú đau thương qua thi ca. Trong những tâm trạng đó, thi sĩ toát ra cái hào sảng, phóng túng sung mãn. Cụ Vũ không đưa tiếng cười khinh bạc, cái nhìn dò xét, thái độ cay đắng hay thách thức vào thơ. Cụ chỉ uống mê say từng giọt mật của mọi tâm trạng rồi chuyển thành thơ gửi tới độc giả.

Sau cuộc đổi đời, bà Mộng Tuyết, dưới áp lực của bọn văn nô miền Bắc, đã phải yêu cầu cụ Vũ và gia đình dọn khỏi gác Mây vườn Úc. Tôi cũng được Đoàn Yên Linh và Đinh Hoài Ngọc (trưởng tử thi sĩ Đinh Hùng) kể lại những ngày cụ ở xóm Cây Bàng (Thủ Thiêm). Cũng theo Đinh Hoài Ngọc, trước năm 1968, nhạc sĩ Tô Hải, tác giả bản *Nụ cười sơn cước*, đã cùng Lưu Hữu Phước, Trần Bạch Đằng cho lâu la đem tiền lại tặng cụ mua thuốc phiện. Họ muốn móc nối cụ cũng như đã từng móc nối Vũ Hạnh và Nguyễn Ngọc Lương trong nhóm Tin Văn. Cụ Vũ không đề phòng, tưởng bạn bè tốt thực lòng giúp đỡ nên nhận tiền. Sau đó Tô Hải xuất hiện bắt chẹt cụ, giao công tác bắt phải thi hành. Túng thế, cụ phải nhờ an ninh can thiệp. Có thể vì thế mà khi Việt cộng chiếm miền Nam, chúng tìm cách trả thù, để cụ ngắc ngoải trong cảnh thiếu thốn, bệnh hoạn cùng cực và qua đời mấy ngày sau khi được thả.

Hôm nay, viết bài tưởng niệm Vũ Hoàng Chương, tôi đọc lại những đoạn thơ đã làm rung động cảm hoài hai ba thế hệ Việt:

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh
Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ
Một đôi người u uất nối chơ vơ
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.

(Phương xa)

Hai đoạn ấy được xem như lời tiên tri về số phận người Việt sau 1975. ❑

Vũ Hoàng Chương, Trông Ra Bến Hoặc Bờ Mê

Thanh Nam

Có lẽ tôi phải nhớ lại buổi đầu gặp Vũ Hoàng Chương. Hai mươi năm trước tại Hà Nội, một ngày giữa xuân, trong một ấn quán nằm ở phố Hàng Bông, tác giả *Thơ Say* và *Mây* đã được nhà văn Ngọc Giao giới thiệu như là một thượng khách của toà soạn Cậu Ấm Cô Chiêu. Bấy giờ Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng mới từ ngoài vùng kháng chiến trở về. Anh mỉm cười hồn nhiên chào lại mọi người và nhìn thấy bên tôi còn một chiếc ghế trống, ngồi ngay xuống.

- Cậu làm gì ở đây? Viết văn hay làm thơ?

Đó là câu trao đổi đầu tiên giữa tôi và họ Vũ. Phải nói thật là lúc đó tôi thất vọng trước Vũ Hoàng Chương. Ngay từ hồi mới làm quen với thi ca, có một thời thơ Vũ Hoàng Chương trở thành một thứ khuôn vàng thước ngọc với tôi. Nói không ngoa, năm 17 tuổi, tôi đã gần như thuộc lòng tập *Mây* từ bài đầu đến bài cuối và cả kịch thơ *Vân muội* đăng trong giai phẩm của nhà xuất bản Đời Nay.

Trước khi gặp Vũ Hoàng Chương, tôi đã được nghe nhiều giai thoại về anh. Con một vị tri huyện, đậu tú tài rồi thay vì nối nghiệp cha học luật để đi làm quan như phần đông thanh niên "con nhà" hồi đó, anh lại bỏ ngang đại học để đi làm xếp ga và rồi chửi nhau với xếp Tây, bỏ sở hỏa xa về nằm nhà làm thơ sau khi đã viết lên tường ga Hàng Cỏ hai câu thơ:

Kiếp sau nếu có là ta,
Làm gì thì được, làm ga thì đừng!

Câu chuyện trên là do một người bạn tôi kể lại và mấy lần định hỏi Vũ Hoàng Chương rồi lại quên bẵng mất nên tôi không rõ thực hư ra sao. Có điều tôi biết chắc chắn là Vũ Hoàng Chương không thể làm xếp ga được bởi vì bản tính anh dễ dãi, hồn nhiên, chuyện gì cũng có thể tin ngay là thật, và quan niệm sống của anh cho một đời thi sĩ thật quá đơn giản. Anh thường nói với tôi:

- Bọn thi sĩ đúng ra không nên bắt chúng nó làm một nghề nào khác hơn là làm thơ. Ngay cả việc dạy học cũng không được nữa. Thi sĩ, chúng phải được sống chỉ để làm thơ mà thôi!

Trong một buổi họp mặt tại Sài gòn do nhật báo *Tự do* tổ chức văn nghệ năm 1955, có cả nhà văn hoá Hồ Hữu Tường tham dự. Hồ hỏi Vũ Hoàng Chương:

- Anh là thi sĩ, tôi hỏi anh câu này. Tại sao người ta mang hình ảnh con cóc ra để giễu cợt những anh chàng làm thơ? Tại sao không phải là con ngoé, con nhái, con ếch trong hang nhảy ra mà lại là con cóc để rồi từ đó gọi là thơ con cóc?

Vũ Hoàng Chương điềm nhiên trả lời:

- Bởi vì con cóc... chính là thi sĩ. Anh là người Nam, anh không biết là ở Bắc có một thành ngữ là "cóc cần". Và bọn thi sĩ chúng tôi thì luôn luôn "cóc cần" chuyện đời!

Con người Vũ Hoàng Chương bề ngoài có vẻ ngơ ngác, chậm chạp nhưng lại là người hăng hái, nhiệt thành nhất trong những cuộc tranh luận văn chương. Hồi anh mới từ vùng kháng chiến về Hà Nội, đã bút chiến ngay với nhà văn Đoàn Phú Tứ về *Truyện Kiều*. Mẩu chuyện vui giữa anh và Hồ Hữu Tường mà tôi thuật trên đây chỉ là một trong nhiều câu chuyện khác, chứng tỏ tài ứng đối, biện bác của nhà thơ họ Vũ này. Có những lần tôi đã chứng kiến Thanh Tâm Tuyền và Vũ Hoàng Chương bàn cãi với nhau trọn một buổi tối, từ 7 giờ tối tới gần giờ giới nghiêm về một bài Đường thi.

Chỉ có một người mà Vũ Hoàng Chương nhường nhịn. Đó là Đinh Hùng. Đinh Hùng vừa là bạn thân vừa là em vợ Chương. Một dịp tình cờ tại Hà Nội, tôi đã chứng kiến một cuộc tranh luận giữa Chương và Hùng về một câu thơ của... Hùng. Không rõ câu chuyện bắt đầu từ lúc nào nhưng khi tôi tới thì thấy Chương vừa cười vừa nói:

- Cái gì mà "ta lòng như lửa, mất như dao"? Tôi không thể nào hiểu tại sao cậu lại cho câu đó vào bài thơ này?

Đinh Hùng mặt đỏ gay, gần như văng tục:

- Cậu thì hiểu thế đếch nào thơ tôi mà bàn cãi!

Vũ Hoàng Chương cười xoà, không nói gì nữa. Và từ lúc đó cho tới khi ra về, tôi không thấy Chương nhắc lại câu thơ của Hùng mặc dầu Hùng vẫn gay gắt mang những câu thơ mà anh cho là tối nghĩa của Vũ ra chất vấn.

Tôi biết Chương nhịn Đinh Hùng. Tôi lại còn biết thêm là Chương rất yêu thương Hùng nữa. Ngày Đinh Hùng qua đời, khi đứng trước mộ Hùng, họ Vũ đã mượn ngay thơ của Đinh Hùng ra để khóc bạn. Một bằng chứng nữa về tình thương yêu mà Chương dành cho Hùng: Hầu hết những thi phẩm của Chương đều do

Đinh Hùng trình bày, vẽ bìa cũng như minh họa bên trong. Nhiều người không ưa Đinh Hùng, thường lên tiếng chê bai nét vẽ của Hùng ngay trước mặt Chương, nhưng lần in thơ nào Chương cũng vẫn trao cho Hùng trình bày. Tôi nghĩ có lẽ Chương cũng không thích nét vẽ của Đinh Hùng lắm, nhưng sở dĩ anh đưa cho Đinh Hùng trình bày là cốt để kiếm cho Hùng một món tiền nhỏ của nhà xuất bản.

Có một điều mà ít người biết đến là Vũ Hoàng Chương còn là một thi sĩ trào phúng có hạng. Chính Đinh Hùng tiết lộ cho tôi biết là hồi đi kháng chiến, Chương vẫn làm thơ hài hước đăng trên báo *Cứu Quốc*. Tôi quên không hỏi Hùng khi làm thơ trào phúng, Chương ký bút hiệu gì. Hùng cũng là một cây thơ trào phúng với bút hiệu Thần Đăng mà còn chịu thơ trào phúng của Chương thì hiển nhiên những bài thơ vui của Chương đăng trên *Cứu Quốc* thời đó xuất sắc như thế nào rồi.

Đinh Hùng còn kể cho tôi nghe một giai thoại khá thú vị giữa Chương và Huyền Kiêu thời tiền chiến. Hồi đó, Huyền Kiêu, Đinh Hùng và một nhóm thi sĩ trẻ ở Hà Nội thành lập một thi xã lấy tên là Tây Hồ thi xã và những người trong nhóm này đều tự xưng là Tây Hồ danh sĩ. Huyền Kiêu tên thật là Bùi Lão Kiều. Tên là Kiều nhưng theo Đinh Hùng tả lại thì dáng dấp của nhà thơ này không có một vẻ gì là... Kiều nữ hết mà to lớn vạm vỡ như một võ sĩ. Tính Huyền Kiêu lại ưa gây gổ, đập lộn và thường thì bao giờ nhà thơ này cũng chiếm phần thắng. Trái ngược hẳn với Đinh Hùng, cái tên nghe rất hùng mạnh nhưng người lại nhỏ bé như con gái. Bấy giờ Huyền Kiêu mướn một căn gác nhỏ tại khu Cửa Đông, Hà Nội. Những ai ở Hà Nội đều đã biết rõ khu này ra sao rồi. Đa số dân ở đây là các bà vợ lính Tây, trong khu còn có nhiều hang động của các chị em ta. Huyền Kiêu đến ở khu đó và treo một tấm biển ngay trước cửa phòng mình, ngạo nghễ với mấy hàng chữ: *"Ở đây cao ngọa Huyền Kiêu. Một trong nhóm Tây Hồ danh sĩ"*. Tình cờ, một lần Vũ Hoàng Chương ghé chơi, Huyền Kiêu đi vắng. Chương nhìn thấy tấm bảng treo trước phòng có vẻ xấc quá, sẵn bút đề ngay phía dưới mấy câu:

Một trong bọn Tây Hồ ranh sĩ
Cao ngọa trong nách đĩ: Huyền Kiêu
Gió trăng vào được bao nhiêu
Tè he Ngưng Bích giam Kiều tu mi.

Huyền Kiêu về nhà, thấy mấy câu thơ đó, biết ngay là của Vũ Hoàng Chương nhưng không dám giận , chỉ đành lẳng lặng dẹp bỏ tấm bảng kia đi.

Hồi 1963, Vũ Hoàng Chương cũng đã phụ trách mục thơ trào phúng trên nhật báo Ngày Nay do Hiếu Chân làm chủ nhiệm. Khi đó Chương không còn sung sức như hồi đi kháng chiến nên giọng thơ đã kém đi chất nghịch ngợm, đùa cợt của loại thơ này, do đó không được mấy ai biết tới.

Cũng giống như Đinh Hùng, đã có một thời kỳ Vũ Hoàng Chương phải viết loại tiểu thuyết võ hiệp để lấy tiền sinh sống. Đó là thời kỳ anh từ ngoài khu về thành, chưa đi dạy học. Thời gian đó, một số nhà văn tiền chiến cũng đã phải viết những loại chuyện nhảm nhí cho nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh. Và Chương cũng được nhà xuất bản này đặt viết một bộ truyện kiếm hiệp. Tôi nhớ cuốn truyện đó tên là *Mai Hoa kiếm khách*, không rõ ký bút hiệu gì.

Nhưng Chương chỉ viết có cuốn đó thôi. Nhà xuất bản có dặn anh viết thêm mấy cuốn nữa nhưng anh phải từ chối vì không quen viết văn xuôi.

Vũ Hoàng Chương, người thi sĩ đã chối từ mọi hệ lụy, chỉ xin sống trọn một kiếp say ở thế gian này, cuối cùng rồi cũng phải tỉnh dậy. Tỉnh dậy và ngơ ngác thấy mình trở thành một kẻ xa lạ ngay chính trên quê hương mình.

Gần xa nào biết đâu quê quán?
Đừng gợi cơn sầu nữa sóng ơi!

Người ta hiểu tại sao Vũ Hoàng Chương đã viết những câu thơ đó và chuyền tay cho bạn bè cùng đọc, như anh đã phổ biến bí mật bài thơ *Lửa từ bi* trong mùa pháp nạn 1963❑

thơ vũ hoàng chương

gọi lòng kiêu

Tự nhủ sống là quên, anh vẫn muốn
Đem tháng ngày khâu kín vết chia ly
Nhưng mỗi phút thời gian đưa thép nhọn
Máu thầm rơi mỗi phút đáy tim si.

Anh cũng muốn thiêu hồn trong lửa đỏ
Lượm tàn tro vang bóng gửi xa đem
Nhưng mỗi lúc buông tay liều mặc gió
Anh nhớ ngày thơ mộng sống bên em.

Anh lại muốn đắm trong đời trác táng
Giữa mê ly đầy xác thịt kiêu sa
Nhưng mỗi lúc đêm tan trời hửng sáng
Anh khóc mùa trinh bạch sớm tiêu ma.

Nên anh đến xin em lời hắt hủi
Để chiều nay khi gió gọi trăng lên
Anh sẽ với rừng khuya san nỗi tủi
Gọi lòng kiêu mau tới giúp anh quên.

Từ Lầu Hạc Đến Gác Mây

Nguyễn Hữu Nghĩa

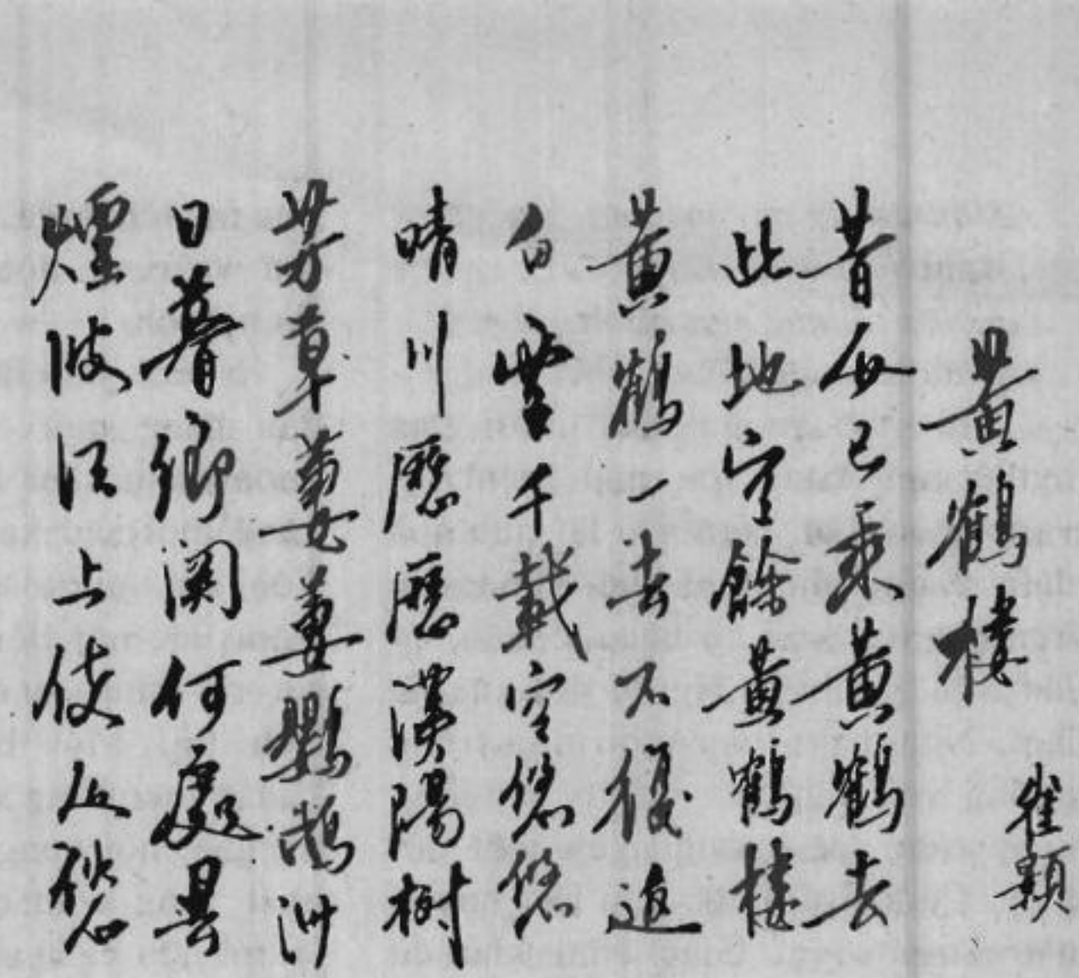
黃鶴樓 崔顥

昔人已乘黃鶴去
此地空餘黃鶴樓
黃鶴一去不復返
白雲千載空悠悠
晴川歷歷漢陽樹
芳草萋萋鸚鵡洲
日暮鄉關何處是
煙波江上使人愁

Sách chép rằng, mười hai thế-kỷ trước, đời Đường Huyền Tông có Thôi Hiệu, thi-nhân phóng-đãng đất Biện-châu (Hà-nam) nhân đi chơi qua lầu Hoàng-hạc ở Hồ-bắc, tức cảnh sinh tình đã phóng bút đề Hoàng-hạc lâu, lưu lại cho hậu-thế một bài thơ tuyệt-tác.

Thơ rằng:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư hoàng hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán dương thụ
Phương thảo thê thê Anh-vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Thi-nhân than rằng người xưa ở chốn này đã cưỡi hạc vàng đi mất, để trơ lại một mái lầu tên Hoàng-hạc. Hạc vàng một đi không trở lại, chỉ còn đám mây trắng lững lờ bay. Sau cơn mưa mau, hàng cây đất Hán-dương rực-rỡ bên sông tạnh, cỏ thơm xanh tốt mọc đầy bãi Anh-vũ. Nhìn trời chiều, ngoảnh trông về hướng làng xưa, tự hỏi quê cũ nơi nào? Chỉ thấy trên sông khói sóng mịt-mờ, khiến lòng sầu man-mác...

Ba âm phù-bình *(lâu, dư, châu)* theo nhau liên-tiếp từ đầu bài dẫn đến âm kết trầm-bình *(sầu)*, diễn-tả mối sầu man man bất tuyệt của kẻ xa nhà đứng trước cảnh trời mây lồng-lộng, sông nước mịt-mờ. Âm *sầu* chùng xuống như một hạ-áp-âm *(sous-dominante)* dẫn về chủ-âm *(tonique)*, lại như âm *xự* dẫn về *xang* rung trong Việt nhạc, nghe ra ai-hoài thống-thiết.

Từ câu mở, hai tiếng *hoàng hạc* đã được nhắc đi nhắc lại mấy lần, nhưng người đọc thơ vẫn không thấy hạc, chỉ thấy mây trắng dàng-dặc trôi giữa trời, quyện cuốn tâm-hồn lữ-khách lên cao... Nhịp thơ bỗng dưng chậm lại với hai câu song đối trang-trọng và kết bằng một nỗi sầu không đáy.

Thế rồi Tản Đà, thi-nhân của thế-kỷ hai mươi nước Việt đã đưa tinh-thần Thôi Hiệu vào cái nôi lục bát:

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?
Mà đây Hoàng hạc riêng lầu còn trơ!
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-dương sông tạnh cây bày,
Bãi xa Anh-vũ xanh đầy cỏ non,
Quê-hương khuất bóng hoàng-hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai!

Ngô Tất Tố trang-trọng hơn, khuôn-thước hơn, đưa lầu Hoàng-hạc vào thi-ca Việt bằng không-khí Đường thi:

Người xưa cưỡi hạc đã lên mây
Lầu hạc còn suông với chốn này
Một vắng hạc vàng xa lánh hẳn
Nghìn năm mây bạc vẫn vơ bay
Vàng gieo bến Hán, ngàn cây hửng
Xanh vút châu Anh, lớp cỏ dày
Trời tối quê nhà đâu tá nhỉ?
Đầy sông khói sóng gợi niềm tây.

Từ nhà thơ lớn đời Đường, từ lầu hạc, từ hàng cây in sắc ở Hán-dương, từ bờ sông cỏ biếc Anh-vũ, từ làn khói sóng chiều hôm ở Vũ-xương, Hồ-bắc, thi-ca đã tải nỗi sầu tha-hương về tận vùng châu-thổ Hồng-hà, qua phá Tam-giang xuôi về phương Nam nước Việt. Nhưng những người thơ của thế-hệ trước vẫn chưa có cơ may thấm-thía mối sầu xa nước. Bất quá Tản Đà dịch *Hoàng-hạc lâu* trong thời-gian ông ngao-du Nam Việt, Ngô Tất Tố xa quê xuống tỉnh. Dải non sông gấm-vóc ở đó vẫn là một phần của quê-hương rộng-lớn. Chung quanh vẫn là đồng-bào ruột thịt, bằng-hữu thân quen.

Mối sầu xa xứ có dằn-vặt đến tận đáy tâm-hồn, phải là mối sầu hơn một triệu người tị-nạn đang mang trên xứ người, nơi mà mọi thứ, mọi vật đều thay-đổi, nơi mà từ cậu bé con đến cụ già tóc bạc đều phải tập ăn, tập nói, tập lại mọi thói quen...

Người ra đi nhớ-nhung quay-quắt. Người ở lại mỏi mắt trông chờ. Những cánh hạc vàng xao-xác khắp bốn phương, *nhất khứ bất phục phản*. Tin-tức phương xa bằng-bặt, nhìn lại quê-hương chỉ thấy toàn mây trắng. Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay!

Hạc vàng bay mất hút
Lầu hạc còn trơ đây
Hạc vàng đâu trở lại!
Ngàn năm mây trắng bay

Hán dương cây in sắc
Anh-vũ cỏ biếc dày
Chiều tối quê nhà khuất
Khói sóng đau lòng này!

Nỗi nhớ mong theo thời-gian nghiệt-ngã xông tới, mài niềm hi-vọng mòn dần. Người ở lại quê nhà đâm ra ngờ-vực, đau-khổ, không tin trên đời này còn có hạc, có tiên, có lầu thơ, gác bút. Người đời xưa đã lầm. Người đời nay mỏi mòn trông ngóng với tình-cảm bơ-vơ, lạc-lõng ngay trên quê-hương ngày một đổi thay. Cuộc đời, nước non hão huyền như khói sóng. Giấc Nam-kha đã mãn, nồi kê đã chín, sao gẫm lại lòng vẫn quặn đau?...

Vũ Hoàng Chương, người tiên mắc đọa trong nỗi sầu vạn cổ đã mượn thi-từ, vịnh lầu Hoàng hạc như sau:

Đã bao giờ có hạc vàng đâu?
Mà có người tiên để có lầu!
Tưởng hạc vàng đi, mây trắng ở
Nhầm, Thôi Hiệu trước, Nguyễn Du sau
Hạc chưa bay khỏi mê-hồn kịch
Tiên vẫn nằm trong vạn cổ sầu
Non-nước hão-huyền như khói sóng
Nồi kê chín tới gẫm càng đau.

Tất cả trở nên mơ-hồ huyễn hoặc với nhà thơ họ Vũ và mấy chục triệu nhân sinh trong lò lửa đỏ. Độc-lập, tự-do, hòa-bình, thịnh-vượng, ấm-no, hạnh-phúc,... toàn những thứ khó nhai. Nó nằm trên giấy, trên sóng âm, sóng hình, trên diễn văn lãnh-tụ, qua ngòi bút uốn cong, cố sơn phết lên tâm-tưởng con dân những bệt màu nham-nhở.

Người tiên chỉ biết làm thơ ca-tụng cuộc đời, không làm vè tung-hô lãnh-tụ. Mấy chục năm trước, khi còn trai tráng, Vũ Hoàng Chương đã ôm bầu máu nóng lên đường, chung lưng với người cộng-sản trong cuộc đấu-tranh. Ông đã thấu-hiểu những mưu-mô thống-trị tinh-thần con người bằng xích-xiềng tư-tưởng. Nó tàn-ngược hơn tù-đày tra-tấn. Nó cắm sâu vào da thịt con người như như rễ cây mọc lấn, quấn siết không rời như hấp khẩu của loài bạch-tuộc. Nó là thứ mực bôi không ra, là thứ nước độc ngàn năm lá mục trong rừng già, thứ vi-trùng độc hại tràn lan như dịch-hạch.

Người thơ là tiên. Tiên không đầu hàng quỉ. Sau một lần di-cư buồn-thảm năm 1954, ông đã mang nặng mối sầu xa quê suốt 21 năm. Tới khi nước nhà "thống-nhất", Nam Bắc nối liền, quê hương lại bị cắt rời từng mảnh, từng làng thôn tỉnh thị. Một bước di-hành phải khuân theo từng xấp giấy-phép, chịu tra gạn, hỏi cung. Nước nhà thống-nhất, làng xóm qua phân! Người ở lại trở nên xa lạ ngay trên chính quê-hương mình. Thành phố đổi tên, phố-xá lạ-lùng, mọi thứ nhuộm màu đỏ máu.

Vũ Hoàng Chương chỉ còn một chỗ để hoài vọng, là bằng-hữu bên trời. Những Tố, những Vân muội, những Kiều Thu đã vỗ cánh bay xa, để lại người tiên trơ thân trên gác Mây bụi-bặm. Người đi biết có thoát chăng vở kịch mê hồn trên đất khách, chỉ biết người thơ vẫn ôm ấp mối sầu!

Hạc chưa bay khỏi mê hồn kịch
Tiên vẫn nằm trong vạn cổ sầu...

Quanh gác Mây là phố chật, người đông, không non, không núi, không khói sóng hoàng-hôn, nhưng vẫn có khả-năng khơi dậy mối sầu vạn cổ!

Nơi đây đã không có lầu hạc, rồi không còn cả người tiên. Thỉnh-thoảng dân trong thành lại kể chuyện những người tự giải-thoát cho cả nhà bằng những nồi kê trộn thuốc diệt trùng. *Nồi kê chín tới ngẫm càng đau* trong thơ ông phải chăng là những nồi kê này? Hay là "giấc mộng Hoàng-lương" khi đã tròn đầy lại càng thê-thiết bi-thương hơn "nồi kê chưa chín"?

Người xưa đã rời lầu hạc, người thơ nay cũng giã gác Mây. Chỉ thấy đất trời vân-vụ, cỏ héo cây tàn. Chiều bên Đông cho tới bên Tây, hoàng-hôn trùm phủ một nỗi buồn chung. Người đi, kẻ ở đều mang nặng mối sầu xa xứ!...

(8.1982)

thơ vũ hoàng chương

ngoài ba mươi tuổi

Nằm say nhựa toả cánh xiêu xiêu
Giường thấp nghe trời xuống tịch liêu
Sự nghiệp nào đâu trưa nắng xế
Hoa phai thề ước lá tàn yêu
Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết
Một ván cờ thua ngả bóng chiều
Ai khóc đời ai trên bấc lụi
Đây mùa thu sớm lửa dần thiêu.

mười hai tháng sáu

Trăng của nhà ai trăng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ờ, đêm tháng sáu mười hai nhỉ
Tố của Hoàng ơi, hỡi nhớ thương!

Là thế, là thôi, là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan tành
Mười năm, trăng cũ ai nguyền ước!
Tố của Hoàng ơi! Tố của anh!

Tháng sáu mười hai, từ đấy nhé!
Chung đôi, từ đấy nhé, lìa đôi!
Em xa lạ quá, đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa, Tố của tôi!

Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bia đề tháng sáu ghi mười hai!
Tình ta ta tiếc, cuồng, ta khóc!
Tố của Hoàng, nay Tố của ai?

Tay gõ vào bia mười ngón giập,
Mười năm theo máu hận trào rơi,
Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp,
Khúc Cổ Bồn Ca gõ hát chơi!

Kiều Thu hề Tố em ơi,
Ta đang lửa đốt tơi bời Mái Tây
Hàm Ca nhịp gõ khói bay,
Hồ xừ xang xế... bàn tay điên cuồng!

Kiều Thu hề! trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô
Xừ xang xế xự xang hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên!

Kiều Thu hề Tố hỡi em
Nghiêng chân rốn bể mà xem lửa bùng.
Xế hồ xang... khói mờ rung
Nhịp vương sầu tỏa năm cung ngút ngàn...

Nàng Tiên Cá

Hoàng Chính

*N*àng ngồi bất động như thế từ lâu lắm, dễ chừng cả tiếng đồng hồ rồi. Trời biếc xanh lác đác những cụm mây trắng thiên hình vạn trạng. Biển xanh thẫm. Sóng dạt dào xô nhau vỗ vào ghềnh đá tung bọt trắng xóa dưới chân. Tất cả cùng như cuốn hút nàng vào cái bao la mịt mùng bí mật. Ở một góc nhìn từ bên sườn dốc đá, nàng nhạt nhoà trong nắng như một phần của núi non hóa thạch. Nàng, như tượng đá, mong hoài một điều không bao giờ xảy ra, một ước mơ không bao giờ thành sự thực, hay nàng đứng chờ trông một người đã ra đi mịt mù bóng chim tăm cá.

Khi tôi đến, nàng vẫn như một hình hài không có thật, một phần của núi non. Mái tóc dài bay xõa tung trong gió biển, bột quần áo bà ba phần phật bay, dán ép vào thân thể tượng đá với ngực nhỏ, vai thon là tất cả những gì còn sống. Tôi ho nhẹ một tiếng, trong khi nhẹ nhàng và cẩn thận nhón từng bước chân trên những phiến đá xanh màu rêu cũ. Nàng vẫn lặng lẽ im lìm như thể chưa bao giờ có thật. Ở phía này của núi đá nhìn sang, những sợi tóc nàng hằn sắc nét đen trên nền trời xanh ngắt. Tôi lặng lẽ đứng lại trên phiến đá màu đen xám trơ trụi bên bụi cây có những bông hoa dị kỳ màu vàng nhạt. Từ đây đến chỗ nàng đứng chỉ còn hai bước ngắn. Tôi loay hoay tìm hoài một tiếng động của trần gian để đánh thức nàng ra khỏi cơn mộng du huyền hoặc.

- Xin lỗi cô.

Hai cánh tay buông thõng bất thần co lại, khoanh vào nhau che hờ bụng thon và một phần cong tròn của hai vun ngực nhỏ. Nàng hốt hoảng xoay nửa người nhìn về phía tôi, ngơ ngác. Đôi mắt, trong một thoáng, chứa cả trăm lời hỏi han, thắc mắc, mở lớn, tròn và long lanh màu xanh của biển, của trời, của cây lá lao xao.

- Dạ.

Tiếng dạ nhỏ và mềm như hơi thở.

Tôi bối rối không kém, có thể vì trăm ngàn hỏi han trong mắt biếc, hay vì một phần ngực tròn mở ra trước đất trời khi chiếc áo bà ba không đủ nút cài, gom đầy gió biển. Phiến ngực màu hồng lợt, nhỏ và căng đầy.

- Ngày nào tôi cũng thấy cô lên đây.

Tôi lên tiếng để trấn an nàng và cũng để trấn an tôi.

- Ngày nào ông cũng lên đây?

Tiếng nói mềm ngọt ngào giọng Bắc loãng tan vội vàng trong gió lộng. Tôi nhìn vào đôi mắt đầy dấu hỏi:

- Cô làm tôi nhớ sự tích Hòn Vọng Phu.

Nàng cười.

- Tôi nghĩ là cô yêu biển lắm.

Nàng lại cười, cái cười Đông phương với đôi môi hé mở, kín đáo khoe một chiếc răng khểnh.

- Tôi đoán là cô có làm thơ.

Nàng tiếp tục mỉm cười.

- Cô nhìn biển hoài, không sợ say sóng sao?

Hai tay vẫn khoanh trước ngực, nàng khẽ nhún vai như thể rùng mình vì lạnh, nụ cười vẫn gắn trên môi.

- Cô đứng hoài như thế không sợ có ngày biến thành tượng đá sao?

Nàng lắc đầu. Nụ cười vẫn tràn trề, rạng rỡ. Những sợi tóc theo gió

loà xoà trên vầng trán và trên đôi má màu hồng nhạt. Nàng đưa tay vuốt tóc, vô tình để gió luồn qua khoảng hở trước ngực. Trong chớp mắt, manh áo no gió căng phồng, và một vuông ngực đầy mở ra trước thiên nhiên. Nàng hoảng hốt khép vội hai mảnh vải áo màu thiên thanh, che kín gò ngực. Nụ cười chợt héo trên đôi môi mím chặt, đôi mắt cũng tắt đi ánh rạng rỡ để thắp lên những ngượng ngùng, lo âu. Đôi má hồng lên. Nàng chớp mắt cho loãng tan bớt những bối rối trong tia nhìn. Tôi làm như không thấy gì, thản nhiên nhìn ra khơi xa tít mù. Giọng con gái Bắc trách móc như vọng lên từ một cõi xa xăm nào:

- Ông làm tôi... Ông lấy của tôi hết một buổi sáng rồi!

Tôi quay lại, nhìn vào đôi mắt phản chiếu màu xanh của biển, của trời và đôi môi vừa mím lại:

- Tôi có làm gì đâu!

- Sao không? Nàng hỏi, nụ cười thấp thoáng trên môi.

- Vậy chứ tôi đã làm gì?

- Ông thấy hết trơn rồi!

Chú hờn dỗi vương trong mắt nàng. Tôi nghịch ngợm:

- Thấy cái gì chứ?

Môi dưới nàng trễ xuống:

- Đáng lẽ ông phải nhắm mắt lại.

Tôi cười, nhắm hờ hai mắt:

- Thì tôi nhắm mắt lại đây.

- Bây giờ thì muộn quá rồi. Giọng nàng xa xăm.

Hai mắt vẫn nhắm hờ, đủ để thấy bóng người con gái phía trước, tôi ngập ngừng:

- Bây giờ tôi mở mắt ra được chưa?

- Bây giờ thì còn nói làm gì nữa! Nàng phụng phịu. - Ông ăn gian lắm!

Tôi mở to mắt, cười vui nhìn nàng:

- Tôi có làm gì đâu mà cô nói tôi ăn gian.

- Sao không?

- Cô bảo tôi nhắm mắt thì tôi nhắm, cô kêu mở thì tôi mở. Tôi chưa hề ăn gian mà.

Nàng lại trề môi:

- Ông xạo có hạng.

Tôi phân trần:

- Mới đứng nói chyện với cô có mấy phút mà tôi đã mang đủ tội: hết ăn gian tới xạo...

- Ông vừa ăn gian vừa xạo.

- Oan cho tôi.

- Sao không. Đáng lẽ ông phải nhắm mắt lại kìa.

- Thì tôi mới nhắm mắt xong. Tôi cù nhầy.

- Lúc nãy cơ. Nàng trề môi.

- Lúc nào?

- Lúc mà gió thổi mạnh làm rối tóc tôi.

Tôi làm bộ ngây thơ:

- À, lúc đó... Nhưng mà tôi có thấy gì đâu!

- Sao không?

- Mắt tôi kém lắm.

- Ai tin!

- Cô tin là đủ.

- Không thèm tin.

- Rồi cô sẽ tin!

- Còn lâu!

Nàng đổi giọng, than van, rên rỉ:

- Đáng lẽ ông phải nhắm mắt lại. Tôi ghét ông, ghét ông hơn tất cả mọi thứ trên đời!

Tôi tìm cách lái câu chuyện qua hướng khác, khi nhận thấy trong giọng nàng có một chút đau đớn, xót xa:

- Cô đứng đây từ sáng đến giờ, có thấy cánh hải âu nào không?

Nàng lắc đầu, hai tay vẫn ghì chặt mép vải che dấu vụng về. Tôi kể lể:

- Ngày nào cũng nhìn cô đứng trên dốc đá này, riết rồi tôi có cảm tưởng cô là một phần của núi non, cũng có thể cô là một nàng tiên cá, mải miết lên đất liền rong chơi, lúc trở về ghềnh đá, đã bị ai đó lấy trộm mất phần đuôi cá. Vì vậy nàng tiên cá mới đứng hoài nhìn ra biển, cố tìm một phần đời đã mất.

- Ông kể hay quá.

Nàng reo lên, nụ cười thấp sáng đôi môi màu hồng mịn ướt.

- Ông kể tiếp đi. Tôi thích nghe chuyện cổ tích.

Tôi phấn khởi:

- Đuôi cá mất rồi, cô không thể trở về với biển cả được nữa. Cô sẽ phải ở lại đất liền, với núi non, cây cỏ, suối rừng, sông rạch. Nàng tiên cá ở lại với loài người để điểm trang cho cuộc đời...

- Ông nói chuyện cứ như thơ vậy. Nàng thật thà khen, đôi tay vẫn không rời mép áo. - Nhưng ông có tin rằng ở đâu đó dưới biển có những nàng tiên cá không?

- Tôi mong là có, còn cô?

Nàng khẽ gật đầu, mắt nhìn xa xăm ra biển.

- Ví dụ như cô là nàng tiên cá và bây giờ người ta đem đuôi cá trả lại cho cô, cô có trở với biển nữa không?

Nàng khẽ lắc đầu.

- Sao vậy? Tôi thắc mắc.

Nàng lại lắc đầu, môi mím chặt như ngậm một câu trả lời không thể nói.

Mặt trời đã lên cao, rạng rỡ bên góc biển phía sau đảo. Nắng lao xao trên sóng nước lấp lánh. Biển xanh xa ngút ngàn vẽ ở cuối trời một đường viền xanh thẫm. Chúng tôi đột nhiên cạn đề tài. Ngoài xa, không một cánh buồm, không một cánh chim bay, chỉ có gió và sóng dạt dào. Tóc nàng bay rối tung trong gió. Bất chợt, nàng quay về phía tôi:

- Ông về đi!

Tôi tròn mắt ngạc nhiên:

- Còn cô?

- Kệ tôi.

Nàng mím môi, nhắc lại câu nói ngắn bằng giọng dịu dàng nhưng đầy quyền uy:

- Ông về đi.

- Tại sao?

Nàng vẫn mím môi:

- Về đi.

- Cô không về sao?

- Tôi ở lại đây.

Tôi thọc tay vào túi quần, nhìn sâu vào mắt nàng:

- Cô là cả một cõi huyền bí, lạ lùng.

- Ông xạo!

Tôi đổi đề tài:

- Tên cô là gì nhỉ?

Nàng trải tia nhìn bối rối lên những bông hoa màu vàng nhạt đu

đưa trong gió, ngang bướng lắc đầu.

- Tôi yêu những buổi sáng như hôm nay. Những buổi sáng tưởng chừng chỉ có trong cổ tích. Tôi yêu biển. Thuở nhỏ tôi sống gần biển, lớn lên về sống trong thành phố chật chội, gò bó, tôi cảm thấy tù túng vô cùng. Tôi thèm những khoảng bao la của trời, của biển. Đứng trước biển cả mênh mông, thấy con người thật nhỏ nhoi, tự nhiên muốn thả trôi hết mọi tị hiềm, bon chen. Mai sau, nếu có thể được, tôi cũng sẽ tìm về sống gần biển. Cô có thích biển không?

Nàng lắc đầu, giọng mềm như hơi thở:

- Ông có tin rằng ở đâu đó dưới biển, có những nàng tiên cá đang bị giam cầm không?

Tôi gật gù:

- Có thể lắm chứ!

Giọng nàng xa vắng, nghe trầm như một tiếng thở dài:

- Tội nghiệp!

- Ừ, tội nghiệp! Tôi phụ họa.

- Nếu tình cờ ông bắt được phần đuôi của nàng tiên cá, và nàng nằn nì ông trả lại để nàng có thể về với biển, ông có trả không?

Thấy tôi ngập ngừng, nàng nhắc lại câu hỏi:

- Hở, ông có trả không?

- Có thể...

- Tôi ghét cách nói của ông.

- Thì trả.

Nàng chợt vui hớn hở:

- Ông hứa không?

- Hứa gì?

- Ông làm bộ quên.

- Tôi quên thật mà. Cô nhắc lại đi.

Nụ cười tắt vội trên môi, đôi mắt nàng tối lại:

- Tôi ghét ông.

Tôi gật gù:

- Tôi cũng ghét tôi nữa.

- Tôi ghét ông. Mai mốt tôi sẽ không nói chuyện với ông nữa.

Tôi hoảng hốt:

- Tôi xin lỗi cô vậy.

- Tôi hết tin ông rồi.

- Cô nóng tính quá. Dễ giận thì cũng mau quên.

Nàng chu mỏ rất trẻ thơ:

- Còn lâu. Tôi nhớ dai lắm. Tôi sẽ nhớ mặt ông hoài hoài.

- Còn tôi, tôi cũng sẽ nhớ tất cả... của cô, cho tới chết.

Nàng khẽ cau mày:

- Tôi ghét ông.

- Đừng ghét.

- Sao không? Nàng sừng sộ.

Tôi châm thêm vào cái giận dữ óng ả của nàng:

- Chúa dạy rằng đừng ghét ai cả.

- Tôi ghét ông.

- Phật dạy rằng oán không diệt được oán.

- Tôi ghét ông.

- Ngọc hoàng Thượng đế phán...

- Tôi ghét ông. Nàng ngắt lời tôi, nhấn mạnh: ghét ông, ghét ông...

Trong một thoáng, tưởng chừng tiếng dạt dào của biển, tiếng xào xạc của lá cây oằn mình trong gió lắng xuống, để chỉ còn vang tiếng nàng trong và thấm đượm nỗi buồn phiền mang theo từ một hệ lụy xa tít. Rồi gió lại lồng lộng, và biển lại xôn xao điệp khúc muôn đời. Chợt nàng nói:

- Ông về đi.

- Về đâu bây giờ?

- Đâu cũng được.

Tôi lơ đãng nhìn trời:

- Tôi chờ cô cùng về.

Nàng lặng lẽ lắc đầu:

- Tôi chưa về đâu.

- Tôi cũng vậy.

Tôi quả quyết. Nàng rầu rĩ:

- Ông về đi mà!

- Tôi sẽ theo cô về.

- Không được đâu!

- Cô thật lạ lùng!

Tôi nhìn vào mắt nàng, nhìn môi, nhìn những sợi tóc xoã bay trong gió. Nàng lặng im. Tôi tiếp:

- Sáng nào cô cũng lên đây một mình, nhìn biển hoài không biết chán. Cô thật là hay. Tôi không thể nhìn biển hoài được. Chỉ cần nhìn biển chừng mươi phút là tôi thấy mình như bị cuốn hút vào cõi mênh mông vô tận. Cô không bao giờ thấy chóng mặt sao?

Thiếu nữ lắc đầu.

- Cô là một phần của biển cả.

Nàng bất chợt xoay người ra biển khơi, như thể câu nói của tôi làm nàng bối rối, mắt nhìn thăm thẳm vào vùng xanh của biển và trời vô tận. Tóc nàng rối, bay tung.

- Cô có một lời hò hẹn nào đó với biển khơi.

Nàng lặng thinh.

- ... hoặc giả cô đợi chờ một điều gì ngoài khơi, phía bên kia bờ... Vừa nói tôi vừa nhón bước trên những phiến đá xám, phủ lam nham rêu xanh, đến bên cạnh nàng, nhìn ra khơi với nàng. - Tôi nghĩ là cô nghe được tiếng thì thầm của ai đó lẫn trong tiếng sóng rì rào. Tôi tin là cô đợi chờ ai đó một ngày kia thả buồm lướt sóng cặp vào bờ hải đảo này. Người đó, một chàng hoàng tử của huyền thoại, sẽ rước cô về ra mắt nhà vua và mẫu hậu...

Nàng quay đầu nhìn tôi. Trời ơi, đôi mắt nàng đẫm lệ. Hai giọt nước mắt trong trào xuống, từ từ lăn trên má, đậu xuống khoé môi nàng. Nàng mím môi. Nước mắt vẫn trào ra ràn rụa. Có một cái gì đó bóp chặt trái tim tôi. Tôi hoảng hốt:

- Ơ... xin lỗi... tôi không cố ý...

Nàng lắc đầu. Tôi chưa hết bối rối:

- Có lẽ tôi làm cô buồn. Cho tôi xin lỗi.

Tôi loay hoay với đôi tay thừa thãi và một câu xin lỗi trống rỗng. Tôi bối rối nhìn ra biển. Biển vẫn vắng ngắt tận cùng. Tôi xoay qua nhìn nàng. Nhìn ngang, đôi mi nàng cong đậm nét vẽ trên màu trời. Những giọt nước mắt vẫn theo nhau lăn dài trên má.

- Chắc tôi làm cô buồn. Xin lỗi, cho xin lỗi một trăm lần. Được không?

Nàng lặng thinh lắc đầu.

- Tôi hứa sẽ không làm cô buồn nữa.

Nàng lắc đầu. Những giọt nước mắt trên má rụng xuống trên cỏ xanh, hoa vàng.

- Tôi hứa mà.

Nàng vẫn lắc đầu. Tôi thở dài, cố dỗ dành:

- Cho xin lỗi nghe.

Nàng im lặng. Tôi kiên nhẫn:

- Được không?

Chợt nàng nhoẻn miệng cười. Những chiếc răng đều sáng bóng dưới nắng hồng rực rỡ. Tôi reo vui:

- Mình huề nghe?

Nàng khẽ gật đầu. Những giọt nước mắt cuối cùng rụng xuống trên phiến đá rêu xanh và loài cây có những bông hoa vàng dị kỳ.

Bỗng dưng nàng níu áo tôi, kéo về phía nàng:

- Đi xuống dưới kia với em không?

Nàng, một tay giữ hai mép áo che ngực, một tay kéo tôi, dò từng bước trên những phiến đá xám phủ rêu lam nham. Tôi như mê ngủ, ngoan ngoãn bước theo nàng.

Chúng tôi bước xuống gần bờ đá, nơi sóng biển dồn dập đổ vào, tung bọt nước mát rượi. Nơi đây, mùi của biển nồng nàn vị muối. Nàng vẫn không buông tay áo tôi:

- Ngồi xuống đây với em.

Tôi ngoan ngoãn ngồi xuống bên nàng trên phiến đá bằng phẳng.

- Em hỏi nhé?

- Ừ, hỏi đi.

Nàng buông tay áo tôi, năm móng sắc đan lấy bàn tay tôi. Ánh mắt xa xăm, nàng nói như năn nỉ:

- Trả lời em thành thật nhé?

- Ừ.

- Đừng dấu gì cả.

- Đồng ý.

- Hứa đi.

- Hứa gì?

- Thành thật.

Nàng hài lòng:

- Bây giờ em hỏi đây.

- Ừ.

Nàng nói thật nhanh, thật nhẹ như hơi thở:

- Anh có nghĩ em điên không?

Tôi ngạc nhiên nhìn nàng. Nàng vẫn nhìn ra khơi xa mù mịt:

- Trả lời em đi.

Bỗng dưng tôi thương nàng quá đỗi. Thương như thương một trẻ thơ, bé nhỏ và tội nghiệp.

- Sao lại hỏi câu đó?

- Không biết.

Tôi bóp nhẹ tay nàng, bàn tay với những ngón thon, mỏng manh.

- Đừng nghĩ tới điều đó.

Nàng buồn rầu:

- Người ta nói em điên.

- Nói bậy.

- Thật mà.

- Đừng thèm tin người ta.

Nàng lặng thinh.

- Đừng thèm tin người ta, nghe?

- Thì không tin, em mới hỏi anh đây.

Tôi gật gù:

- Ừ, vậy tốt. Tin anh đủ rồi.

Nàng xoay qua, nhìn tôi thật gần:

- Em tin anh.

Tôi bối rối, đọc không nổi những thở than, mời gọi trong mắt nàng. Tim tôi bắt đầu đập lỡ nhịp. Bọt nước vẫn vỡ tung dưới chân, gió vẫn lộng thổi. Tôi nói thật ý nghĩ của mình, với nụ cười ngượng ngập:

- Em làm anh bối rối.

Nàng cười, khả ái:

- Anh kể chuyện cho em nghe đi.

Tôi đắm đuối nhìn nàng:

- Chuyện gì bây giờ?

Nàng thì thầm:

- Chuyện anh với em.

Tôi thẫn thờ nhìn vào đáy long lanh đôi mắt ướt nàng:

- Ngày xưa...

Bỗng dưng tôi quên hết mọi truyện cổ tích ngắn, dài. Tôi cảm thấy những ngón tay tôi nắn nhẹ từng ngón tay nàng; vuốt ve, cà trên những móng dài chuốt cong. Tôi thất lạc, nghe tim mình lỡ nhịp, nghe tay mình bối rối và hơi thở mình hao hụt.

- Ngày xưa...

Mắt nàng chở đầy hăm hở, đợi chờ. Dấu vết một nụ cười còn đọng trên môi.

- Ngày xưa...

- Ơ, chuyện anh với em kìa.

Nàng gỡ tôi ra khỏi cơn bối rối. Tôi ngập ngừng:

- Ừ, nhưng mà biết kể thế nào bây giờ!

Nàng dễ dãi:

- Sao cũng được.

- Thì đây: có một cô gái hay khóc yêu một thanh niên trên hải đảo...

Nàng dụi đầu vào vai, vào cổ tôi để che giấu nỗi thẹn thùng trong mắt và trên má đỏ hồng. Những móng tay nàng bấu lấy cổ tay tôi như vuốt sắc của loài mèo hung tợn. Theo phản xạ, tôi gục mặt vào gáy, vào tóc nàng. Một tay chịu trận cho nàng cào cấu, tay kia vòng ra sau tấm lưng mỏng ôm níu lấy vai nàng. Hương tóc ngạt ngào, cuốn hút tôi chơi vơi, hụt hẫng.

Tôi thì thầm trong tóc nàng:

- Em là một bài thơ, em là ca dao, là huyền thoại...

Nàng dựa lên tôi, trĩu nặng.

- ...Em đến từ cổ tích...

Nàng dụi đầu vào mặt tôi, và rồi tôi hôn nàng, miệt mài. Chúng tôi dụi vào mặt nhau khắc khoải. Chúng tôi nghiền nát nhau. Chúng tôi thở chung một nhịp hoảng hốt, hụt hơi. Tôi đọc thầm thơ Thanh Tâm Tuyền trong trí tưởng *"hôn vào môi, vào má, vào răng"*. Tôi ghì xiết vai nàng. Trong khoảnh khắc, tôi đánh mất tôi hoàn toàn. Hơi thở nàng rờn rợn trên thịt da tôi. Tôi hình dung những vệt gai ốc sần trên da trần nhột nhạt. Tôi rùng mình. Nàng rùng mình. Biển khơi cuồng nộ cơn hồng thủy. Sóng bạc quẫy tung bọt trắng xoá. Biển rút xuống đáy sâu cùng tận. Biển dâng lên ào ạt cuốn hút vô vọng. Có loài kình ngư hốt hoảng kiếm tìm. Những con bạch tuộc níu kéo, lôi cuốn. Chúng tôi ngã nhoài xuống cỏ ướt. Chúng tôi lăn lộn dày xéo những bông hoa vàng kỳ dị. Xác hoa vương trên rừng tóc nàng rối nùi. Gió thổi bay tan tác. Đồi ngực nàng chênh vênh. Tôi trên đỉnh đời, ngã xuống vực sâu mịt mờ tông tích, mù mịt lối về. Tôi lao đao giữa hư không và ghềnh thác cheo leo và núi đồi hiểm nghèo. Tôi gào thét giữa đỉnh trời ngập hương tóc và muối mặn. Tôi nghe nhói đau bờ vai và trước giây hôn mê, còn kịp nghe tiếng nàng oà vỡ giữa nộ cuồng của biển, rên rỉ gọi tên một người xót xa và tức tưởi.

Như đứa bé nghịch ngợm vừa sơ ý làm vỡ một món đồ quý, hoảng hốt thu nhặt những mảnh vỡ dấu đi trước khi bố mẹ kịp phát giác, tôi

cuống quít gài nút áo cho nàng bằng những ngón tay còn ngậm đầy xúc động. Trong khoảnh khắc, chúng tôi không dám nhìn vào mắt nhau. Manh áo nàng khép hờ, cho vuông ngực đầy xao xác. Tôi dáo dác nhìn quanh. Cảm ơn buổi sáng và dốc đồi còn mê ngủ. Ngày nghỉ, chẳng có ai ra góc đảo hẻo lánh này sớm như chúng tôi. Chỉ có những bụi cây xanh rậm rạp, những bông hoa vàng hình dáng kỳ dị, cùng những mỏm đá nhấp nhô làm nhân chứng cho một đổi thay không tên gọi. Một chút gì đó xuyên qua hồn tôi như sợi chỉ xuyên qua mép vải, nhói lên một chút áy náy, ăn năn có thật. Một cánh hoa vàng nhàu nát vướng trên tóc nàng. Tôi gỡ cánh hoa và chải tóc cho nàng bằng thơ Nguyên Sa "tay anh mười ngón có vừa tóc không?" Những sợi tóc ướt rối vì sương sa và hơi nước do sóng biển vỡ tung bên bờ đá. Tôi đỡ nàng ngồi xuống lại trên phiến đá bằng phẳng, thiên nhiên đã đặt sẵn cho những đôi nhân tình. Bậy quá! Thêm một đường kim xuyên mũi chỉ áy náy qua hồn tôi. Cơn hồng thủy đã tan. Trận bão biển đã lắng. Sóng nước bạo cuồng đã dịu. Nàng nhìn ra biển khơi, xa vắng. Khuôn mặt nàng nhìn nghiêng, hằn sắc nét trên nền xanh của trời, như phiến đá tạc dở dang bởi một nhà điêu khắc thiên tài mà đãng trí, đã quên thổi vào đó một đời sống sinh động. Nàng ngồi bất động nhìn ra biển. Tôi nắn nhẹ vai nàng. Tội nghiệp! Có lẽ nàng xấu hổ và ân hận đến tê cứng người như tượng đá. Đôi mắt trẻ thơ này, đôi môi mịn ướt này, mới chưa đầy một phút trước đây, còn ham hố, loạn cuồng, mê muội, bây giờ xa xôi như chưa hề có thật. Tôi bỗng dưng thấy mình tội lỗi và gian manh. Tôi lặng lẽ ôm siết lấy vai nàng. Chúng tôi cùng nhìn ra biển, lắng nghe tiếng sóng và gió rì rào, thắc mắc.

Khi những sợi tóc nàng được gió hong khô và thổi bay rối tung lên mặt, lên vai tôi, là lúc cơn điên mê vừa lịm tắt. Hơi thở đều hoà và trái tim trở lại những nhịp bình thường, tôi thì thầm trong tóc nàng:

- Em...

Nàng nghiêng đầu, kề tai sát miệng tôi:

- Gì, anh?

- Ơ... thì... - Tôi ngập ngừng - Biển đẹp quá!

Nàng cũng thì thầm:

- Em yêu biển.

Tôi ngậm những sợi tóc nàng trên môi:

- Em là một phần của biển cả.

Nàng xoay qua, gài lại những nút áo chưa kịp cài của tôi. Gió lộng mở ra giữa đất trời đôi ngực nàng đầy vun.

- Gọi em là Thụy. Nàng tự giới thiệu.

Tôi đáp lời nàng:

- Còn anh là...

- Anh là Nguyên.

Nàng cướp lời. Tôi ngạc nhiên:

- Hả?

- Anh là Nguyên. Nàng nhấn mạnh.

- Em... Tôi bối rối.

- Gọi em là Thụy.

Nàng nhìn tôi thật gần. Đôi môi hồng hé mở, khoe hờ những chiếc răng trắng bóng đặt nhẹ lên môi tôi.

- Nguyên, Nguyên của em...

Cái tên chợt bật sáng trong tăm tối lòng tôi một ngọn đèn. Phải rồi, vài phút trước đây, trên đỉnh cao của cơn điên mê, nàng đã gọi cái tên này, cái tên dễ nhớ mà tôi đã quên khuấy đi sau cơn thất lạc.

Một giọt buồn loang trong tôi như giọt mực nhỏ vào ly nước trong. Tôi bóp khẽ vai nàng:

- Em.

- Gọi em là Thụy. Nàng ngắt lời tôi.

- Ừ, Thụy... Mà Nguyên là ai vậy?

Nàng chỉ tay vào ngực tôi, chỗ trái tim, cười rạng rỡ:

- Anh chứ ai.

Tôi bối rối:

- Nhưng mà... Thụy có làm người không?

Nàng lắc đầu, tự tin:

- Làm sao được. Anh nói bậy không à!

- Chắc không?

vành trăng khuyết

Phía chân trời bảng lảng
Thuyền trăng neo cành sương
Nhớ về vùng dĩ vãng
Mơ một chuyến lên đường

Chợt sóng mây cuồn cuộn
Nhận chìm mảnh thuyền trăng
Đành buông trôi ảo tưởng
Mộng phiêu lưu cung hằng.

Thôi đá cũng tiêu mòn
Vàng cũng rã hoàng hôn
Chắt chiu may còn lại
Một chút trong tâm hồn

Một chút gì lưu lại
Như ánh nắng chiều tà
Vẫn luôn luôn tồn tại
Hiu hắt trên đồi xa...

vân nương

- Chắc chứ. Chỉ có Nguyên của em mới lì lợm dễ thương như vậy.

- Hở?

- Người ta đuổi hoài cũng không chịu về. Giống hệt như hồi còn ở Sài gòn. Anh nhớ lần đi lễ chùa Vĩnh Nghiêm đêm giao thừa không? Anh lại trễ cả nửa tiếng. Em chờ, tức muốn chết mà không dám khóc, sợ xui thành ra phải đứng chờ. Mãi sau anh mới đến. Giận quá, em đuổi anh như đuổi tà mà anh không chịu về. Người đâu mà lì lợm!

Nàng liếc tôi thật ngọt, thay cho dấu chấm câu. Tôi cố gắng hình dung lại khung cảnh chùa Vĩnh Nghiêm giữa lòng Sài gòn của 15 năm về trước. Đã xa quá rồi và cũng lâu quá rồi những ngày Sài gòn thuở còn đi học. Tất cả còn lại trong một ngăn trí nhớ tôi tồi tệ về chùa Vĩnh Nghiêm chỉ là khoảng sân chùa rộng thênh thang với những bậc xi-măng cũ mòn của một đêm giao thừa nào đó cuối thập niên 70. Và tôi thuở đó, với nàng, với một Nguyên lạ mặt. Nguyên, cái tên vô nghĩa. Ngàn đời tôi không ưa cái tên đó, và bây giờ tôi là Nguyên, một vai mới trong tấn kịch đời. Người đàn bà trẻ kéo tôi ra khỏi vũng lầy của trí nhớ:

- Nguyên à.

- Ờ... gì... Thụy?

- Anh còn giận mẹ không?

- Ơ... mẹ... nào?

Nang nguýt tôi thật dài:

- Mẹ em.

Tôi ngỡ ngàng:

- À... thì...

Nàng xoay người, nhìn tôi:

- Thì sao?

Tôi nhủ lòng thật vội, nếu như tôi gặp mẹ nàng và nếu như tôi yêu nàng, tôi cũng sẽ thương mẹ nàng và kính trọng bà như mẹ tôi. Xin hứa với lòng, xin hứa.

- Có giận gì đâu!

Nàng cười tươi:

- Thật nghe?

- Thật.

- Chắc nghe.

- Chắc.

Nàng hôn nhẹ lên môi tôi. Tôi ngậm vội lấy môi nàng, ham hố. Tiếng Thụy thì thào:

- Cũng tội nghiệp mẹ, phải không Nguyên?

Tôi lừng khừng:

- Ừ... thì cũng...

Nàng nhìn ra biển khơi:

- Anh có vẻ vẫn còn giận mẹ.

- Đâu có.

Nàng khẽ lắc đầu:

- Nguyên giấu em. Nguyên vẫn còn giận mẹ như hồi đó. Cũng không hẳn lỗi tại mẹ tất cả đâu! Một phần cũng tại mình. Nhất là tại Nguyên. Nguyên tự ái, Nguyên ngang tàng, bướng bỉnh. - Nàng quay sang, ném cho tôi một cái liếc - Đã nhịn mẹ được năm sáu năm trời, rồi cuối cùng lại tự ái vặt để cho tan vỡ hết. Thành ra lỗi của anh một phần, nếu không giờ này chắc cu Tý cũng đã biết đi rồi!

Tôi hụt hẫng, chới với, rơi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác:

- Cu Tý?

Nàng cười, hai má ửng hồng. Chút bối rối vướng trong giọng nói:

- Cu Tý, con của chúng mình...

Tôi ngắt lời nàng:

- Cu Tý làm sao?

Má nàng đỏ hơn:

- Hồi đó nếu em liều nghe theo anh, chiều ý anh thì bây giờ cu Tý cũng đã biết đi rồi, phải không?

- ừ, có lẽ...

Nàng cúi đầu, thì thầm. Tiếng nàng loãng tan trong gió, tôi nghe tiếng được tiếng mất:

- Tại em... một phần. Hồi đó, nếu em chiều Nguyên, mình sống với nhau một đêm chồng vợ, em đã là của Nguyên, mẹ sẽ chẳng còn lý do gì ngăn cản. Hồi đó em lý tưởng quá, phải không Nguyên?

Giọng Thụy xa vắng, ngậm ngùi:

- Để có được nhau, đôi khi phải dùng những mánh lới, thủ đoạn. Hồi đó em không đồng ý với Nguyên, bây giờ em hoàn toàn đồng ý. Cũng muộn đấy, nhưng muộn còn hơn không. - Nàng bóp nhè nhẹ những

---

một chuyến xe tang

thương tiếc Bình H.O.11

Rời nhà quàn, xe lao vào sương gió
Trong lòng xe, lạnh lẽo cỗ quan tài!
Tiếng xe lăn, nghiến nát mảnh hồn ai
Đời xa xứ cô đơn, giờ nhắm mắt!
Chiếc xe tang đi âm thầm tẻ ngắt
Đôi người thân, không có một vòng hoa
Lá thu rơi, thay cho lệ chan hoà
Tiếng rì rầm động cơ leo đồi lạnh
Hàng cây ven đường, lá phơi đỏ quạch
Như mảnh hồn còn vương vất đâu đây
Không điếu tang, không có khói nhang bay
Toàn tiếng lá rời cây nghe xào xạc
Trên cành cây chim vô tình ca hót
Giọng nỉ non thay thế tiếng kèn tang
Dưới huyệt sâu phủ kín lớp lá vàng
Chen màu đỏ tượng trưng cờ tổ quốc!
Đời bại binh hồn buồn vì mất nước,
Vùi thân tàn vào mảnh đất tạm dung!
Còn gì đâu, là khí phách oai hùng?
Đời lính chiến thuở nào chưa mất nước.
Hoa choàng vai, kiêu hãnh dưới cờ vàng
Giờ đây nằm xa tổ quốc Việt Nam
Buồn biết mấy, nắng hanh chiều nghĩa địa!

hoài nam

ngón tay tôi, dịu dàng - Em xin lỗi Nguyên nhé. Tha lỗi cho em không?

Tôi lơ đãng nhìn những cụm mây trắng như bông từ từ trôi trên nền trời xanh thẫm. Thụy thúc khuỷu tay vào cạnh sườn tôi, nhắc nhở.

- Tha.

Nàng cười vui:

- Hứa không?

- Hứa.

Nàng bất bẻ:

- Hứa gì?

Tôi hơi bực:

- Thì hứa tha.

Nàng gật gù:

- Cả mẹ nữa. Nguyên phải hứa không được giận mẹ.

- Ừ hứa, không giận mẹ cũng không giận Thụy chút nào hết, được chưa?

Người thiếu nữ hả hê, thoải mái, thở ra nhẹ nhàng:

- Cám ơn Nguyên.

Tôi nghiêng đầu, cụng nhẹ vào đầu nàng:

- Không có chi.

Buổi sáng yên tĩnh. Mặt trời lên cao dần, nắng sớm bò trên ghềnh đá, lan dần tới chỗ chúng tôi ngồi. Trong một thoáng, chúng tôi cùng lặng yên theo đuổi những cảm xúc, những ý nghĩ riêng tư vụn vặt.

- Nguyên.

Giọng Thụy xa vắng. Tôi lặng im.

- Nguyên à.

- Gì, Thụy?

- Em nhớ nhà.

- Anh cũng vậy.

Nàng băn khoăn:

- Làm sao về bây giờ?

- Anh cũng không biết nữa.

Nàng xoay qua, nhìn vào mắt tôi:

- Anh phải biết.

Tôi gật gù:

- Cách nào?

Nàng mỉm cười, tinh nghịch trỏ ngón tay lên trán tôi:

- Suy nghĩ. Thông minh nhất nam tử.

Tôi ngập ngừng:

- Suy nghĩ làm chi cho thêm điên đầu.

- Nguyên nói gì?

Nàng bất chợt giật nảy người như vừa chạm vào một vật gì kinh khủng. Tôi bối rối, tránh tia nhìn của nàng:

- À... thì anh không... muốn... nhức đầu.

- Không phải vậy, anh ám chỉ là em điên kìa!

- Bậy nào!

Tôi nhìn nàng. Đôi môi Thụy run run vì giận, giọng nàng đặc lại:

- Thì tại điên em mới hay nói bậy!

- Nhảm!

Nước mắt rưng rưng, Thụy tiếp, giọng ướt sũng:

- Em biết, tại em điên nên mới hay nói nhảm!

Tôi cầm lấy tay nàng, bóp nhẹ:

- Thôi mà, anh có nói gì đâu!

Nàng vùng vằng, giật tay ra khỏi tay tôi:

- Có.

- Nói gì?

Cơn giận sủi bọt trong tôi. Tôi cố gắng kiềm chế để khỏi trở nên cộc cằn. Nàng vẫn làm mình làm mẩy:

- Anh nói em điên.

Thôi rồi, cơn giận sôi sục đã nẩy bật nắp cái ấm-nước-lòng- tôi:

- Em điên quá Thụy à!

Trong khoảnh khắc nàng chết sững. Đôi mắt mở lớn. Cánh mũi phập phồng như người ngạt thở đang cố hít thật nhiều khí trời. Miệng hé mở và đôi môi run run như đang trong cơn động kinh. Má nàng đổi từ màu hồng sang màu trắng xanh. Chỉ có những sợi tóc bay phất phơ trong gió và manh áo mỏng trên ngực nàng là có nhịp sống riêng, nhịp của gió biển nồng hương muối, tất cả còn lại bị cuốn vào cơn giận dữ óng ả. Những giọt nước mắt ứa ra trên mi, lăn dài xuống má, đọng lại dưới cằm rồi rơi xuống vai, xuống ngực áo nàng. Đột nhiên nàng nấc lên một tiếng và bật khóc. Thế là xong. Tôi ngồi yên chịu đựng. Người nàng rung theo mỗi tiếng nấc. Âm thanh bị nén xuống nên tiếng khóc nghe uất ức, tức tưởi và xa xôi.

Tôi ngồi, lặng nghe nàng như vậy không biết đến bao lâu đến khi cơn giận dỗi tan loãng t gió biển, những giọt lệ cạn trong mắt, để lại những vệt óng á trên đôi má hồng lợt lạt, những tiến nấc thưa dần rồi tắt hẳn, chúng tôi vẫn chưa nói với nhau một câu nào. Cả hai cùng nhìn ra biển khơi. Khi mặt trời đã lên cao, hắt xuống vai áo chúng tôi những tia rát bỏng, nàng nói:

- Thôi, em về.

Tôi băn khoăn, nghĩ cách gặp lại nàng. Nếu như Thụy không trở lại đây, tôi sẽ khó lòng tìm gặp lại nàng, giữa hải đảo với hàng chục ngàn người chen chúc dưới những cây dừa cao lêu nghêu và loài chuột mập mạp chạy khắp nơi như những con chó nhỏ tròn trĩnh.

Có tiếng người lao xao phía bên kia dốc đá, loãng trong gió biển. Nàng đặt tay lên đầu gối tôi, lay nhẹ:

- Nguyên, em phải về.

- Sao vậy?

Nàng ngập ngừng:

- Sắp tới giờ thăm bệnh của bác sĩ.

- Tại sao?

Tôi thắc mắc. Giọng nàng buồn thiu:

- Nguyên cũng biết là em bệnh mà.

Tôi đặt tay lên tay nàng:

- Em ở khu nào?

- Em không có chỗ ở nhất định. - Nàng cúi đầu như áy náy - Người ta cho em một phòng trong bệnh viện Sickbay.

Tôi quay sang nhìn nàng, ngạc nhiên:

- Thật không? Anh có thấy em ốm đau gì đâu!

Nàng mím môi:

- Em điên.

Tôi chợt nhớ cơn khóc lóc của nàng cách đây chưa đầy năm phút.

- Thôi mà, em phải nghe anh, em không có bệnh gì hết, em khoẻ mạnh.

Nàng nhoẻn miệng cười:

- Em thích Nguyên. Phải như Nguyên là bác sĩ thì em đâu có bệnh.

đầu vào vai
.e chở:
người trong
.ıang em đi chạy
.ay qua vai nàng, vỗ
có bị gì đâu mà chạy điện.
.ıg thì thầm:
Họ nói em điên.
- Đừng tin họ.
- Em không tin họ, nhưng họ vẫn bắt em uống thuốc. Em sợ những viên thuốc, em ghét những viên thuốc. Những viên thuốc màu trắng đắng ngắt và những viên thuốc màu hồng không chua không ngọt không đắng, người ta bắt em uống mỗi ngày. Những viên thuốc làm tim em đập mạnh, làm tay em run, làm miệng em khô đắng, làm đầu óc em mịt mờ u ám. Em thù những viên thuốc như thế!... - Nàng sôi nổi với những ý tưởng không đầu đuôi. Ánh mắt nàng rạng rỡ, nhìn thăm thẳm vào khung xanh của trời, của biển - Tại sao người ta lại làm ra những viên thuốc như thế? Em thù, em ghét, em ghét hết mọi người ở bệnh viện Sickbay. Nguyên biết không, em chỉ mong có dịp nào em sẽ bắt nhốt họ vào những phòng khám bệnh, buộc tay chân họ vào giường, bắt họ nuốt từng viên thuốc, từng viên thuốc...

Tôi ngơ ngác nhìn nàng say sưa trong giấc mộng trả thù:

- ...Nếu Nguyên làm bác sĩ, em sẽ làm y tá và chích cho họ một trăm mũi chích mỗi ngày. Nguyên biết không, những buổi sáng họ hay bắt em phải chích thuốc, em trốn nhưng họ hứa tìm Nguyên cho em nên em mới chịu uống và chích thuốc. Họ hứa hoài mà chẳng bao giờ tìm cho em thành ra sáng nào em cũng ra tìm Nguyên ngoài biển... Bây giờ em tìm ra Nguyên rồi... - Nàng dụi đầu vào vai, vào cổ tôi, nũng nịu - Đừng bỏ em, nghe Nguyên!

Tôi vỗ nhẹ vai nàng:

- Ừ.

- Nguyên thương em hoài nghe?

Tôi choáng ngợp trong hương tóc nàng:

- Ừ.

Tiếng lao xao bất chợt vọng lên nghe thật gần. Chúng tôi giật mình quay lại. Một đám thanh niên bước trên những mỏm đá, tiến về phía chúng tôi. Tiếng reo mừng tở mở xen lẫn tiếng la hét.

- Con nhỏ điên đó đó, đúng nó rồi!

- Đừng để nó chạy mất, về cao ủy sạc thấy mẹ!

Thụy hoảng hốt đứng bật dậy, xớn xác tìm đường chạy trốn. Trong chớp mắt, đám người đi lùng bắt đã trải rộng, che kín lối thoát thân của nàng. Họ xăm xăm tiến về phía chúng tôi. Tôi bối rối nhận ra người y tá quen mặt trên bệnh viện Sickbay. Tất cả cùng nhìn tôi bằng ánh mắt kỳ lạ. Thụy đứng nép sau lưng tôi, hai tay vòng qua ôm bụng tôi, siết chặt như nương nhờ sự che chở. Tôi duỗi thẳng hai tay, chờ đám người đến gần.

Người y tá nói bằng giọng khàn khàn:

- Cô phải về bệnh viện, cao ủy y tế cần gặp ngay.

Tôi phân trần:

- Cô ấy có ốm đau gì đâu!

Vòng tay Thụy siết mạnh hơn quanh bụng tôi. Người y tá lạnh lùng:

- Anh làm sao biết được! Đã đến giờ khám bệnh và chích thuốc, nếu để quá giờ cô ấy sẽ lên cơn.

Tôi đặt tay lên đôi bàn tay đang siết chặt lấy nhau vòng trước bụng tôi, xoay đầu nói với nàng:

- Bây giờ em về bệnh viện một chút thôi, được không Thụy?

Đám người tạo thành vòng tròn nhỏ vây quanh chúng tôi, chờ đợi. Thụy cứng cỏi:

- Không.

Tôi năn nỉ:

- Anh sẽ cùng đi với Thụy.

- Không.

Tôi dỗ dành:

- Nghe anh đi. Về bệnh viện một chút xíu cho bác sĩ thấy mặt thôi.

- Không.

- Về chích thuốc rồi ra đây anh kể chuyện cho nghe. Không nghe, ngày mai người ta sẽ nhốt em trong bệnh viện Sickbay, em sẽ không gặp được anh đâu!

Vòng tay siết quanh tôi chợt nới lỏng. Tôi quay lại, đặt tay lên vai Thụy. Nàng gạt tay tôi ra, giọng ướt sũng:

- Nguyên nói dối em.

Đám người thì thào to nhỏ. Người y tá tròn mắt ngạc nhiên:

- Anh là Nguyên hả?

- À... ừ... Tôi ngập ngừng.

Một giọt nước mắt ứa ra trên mi nàng:

- Em ghét Nguyên!

Bất chợt Thụy xoay người bỏ chạy. Đám người và tôi sững sờ một giây rồi hấp tấp chạy theo. Những tảng đá nhấp nhô giữa các bụi cây rậm rạp làm cuộc đuổi bắt trở nên vất vả, khó khăn. Tiếng la hét hỗn loạn lẫn trong tiếng sóng dạt dào. Thụy nhảy nhót như con mèo nhỏ trên những phiến đá gập ghềnh. Tôi gào thét gọi tên nàng. Tiếng tôi lẫn mất trong tiếng đám đông la hét ồn ào. Tôi trượt chân ngã một cái đau điếng. Vừa lồm cồm ngồi dậy được, tôi lặng người thấy nàng đứng sừng sững trên mỏm đá cao sát bờ vực. Tôi hét:

- Thụy. Đừng!

Nàng ném cho tôi một cái nhìn thù oán. Tiếng nàng vang trong tiếng sóng, lẫn với tiếng xôn xao hốt hoảng của đám đông:

- Em ghét anh!

Tôi chết sững nhìn nàng buông mình xuống vực sâu, mất hút sau vách đá dựng trên bờ vực. Những tiếng "Ê! Đừng!" "Ấy!" "Kia kìa!" "Đừng đừng!..." lẫn vào nhau thừa thãi, vô nghĩa...

Không một tiếng động nào vọng lên được từ cõi thẳm sâu mịt mùng của biển. Đám người đứng lặng như những hình người hoá đá trong cổ tích, trên mỗi khuôn mặt còn đậm nét kinh hoàng.

Ngoài kia, biển vẫn thản nhiên như con bệnh tâm thần không còn ý niệm nào về thời gian và sự đau khổ của kiếp người. Cơn bệnh dửng dưng với mọi đổi thay của cuộc đời! ❑

Rửa Nhục

Jean Hougron

Đặng Văn Nhâm lược dịch

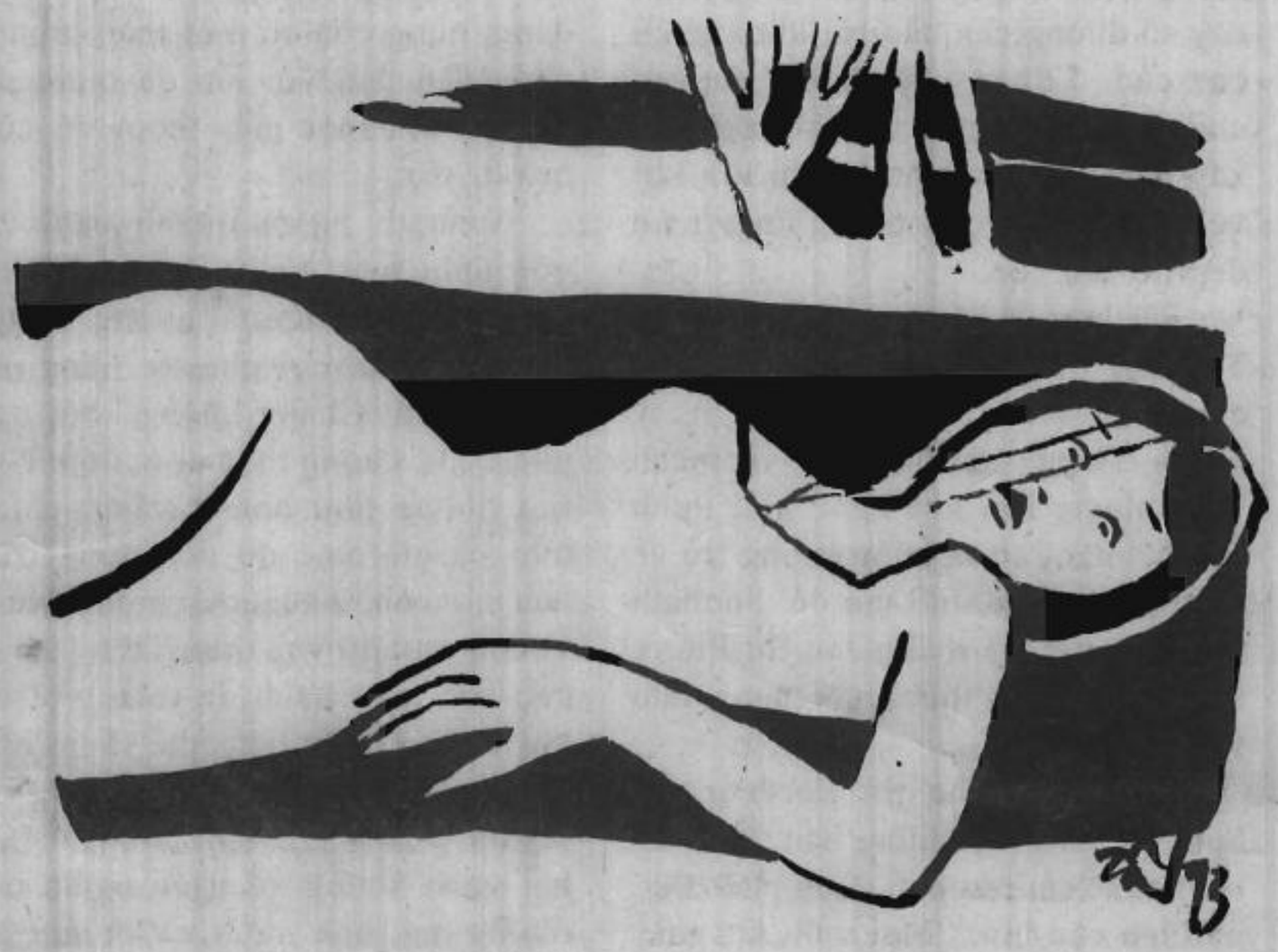

LDG: Jean Hougron sinh năm 1923, tại Mondeville (Calvados). Trước, ông ngụ tại Cherbourg, sau dời đến Dreux, dạy các môn khoa học và Anh ngữ. Ông đậu bằng cử nhân luật năm 1946, và sau một năm tập sự tại một công ty xuất nhập cảng ở Marseille, được gửi sang Đông Dương làm việc.

Chín tháng sau, ông làm nghề tài xế vận tải, cùng với nhiều nghề linh tinh khác như trồng thuốc lá, bán rượu bia,v.v..

Ông đã sinh sống ở Lào, Cam bốt, miền nam Trung Hoa và Thái Lan. Đến tháng 9 năm 1949, trở lại Sài gòn, ông cộng tác với đài phát thanh Pháp Á mãi cho đến tháng 6 năm 1951 mới trở về Pháp.

Tác phẩm "Đêm Đông Dương" (La Nuit Indochinoise) gồm 6 quyển, xuất bản năm 1950, đã nâng tên tuổi ông lên hàng văn sĩ hữu danh. Năm 1953, Hàn lâm viện Pháp đã trao tặng ông giải thưởng Grand Prix về tiểu thuyết. Đến năm 1965, ông lại được trao giải Prix Populiste. Các tác phẩm của ông đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ, trong số có cả Đan ngữ và các ngôn ngữ Bắc Âu.

Đa số các tác phẩm của ông đều viết về đời sống và sinh hoạt của giới Tây thuộc địa hay còn gọi là Tây đồn điền ở Việt Nam, Lào và Cam Bốt trong thời kỳ tiền chiến và nhất là lúc cuộc cách mạng giành độc lập của dân tộc Việt Nam bắt đầu...

Chiếc xe vận tải hiệu International sơn màu đỏ máu, phủ mui bằng vải bố màu xanh ve, nặng nề lăn bánh, lắc lư nhồi xóc trên con đường nhỏ hẹp gập ghềnh, bụi bốc mù trời. Ba người ngồi chen chúc sát vào nhau trên ca-bin cũng lắc lư theo, khi thì nghiêng về bên mặt, lúc thì đảo qua bên trái, đồng loạt như những hình nộm bị cột chung trong một sợi dây.

Người phụ nữ cúi gục đầu xuống như đã mệt mỏi ngủ thiếp đi. Tài xế là một người Việt Nam nhỏ bé đang cố bám chặt lấy bánh lái, vận dụng tất cả sức lực của đôi cánh tay gầy còm, gân guốc để điều khiển chiếc xe khổng lồ. Khi chiếc xe bị trượt trên một giải cát, lạng ra khỏi mặt đường, Berthier thấy hắn có vẻ hoảng hốt chẳng khác nào một con khỉ nhỏ mất bình tĩnh. Chàng lên tiếng, có vẻ chỉ bảo hơn là ra lịnh:

- Vô số một đi!

Tiếng hộp số nghiến kèn kẹt, thân sau chiếc xe nghiêng hẳn đi. Anh chàng tài xế Việt Nam nhỏ con tưởng mình là Tây, thốt ra một tràng oán than, chửi rủa bằng tiếng Pháp với một giọng kệch cỡm, thô bỉ.

Berthier vừa vuốt tóc vợ vừa nói với tài xế:

- Không cần phải hấp tấp. Chỉ độ 10 phút nữa là đến nơi rồi. Bây giờ mở quạt nước chùi kiếng đi...

Chiếc quạt nước vẽ một vòng tròn cánh cung trên mặt kính xe đã phủ kín đầy bụi vàng. Berthier ưỡn người xoa nắn chỗ dưới thắt lưng đang đau nhức như dần. Chàng quay kính xe xuống, mắt hấp háy vì chói nắng nhìn cảnh núi rừng hùng vĩ, vách đá cheo leo thẳng đứng như một bức tường vĩ đại. Chàng le lưỡi liếm đôi môi khô nứt nẻ. Chiếc xe đã bò lên đến đỉnh dốc. Người tài xế lau lòng bàn tay ướt đẫm mồ hôi, lẩm

bẩm những lời than thở bằng tiếng địa phương. Hai khoé mép của hắn trề hẳn xuống và nét mặt rắn đanh lại. Hắn cố đạp hết tốc lực khiến chiếc xe chồm vọt tới, thân sau xe trợt qua một bên. Mỗi cái xóc lại làm người hắn tung lên. Nhìn xuống phía dưới, khoảng chừng một cây số, một khu trại màu nâu đỏ hiện ra, cắt thành một khoảng vuông vức giữa vùng rừng núi với hai dãy nhà chính, lớn dài, lợp lá và một dãy nhà nhỏ lợp rạ màu xám.

Berthier thầm nghĩ không biết cuộc bàn giao chức vụ sẽ diễn ra như thế nào. Ở Paksé, viên kỹ sư đã dặn chàng rất kỹ. Ông ta còn nói thêm: "Durieu là một kẻ thô lỗ. Không nên tranh biện với hắn. Nếu hắn muốn giải thích hay kể lể điều gì, cứ nói vắn tắt cho hắn biết, đó không thuộc phần vụ của anh. Lập ngay bản liệt kê rồi gửi cho trung úy ở đồn Docsah đem về cho tôi. Ông ta đã được cho biết trước rồi".

Berthier đặt tay lên vai vợ. Người tài xế quay nhìn chàng. Chàng rụt tay lại. Người tài xế hỏi:

- Vợ ông đấy hả? Bà ta sẽ ở trong trại này với ông suốt ba năm?

Ý nghĩ đó dường như có vẻ khôi hài đối với hắn nên hắn bật cười, nhe hàm răng hô bịt đầy vàng ra. Chợt nhận thấy vẻ khó chịu hiện trên nét mặt Berthier, hắn nín cười ngay, gò người lại đạp thắng khi xe đến gần một chiếc cầu khỉ. Tiếng rên rỉ của những thanh sắt lót cầu vang động dưới sự di chuyển của những bánh xe.

Berthier trìu mến ngắm vợ và không muốn đánh thức nàng dậy. Lúc ngủ, trông nàng trẻ và quyến rũ lạ thường. Berthier tự nhủ: "Mình thật là may mắn, hạnh phúc khi lấy được nàng. Chẳng những thông minh, thanh lịch, nàng còn rất chăm chỉ, chăm sóc mình từng li từng tí".

Berthier cù nhẹ lên má vợ khiến nàng nhột nhạt lay động. Chàng mỉm cười khoan khoái. Chàng sẽ làm gì trong suốt ba năm giam mình trong vùng đất toàn đá ong này? Lấy một đứa con gái thổ dân như những kẻ khác hay mướn một đứa tớ gái không đến nỗi xấu lắm để có thể thỉnh thoảng ngủ với nó một đêm? Chàng không thích lối sống ấy. Tình yêu của chàng không thuộc loại ong bướm mà là một thứ tình yêu chung thủy, bền lâu, chỉ được dành trao sau khi suy nghĩ, cân nhắc kỹ càng. Nếu công việc diễn tiến tốt đẹp, Dommeilleux đã hứa, sau khi hợp đồng này chấm dứt, chàng sẽ được giao phó một chức vụ khác ở một tỉnh nhỏ miền Nam. Nhưng trước hết, chàng phải làm việc tận lực ở Docsah để chứng tỏ khả năng. 600 cây số đường cần bảo trì, khoảng 20 cây cầu, 120 cây số đường chuyên chở mỏ đồng, ấy là chưa kể công tác xây đập nước Pak-linh. Đến tối, khi về nhà, chàng còn có người vợ trẻ đẹp để săn sóc.

Berthier đã bắt vợ phải bỏ cái tên Tây thô bỉ Marinette mà nàng bắt chước lũ me Tây ở Sài gòn ngày trước. Thoạt tiên nàng có vẻ mếch lòng nhưng sau khi nghe giải thích cặn kẽ, nàng tỏ vẻ sung sướng trở về với cái tên cha sinh mẹ đẻ: Sunnath Shantavong. Ba tháng sau thì Pierre Berthier chánh thức cưới nàng làm vợ.

Khi mới nghe tin Berthier lấy Sunnath làm vợ, những bạn thân của chàng, kể cả Lesueur, cùng phản đối, nêu lên câu hỏi: "Mai mốt, khi mày về Pháp thì sao?" Bọn họ chỉ nghĩ đến chuyện trở về Pháp. Riêng chàng thì không bao giờ có ý nghĩ sẽ trở lại nơi ấy nữa. Tại sao chàng không thể sống ở đây được? Chàng đã bắt đầu học nói tiếng địa phương. Nước Pháp đối với chàng chỉ là một kỷ niệm nhức nhối. Xuất thân là một thanh niên tầm thường, ít học, nấc thang xã hội thật là cao vòi vọi, làm sao chàng có thể trèo lên được?

Hôm đám cưới, một lễ cưới thật đơn giản, Lesuer có đến dự. Trước khi tan tiệc, nhìn vẻ rạng rỡ, xinh đẹp của Sunnath, Lesueur đã kề tai chàng thú thực: "Cuối cùng, tao thấy mày có lý. Nàng quả là người đoan trang..."

Chiếc xe từ từ tiến vào trại. Berthier cài khuy áo, nhảy xuống xe, sửa lại nếp quần. Chàng thầm nghĩ: "Đáng lẽ mình phải thắt cà-vạt nữa mới phải". Chàng để ý đến từng chi tiết nhỏ, không bao giờ chấp nhận sự cẩu thả, lơ đễnh. Chàng quay về phía Sunnath, tiếng động cơ ngừng đã làm nàng tỉnh ngủ, một nụ cười tươi nở sẵn trên môi. Mỗi khi thức giấc hay khi ánh mắt hai người gặp nhau, nàng luôn luôn dành cho chàng một nụ cười duyên dáng, đầy trìu mến. Đó cũng là một trong những đặc điểm khiến chàng yêu nàng say đắm. Chẳng những sắc sảo, duyên dáng, nàng còn có một thân hình nở nang đều đặn với làn da mướt như nhung, tỏa một mùi thơm vô cùng quyến rũ.

Sunnath ngắm quanh cảnh trại với ánh mắt bình thản, lặng lẽ. Chàng đứng chờ, mắt hướng về ngôi nhà lá chính, nơi phát ra tiếng máy chữ ròn rã. Chàng không khỏi ngạc nhiên khi không thấy ai ra đón. Ngôi trại dường như hoang vắng, chỉ có một bà già mặc đồ đen đứng trước cửa một căn nhà lá, mái hiên đã tả tơi vì cơn mưa lũ vừa qua. Trên cây sào cao sơn màu xanh da trời, một con khỉ đang nhảy nhót, nhe răng, nhăn mặt, kêu khọt khẹt như chửi rủa. Người tài xế giở một thùng két và hai va li xuống xe. Hắn ngắm nhìn những mái nhà tranh và khoảng sân đất đỏ in đầy dấu bánh xe qua lại. Nghĩ đến lời kể của các bạn đồng sự ở Paksé về Durieu, chàng thấy mình thật là ngớ ngẩn khi còn mong sẽ có cuộc đón tiếp ân cần nơi đây.

Berthier đi về phía ngôi nhà lá lớn, bước lên mấy bậc tam cấp, vào trong gian phòng chính. Người Tây lai đang ngồi đánh máy ngước lên nhìn. Berthier chững chạc tự giới thiệu:

- Tôi là người điều khiển công trường mới được bổ nhiệm. Tôi muốn gặp ông Durieu.

- Ông ấy đã vào làng để giải quyết công việc, thưa kỹ sư.

Berthier muốn đính chánh rằng chàng không phải là kỹ sư nhưng lại thôi vì nghĩ rằng đó thói quen của

dân ở Docsah.

- ...Tôi sẽ thông báo cho kế toán viên biết rằng ông đã đến.

Berthieu quay lại phía Sunnath, lúc ấy đang đứng lùi sau ngưỡng cửa. Chàng mỉm cười để an ủi, khích lệ nàng. Trong khi ấy viên kế toán đã nhanh nhẹn chạy đến bắt tay chàng. Hắn là một người Pháp mập, lùn đầu sói.

- Tôi rất tiếc... Tôi đã không nghe tiếng xe...

Berthier hỏi:

- Xin cho biết chỗ ở của chúng tôi.

- Ông Durieu không để lại chỉ thị gì, nhưng theo thường lệ thì ông có thể dùng nhà trọ của ông ấy, vì chiều nay ông ấy đã đi rồi.

Viên kế toán chợt thấy sự hiện diện của Sunnath, hất hàm hỏi người Tây lai:

- Cô đó muốn gì vậy?

Berthier đáp:

- Đây là vợ tôi.

Viên kế toán lộ vẻ bối rối, nghiêng mình chào và nói tiếp:

- Trong khi chờ đợi, chúng tôi đưa ông đến ở tạm khu ba, nơi dành riêng cho khách vãng lai.

Hắn hướng dẫn Berthier đến những ngôi nhà lá nằm vòng theo đường hành lang:

- Tôi sẽ kêu Bountha lại thu dọn và quét bụi...

Hắn lui bước, nhường lối cho Sunnath đi qua và lợi dụng dịp ấy nhìn nàng chăm chú. Hắn lặp lại: "...Tôi sẽ bảo Bountha đến...", đồng thời rảo bước đi về phía người tài xế Việt Nam. Hai người trao đổi câu chuyện với nhau. Người tài xế rùng vai cười khẩy và cúi xuống xách va-li lên.

Berthier ôm chặt Sunnath vào lòng, hôn say đắm. Bỗng chàng vội đẩy nàng ra, cố đè nén dục vọng vừa bốc lên. Chàng nói bâng quơ:

- Cảnh vật lạ quá nhỉ... Em có thích không?

Nàng mỉm cười nửa vui nửa buồn. Chàng tiếp:

- Dù sao thì đây cũng là quê hương của em, nơi em đã sinh trưởng...

Nàng lên tiếng cãi lại liền:

- Đâu phải! Quê em cách đây đến 200 cây số. Chỗ ấy là một cái làng hẳn hoi, có ruộng lúa, có đồng cỏ, có gia súc và cây cối... không phải chỉ toàn nhà lá như ở đây...

Nhưng nàng mỉm cười ngay để xoa dịu và nói:

- Tuy nhiên, chúng ta sẽ được sống ở đây.

Cánh cửa bật mở. Một phụ nữ trẻ có gương mặt tươi tỉnh bước vào. Dáng người nàng nhỏ bé xinh xắn, nước da sáng khác hẳn với những cô gái vùng sơn cước. Nàng luôn tay làm việc, thay khăn trải giường nhưng vẫn liếc nhìn Sunnath đang đứng kề bên cửa sổ với Berthier.

Berthier chăm chú quan sát những chiếc xe ủi đất, những cần trục, màu sơn đã tróc lở và sần sùi những vết sét rỉ, dấu hiệu của sự bỏ phế. Chung quanh những dãy nhà lá, rác bẩn ngổn ngang. Chàng thầm hứa sẽ phải cải thiện tình trạng ấy. Trong khi đó, Bountha và Sunnath nói chuyện với nhau bằng tiếng Lào, và bởi thế chàng được biết Bountha là vợ lẽ của Durieu, còn người vợ lớn thì hiện đang đi theo hắn vào làng.

Người tài xế đã đem hết hành lý vào phòng. Berthier cẩn thận mở những thùng két đựng đồ ra. Trong đó có hai khẩu súng săn, một khẩu tiểu liên, nhiều lựu đạn và những hộp đạn. Chàng nâng từng khẩu súng lên một cách cẩn thận. Chàng đã mua chúng với giá đắt hơn bình thường. Nhưng ở nơi hoang vu này, còn thú giải trí nào khác hơn là săn bắn? Người ta đã kể cho chàng nghe, ở Docsah có rất nhiều hươu nai, cả bò tót nữa. Chàng cất những khẩu súng ấy trở lại dưới đáy thùng.

Chàng mở cửa buồng tắm. Lúc ấy Sunnath đang trần truồng tắm rửa. Một luồng ánh sáng tràn lên thân thể đầy đà, rất khêu gợi của nàng. Làn da nàng trắng mịn, đôi chân thon dài, eo nhỏ, gọn nằm cân đối giữa bộ

ngực căng đầy nhựa sống với bờ hông lớn, rộng, nở nang lúc nào cũng như mời mọc. Nàng cười, nói:

- Em sắp xong rồi. Anh cũng nên tắm đi, cho khoẻ...

Berthier vừa mặc quần áo xong thì một chiếc cam-nhông nhà binh và một chiếc xe díp tiến vào trong trại. Chàng đến bên tấm gương soi mặt và nắn lại nút cà-vạt cho ngay ngắn. Bề ngoài trông chàng có vẻ bình tĩnh, nhưng thực ra lúc ấy một sự lo ngại đang len lỏi vào tâm hồn chàng. Berthier nhớ lại lời dặn của viên kỹ sư trưởng Dommailleux: "Trao ngay thơ của tôi cho hắn, và dù hắn có nói gì chăng nữa cũng cố giữ bình tĩnh... Tôi không nghĩ rằng hắn sẽ để cho..." Ông ta không nói hết câu, nhưng lại nhấn mạnh thêm lần nữa: "Hãy cố giữ bình tĩnh. Bằng mọi cách, vấn đề sẽ được giải quyết, không liên hệ gì đến anh..."

Có tiếng gõ cửa. Berthier trì hoãn giây lát rồi mới bước ra khỏi phòng tắm. Lúc ấy Durieu đã đứng giữa nhà, vóc người to lớn, nặng nề, bụng căng phồng vì ưa nhậu.

- Tôi đã vào làng... Trước khi đi, tôi có vài vấn đề cần phải giải quyết...

Hắn cười, quan sát Berthier rồi đọc lướt qua bức thư giới thiệu mà Berthier chìa ra trước mặt hắn, trong khi tay vẫn xoa những vầng rôm sảy đỏ cháy trên ngực. Đọc xong, hắn nhét bừa bức thư vào túi quần sọt.

- Dommailleux có vẻ sống trong ảo tưởng... Nếu ông ta đến đây quan sát tại chỗ có lẽ hay hơn. Ta sẽ lập bảng liệt kê, nhưng bản kết toán thì tôi sẽ đích thân đem về đưa cho ông ta.

- Ông Dommailleux muốn tôi phải trao những tài liệu ấy cho trung úy trưởng đồn Docsah đem về Paksé bằng phương tiện riêng...

Durieu lắc đầu:

- Tôi hiểu... Nhưng được rồi, tôi sẽ làm theo ý ông ta.

Hắn nhìn quanh căn phòng rồi nói:

- Chiều nay, sau khi tôi đi rồi, ông có thể đến nhà tôi mà ở. Dù sao thì cũng tiện nghi, thoải mái hơn. Bây giờ tôi phải đến phòng kế toán. Tới bữa trưa tôi sẽ giới thiệu ông với toàn thể nhân viên.

- Còn bản liệt kê?

- Chúng ta có đủ thì giờ mà. Đến mãi 6 giờ chiều tôi mới đi.

- Nhưng ông Dommailleux chỉ thị tôi phải làm ngay khi đến, liệt kê đầy đủ chi tiết, nhất là những vật dụng thuộc kho 4...

Berthier bắt buộc phải giải quyết ráo riết vấn đề. Durieu lắng tai nghe, nét mặt đanh lại và sau một lúc im lặng, hắn nói:

- Tôi nghĩ, ông chấp hành lệnh một cách quá gò bó. Thực ra, người ta đã thông báo cho tôi biết trước về ông... Hắn cười.

Berthier nói tiếp:

- Tôi còn phải làm một bản báo cáo bổ túc bản tường thuật của ông về những thiệt hại do cơn mưa dông đã gây ra cho chiếc cầu ở Soukhadine. Báo cáo của tôi phải được gửi gấp cho viên trung úy ngày mai để kịp chuyến công-voa nhà binh... Bởi thế, tôi cần phải đi quan sát chiếc cầu ấy ngay từ bây giờ.

- Được rồi, tôi sẽ đưa ông đi.

Durieu nói bằng giọng thản nhiên, không lộ chút giận dữ nào. Hắn chăm chú nhìn Sunnath đang bước vào phòng. Berthier giới thiệu nàng với hắn. Durieu bắt tay nghiêng mình chào Sunnath. Nàng mỉm cười xã giao một cách máy móc khác thường. Durieu lại nghiêng mình lần nữa và nói với giọng có vẻ như đùa cợt:

- Thưa bà, tôi rất hân hạnh... rất hân hạnh...

Hắn buông tay Sunnath và bước ra cửa. Trước khi ra đi, Berthier để ý thấy Sunnath đã lẩn đến đứng bên cửa sổ.

- Em đi nghỉ đi, anh sẽ trở về trong vòng 1 giờ nữa.

Nàng không đáp, vẻ mặt thoáng hiện nét lo ngại, kém vui. Bình thường, nàng đã quen lối bông đùa thô lỗ của mấy anh Tây già thuộc địa, nhưng không hiểu sao lần này nàng lại tỏ vẻ khó chịu với thái độ đùa cợt của Durieu, dù rằng không có gì quá đáng.

Cầu Soukhadine cách xa trại chừng hai cây số. Durieu đậu xe díp bên lề đường, rồi hai người theo lối mòn đi tới phía bờ sông. Bây giờ là mùa khô nên lòng sông đã khô cạn, chỉ còn một làn nước mỏng trên nền cát trắng phơi mình dưới nắng. Một chân cầu đã khuỵu xuống. Berthier theo Durieu đến quan sát chân cầu. Xi-măng đã tróc lở nhiều nơi, để lòi ra những cột sắt và nhiều đinh ốc sét rỉ. Durieu vừa lau mặt vừa nói:

- Đó, công tác đó...

Berthier quan sát kỹ chân cầu, thầm ước tính việc trùng tu. Trong khi đó Durieu tiếp tục nói như phân trần:

- Cơn nước lũ năm nay dâng thật bất thường. Ở đây, nhất là vào mùa mưa, thường xảy ra nhiều bất ngờ không thể tiên liệu. Cứ xem sự sụp đổ của con lộ ở khu Pakang thì đủ biết...

Dĩ nhiên không ai có thể tiên liệu được nạn đất chuồi, nhưng chuyện ấy đâu có ăn nhập gì với việc sụp cầu! Berthier không nói gì, chỉ lẳng lặng bước xuống nước, đến sát chân cầu sụp để quan sát tỉ mỉ hơn, rồi lại bước lên chỗ Durieu đứng chờ và cùng trở lại xe.

Trên đường về, Durieu tiếp tục phàn nàn:

- Ở đây những tai nạn như thế đã xảy ra hầu như hàng năm. Khi thì ở tỉnh này, khi ở tỉnh khác, và lần này sự không may đã xảy ra cho chúng tôi...

Berthier không bắt chuyện. Bất ngờ Durieu hỏi chàng:

- Theo ông, ông nghĩ sao?

Berthier rùng vai:

- Tôi biết nói gì bây giờ, nếu không ngoài những gì đã xảy ra...

Nhưng bỗng chàng buột miệng thố lộ:

- Ở Paksé, chính tôi là người đã lo việc cung cấp vật liệu để xây chiếc cầu này nên tôi biết nó khá rõ. Theo đồ án, chiếc cầu này phải được dùng 8 đà sắt dài 7 mét rưỡi, đặt sâu

2 mét 30 trong lòng bê-tông và cái trụ đầu cầu phải chôn sâu trong lòng đá khoảng 20 mét...

Durieu hỏi vặn:

- Vậy rồi sao?

- Nhưng ông đã dùng cây đà chỉ có 4 mét 40, mỗi đoạn cầu ông chỉ dùng có 72 khúc trong khi đúng ra phải cần đến 114 khúc. Ngoài ra, đáng lẽ phải làm 8 đà thì ông chỉ làm có 6 cái thôi. Về cây trụ đầu cầu, thay vì cắm sâu 6 mét vào lòng đá thì chỉ sâu có 3 mét...

- Như vậy ông muốn nói chiếc cầu ấy bị xây cất sai?

- Tôi không có thẩm quyền phán xét chuyện đó, nhưng thượng cấp yêu cầu tôi làm một bản báo cáo tường tận với những con số chính xách. Ngay chiều nay, tôi sẽ phải trở lại cầu với một đạc viên.

Berthier thầm nghĩ: "Thằng cha này muốn gì? Nó tưởng mình ngu, không biết gì hết chắc! Nó đã ăn bớt chi phí xây cất cầu này đến cả trăm ngàn đồng chứ ít sao! Thằng này đúng là thứ bất lương!" Bản chất lương thiện, hành xử nghiêm túc, tin tưởng vào lẽ phải, sự công bằng và nhất là rất trọng danh dự nên Berthier cảm thấy khinh ghét hạng người gian manh như Durieu.

Bỗng Durieu cất tiếng hỏi:

- Bây giờ tôi muốn biết kiến riêng của ông về vụ này.

Berthier làm thinh. Hắn nhắc lại lần nữa:

- Tôi đã hỏi, ông trả lời tôi chứ?

- Tôi nghĩ rằng ông đã kiếm được số tiền khá lớn trong công tác xây cầu này, và bây giờ là lúc ông phải sắp phải trả giá cho hành động gian lận ấy.

- Có nghĩa là...?

Berthier lộ vẻ bất bình, đáp cộc lốc:

- Tôi không biết.

- Ông thấy có giải pháp nào để thương lượng giữa chúng ta được không?

- Không.

Chiếc xe díp phóng nhanh trên đường về. Khi vào đến sân trại, trước khi bước xuống xe, Durieu hỏi thêm:

- Năm nay ông bao nhiêu tuổi rồi, ông Berthier?

- 26 tuổi.

- Tôi thấy hình như ông đến thuộc địa này chưa được bao lâu, phải không?

- Mới được một năm... Sao, có chuyện gì không?

- Chẳng có gì quan trọng, tôi chỉ hỏi chơi thế thôi!

Berthier không muốn hỏi thêm nhưng Durieu đã rùng vai nói tiếp:

- Cái đó tùy ông thôi... Nhưng thật đáng tiếc là ông chỉ mới tới thuộc địa, chưa biết gì nhiều...

Giọng nói hắn đầy vẻ chế giễu, châm biếm nhưng Berthier không mấy bận tâm. Trước khi chia tay, hai người hẹn sẽ gặp lại nhau trong bữa ăn trưa, vào lúc 12 giờ rưỡi tại khu công xá.

Berthier đẩy cửa vào nhà. Sunnath đang đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Hình như nàng đã đứng đó cả giờ rồi. Thấy chàng, nàng vui mừng chạy a lại, quàng tay lên bá cổ chàng:

- Em cứ thắc mắc không biết bao giờ thì anh về tới, và thằng cha ấy đã nói những gì với anh!

- Anh và hắn chỉ nói chuyện công việc thôi.

Nàng có vẻ buồn. Berthier thầm nghĩ không biết nàng có thể sớm thích nghi với cuộc sống cô đơn nơi khu trại hẻo lánh trong vùng sơn cước thâm u này không? Mỗi ngày nàng sẽ làm gì cho hết thì giờ? Khi còn ở Sài gòn, sau tuần trăng mật ngắn ngủi, chàng đã hỏi nàng về vấn đề này thì Sunnath đáp: "Em ở nhà coi nhà và thỉnh thoảng đi đạo chơi. Ở đó chắc thế nào cũng có vài người

mấy nỗi ưu tư

Xanh qua chút lá bên vườn cũ
Se sắt nương chiều bắp trổ bông
Mang mang nỗi nhớ ngày cố xứ
Trong đôi mắt buồn nâu mông lung.

Khuya khoắt vơi niềm ưu tư thao thức
Mấy nỗi lo xa, mấy nỗi lo gần
Lo tóc bạc bên xế chiều cô quạnh
Vì nỗi buồn xa con, bên song thân.

Và nhìn lại đàn con vừa tuổi lớn
Đời tha hương nhưng lòng vẫn quê nhà
Vòng tay nhớ những ngày xưa mẫu mực
Cúi đầu bên truyền thống của ông cha.

Xưa tre trúc, vườn rau cùng hiếu hạnh
Và mái gia đình thuận thảo cân phân
Người quê mình là tình thâm nghĩa nặng
Thì giữ cho bền như đã trông mong.

Chiều thênh thang, xưa hàng cau thắp nắng
Nay quê người vọng mãi bóng cò bay
Và có khi mơ trời yên gió tạnh
Dắt díu nhau về theo nắng giêng hai.

phan thịnh

đàn bà để em kết bạn".

Bất chợt nhìn đống hành lý còn để nguyên giữa nhà, chàng hỏi:

- Em chưa mở hành lý ra sao? Mình sẽ đi ăn trưa trong vòng 15 phút nữa.

- Không, em không đi ăn đâu. Em không đói!

Nàng vẫn đứng ôm sát chàng, ngả đầu lên ngực chàng. Berthier có vẻ ái ngại, cố nài nỉ nhưng nàng vẫn khước từ:

- Em cảm thấy mệt và nhất là không thấy đói... Đừng ép em nữa... - Rồi nàng vui vẻ hứa hẹn - Chiều nay em sẽ diện bộ áo vàng có hoa đen mà anh thích nhất đó!

Nàng bước đến chỗ hành lý mở va-ly ra, trong khi Berthier đứng thọc tay vào túi quần lơ đãng ngó ra ngoài. Chàng nhớ lại chỉ thị quan trọng của Dommailleux và những chi tiết trong bản báo cáo cần thực hiện gấp. Chàng cũng nhớ lại thái độ và câu hỏi về tuổi tác của chàng mà Durieu khi xuống xe đã bất ngờ nêu lên. Chàng lại mơ đến thời gian sau ba năm ở Docsah, chàng sẽ được đổi đến một thị trấn ở miền nam, điều khiển một văn phòng. Theo lời hứa của Dommailleux thì có thể là thị trấn Van Vieng, mà cũng có thể là Savannakhet. Với chức vụ ấy, chắc chắn chàng sẽ được trả lương cao và hưởng tiền công tác phí nữa. Nơi đó chàng sẽ được thân hào nhân sĩ địa phương cũng như những người Tây thuộc địa đón tiếp trọng vọng. Tất cả những phần thưởng ấy rất xứng đáng để chàng chấp nhận giam mình làm việc ba năm tại Docsah này.

- Sau một năm ở đây, chúng mình sẽ đi Sài gòn nghỉ hè, và anh sẽ đưa em đi tắm biển ở Vũng Tàu.

Nghe nói đến tắm biển, Sunnath sung sướng nhảy dựng lên, vì từ nhỏ tới lớn chưa bao giờ nàng có dịp được trông thấy biển.

- Anh sẽ dạy em bơi nhé... và em sẽ nằm phơi nắng, hóng gió biển bờ cát mịn.

Lúc ấy, ngoài sân, hai chiếc xe vận tải lớn chở đầy dân phu tiến vào trại. Theo sau là một chiếc xe díp do một người Tây tóc vàng hoe, cầm lái. Berthier nhìn đồng hồ đeo tay rồi bước lại gần Sunnath trong lúc nàng đang chăm chú ngắm chiếc nịt vú bằng lụa trắng mỏng. Chàng ôm chặt nàng trong tay, nhẹ nhàng:

- Nếu em cần gì, cứ gọi Bountha nhé!

- Không, em sẽ gọi chị Thuot.

- Em quen chị ta à?

- Chị ấy đem trà cho em lúc anh đi khỏi. Chị ta đã ở đây mười năm rồi. Chị ấy không ưa thằng cha Durieu. Được biết hắn phải rời khỏi nơi đây chị ấy mừng lắm. Anh phải coi chừng, đừng nghe, đừng tin hắn. Chị Thuot bảo em là hắn ma lanh, quỉ quyệt lắm...

- Dù sao chiều nay hắn cũng đi khỏi đây rồi!

Một lần nữa, Berthier lại nghĩ đến bản báo cáo mà với những chi tiết rõ ràng, đích xác, có thể đưa Durieu vào tù như chơi. Dù sao đây cũng là một việc làm đúng lương tâm.

Sunnath nâng niu mặt chàng trong đôi tay mềm mại và đặt lên môi chàng một nụ hôn trìu mến. Chàng nói:

- Em đi nghỉ đi.

- Em sẽ đọc sách.

Khi đến đây, Sunnath đã đem theo một số sách báo để đọc. Berthier yêu nàng hơn vì thú tiêu khiển trí thức và thanh nhã này. Nàng tiễn chàng ra tận cửa.

Trên sân, đám đông dân phu mặc quần đùi áo đen, rộn ràng qua lại. Không thấy bóng dáng một người Tây nào, ngoại trừ gã thanh niên lớn con tóc vàng đang đứng hút thuốc bên chiếc cam-nhông. Sơ-mi hắn không cài nút, mở phanh xuống tận thắt lưng. Hắn tiến về phía Berthier và tự giới thiệu:

- Tôi tên Kovacs, coi công tác làm đất. Ông đã đến xem cầu rồi?

- Phải. Ai nói cho anh biết?

- Ồ, tin tức ở đây truyền khẩu nhanh lắm. Khi nào thì khởi công trùng tu?

- Tôi nghĩ có thể tháng sau. Tôi còn phải đợi lệnh.

Lúc ấy đã có nhiều người Tây và hai người Tây lai bước vào khu nhà kế bên dãy nhà dành cho gia nhân. Durieu bước ra khỏi công quán. Hắn mặc chiếc áo Hạ uy di có in hình những cây dừa và chuối màu xanh.

Kovacs hướng dẫn Berthier bước vào. Trong phòng, mọi người đã an toạ, thấy chàng vào họ đều đứng lên ngoại trừ Durieu. Hắn chỉ cho chàng chiếc ghế đối diện.

Hắn bắt đầu chỉ từng người, giới thiệu:

- Đây là ông Bourguoin, kế toán viên. Đây là ông Desjanets, đạc viên...

Trong số chỉ có anh chàng người miền Nam, nhỏ con, tên Costes, với bộ râu mép đậm đen là lộ vẻ có cảm tình với chàng giống như Kovacs, còn tất cả những người khác, tuy bắt tay chàng nhưng thái độ bất thân thiện hiện rõ.

Sau khi xong phần giới thiệu, Durieu hỏi:

- Ông Berthier, bà nhà không đến sao?

- Không, cuộc hành trình xa xôi làm nhà tôi bị mệt.

Người bồi bưng khay thịt đến. Durieu lấy phần ăn xong, vừa chuyển sang cho người ngồi kế bên, một người Tây gốc Nga, vừa nói:

- Tôi rất buồn khi bà Berthier không đến tham dự bữa ăn này. Hôm nay tôi rất vui mừng được dịp tái ngộ bà để cùng ôn lại những kỷ niệm cũ...

Berthier giật mình ngồi yên lắng tai nghe. Trong khi đó người Tây gốc Nga ngồi kế bên hắn cúi đầu chăm chú chọn thịt bỏ vào dĩa. Durieu thong thả tiếp tục:

-...Những kỷ niệm mà ngày xưa khi bà ấy còn sống chung với thằng thượng sĩ Tabric... Thằng Tabric thế mà rộng rãi lắm...

Sắc diện Berthier trở nên tái nhợt. Chàng ngồi thẳng người lên, hai bàn tay nắm chặt đặt trên mặt bàn. Trong khi đó, Durieu vẫn thản nhiên như không chú ý gì đến Berthier, tiếp tục nói oang oang, cố ý cho tất cả mọi người trong phòng cùng nghe:

- Thằng Tabric là một người đàn ông rộng rãi không ai sánh kịp. Hắn đối với bạn bè rất tốt, bất kỳ thằng nào ghé chơi nó cũng đều cho mượn vợ ngủ chung vài đêm cho... vui!

Tất cả mọi người đều im lặng. Không khí trong phòng thật nặng nề. Tên gốc Nga kế bên Durieu thản nhiên ngồi vuốt râu, gật gù ra điều đồng ý, xác nhận những lời Durieu tiết lộ là đúng. Berthier xô ghế đứng phắt dậy trong khi Durieu vẫn tiếp tục lải nhải, vừa nói vừa cười ngạo nghễ...

Bất thình lình được biết chuyện động trời về dĩ vãng của người vợ yêu quí, Berthier choáng váng như bị sét đánh ngang tai. Chàng cảm thấy vô cùng xấu hổ, nhục nhã. Giận run lên và mất hết lý trí, Berthier chạy bay ra ngoài, phóng thẳng về phòng, tông cửa nhảy vọt vào. Trong khi đó Sunnath đang say ngủ, nằm dài trên giường, quyển tạp chí mở rộng phủ trên vai. Tiếng cười nói vang rân từ phòng ăn vẫn tiếp tục vọng đến tai Berthier. Chàng nhảy bổ đến bên giường, nắm chặt cổ Sunnath lắc dậy và giận dữ hỏi gằn:

- Mày có quen Durieu phải không?

Sunnath thở hổn hển, mồm há hốc nhưng không thốt nên lời. Berthier điên cuồng hỏi dồn dập:

- Có phải vì thế mày không dám đến ăn chung, phải không? Mày đã quen nó trước... Mày đã lấy thằng Tabric phải không?

Sunnath dãy dụa, vùng nhảy xuống giường toan chạy trốn. Berthier lao người theo, nắm tóc nàng giật ngược lại, rồi cứ thế mà dộng đầu nàng vào tường, luôn mồm gào thét:

- Thằng Tabric hả? Đúng không? Mày đã lấy nó... Nó đã chuyền mày cho các bạn nó chơi, đúng không? Nói đi! Nói đi....

Rồi chàng rên rỉ lẩm bẩm:

- Trời ơi, tao không thể ngờ đã lấy phải một con vợ thừa của tụi lính! Thế mà tao cứ đinh ninh mày chỉ biết có mình tao... Trời ơi!...

Thừa lúc sơ hở, Sunnath vuột chạy thoát ra cửa. Berthier phóng vội theo cố bắt lại, nhưng chỉ nắm được mảnh áo rách của nàng. Sunnath cố sức chạy. Thoạt tiên chàng định đuổi theo nhưng bất ngờ đổi ý, quay vội vào phòng, mở thùng đựng vũ khí, lôi khẩu tiểu liên ra lắp đạn, nhắm theo hướng người đàn bà đang chạy xả một loạt. Sunnath lảo đảo thêm vào bước rồi ngã quị.

Có tiếng quát: "Berthier!"

Chàng lập tức quay lại, thấy Durieu đang đứng giữa cửa. Chàng thong thả tiến về phía hắn, trong khi Durieu cũng vừa bước xuống bực cửa. Khi hắn chợt nhận ra hiểm họa thì đã quá trễ. Một loạt đạn cắm sâu vào ngực hắn, như muốn hất tung người hắn lên trước khi hắn quỵ xuống.

Berthier bước qua xác Durieu, tiến vào phòng ăn. Mọi người hoảng sợ, chen nhau hỗn loạn tìm đường chạy trốn. Berthier bình tĩnh nhả từng phát đạn vào từng người một. Viên kế toán đang trốn dưới gầm bàn. Thằng Tây gốc Nga đang tìm đường chạy ra cửa. Chẳng thằng nào thoát cả!

Berthier chăm chú nhìn từng xác chết, nòng súng không còn chĩa thẳng về phía trước như sẵn sàng nhả đạn nữa. Mọi người thừa cơ chạy tứ tán ra sân. Trong phòng chỉ còn lại một mình chàng. Khẩu tiểu liên đã hết đạn.

Berthier vuốt tóc, lững thững bước ra ngoài, tiến về phía Sunnath đang nằm im bất động, mặt ngửa lên bình thản.

Dưới lưng nàng, một dòng máu chảy dài, đã đông đặc, ngả thành màu đen sẫm, dính bê bết lên chiếc áo mới. Chàng cúi xuống bên xác người vợ yêu quí, đưa tay vuốt mắt nàng, ép má mình lên má nàng. Bàn tay chàng quờ quạng lần mò lên ngực nàng rồi lần xuống bụng nàng, như cố tìm lại cảm giác êm ái của cơ thể yêu thương ngày nào, đồng thời luôn miệng gọi tên nàng:

- Sunnath! Sunnath ơi!...

Cuối cùng Berthier đứng lên, tay vẫn lăm lăm khẩu tiểu liên đi về phòng. Một chiếc xe đằng xa vừa nổ máy, vội vàng phóng nhanh hết tốc lực quẹo ra đường cái. Tiếng bánh xe nghiến mạnh trên mặt đường kêu ken két.

Berthier mở thùng két đựng vũ khí, lấy một quả lựu đạn rút chốt, ném xuống đất rồi nhào xuống nằm đè lên.

Một tiếng nổ lớn, vang động cả núi rừng yên tĩnh. Những mảnh vụn của thân thể và quần áo Berthier tung bay tứ phía lẫn trong làn khói xanh dầy đặc như xác pháo. Con khỉ nhỏ trên cao hoảng hốt, nhảy dựng lên kêu khẹt khẹt, nhăn mặt nhe răng ra điều giận dữ... ❑

---

vở kịch đời

Vở kịch đời nhiều lớp
Tôi thủ diễn nhiều vai
Mắt nhoà theo ánh chớp
Những tình tiết bi hài

Vở kịch đời trường thiên
Tôi vai tỉnh vai điên
Đôi khi hồn tĩnh mặc
Thèm nụ cười hồn nhiên

Vở kịch đời buồn hiu
Diễn viên xế bóng chiều
Múa may niềm vô vọng
Giữa sân khấu tịch liêu.

Đoạn đành cơn dâu bể
Thổi buốt một lòng đau
Thời gian là kinh kệ
Tụng chưa ra nhiệm mầu.

đông vũ

Ràng Buộc Chi Nhau

Hồ Phổ Lại

Đám hỏi của Thùy được tổ chức rình rang theo ý muốn của cha mẹ hai bên. Cha Thùy và cha Vịnh cùng làm chung một chỗ. Thùy và Vịnh có quen biết nhau từ trước. Tuy vậy trong ngày lễ hỏi, khi được gọi ra, đứng bên Vịnh để chào hai họ, Thùy vẫn thấy run sợ. Trước kia, thỉnh thoảng Vịnh vẫn qua lại chơi với anh Diễn, hoặc trong những dịp giỗ tết, Vịnh thay mặt gia đình đem quà biếu, nhưng Thùy vẫn quen nhìn Vịnh như những bạn trai khác của anh mình. Có lễ hỏi rồi, Thùy phải tập nghĩ Vịnh là vị hôn phu của mình. Của riêng mình.

Sinh trưởng trong một gia đình có chị gái, anh trai, bản tính Thùy hiền lành, nhút nhát. Nàng không dám làm bất cứ điều gì trước khi có ý kiến của cha mẹ. Chị Tâm, chị của Thùy, đã ba lần thay đổi người yêu trước khi lên xe hoa về nhà chồng. Trang, cô em kế thua Thùy hai tuổi, cũng đã bắt đầu giấu những bức thư tình trong cặp. Nhưng Thùy vẫn chỉ lẻ loi cho đến ngày gia đình Vịnh cho người dạm hỏi. Khi được cha mẹ hỏi ý kiến, Thùy đứng yên, không biết phải nói gì. Trang láu táu trả lời thay chị:

- Anh Vịnh cao ráo, nghề nghiệp ngon lành, chị Thùy chịu lắm rồi. Thầy mạ khỏi lo!

Vậy là đám hỏi được cử hành. Nhìn chị Tâm, anh Diễn và Trang lăng xăng chia quà cho lối xóm, cho bà con, Thùy thấy thẹn, đồng thời cũng thấy sung sướng. Không cần phải làm duyên kéo nón che mặt như chị Tâm mỗi lúc ra đường; cũng không cần phải tìm cớ này cớ nọ lê la ra phòng khách mỗi lần anh Diễn tiếp đón bạn bè như Trang, vậy mà cuối cùng Thùy cũng có chồng. Một người chồng do trời dành sẵn, không có gì để dị nghị hay chê bai.

Sau lễ hỏi, ban đầu Thùy còn lúng túng những lúc Vịnh qua nhà. Dần dần nhờ mẹ khuyên lơn, chị Tâm và Trang xúi giục, Vịnh ngầm khích lệ, Thùy quen và bạo dạn hơn.

Cứ mỗi buổi sáng chủ nhật, Vịnh lại đến nhà Thùy, ở lại chơi, ăn cơm và quanh quẩn cho đến chiều tối mới về. Lần lần Thùy ngạc nhiên khi bắt gặp mình từ thứ bảy đã lo chuẩn bị vài món ăn để dành hôm sau thết đãi Vịnh. Thùy cũng biết nôn nóng mỗi khi trời đổ mưa ngay vào sáng chủ nhật. Và Trang tế nhị ra khỏi phòng khi thấy Thùy đứng trước gương trang điểm hàng giờ những

lúc Vịnh ghé nhà.

Cuộc tình trong sáng và không sóng gió đó trôi qua thật êm đềm. Nhân rằm tháng bảy, Vịnh xin phép bố mẹ đưa Thùy đi chùa. Đi bên Vịnh, Thùy có cảm tưởng thế giới này đã được sắp đặt lớp lang đâu đó hết cho nàng, Thùy chỉ cần đặt bước là đi thẳng đến lâu đài hạnh phúc. Và Thùy lâng lâng sung sướng.

Sau lần đi chơi chung đó, những lần gặp gỡ giữa Vịnh và Thùy không còn bó chặt trong phòng khách chật chội nữa. Họ đưa nhau lên tận núi cao hưởng gió mát lồng lộng hay ra tận bãi biển ngụp lặn trong những trưa hè. Ngày nghỉ, Vịnh đưa Thùy về tận quê nội chàng, một ngôi làng mà cả hai phải qua đến mấy chuyến đò ngang. Trong những lần xuôi đò với Vịnh, Thùy thú vị nói về gian nhà mơ ước sau này của hai đứa, có vườn trúc la đà phía trước, có giàn đậu ngự xanh rì rợp mát phía sau. Có cả hình bóng mấy đứa con nô đùa bên cạnh mẹ.

Theo giao ước, lễ cưới sẽ được cử hành sau khi Thùy thi tốt nghiệp sư phạm. Để Thùy có thì giờ học bài, cả hai phải hạn chế bớt những lần hẹn hò, gặp gỡ. Tạm thời Vịnh sẽ không đến nhà Thùy hàng tuần như trước mà chỉ đến mỗi tháng hai lần.

Mười lăm ngày đầu tiên, Thùy thấy thời gian trôi quá chậm. Đến ngày hẹn, Thùy dậy sớm lo trau chuốt trang điểm, lo sắp dọn sẵn khay trà với những chiếc bánh đậu quyên trắng nõn mà Vịnh vẫn ưa thích.

Vịnh đến, Thùy ríu rít kể cho Vịnh nghe nỗi nhớ thương của nàng trong những ngày dài xa cách. Vịnh không góp chuyện. Im lặng ngồi nghe. Thỉnh thoảng nhếch miệng cười. Hôm ấy Vịnh không ở lại ăn cơm chiều như những lần đến thăm trước. Thùy không bằng lòng nhưng anh Diễn và bố mẹ đều về phe Vịnh, đồng ý để Vịnh về sớm cho Thùy có thì giờ học bài.

Hai tuần sau nữa, tới kỳ hạn qua thăm, Vịnh đến trễ. Thùy ngong ngóng đợi cả giờ. Khi thấy Vịnh bước vào, Thùy giận dỗi quay mặt đi. Vịnh nhẹ nhàng giải thích:

- Anh phải qua chợ mua cho mạ thẻ nhang. Hôm nay rằm, em quên rồi sao?

Tánh tình hiền hậu, rồi Thùy cũng nguôi hờn. Hôm ấy Vịnh cũng về sớm, lấy cớ nhà có khách.

Một tháng nữa trôi qua cho hai lần gặp gỡ. Lần nào Vịnh cũng tới trễ về sớm. Khi viện lý do này, khi nại lý do khác. Tánh Vịnh vốn đã ít nói, dạo đó chàng càng trở nên đăm chiêu hơn nữa. Giữa hai câu chuyện, thỉnh thoảng Thùy bắt gặp Vịnh đưa mắt qua cửa sổ lơ đãng nhìn theo một cánh chim đang chuyền cành. Đã có lần Thùy thắc mắc:

- Hình như anh không vui? Em có làm gì cho anh buồn không?

Vịnh giật mình quay lại, gượng gạo trả lời:

- Anh vẫn vậy. Em đâu có bao giờ làm gì cho anh phải buồn!

Rồi Vịnh ra về, quên mang theo chiếc áo len dài tay mà Thùy đã cặm cụi ngồi đan trong những đêm học bài xong. Dầu Thùy đã gói ghém cẩn thận, đã để sẵn trên bàn, đã nhắc nhở năm lần bảy lượt lúc Vịnh dợm bước chân đi.

Chỉ còn một tháng nữa là Thùy thi. Hai tháng nữa là lễ cưới cử hành. Vịnh thiếu hẳn vẻ hăng hái và nôn nóng của một người sắp được vợ.

Sự hững hờ và lơ láo của Vịnh không phải chỉ có mình Thùy nhận thấy. Anh Diễn và bố mẹ Thùy cũng bắt đầu để ý. Một hôm, Thùy thấy bố mẹ gọi anh Diễn vào phòng thầm thì. Khi trở ra, nhìn thấy Thùy, anh Diễn cúi đầu đi thẳng ra cửa.

Đến ngày thi cuối khoá, Thùy làm bài rất suôn sẻ. Lòng nàng nhẹ nhõm. Vậy là có thể coi việc học của nàng đã hoàn tất. Thùy mong sớm gặp Vịnh để bàn chuyện mai sau nhưng chờ mãi mà Vịnh vẫn không đến.

Sáng hôm sau khi Thùy thức giấc, nhà hoàn toàn im vắng. Có lẽ mọi người đã đi chợ, đi làm cả. Nhưng khi ra đến phòng khách, Thùy mới biết mình lầm. Bố mẹ Thùy vẫn còn đó, đối mặt nhau trước khay trà nguội ngắt. Thấy Thùy, mẹ nàng lên tiếng gọi:

- Con ngồi đây.. Hôm nay thầy mẹ muốn bàn với con một câu chuyện quan trọng... Chuyện thằng Vịnh.

Thùy khép nép lại ngồi bên cạnh mẹ, mắt mở to chờ đợi.

Đưa mắt nhìn chồng, mẹ Thùy nói tiếp:

- Con cũng thấy đấy, dạo này thái độ thằng Vịnh thay đổi rất nhiều mà không ai hiểu lý do. Bây giờ thì thầy mẹ đã biết, lỗi không phải do con mà vì nó đã gặp lại con bồ cũ của nó vừa từ bưng về.

Tưởng mình nghe lầm, Thùy mở to mắt, sững sờ nhìn mẹ. Qua lời kể của bố mẹ thì anh Diễn đã dò biết chuyện xưa của Vịnh:

Thời còn học trung học, Vịnh có ông thầy dạy toán tên Nhân. Thầy Nhân có một cô con gái độc nhất tên Thủy Tân. Cùng học đệ nhất, Vịnh theo ban Toán, Thủy Tân theo ban Văn chương. Vì là học trò giỏi nhất của thầy Nhân, Vịnh thường xuyên lui tới nhà thầy, và mối tình của họ nảy nở. Vịnh con nhà dòng dõi, học hành xuất sắc. Thủy Tân xinh đẹp, con nhà mô phạm. Họ yêu nhau tha thiết. Vì còn quá sớm, Vịnh chưa bao giờ thố lộ chuyện yêu đương đó cho cha mẹ biết. Phần thầy Nhân, tuy chưa nói ra nhưng đã ngấm ngầm chọn Vịnh làm rể. Mối tình của họ êm đềm, bền chặt.

Rồi một ngày kia, thầy Nhân bỏ trường, Thủy Tân bỏ lớp. Nhà trường bàn tán, học sinh xôn xao. Vịnh bồn chồn, lo lắng, nhiều lần đạp xe qua nhà thầy dò la, nhưng cửa nẻo đóng im ỉm.

Một tuần sau, trường kiếm giáo sư toán khác. Họ được biết thầy Nhân đã đưa vợ con vào bưng. Vịnh rã rượi đến hơn nửa năm trời. Thời gian qua, nỗi buồn cũ dần vơi. Học xong, có việc làm, Vịnh đồng ý để cha mẹ tự kén con dâu. Và Thùy đã được chọn.

Mới đây, thầy Nhân bất chợt trở về hồi chánh. Vợ thầy bị bệnh, chết trong bưng. Thủy Tân cũng bị sốt rét

nặng như mẹ. Phải chăng vì sợ con sẽ bỏ xác trong rừng nên thầy Nhân trở về?

Khi anh Diễn hỏi Vịnh về chuyện cưới xin thì Vịnh trả lời nước đôi, bảo không biết tính sao cho ổn vì Thùy đáng thương mà Thủy Tân còn đáng thương hơn nữa!

Cha Thùy điềm tĩnh nhận xét:

- Nó với con kia là chuyện xưa, không có gì chính thức. Nó với con Thùy có lễ dạm, lễ hỏi, có cha mẹ hai bên chứng giám. Nó đâu có quyền lật lọng!

Thùy đứng lên, lảo đảo về phòng. Cha nàng dặn với:

- Thầy đã bảo anh con chiều nay mời thằng Vịnh qua đây. Nó phải gặp cả nhà để trả lời cho rõ trắng đen.

Chiều hôm đó, Vịnh có qua nhưng Thùy không ra tiếp. Theo lời kể lại của Trang thì Vịnh trông rất bơ phờ, áo quần luộm thuộm, dáng điệu lúng túng, ngượng ngập. Khi bị hỏi về vụ cưới xin, Vịnh trả lời như đã có chuẩn bị trước:

- Con có lỗi nhiều với thầy mẹ và em Thùy. Chuyện đã xảy ra như vậy, con cũng không biết làm sao cho vẹn cả đôi bề.

Ba ngày sau, cha mẹ Vịnh qua thăm. Họ xin đàng gái giữ nguyên ngày cưới. Trước mặt họ, chỉ có Thùy là dâu, họ không cần biết ai nữa khác. Cha mẹ Thùy mãn nguyện, cho là mình đã thắng. Riêng Thùy không nghĩ vậy vì từ ngày đó, Vịnh không ghé qua nhà nàng nữa dầu anh Diễn có mời mọc, cha mẹ Thùy có cho người đến gọi. Còn ba hôm trước lễ cưới, Thùy tự ý hồi hôn.

Nhận được giấy bổ nhiệm vào dạy học ở Phan Rang, Thùy thu xếp đi liền dầu còn ba tháng nữa mới đến ngày khai giảng. Chị Tâm tháp tùng theo, lấy cớ vì sợ Thùy cô đơn nơi xứ lạ, nhưng thật ra là để giúp Thùy sanh nở. Đó là kết quả của một cuộc tình.

Sanh xong, Thùy đi dạy, chị Tâm ra Huế lại. Bé Trí ở nhà với bà người làm. Sự gãy đổ của mối tình đầu, nỗi bẽ bàng vì duyên phận làm Thùy vốn đã nhút nhát, càng trở nên sợ sệt và khép kín hơn xưa. Ngoài giờ dạy, nàng về nhà hủ hỉ với con. Tại tỉnh nàng sống, ngôi trường nàng dạy tuy có tiếng xì xầm, bàn tán về chuyện bé Trí không cha, nhưng sắc đẹp dịu dàng, tính tình thùy mị của Thùy đã gây xao xuyến cho nhiều người. Vài đồng nghiệp độc thân bắt đầu theo nàng tán tỉnh. Hình ảnh Vịnh còn sừng sững, đậm nét; Thùy e ngại trước ý nghĩ bước thêm bước nữa.

Rồi bé Trí tròn một tuổi. Nhân một buổi văn nghệ, Thùy gặp Quốc. Chàng là một sĩ quan mới đổi ra làm việc ở toà án binh tỉnh. Nhờ có bằng luật học, Quốc được thay thế ông phó chánh án già mới chết.

Là người sanh đẻ và lớn lên trong Nam, Quốc thật bỡ ngỡ khi đặt chân lên xứ sở xa xôi và đầy gió cát đó. Để giúp Quốc khuây khỏa, bạn bè lôi chàng đi dự buổi văn nghệ do toà tỉnh gởi giấy mời. Vô tình Thùy được sắp ngồi chung một hàng ghế với Quốc. Giọng nói trọ trẹ, lạc lõng; dáng người mảnh mai; đôi mắt to, ngơ ngác; cái nhìn thờ ơ, buồn bã của Thùy đã làm Quốc xúc động mãnh liệt.

Quốc tìm cách làm quen và lui tới nhà Thùy. Tánh tình Quốc ngay thẳng, bộc trực. Tình cảm Quốc vồ vập, bốc lửa. Không suy tính nhiều, cũng chẳng đắn đo hơn thiệt. Chỉ có Thùy là lưỡng lự. Trước mặt Quốc, chối loà. Sau lưng Quốc, thênh thang. Còn Thùy, như cặn nước, không tan. Như đám mây, mờ đục. Như con đường làng khúc khuỷu, có rào tre chắn lối. Và Thùy lo sợ.

Cho đến một hôm, dưới ánh đèn ngủ nhà nàng, Quốc cầm tay Thùy tha thiết:

- Anh yêu Thùy. Dĩ vãng của Thùy không là gì hết, đối với anh.

Thùy gục đầu vào vai Quốc, nước mắt chan hoà. Thùy khóc vì tủi thân lẫn sung sướng. Tiễn Quốc ra về, Thùy trở vào phòng nằm, lòng nao nao tiếc nuối, ân hận sao không được gặp Quốc ngày còn nguyên vẹn!

Lễ cưới của Thùy và Quốc được tổ chức rất đơn giản. Bên gia đình Thùy có mẹ và anh Diễn vào dự. Bên gia đình Quốc chỉ có một người bạn thân học cùng khoá, băng bộ từ Sài gòn ra chung vui. Dầu Quốc không nói, Thùy cũng biết là cha mẹ chàng cực lực phản đối cuộc hôn nhân đó. Họ không bằng lòng cho cậu con trai độc nhất thành hôn với cô gái đã qua một lần dang dở.

Trong buổi lễ, Thùy ôm mẹ khóc. Mẹ nàng thực tế và từng trải hơn nhiều, nhỏ nhẹ an ủi:

- Cần gì, con! Người xưa vẫn nói: "Chồng ghét thì ra, mụ gia ghét thì vào". Gia đình nào rơm rác bằng gia đình thằng Vịnh. Dạm hỏi rình rang rồi nó chạy làng, mình cũng đâu có làm gì được nó!

Mẹ Thùy nói đúng. Quan trọng là ở Quốc. Mối tình thứ hai đã cho Thùy biết thế nào là hạnh phúc vợ chồng. Quốc thương yêu và lo lắng cho bé Trí như con ruột. Mấy năm sau, Thùy cho ra đời thêm hai bé gái nữa. Sau khi sanh đứa con thứ ba, Thùy theo Quốc đổi vào Nam. Cha mẹ Quốc đã già. Hai đứa cháu nội gái giống cha như hệt khiến ông bà vui lòng và nguôi quên nỗi giận hờn.

Quốc làm việc ở toà án binh Cần Thơ. Thùy bỏ dạy về sống với chồng trong gian nhà to lớn của vị chánh án tiền nhiệm vừa đến tuổi về hưu. Cuộc sống của Thùy đầy đủ cả tinh thần lẫn vật chất. Quốc hết lòng với nhiệm vụ, yêu vợ, thương con.

Vận nước lao đao. Vận người nghiêng ngả. Sau tháng tư 75, Quốc thuộc hàng binh, xách gói vô tù. Thùy đem con về Sài gòn nương náu với cha chồng. Mẹ Quốc đã chết trước đó một năm. Người chị gái của Quốc cùng gia đình chạy xuống bến Bạch Đằng trong những ngày sôi động chót.

Xuống thăm nuôi Quốc ở Long Khánh lần đầu, lòng Thùy đứt đoạn. Nàng chỉ khóc, không nói được lời nào. Quốc cầm tay vợ, hỏi thăm con:

- Sao em không dẫn các con theo cho anh thăm?

- Tụi nó nhỏ quá không thể lội rừng được!

- Thằng Trí đi được, lần sau em nhớ dắt nó theo với.

Trên đường về, trong lúc những bà vợ khác nhẹ nhàng khoác tay nhau đi vì quà cáp, cành gồng đã bỏ lại hết cho chồng, thì Thùy một mình rớt tận phía sau. Mặc cho đường dài mấp mô, mặc cho cây rừng chĩa dọc chĩa ngang, Thùy vừa đi vừa chơi vơi trong nước mắt.

Lần thứ hai đi thăm, Thùy dẫn theo bé Trí. Ba Quốc cũng đòi đi theo vì "có thằng Trí nâng đỡ". Rồi Quốc xuất hiện trong chiếc áo ka- ki vàng khè, rộng rinh. Quốc nhìn cha, nhìn vợ, rồi gọi nhỏ:

- Trí lại đây với ba!

Bé Trí sà vào lòng Quốc. Trong vòng tay nhau, họ nghẹn ngào.

Dắt díu nhau ra về, đến nhà, ba Quốc bệnh suốt cả tuần. Cứ mỗi lần nhắc đến Quốc ông lại bỏ cơm, ấm ức khóc:

- Người ta nhiều người ở tù, đâu có ai tệ như nó! Mới có mấy năm, sao tóc nó bạc, răng nó rụng gần hết vậy?

Thùy nuốt nước mắt, nói lơ:

- Nhà con bị sốt rét mà, ba!

- Những người khác không bị sao? Ba nhìn quanh, thấy mấy người tù khác tuy ốm đói nhưng coi còn mạnh khoẻ hơn nó nhiều. Nó cũng được thăm nuôi mà!

Riêng Thùy, nàng hiểu vì sao Quốc ra nông nỗi đó. Cảnh nhà: cha già, vợ dại, con thơ làm Quốc điên đảo. Sống với Thùy cả chục năm trời, Quốc biết vợ không được tháo vát. Việc dạy học, Thùy đã bỏ từ lâu. Tiền bạc đâu còn bao nhiêu! Quốc thanh liêm, đâu có của chìm của nổi gì! Bà chị lớn ra đi không tin tức. Cha già bệnh hoạn. Ba đứa con còn nhỏ. Thùy ngờ nghệch khờ dại. Làm sao họ sống còn khi vắng Quốc? Phần Quốc, trong bản tự khai chàng đã phải lặp đi lặp lại cả trăm lần mình là kẻ có tội vì dám ra lệnh bỏ tù những nhà cách mạng có công với đất nước, vậy thì ngày về bao giờ còn đến nữa?

Bẵng đi một thời gian dài, Thùy không có giấy thăm nuôi. Lá thư thứ ba báo tin Quốc, mang dấu bưu điện từ một làng xa, ngoài Bắc.

Bán chiếc nhẫn cưới, Thùy và bé Trí mua sắm thức ăn lên tàu ra thăm Quốc. Lặn lội theo đoàn người thăm nuôi lần đến trại, Thùy gặp Quốc trên đường đi lao động từ rừng về. Họ đi từng nhóm năm bảy người, có vệ binh mang súng dài đi cạnh. Đường rừng lầy lội. Gió mùa đông thổi từng cơn dài, giá buốt. Đoàn tù người nào cũng rách rưới, run rẩy. Kẻ mặc khố, người mình trần. Quốc xuất hiện. Nước da vàng ệch. Trên đầu chàng, tóc rụng gần hết. Khác mọi người, trên tay Quốc còn thêm một cái gậy tre giúp chống đỡ mỗi bước chân đi.

Đã bàn định với nhau từ trước, vợ con tù cải tạo đưa thuốc lá, xà bông thơm ngoại quốc hối lộ bọn vệ binh dẫn tù để họ tảng lờ, cho tù được gặp thân nhân trong nửa giờ.

Quốc ôm vợ, siết con, kề tai Thùy dặn nhỏ:

- Đừng bao giờ ra đây thăm anh nữa. Để dành tiền nuôi con.

Thùy chỉ biết khóc, không còn tâm trí nào để ý đến những lời to nhỏ thầm thì của Quốc với bé Trí.

Khi bọn vệ binh trở lại dẫn tù về trại, đoàn người thăm nuôi dắt díu nhau ra tỉnh. Chiều xuống đã lâu, nhưng Thùy vẫn ngồi yên trên bờ ruộng, nước mắt không ngừng rơi. Mãi một lúc sau, bé Trí mới lay mẹ, rụt rè cất tiếng:

- Thôi, đi mẹ! Người ta đi hết rồi. Trời tối, mình đâu biết đường qua rừng!

Thùy đâu cần qua rừng! Thùy đâu cần ra tỉnh! Thùy đâu cần về Nam! Đối với nàng, ngày mai đâu còn ý nghĩa gì nữa nếu Quốc cứ mãi bị tù đày!

Trí lại e dè gọi mẹ:

- Mẹ, nhìn bố kìa! Đi, đi mau, mẹ ơi!

Thùy ngước mắt, dõi theo hướng Quốc đi. Từ lúc nào, đoàn tù đã đi xa chỗ nàng ngồi. Đoàn năm người của Quốc chia làm hai tốp. Tốp đầu bốn người, tốp sau chỉ một người. Bóng dáng xiêu vẹo của người rớt lại phía sau cũng bất động, lờ mờ trong làn sương đục. Thùy nhận thấy khuôn mặt người tù đứng lẻ loi, quay về hướng mẹ con nàng. Bên đôi ống chân khẳng khiu còn có một cây gậy, và rồi người ấy đưa tay lên vẫy vẫy. Thùy sững sờ. Đó là Quốc. Là người đàn ông đã cưu mang bé Trí. Là người chồng đã đem đến cho Thùy hạnh phúc lứa đôi. Từ đàng xa, bàn tay vẫn tiếp tục vẫy. Bé Trí chợt ré lên:

- Đi, đi mẹ! Ông lính trở lại đó, mẹ! Ông ta đang xô bố, mẹ không thấy sao?

Mắt thằng bé tinh hơn mắt Thùy nhiều. Bóng người mặc đủ áo đủ quần - người độc nhất trong nhóm có áo dài tay, quần dài ống - đã quay

trở lại. Một cánh tay đưa lên. Quốc ngã dúi ra phía trước. Bé Trí lôi bừa mẹ dậy:

- Tội bố quá! Mình đi, để bố về, mẹ ơi!

Thùy đứng thẳng người lên, vùng chạy. Hai mẹ con dìu nhau trên con đường mấp mô, chỗ trồi chỗ trụt. Trong gió rừng heo hút, họ ngã xuống rồi đứng lên, tiếp tục chạy, mặt hướng tới trước, không dám quay nhìn lại.

Trên chuyến xe lửa về Nam, bé Trí kể lại cho mẹ nghe câu căn dặn của Quốc: "Nói mẹ lo cho con đi Mỹ. Bố sẽ gặp lại các con bên đó".

Thùy nghe, nhìn con ngơ ngác. Nó nghe lầm, hay Quốc đã phát điên? Ai cho Quốc ra tù? Làm cách nào chàng qua được Mỹ?

Từ đó Thùy không còn nhận được thư từ hay bất cứ tin tức nào của Quốc nữa, dù rằng thân nhân những người tù cùng chỗ với Quốc vẫn nhận được tin chồng con họ.

Đợi bạn bè ra thăm nuôi trở về, Thùy đến dò la, hỏi thăm tin tức chồng. Phần đông trả lời không thấy, không biết. Có lẽ người ta không buồn để ý đến chuyện Quốc để hỏi thăm giùm Thùy. Mà đâu có nhớ, người ta cũng không đủ thì giờ để thắc mắc về chuyện người khác. Chỉ có một chị bạn, chồng cùng lao động một nhóm với Quốc, cho biết là Quốc đã trốn trại cách đó khoảng hai năm, nghĩa là sau khi gặp vợ con được mấy tháng. Quốc trốn bằng cách bơi ra khỏi hàng rào cây cao nghệu của trại tù nhân một đêm mưa bão, nước dâng cao lai láng. Sáng hôm sau kiểm tù, thấy thiếu mất Quốc, vệ binh dắt chó săn vào rừng lùng kiếm để rồi hậm hực về không. Không ai biết số phận Quốc từ đó. Quốc đã chết trong rừng hay trốn thoát?

Thùy nghe, giật nẩy mình. Vậy là lời kể của bé Trí có căn cứ. Phần cha Quốc, khi nghe chuyện, ông vò đầu bứt tóc, thở than não nuột:

- Bệnh hoạn như vậy, làm sao nó sống nổi trong rừng già ngoài đó! Rồi bản đồ, địa bàn đâu cho nó đi! Nó lấy gì để ăn? Giấy tờ đâu mà trốn khỏi biên giới?...

Mặc kệ cha chồng rên rỉ, Thùy không trả lời, vì nàng cũng đâu biết gì hơn!

- Sao nó lại điên khùng đến độ đi làm một việc không ai làm hết? Chẳng thà cứ ở trong trại như bạn bè, có người có ta chớ!

Nghe đến đó, Thùy mới cãi:

- Nhà con thuộc loại "ác ôn", không trốn thì cũng đâu có ngày về!

Cha Quốc nổi giận:

- Bộ trốn như vậy, một mình lang thang trong rừng sâu, bệnh hoạn, đói rách thì có ngày về sao? Ngày vô bụng cọp thì có!

Thùy yên lặng. Cha Quốc nói cũng có lý. Thùy nóng nảy, lo lắng, bồn chồn. Nàng chạy hỏi khắp nơi những chỗ quen biết, mong tìm ra manh mối. Nhưng đâu có ai biết gì hơn! Biết được bao nhiêu thì người ta đã nói hết cả rồi. Tuyệt vọng, Thùy cầu cứu đến thầy bói.

Nghe đồn bà thầy ở chợ cá Trần Quốc Toản rất hay, Thùy đón xe lam mò đến sắp hàng ngồi đợi.

Rồi cũng đến lượt Thùy vào. Bà thầy đã lớn tuổi, nghe đâu chồng cũng là chánh án đi học tập. Sau khi nhìn ngắm hai bàn tay Thùy xoè rộng trước mặt, bà ta bảo Thùy lấy một con bài trong xấp bài đã sóc sẵn trên bàn. Ngẫm nghĩ một chốc, bà ta nói:

- Đây là con bài thuộc về ông nhà. Tôi thấy ông ta mặc cái áo choàng rộng. Không phải màu trắng mà là màu đen...

Thùy giật mình, ngồi thẳng dậy. Vẫn giữ hai bàn tay lật ngửa của Thùy, bà thày vừa chăm chú nhìn vào cây bài vừa cất giọng xa xăm:

- Cái áo choàng rơi mất rồi! Ông ta đang ngụp lặn... một mình, ở một nơi nào đó, xa lắm... Chung quanh mù mù sương khói...

Thùy vùng đứng dậy, giọng vỡ ra trong nước mắt:

- Sao lại mù mù sương khói? Xin bà chịu phiền xem lại. Hay là nhà tôi đã... chết?

Bà thầy bỏ tay Thùy ra, nhìn lại con bài, lắc đầu:

- Tôi chỉ thấy có vậy. Nhưng xin bà yên tâm, kiếp trước ông nhà có nợ nần nhiều với bà. Nợ đó ông ta vẫn trả chưa xong.

Những lời nói úp mở của bà thầy bói không làm cho Thùy an tâm chút nào, nếu không nói là càng làm cho nàng bấn loạn thêm.

Ba năm trôi qua. Cha Quốc bệnh nặng, nằm liệt giường. Ba đứa nhỏ lớn lên trong đèo đẹt. Thùy trở nên một kẻ buôn bán thâm niên ngoài chợ trời. Đen đúa. Tất tả. Khô khan. Vẫn không đủ thuốc cho cha chồng. Vẫn không đủ cơm ăn cho bầy con nhỏ. Những người tù ra Bắc có kẻ đã trở về. Tin tức Quốc vẫn bàn bạt.

Rồi lại hai năm nữa. Một vài người bạn tù cùng trại với Quốc được về. Tin tức họ đem tới không khác với những gì gia đình Thùy đã biết. Cứ mỗi lần nghe tin một người bạn của Quốc được trở về sum họp với vợ con thì Thùy lại khóc, cha Quốc lại bỏ cơm bỏ cháo nằm vùi. Bạn bè thi nhau an ủi: "Biết đâu anh ấy vô bưng, theo kháng chiến?", "Biết đâu anh ấy vượt được Lạng Sơn, qua Tàu rồi?"... Nhiều thứ "biết đâu" quá! Mà sao Quốc không tìm cách nhắn tin về?

Mấy năm sau nữa, một hôm trời trở lạnh, cha Quốc bị mệt, Thùy bỏ buổi chợ, ở nhà. Đang lúi húi đổ cháo cho người bệnh thì Thùy nghe tiếng gõ cửa. Hai cánh cửa mở ra. Một người đàn ông xuất hiện. Nửa quen, nửa lạ. Thùy đang lúng túng chưa biết phải chào hỏi cách nào, thì người đàn ông đã mở miệng trước:

- Thùy không nhận ra anh sao? Vịnh đây mà!

Vịnh đó sao? Vị hôn phu ngày xưa của Thùy đó sao? Chàng cũng đã đổi khác rất nhiều. Gầy đi. Mặt mày xương xẩu. Tóc đã muối tiêu. Thùy đứng chết trân, nhìn sững, mãi sau mới lắp bắp:

- Anh còn tới đây làm gì? Mà sao... anh biết Thùy ở đây?

- Quốc cho anh địa chỉ.

- Quốc?... Nhà em còn sống sao?

Vịnh đưa tay xô rộng cánh cửa:

- Câu chuyện còn dài. Anh vô nhà được không?

Đưa mắt nhìn vào góc nhà, nhìn ông cha chồng đang nằm yên trên giường, Thùy lắc đầu, lưỡng lự. Nàng bước hẳn ra hiên, khép chặt cửa lại. Cả hai ngồi xuống bậc thềm xi-măng trước cửa nhà. Thùy ấm ức khóc. Người xưa đó! Chồng đâu? Xen kẽ giữa những tiếng nức nở, Thùy nghe văng vẳng câu chuyện của Vịnh:

Vì là công chức cao cấp nên Vịnh cũng bị đưa ra Bắc, cùng một lần và ở cùng trại với Quốc...

Nghe tới đó, Thùy giật mình, quệt vội hai dòng nước mắt:

- Cùng trại với nhà em? Anh có thấy em xuống thăm nuôi Quốc không?

- Lần nào anh cũng thấy.

- Sao anh không chào hỏi? Hay là anh bận gặp chị và mấy cháu?

- Chị nào? Thủy Tân mất lâu lắm rồi. Mang bệnh sốt rét nặng từ trong rừng, lúc sẩy thai Tân bị băng huyết không cứu nổi.

- Vậy anh vẫn còn một mình?

- Không phải một mình. Sau khi Tân mất, anh buồn, có xin qua tu nghiệp ở Pháp một thời gian. Khi trở về, anh cưới vợ vì ba mẹ mong cháu.

- Anh được mấy cháu rồi?

- Chưa có đứa nào hết.

- Chị đâu rồi?

- Bà ấy đi ngoại quốc đợt cuối tháng tư. Anh đưa lên phi trường.

- Sao anh không đi luôn mà lại trở về?

Giọng Vịnh trầm hẳn xuống, ngậm ngùi xa vắng:

- Anh là kẻ có tội. Anh không làm được gì cho Tân. Anh làm dang dở đời em. Đến nửa cuộc đời, anh tự thấy, nếu anh không thể làm lành được vết thương nào do mình gây ra, thì anh cũng không nên làm lở thêm vết thương nào nữa. Đó là lý do anh ở lại. Ở tù ra, anh được tin là bà ta đã có chồng khác. Vậy cũng tốt. Ai cũng có quyền lựa chọn cách sống riêng.

Âm thanh đó, ngày xưa! Bao nhiêu năm trôi qua. Chập chùng. Hư ảo. Thùy im lặng lắng nghe, bùi ngùi. Vịnh buồn bã nói tiếp:

- Bao nhiêu năm rồi, anh vẫn ngầm theo dõi bước chân em. Dầu anh tự biết mình không có quyền gì làm rối loạn cuộc đời của em nữa. Dầu chỉ là một lần gặp gỡ, hay chỉ để trao đổi một tiếng chào. May mà có Quốc.

Thùy úp mặt vào hai bàn tay, nước mắt chan hoà. Từ trong nhà, một tiếng ho bất chợt vang lên. Thùy giật mình sực tỉnh, cuống quít:

- Anh về đi! Em phải vô. Ba anh Quốc bị bịnh nặng.

Vịnh cũng giật mình:

- Anh xin lỗi. Lang bang, anh quên nói mục đích chính khiến anh phải đến đây hôm nay.

Lần tay vào túi trên, Vịnh lấy ra đưa cho Thùy một tấm ảnh nhỏ, vàng ố, cũ mèm. Đó là tấm ảnh vợ chồng, con cái nàng chụp cách đây đã lâu. Giọng Thùy nao nao buồn:

- Sao anh có được tấm ảnh này?

Đưa mắt nhìn mông lung ra đường, Vịnh từ tốn giải thích:

- Anh ra Bắc một lần với Quốc. Từ lâu, anh biết Quốc là chồng em, nhưng anh không bao giờ gợi chuyện. Anh hi vọng Quốc không biết mình. Anh hi vọng Quốc quên được chuyện xưa. Mãi cho đến một ngày, đi lao động cùng nhóm trong rừng, Quốc tìm cách tìm tới gặp anh. Thì ra Quốc đã chuẩn bị cho lần gặp gỡ đó lâu lắm rồi. Quốc nói, nói nhiều. Anh còn nhớ rõ câu: "Tôi biết anh. Biết rõ anh. Biết câu chuyện giữa anh với Thùy. Xin anh, vì chút tình xưa, hãy cứu lấy vợ con tôi. Nếu còn có ngày về, anh hãy đem mẹ con Thùy đi". Rồi Quốc nhét vào tay anh tấm ảnh đó. Độ một tháng sau, Quốc bỏ trốn.

Thùy gào lên trong nước mắt:

- Không! Không bao giờ! Em không có quyền bỏ Quốc! Em không có quyền đi đâu hết! Anh về đi! Anh không có quyền dụ dỗ mẹ con em!

Vịnh gục mặt xuống:

- Anh đáng bị nguyền rủa. Nhưng em phải nhớ rằng: khi nghe Quốc

thơ
nguyễn văn ngọc

dạ khúc 2
nàng vẫn hát ngất ngây
những bài ca một thuở
ta không uống đêm nay
sao say tình đã lỡ?

ca tụng ngày
gió reo ngoài sân nắng
đầu hiên rộn tiếng chim
bên thềm hoa nở trắng
ôi ngày đẹp vì em
đến thăm tôi, tóc ngắn
cười mấy nụ thật hiền.

bến sông
sông khơi dòng từ núi
tan vào biển mịt mùng
ta từ lòng mẹ tới
một ngày về hư không

tâm sự, anh xấu hổ vì thấy Quốc biết mình... Quốc đã gánh cái gánh nặng mà ngày xưa anh vất bỏ giữa đường. Anh mang nợ Quốc. Phần em, anh cũng suy nghĩ rất nhiều trước khi quyết định tới đây. Em thử nhìn lại phía sau tấm ảnh đi. Đó là sức mạnh đã giúp anh can đảm đến gặp em.

Thùy lật tấm ảnh lại. Phía sau là những dòng chữ của Quốc ghi địa chỉ mới của nàng, tên và ngày sanh tháng đẻ của bé Trí. Giọng Vịnh nhỏ hẳn lại:

- Thằng Trí mười lăm, mười sáu tuổi rồi. Nó sắp phải vô bộ đội. Là cha nuôi, vì nó, Quốc biết dẹp bỏ tự ái. Còn anh, chẳng lẽ vì lỗi lầm xưa, vì mặc cảm cũ, anh nỡ để cho con chết trận?

Thùy rên rỉ:

- Anh biết chuyện thằng Trí?

Giọng Vịnh sôi nổi hẳn:

- Sao lại không? Dầu tệ hại, anh vẫn là người. Anh nợ Quốc quá nhiều, phải tìm cách trả lại phần nào. Anh còn đủ tiền mua chỗ cho bốn mẹ con em đi, với anh!

Thùy vùng dậy, đứng lên chạy vào nhà. Trước khi cánh cửa đóng lại, Thùy còn nghe Vịnh nói với theo:

- Ba ngày nữa, cũng giờ này, anh trở lại. Anh sẽ đợi em ở quán cà phê đầu ngõ.

Lúc Thùy vào nhà, cha Quốc đã lần ngồi dậy từ lúc nào. Đang tựa lưng vào vách, thấy bóng Thùy, ông cất tiếng hỏi:

- Ai đó, con? Sao không mời khách vô nhà?

Thùy hi vọng ánh sáng yếu ớt trong nhà tránh cho cha chồng không nhìn thấy những vệt nước mắt còn đọng lại trên mặt nàng. Lấy giọng bình thản, Thùy trả lời:

- Người bạn lối xóm hồi kia, ba à!

- Họ nói gì vậy? Sao ba có nghe nhắc đến tên thằng Quốc? Hình như ông đó ở cùng trại với nó mà, phải không? Con dọn về đây, làm sao ông ta biết được địa chỉ?

Rồi không cần đợi Thùy trả lời, ông ra dấu gọi nàng đến gần. Đưa tay chỉ chỗ cho Thùy ngồi bên mép giường, ông chậm rãi:

- Ba có nghe tiếng con khóc. Thằng Quốc chết rồi chớ gì? Nếu sống được, dầu ở đâu, trong bao nhiêu năm trời nay, chắc chắn nó đã tìm cách liên lạc về cho gia đình rồi!

Đưa bàn tay nóng hổi cầm lấy bàn tay xương xẩu của Thùy, giọng ông rưng rưng:

- Có ai rủ con đi vượt biên không? Nếu có thì con dẫn các cháu đi đi.

- Còn ba? Ba già cả, lại bệnh hoạn, ba ở lại với ai?

Trên nét mặt già nua thoáng hiện một nụ cười:

- Đừng bận tâm vì ba! Bộ con ở lại thì ba khỏi chết được sao? Con đi rồi, ba sẽ kêu mấy mẹ con mụ Huấn về đây ở chung.

Mụ Huấn là cháu, gọi ông bằng cậu ruột. Cả nhà đi vượt biên bị bắt, đang sống lang thang, không nhà cửa.

Thấy Thùy im lặng khóc, ông năn nỉ:

- Đi đi con! Các cháu còn nhỏ, con còn trẻ. Phải làm lại. Làm lại hết, từ đầu.

Thùy đưa hai tay bưng mặt. Bên tai nàng, ông cha chồng vẫn tiếp tục khuyên nhủ:

- Con không đi, đói rách đã đành, mà thằng Trí lại bị đi lính nữa. Chẳng lẽ thằng Quốc chết vì bị Cộng sản bỏ tù, hành hạ mà thằng Trí lại đi lính, cầm súng để tiếp tay cho kẻ thù?

Thùy rũ xuống, như tàu cau bị đốn lìa thân mẹ.

Ba hôm sau, người ta thấy Thùy đầu tóc rũ rượi, mặt mày xanh xao, lần bước tới tiệm cà phê đầu ngõ, gặp Vịnh. Mặc kệ cho người qua đường nhìn nàng tò mò, Thùy tầm tã khóc. Lời đoán của bà thầy bói ngày nào! Tội nghiệp Quốc! Chẳng lẽ lần này Quốc trả nợ tiền kiếp cho Thùy bằng cách đẩy nàng vào lại vòng tay của Vịnh? Còn nàng, nợ Quốc đến đời kiếp nào, nàng mới trả cho xong? ❑

Truyện cực ngắn

Nhân Duyên

Hựu Nguyên

*N*gày xưa, có một nàng con gái dịu-dàng, xinh-đẹp, tên là Ưu-đàm. Nàng sinh ra không có mắt, khuôn mặt nàng phẳng lì như một pho tượng tạc dở-dang.

Một hôm cả làng kéo nhau đổ về chốn sa-mạc, tìm xem loài hoa không tên mấy ngàn năm mới nở một lần. Nàng Ưu-đàm cũng có mặt trong đám dân hiếu-kỳ, âm-thầm theo mọi người đi mãi.

Một đêm tăm-tối kia trong lúc mọi người dừng lại nghỉ qua đêm, nàng vẫn lầm-lũi bước đi. Ưu-đàm sinh ra đã thuộc về thế-giới không ánh-sáng, ngày hay đêm đối với nàng chẳng khác gì nhau.

Đêm chừng như đã khuya, nàng nghe hai vai nặng sương. Ưu-đàm chậm bước tìm chỗ nghỉ. Bỗng nàng chạm vào một cội cây sần-sùi, ngửi thấy mùi thơm ngan-ngát, nhè-nhẹ. Hỏi ra, chính là loài hoa thiên-hạ đang đổ xô đi tìm.

Nàng đưa tay ve-vuốt cánh hoa:

- Hoa ơi, hoa có đẹp không?

Hoa cười đáp:

- Hoa cũng bình-dị thôi!

Rồi nàng nói chuyện với hoa cho tới sáng...

*

* *

Hôm sau, dân làng tìm thấy cô gái nằm ngủ bình-yên dưới cội cây rêu-mục ngàn năm. Trên tay nàng một đóa hoa kỳ lạ còn tươi tốt như vừa mới hái... ❑

Những Đoá Hoa Trên Đồi

Nguyễn Văn Thông

Khung trời Trạm Hành, Đà Lạt từ khoảng giữa Giáng sinh cho đến qua Tết đẹp vô cùng. Bầu trời trong xanh cao vút, một màu xanh biếc thăm thẳm và bao la. Đôi khi có một vệt trắng giữa bầu trời, vạch rất dài, thẳng và rất gọn ở một đầu, nối với một cái chấm bạc lấp lánh di động. Đó là chiếc pháo đài bay B52 bay tít tắp trên cao nhả vệt khói trắng như bông. Đáng lẽ nó phải nhắc nhở tôi tới những loạt dây bom rùng rợn ở một nơi nào đó, thì tôi chỉ nhìn nó như một nét gạch của một họa sĩ lên một nền vải đã tô màu xanh thẫm.

Cây cỏ mùa này không sum sê rậm rạp, chỉ toàn những cành với búp hoa và những cánh lá mới nhú. Cây mận, cây đào như còn co ro trong cái không khí se lạnh. Các búp hoa trắng, hồng mới chỉ hơi hé ra dưới nắng xuân. Nhưng đây đó, đã lác đác vài cây hồng mai ngập hoa. Cả một tàn cây với hàng trăm cành đâm ngang dọc mà không có một cánh là, chỉ toàn hoa với nụ màu hồng thắm. Trên đồi cỏ, thấp thoáng những bông lai-đơn dại màu vàng, hồng, đỏ.

Nhà dòng chúng tôi chiếm một khu đồi bên cạnh con đường đèo nối Đà Lạt - Đơn Dương. Hai bên đường chỉ rải rác ít căn nhà nằm giữa những thung lũng bắc giàn giống su-su nối với những đồi núi phủ cây rừng xanh ngắt. Phía nhà dòng chúng tôi, cách một thung lũng là một xứ đạo nhỏ, xứ Phát Chi. Nhà hầu như chỉ đủ xếp dọc hai bên một con đường đá dẫn từ ngoài quốc lộ đến cuối nhà thờ. Những đồi quanh đó trồng những giàn su-su, những vườn cải bắp và khoai tây. Xa hơn về một phía là khu xã Cầu Đất, đông dân hơn, có chợ, có trường, có văn phòng xã, nhưng chỉ tấp nập khoảng một vài giờ ban sáng. Ít khi có bóng người đi trên đường. Trong những buổi đi dạo leo đồi rất xa, chúng tôi gặp một vài người đốn cây, làm vườn như thể họ không từ nơi nào mà đến. Chẳng biết làm thế nào họ có được liên hệ với thôn xóm ngoài kia.

Nhưng mùa Tết, con đường đèo trở nên vui hơn. Thấp thoáng đây đó trên đường vắt vẻo qua những ngọn đồi nắng sáng là những bóng người áo quần sặc sỡ. Xe chạy nhiều hơn, tiếng nổ ròn rã hơn, và những tàn lá thông reo vi vút hơn trong gió. Trong những ngày Tết, chúng tôi đi thăm hỏi giáo xứ và những chòm xóm chung quanh. Hình như Tết, cái gì cũng vui cũng mới. Những con đường đất nâu ven đồi hình như tươi hơn, sáng hơn. Những mảnh sân trước cửa nhà đều sạch sẽ. Hoa thược dược và vạn thọ nở khắp nơi. Vài chỗ đỏm dáng với những cánh hồng tươi thắm tương phản với nền sân đất trơ trụi hay bức tường vôi nhếch nhác. Thỉnh thoảng một cây hướng dương cứng cáp nở xoè đóa hoa to như nắp chiếc dành tích màu vàng rực.

Trẻ em phần lớn đều có áo quần mới, màu sặc sỡ, dép quai xanh đỏ dù bàn chân vẫn mốc thếch và móng chân còn dính đen đất cát. Người lớn cũng có một cái gì mới. Có khi là chiếc khăn, cái áo, cái quần hay chỉ đôi guốc mới. Nhưng các cô là đẹp nhất. Họ mới từ sợi tóc đến làn môi, từ hàm răng đến tà áo, đến gót chân, quai dép. Trông họ giống như những bông hoa lai-đơn dại rực rỡ.

Bước đi trên những con đường ven đồi, dõi nhìn vùng không gian mênh mông trong ánh nắng dịu, thoảng gió se se lạnh, có tiếng đào dạt êm nhẹ của núi rừng thăm thẳm, tôi nói chuyện với bạn tôi:

- Trời đất mùa xuân đẹp quá cậu nhỉ!

- Ừ, đẹp lắm.

- Và người cũng đẹp nữa!

Bạn tôi ngập ngừng:

- Đẹp hơn thôi chứ có lẽ không đẹp bằng thiên nhiên.

- Tại sao cậu nói thế?

Bạn tôi dõi mắt nhìn khắp núi đồi, rồi ánh mắt đậu lại trên đồi cỏ có lẫn những hoa dại:

- Thì... cậu không thấy sao? Người chỉ đẹp hơn một chút vì có khác ở bộ quần áo mới chứ chân tay

vẫn sần sùi, vẫn dấu đất cát như thường ngày.

- Nghĩa là chưa đổi mới hoàn toàn, chỉ có lớp vỏ bên ngoài là khác?

- Đúng thế và nghĩa là không như thiên nhiên. Cỏ cây đã qua một mùa khô, đã héo, đã chết. Mùa xuân đến chúng nẩy mầm, đơm hoa. Cái đẹp ấy hoàn hảo, nguyên thủy.

- Cậu có ý tưởng rất thần học. Nhưng tớ cần cậu giúp trong điều tớ đang ưu tư. Thiên nhiên đổi mới hơn con người vì thiên nhiên đã qua một mùa chết để đến mùa phục sinh. Nhưng cậu ạ, con người không thể chết để đổi mới về thể xác. Con người không có khả năng lột xác như con rắn hay con chuồn chuồn. Tuy nhiên con người có cái ý lực, cái tinh thần để đổi mới cũng mãnh liệt lắm.

- Cậu nói đúng. Đó là một hình ảnh rất sắc nét. Nói tiếp đi.

- Cái ý lực sám hối của Phê-rô sau khi chối Chúa chẳng hạn. Madalena từ một kỹ nữ sau lần khóc sám hối đã trở thành một nữ tông đồ nhiệt thành theo Chúa đến đỉnh đồi Golgotha, là người đến thăm mồ Chúa sớm nhất. Như Augustino sau một thời gian trụy lạc, đã có con riêng mới quay về để trở thành tiến sĩ giáo hội...

- Vậy sự sám hối là sự chết đi để được đổi mới. Thiên nhiên có chết và đổi mới là theo chu trình của mùa, của tạo vật. Con người đổi mới là do ý lực tự nguyện. Sự tự nguyện này cao vượt hơn tất cả vạn vật.

- Vậy cậu có nghĩ con người đáng yêu, đáng quí hơn thiên nhiên không?

- Đương nhiên quí hơn chứ. Tình yêu tạo vật có đích nhắm tới là con người, giúp con người mở lòng ra hướng về chân thiện mỹ tuyệt đối.

- Thế cậu nghĩ sao nếu tớ kết luận: những người con gái mùa xuân đáng yêu quá?

Bạn tôi yên lặng. Có lẽ câu nói của tôi sắc cạnh và trần trụi như một gò đá nổi lên giữa đồi cỏ. Câu ấy có lẽ thích hợp hơn khi chúng tôi còn ở những năm cuối trung học, trước khi quyết định và được tuyển chọn bước vào đời tu sĩ.

Lúc ấy chúng tôi mới chỉ là những tu sinh trong đệ tử viện, tuy được chuẩn bị cho một đời sống tu sĩ tận hiến sau thời gian trung học, nhưng dù sao chúng tôi cũng chưa đủ trưởng thành, chưa phải dứt khoát lựa chọn hoặc từ bỏ cuộc sống. Mọi năm vào những dịp hè, lễ, Tết, rời bỏ ngôi trường có tường cao vây kín để về với gia đình, đụng chạm với cuộc đời, chúng tôi ít nhiều đều thấy xao xuyến.

Tôi nhớ vào một dịp Tết, một người bạn thân từ những năm tiểu học tới thăm gia đình tôi như mọi năm. Năm nay anh đến với người yêu, một cô gái dễ thương hết sức. Cô đẹp như một bông hoa và dễ thương như một con mèo con ở bên anh. Hình như trái tim tôi đã chảy ra trước hạnh phúc của họ. Lần đầu tiên tôi mơ hồ cảm thấy thế nào là một người yêu mà những báu vật vô tri vô giác khác không thể so sánh được. Người yêu nghĩa là của mình, là mình, là cái mình mơ ước, hướng tới. Và vì là mình nên có sự cảm thông tràn trề, được hiểu đúng, được khích lệ, được vỗ về, được hết mọi sự, nghĩa là được yêu. Cái dáng dịu dàng, tà áo dài lụa hồng, đôi cánh tay thon, mái tóc huyền và cả cái thân hình mềm mại ngồi dựa sát vào anh bạn tôi trên chiếc Honda là một hình ảnh quá đẹp. Tôi nghĩ đường đời có chông gai và gió bụi đến đâu, khi có nhau, họ vẫn hạnh phúc.

Nhưng tôi đã lựa chọn, cuộc lựa chọn không đơn giản. Tôi đã có cảm giác chết một lần trong sự lựa chọn này. Từ nay tôi chấp nhận từ bỏ tình yêu hứa hẹn của trần thế đến trọn đời. Trọn đời có nghĩa là đến vô cùng. Tôi thấy tôi vừa bước chân lên một đồi đá ở cuối cánh đồng xanh lấm tấm hoa, cách một vết nứt. Một cơn động đất nổi lên khiến vết nứt to dần thành một vực thẳm khiến cánh đồng xanh sau lưng tôi bị tách xa dần. Tôi biết sau năm Tập Viện, bước đầu tiên trở thành tu sĩ, chúng tôi còn trải qua những năm tu học và tuyên khấn từng năm, và ba năm trước khi tuyên khấn trọn đời. Nhưng lần chọn lựa nào cũng là lần chọn lựa tuyệt đối, tôi không thể dối mình được.

Bây giờ trong cuộc sống tu sĩ, nói đến nét đáng yêu của những cô gái, tôi nhắm tới một khía cạnh khác, nhưng vì diễn ý không rõ nên khiến bạn tôi ngỡ ngàng.

- Câu tớ vừa hỏi chắc khiến cậu khó nghĩ? Ý tớ không nói về nét đáng yêu của những người con gái trong tình yêu nam nữ, mà là trong cái liên hệ với ý lực đổi mới mà chúng ta vừa bàn.

- Theo cậu thì có nghĩa là các cô gái có ý lực đổi mới mạnh hơn những người khác? Cậu có suy luận nào làm bằng chứng không?

- Tớ thấy, thường người con gái biết mơ mộng hơn, trông đợi hơn. Này nhé, những người già không còn mơ mộng gì nữa. Những thanh niên chỉ một số ít mơ xây dựng một tương lai sáng sủa cho mình, còn hầu hết bằng lòng với nếp sống hiện tại: phá rừng, làm vườn, rồi đi lính với tâm trạng ít khi nghĩ đến lý tưởng phụng sự tổ quốc. Nhưng người con gái, dù đang sống một đời sống rất thường và có phần thua thiệt hơn con trai, họ mơ mộng hơn nhiều, trông đợi hơn nhiều. Họ mơ một đời sống ít ra có thể săn sóc cho chính họ, về nhan sắc, về y phục và về hạnh phúc mà có lẽ họ thấy rõ hơn mọi người.

- Điều cậu nói làm tớ nhớ tới một đoạn ngắn trong cuốn *Exodus*. Khi cô em chàng đại úy Do Thái mở chiếc tủ áo của cô gái Mỹ người yêu anh mình, một người mà cô rất ghét, lấy áo ra ướm thử thì người anh đi qua bắt gặp. Anh chàng ấy bỗng cảm thấy xót xa cho em mình, cả đời con gái chỉ biết có giầy trận, quần áo lính và súng đạn mà đáng lẽ như những người con gái khác, cô phải được ngồi bên bàn trang điểm, được đứng trước tủ áo soi bóng dáng dịu dàng kiều diễm của mình.... Nhưng này cậu, tớ chưa thấy rõ lắm cái chết

đi để được đổi mới trong sự mơ mộng hay ước vọng của người con gái mà nhờ đó họ đẹp hơn những người khác.

- Tớ cũng chỉ thấy mơ hồ thôi nên mới cần cậu giúp chứ! Trước hết, cái ý lực chết đi, đoạn tuyệt với đời sống cũ, với những gì tầm thường, thô lậu để hướng tới một đời sống mới đẹp hơn, mời gọi hơn trong trường hợp của Madalena thì tương đối dễ thấy. Còn nói tới mơ ước của những người con gái thì chúng ta không thấy cái khía cạnh đoạn tuyệt rõ nét lắm, nhưng cái khía cạnh ước vọng thì rõ. Cậu có thấy vậy không?

Bạn tôi im lặng một chốc, rồi nói:

- Vấn đề cậu nêu rất hay, nhưng chúng ta chưa suy nghĩ đủ. Tuy nhiên chúng ta đâu đã chịu chấm dứt. Một buổi sáng nào đó trỗi dậy, biết đâu cậu chẳng phóng sang tớ khoe đã tìm ra lời giải.

Bạn tôi nói rất đúng. Những khúc mắc về cuộc đời, về niềm tin qua những suy nghĩ, những bài giảng huấn của cha Tập Sư, những chia sẻ chung nhiều khi nằm ngổn ngang trong lòng tôi. Có khi tôi có cảm giác mình vừa nuốt vào bụng một mẩu cơm cháy đen hay một cái hột đào, lộm cộm vướng víu, đôi khi đau nhói. Nhưng khi giải được những khúc mắc ấy, tôi thấy nhẹ hẳn người như vừa được một ánh sáng lập loè chiếu rọi. Cả con người mình trở nên tươi mát như vừa được tắm gội trong một thứ nước trong mát và thơm tho lạ lùng. Từ đó tôi nhìn cuộc đời khác lắm. Thấy anh em tôi đáng mến hơn; thấy hoa cỏ đẹp hơn, gió mát hơn. Trong đời tu, con người của chúng tôi được xoay hướng dần dần như thế.

Ngày mai, chúng tôi sẽ đi xa, thăm một số nơi và sẽ tới trại cùi Di Linh, cách chừng năm, sáu chục cây số trên đường về phía Sài gòn.

Chúng tôi đi thăm nhiều nơi, mãi đến chiều mới quay lại thị xã Di Linh, rẽ vào một con đường ngoằn ngoèo hướng về phía chân núi. Chiếc xe chở chúng tôi ngoan ngoãn vượt qua những đoạn đường bong nhựa, gập ghềnh; kiên nhẫn bò lên dốc một khu đồi vắng. Xe chạy vòng vèo một hồi theo hướng đi lên thì thấy lác đác vài căn nhà. Không phải nhà sàn chênh vênh, nhưng nền ván vẫn cao hơn mặt đất vài tấc. Chúng tôi đã vào đến trại cùi Di Linh. Có tiếng một người bảo:

- Nhớ đóng kín cửa kiếng xe kẻo ruồi bay vào, mang theo vi trùng hủi đó!

Mọi người lấm lét nhìn qua cửa xe. Không thấy ai cả. Chỉ có một con gà đang ngơ ngác kiếm mồi. Lại một tiếng nói:

- Con gà kia chắc cũng là con gà cùi đấy các cậu ạ!

Xe chạy chầm chậm tiến vào khu nhà trên đỉnh đồi. Một phía là ngôi nhà thờ gỗ sơn nâu có tháp chuông và mái nhọn. Một phía là khu bệnh xá màu trắng có những lan can sơn xanh. Ở một góc là một căn nhà nhỏ khang trang. Chúng tôi bàn với cha Tập Sư để chúng tôi ở trên xe đi ngó một vòng rồi về là đủ rồi. Kia kìa, có mấy người Thượng, tay chân không còn đủ, đang ở một hiên nhà nhìn chúng tôi.

Nhưng một sơ vừa xuất hiện trước ngôi nhà nhỏ. Sơ mặc áo trắng tinh, nhìn về phía chúng tôi tươi cười cúi đầu chào. Sơ chỉ khoảng 30 tuổi, nét mặt dịu dàng và xinh xắn. Sơ mời chúng tôi vào phòng khách. Chúng tôi lục tục theo cha Tập Sư xuống xe. Một căn phòng nhỏ, đẹp, đơn sơ, có tượng Chúa trên Thánh Giá treo giữa những hình của người cùi.

Chúng tôi chúc Tết và trao nhau những lời thăm hỏi. Sang khu nhà nguyện, phía cuối là căn phòng nhỏ mà đức Cha Caissaigne đang nằm bệnh. Ngài là người đã lập nên trại này để săn sóc những bệnh nhân người Thượng từ mấy chục năm trước. Bây giờ ngài nằm trên giường với tám thứ bệnh trong người, trong đó có bệnh cùi và bệnh lao xương. Trông ngài nhỏ bé, không có chút nào vóc dáng của một người Pháp. Ngài luôn luôn trong trạng thái mê sảng, cứ chốc chốc lại kêu lên những tiếng không rõ nghĩa. Sơ cho biết bệnh lao xương gây ra nhiều đau đớn.

Những đau xót dành cho Đức Cha chưa hết thì sơ đã dẫn chúng tôi đến khu bệnh xá. Đó là những phòng rộng kê hai hàng giường có khăn trắng trải sạch sẽ. Mấy sơ trong áo dòng trắng tinh đang rửa, băng các đầu xương tay, xương chân cụt ngủn cho những bệnh nhân. Các sơ làm tay trần, không bao tay, không băng bịt miệng. Có sơ chân chống chân quỳ trên nền gạch. Có sơ khom lưng bên những bệnh nhân đen đủi. Có những em bé lành lặn, đôi mắt trong sáng ngơ ngác nhìn. Có vài bé gái rất xinh, bàn chân quấn băng trắng...

Lòng tôi nặng trĩu khi trở lại phòng khách. Dù ngước nhìn lên Thánh Giá, tôi vẫn thấy không thể nào hiểu được vì sao những người Thượng chất phác này, những em bé vô tội này phải mang bệnh nan y làm

một thoáng xuân thì

tặng Lâm Nam Triều

Nâng tách trà thơm chào buổi sáng
Cành hoa e ấp lệ vu qui
Thoáng rung ký ức màu hoa chúc
Hồn vỡ ngàn tia nắng xuân thì

nguyên quân

vậy! Bây giờ tôi mới thấy bệnh quả là một trong những mầu nhiệm của cuộc sống cũng như khi nói tới mầu nhiệm của sự chết, sự đau khổ.

Đã có các sơ ở bệnh xá trở về. Các sơ trẻ quá, chỉ khoảng đôi mươi, đẹp một vẻ tươi sáng, dịu hiền làm sao! Nét đẹp của các sơ không còn vương một nét trần tục nào nữa, cũng chẳng còn nét ưu tư về đau khổ, bệnh tật mà dường như các sơ đã vượt khỏi chúng, bước vào cõi siêu nhiên chan hoà tình thương.

Một sơ pha nước mang ra mời. Chúng tôi đón lấy, uống tận tình. Cuối tuần nước, một sơ hỏi:

- Tại sao cha và các thầy uống nước chúng con mời mà không sợ?

Mọi người mỉm cười. Cha Tập Sư nói:

- Thực ra lúc đầu mới đến thì có sợ, nhưng khi gặp các sơ rồi thì không sợ nữa.

Một người hỏi:

- Các sơ săn sóc người cùi như vậy có thể bị lây không?

- Khi nào vi trùng từ vết thương người bệnh truyền vào máu mình thì mình mới bị lây. Mỗi khi băng bó cho bệnh nhân xong, chúng con rửa tay bằng xà bông thì cũng đủ sạch rồi.

Sơ cười, nói tiếp:

- Còn nếu muốn lây cũng lâu lắm, phải đến mươi, mười lăm năm sau mới phát bệnh chứ chẳng dễ đâu!

- Thưa sơ, những em bé con cái bệnh nhân chắc là bị di truyền?

- Vâng. Hiện giờ các em có thể uống thuốc để ngăn cho bệnh chậm phát. Có những em tới 16 tuổi bệnh mới phát ra ngoài da.

Chúng tôi được đưa ra sân trước, nhìn về những ngôi nhà sàn thấp, nơi ở của các bệnh nhân. Từ đỉnh đồi nhìn xuống, chung quanh là những thung lũng cỏ tranh lẫn với các bụi cây thấp khô cằn, thỉnh thoảng trơ ra những mảnh đất sỏi nâu đỏ loang lổ như những vết lở trên da người cùi.

Chung quanh nhà của các sơ và bệnh xá là những vườn hoa nhỏ. Những bụi xác pháo hoa đỏ rực, những cánh hoa bươm bướm mỏng như lụa dập dờn trên những cọng thon dài. Góc kia là những bụi thược dược đầy hoa đỏ, vàng, tím... những hàng vạn thọ vàng rực vây quanh bụi cúc hoa nở trắng xoá. Và đây, ở đầu bệnh xá, những bụi hồng nhỏ cành còn thưa thớt nhưng đã nở những bông thật đầy, thật tươi, viền cánh uốn cong như cánh quạt, như nét môi nõn nà, đỏ, hồng, nhung. Và kìa, những bông hồng trắng. Cũng những đường nét ấy mà đẹp và cao sang thanh khiết biết bao! Bất giác tôi nhớ tới các sơ áo trắng. Đường cong của gò má, của nét môi tươi, lấp lánh hàm răng trắng ngà, và đôi mắt trong như bầu trời một ngày nắng đẹp.

Chúng tôi bịn rịn lên xe ra về. Đường chiều bị núi đồi che khuất mặt trời nên mau tối. Tôi ngước nhìn những ngọn đồi còn chút nắng rọi ven đường, những ngọn núi xa xa mà ánh sáng đổ xuống đỉnh như có tuyết... mơ hồ như một trong những đỉnh nhọn ấy là nơi những sơ áo trắng đẹp dịu dàng bên cạnh những người cùi.

Tâm trạng ấy đọng mãi trong tôi suốt đường về, ở giờ kinh chiều, và trong giấc ngủ. Tôi nghĩ mãi tới ngọn đồi hiu quạnh có đức Cha Calssaigne đang sắp hoàn tất lễ thánh hiến bằng cả đời mình cho người cùi; đến những sơ trẻ đẹp bắt đầu cuộc thánh hiến khi đời vừa hé nụ, nở hoa diễm lệ như những đóa hồng. À, người đời khi thấy một nữ tu trẻ đẹp thường than tiếc: "Đi tu làm chi cho uổng!" thì tôi vừa thấy rằng, những người con gái ấy có một tình yêu quá khác thường, là những đóa hoa quá đẹp, đẹp đến nỗi trần thế không có đất trồng, phải mang mãi lên cao kia và nở hoa trên ngọn đồi ấy!

Có một thôi thúc trong lòng tôi. Để chuẩn bị ngày khấn dòng đầu tiên, ngày thánh hiến, cha Tập Sư cho biết mỗi tu sĩ thường xin một ơn đặc biệt trong ngày trọng đại này, và ơn ấy thường được ban như một hướng đi trong cuộc đời thánh hiến của mình. Có người xin ơn tử đạo, có người xin ơn đi truyền giáo. Bây giờ, tôi cảm thấy bị thôi thúc để nghĩ tới ơn xin làm tông đồ cho người cùi. Hình như ngọn lửa thôi thúc ấy làm tôi nóng rực cả người. Bàn tay, sống lưng và chân tóc lấm tấm mồ hôi.

Đến giờ công tác buổi sáng thì bạn tôi đến, tươi cười:

- Này cậu, tớ tìm ra rồi. Những người con gái mùa xuân chỉ đẹp thường thôi vì họ mới có ý lực thoát ra khỏi đời sống tầm thường này, chứ không đủ chết cho cuộc đời để được đẹp như các sơ trên đồi người cùi ở Di Linh đâu... ❑

---

thơ *nguyễn duy tâm*

biển
ngồi bên bãi vắng dõi trông
đảo xa mây phủ mênh mông nước trời
cánh buồm cô độc mù khơi
nào hay nước xuống chiều rơi hồi nào!

cảm
em ơi xuân nõn lộc mềm
cho ta lại chút êm đềm qua mau
chiều em ra suối hái rau
hồn ta sực tỉnh thương đau kéo về

phận
nhìn lại ta chẳng là ta
là thân cỏ lá mọc lan bên đường
trời ban cho ít giọt sương
loi ngoi lớp ngớp tầm thường dưới chân

Chiếc Bánh Của Nga Hoàng

Robin Kinkead
Trương Mỹ Vân dịch

LDG: Robin Kinkead là một văn sĩ có truyện ngắn đăng trên các tạp chí văn chương những năm 1937-1965. Truyện "Chiếc bánh của Nga hoàng" được dịch từ nguyên tác "Rolls for the Czar". Với nội dung trong sáng, truyện không nhấn mạnh vai trò lịch sử của vị Nga hoàng nhưng đề cập đến sự nhanh trí của nhân vật trong truyện trước tai nạn đe dọa tính mạng hắn.

Chuyện xảy ra vào thời thịnh trị dưới triều đại Nga hoàng vào cuối thế kỷ 19. Trong cung điện nguy nga tráng lệ tại kinh đô Saint Petersburg, hoàng đế Nga trị vì giữa đám triều thần, hoàng tộc và đại sứ các quốc gia lân cận. Hoàng cung trải dài hàng trăm ngàn mẫu bên cạnh dòng sông Neva. Mùa đông, dòng nước đóng băng trắng xóa, lấp lánh phản chiếu màu sắc rực rỡ của cung vàng điện ngọc chứa đầy châu báu do thần dân khắp nơi triều cống.

Hàng năm hoàng đế Nga thường viếng thăm thành phố Moscow, một trong những trung tâm thương mại phồn thịnh, và ngự tại điện Cẩm Linh, nơi tổ tiên ngài đã trị vì đế quốc Nga qua nhiều thế kỷ.

Tại thành phố Moscow có một lão hàng bánh nổi tiếng tên Markov. Vẫn biết thành phố này là chốn văn vật đầy món ngon của lạ nhưng lão Markov là một người làm bánh tuyệt hảo, vang danh khắp nước Nga. Những ổ bánh mì của lão vừa xốp vừa dòn, bên trong màu bột trắng tinh như tuyết và mềm mại như bơ tan dần trong miệng khách sành điệu biết thưởng thức.

Các vị hoàng tử từ xứ Tây Bá Lợi Á xa xôi, các viên tù trưởng những bộ lạc vùng Caucasus quanh năm băng giá và những nhà quý tộc khắp nước Nga đều đổ xô về Moscow để thưởng thức những chiếc bánh do chính tay Morakov sản xuất.

Hoàng đế Nga không những là người sành ẩm thực mà còn là kẻ ưa chuộng bánh mì của Markov nhất. Vào một ngày băng giá đầu tháng hai, ngài ra lệnh cho đám ngự binh theo ngài đến Moscow để thưởng thức tài nghệ của Markov. Tháp tùng ngài gồm vô số các hoàng tử,

bá tước, quận công và thân quyến trong hoàng tộc trên chuyến xe lửa xuyên lục địa, vượt qua những cánh rừng phong trụi lá, thân lấp lánh như giát bạc và những rặng thông xanh rì nổi bật trên nền tuyết trắng.

Cuối cùng đoàn tàu tiến vào Moscow một sáng tinh sương, lúc những tia nắng yếu ớt phản chiếu trên sân ga phủ đầy băng tuyết, trên nóc giáo đường nạm vàng lóng lánh và trên lớp chiến bào của đám ngự binh dàn chào hai bên đường. Từ những ống khói các ngôi nhà xa xa, vài đám khói mỏng bay lơ lửng. Nơi đám kỵ mã của hoàng gia, bầy ngựa thở ra những lan hơi trắng xóa. Nga hoàng cảm thấy dạ cồn cào vì đã đến giờ điểm tâm.

Đoàn ngựa phi nước đại qua các thành lũy và chẳng mấy chốc đã đến trước cổng điện Cẩm Linh. Nga hoàng chậm rãi bước lên những bậc thang lót thảm đỏ, hai bên quân lính và triều thần kính cẩn dàn chào nhưng tâm trí ngài chỉ nghĩ đến một thứ duy nhất là ổ bánh mì nóng hổi của lão Markov mà thôi.

Ngài chào hỏi lấy lệ các cận thần rồi ngồi ngay xuống bàn tiệc. Chẳng thèm đếm xỉa đến các món cao lương mỹ vị như trứng cá muối và gà lôi đỏ, ngài nóng lòng chờ đợi. Đến khi tên hoả đầu quân bưng ra chiếc dĩa bạc đựng đầy những ổ bánh mì trứ danh của lão Markov thì Nga hoàng mỉm cười mãn nguyện.

Ngài hí hửng xoa tay vào nhau, bốc một chiếc bánh còn nóng hổi rồi bẻ ra làm đôi. Nhưng nụ cười của ngài bỗng dưng tắt ngấm: giữa ổ bánh là một con ruồi đen to tướng. Đám cận thần đổ xô lại để nhìn cho rõ trong lúc Nga hoàng hùng hổ phán:

- Quân đâu! Triệu tên Markov vào đây cho ta!

Cả bàn tiệc ngồi im thin thít và mọi người run rẩy chờ đợi. Từ ngoài cửa, Markov tất tả chạy vào, trên môi còn giữ nguyên nụ cười hãnh diện. Nga hoàng chỉ vào con ruồi trên chiếc bánh:

- Nhìn đây này, Markov. Cái gì đây?

Lão hàng bánh tròn mắt nhìn và sững người lại. Các hoàng tử, bá tước, quận công và những nhà quý tộc quanh bàn tiệc trố mắt chờ đợi lời kết thúc số mạng của lão Markov. Họ còn lạ gì với uy quyền lẫm liệt, Nga hoàng có thể ra lệnh chém bay đầu bất cứ ai làm phật ý ngài. Chỉ một lời tuyên phán của ngài cũng đủ đưa Markov vào số phận lưu đày chung thân nơi vùng Tây Bá Lợi Á quanh năm băng giá.

Không ai biết lúc đó Markov nghĩ gì nhưng mọi người đều thấy rõ số phận hẩn mong manh như sợi chỉ mành chỉ vì con ruồi đen khốn kiếp kia. Bỗng dưng Markov bốc con ruồi bỏ vào miệng nhai ngon lành. Mọi người kinh hãi theo dõi từng cử chỉ của hắn. Và sau khi nuốt gọn chú ruồi đen trong miệng, bấy giờ Markov mới lên tiếng:

- Muôn tâu bệ hạ, đó là một quả nho khô.

Cơn thịnh nộ của Nga hoàng bỗng dưng biến mất. Ngài phá lên cười ha hả và mọi người chung quanh bàn tiệc đều thở phào nhẹ nhõm. Ngài phán:

- Này Markov, trẫm ban cho nhà ngươi một phù hiệu đặc biệt có hình con ruồi đen để thưởng công ngươi. Chính nó suýt làm nhà ngươi mất mạng nhưng cũng chính nó đã cứu sống nhà ngươi.

Nói rồi Nga hoàng bốc miếng bánh mì ăn ngon lành. ❑

---

một bài đường luật

Trời đất buồn như mưa. Sắp mưa
Gió nhè nhẹ lật những trang thơ
Bỗng thương nhớ tóc thề em chải
Bỗng xót xa lòng cánh võng đưa
Ngó núi. Quê đâu? Ngày sắp tối
Nhìn sông. Nước đó! Sáng ngờ trưa
Một bài đường luật bao nhiêu chữ?
Sao mỗi lời tuôn một nét mờ!

trần vấn lệ

Chớm xuân, các loài chim trong vườn đua nhau làm tổ. Chim sâu cũng vừa hoàn thành một cái tổ xinh xắn, được kết rất khéo bằng những sợi cỏ mềm, thơm và óng ánh. Buổi sớm, chim sâu thường theo chúng bạn bay túa lên Đồi Xanh. Nơi ấy các con chim đến tuổi trưởng thành nô nức cất tiếng hót thi, biểu diễn những vòng bay tuyệt đẹp để làm quen và lựa chọn bạn đời. Chim sâu vẫn chưa chọn được bạn ưng ý cho mình. Cũng phải thôi. Bởi vì ai đó đã nói rằng những con chim hót hay thường biếng lười và mau yêu mau chán.

Một hôm, vừa bay từ Đồi Xanh về, chim sâu ngạc nhiên thấy trong tổ của mình có một quả trứng nhỏ. Nó hết sức bối rối. Đêm ấy nó phấp phỏng nằm ủ lên quả trứng lạ, cảm giác e ngượng và hồi hộp. Nhớ khi xưa, lúc dạy nó đan tổ, mẹ nó hay kể rằng những con chim đoảng vị chẳng biết làm gì cả, đến khi sinh nở lén đẻ trứng vào cái tổ có sẵn, phó mặc đứa con mình vào tình thương yêu đùm bọc của những chim mẹ khác. Phải chăng đây chính là quả trứng đẻ rơi của một con chim mẹ vô trách nhiệm ấy.

Từ đó chim sâu đành vắng mặt ở Đồi Xanh. Cứ mỗi lần nghe tiếng hót giao duyên bồng bềnh theo gió lan về là nó lại thấy trái tim bồi hồi xao xuyến, muốn bay ra lắm. Nhưng tình yêu thương sâu xa trong bản năng đã ghìm giữ nó lại. Quả trứng này cần sự ấp ủ của nó. Cái mầm sống lạc loài này có cơ hội trở thành một chú chim non hay không hoàn toàn phụ thuộc vào tình thương và hơi ấm của nó.

Thế là suốt cả mùa xuân ấy chim sâu kiên nhẫn nằm lì trong tổ truyền hơi ấm cho quả trứng. Người nó gầy tọp đi, lông xác xơ. Thời gian trôi. Những tiếng hót ở Đồi Xanh không còn vọng về nữa. Những con chim từ lâu đã tìm được đôi lứa, tíu tít bận rộn ấp trứng nuôi con trong những cái tổ hạnh phúc. Cho đến một lần, cô bạn của chim sâu trước kia, khi dẫn đàn con tập chuyền cành ngang

Con Chim Khờ Dại

Lưu Hải Sơn

qua, chợt thấy nó, reo lên:

- Trời ơi, tưởng là cậu gặp nạn hay đã bỏ đi xa rồi chứ! Sao mấy tháng nay không thấy cậu đâu cả?

- Tớ... ấp trứng.

Chim sâu ấp úng nói.

- Sao muộn thế? Nhìn thấy không, đàn con của tớ đã biết bay rồi kia kìa. Cậu ấp được bao lâu rồi?

- Gần ba tháng rồi.

- Quỷ quái. Chỉ mươi ngày là trứng nở thôi. Mà anh ấy đâu?

- Không. Đây không phải là trứng của tớ. Đây là...

Con chim nọ nhanh nhẹn bay xà tới ngó vào tổ. Với đôi mắt của một con chim đã làm mẹ, nó nhìn thấy ngay vấn đề, kêu lên:

- Ới làng nước ới, sao cậu ngốc nghếch thế không biết! Cậu không đùa đấy chứ? Đấy đâu phải là trứng chim. Đấy là một hòn sỏi mà!

Lũ chim trong vườn nghe thấy, xúm xít bâu lại. Chúng bàn tán xôn xao về sự kỳ quặc này. Kẻ nào đã tha hòn sỏi đặt vào đấy? Chỉ là đùa nghịch vô tình hay là một sự lừa dối thâm độc? Mà sao con chim sâu lại có thể dại khờ đến thế nhỉ? Dành cả mùa xuân để ấp ủ quả trứng không phải của mình đã là khờ, huống hồ đây chỉ là một hòn sỏi. Một hòn sỏi thì làm sao nở ra được chim non! Con tỏ ý thương hại, con chê cười. Tất cả hùa nhau bảo chim sâu hãy dùng chân đạp ngay hòn sỏi xuống đất và phá cái tổ ấy đi cho bõ tức!

Từ lúc nghe lời bàn tán, chim sâu chỉ lặng lẽ trào nước mắt. Nó tủi thân. Nó xấu hổ về sự ngây thơ khờ dại của mình và tiếc nuối cả mùa xuân đã mất. Đúng là mẹ sinh nó ra từ một quả trứng. Nhưng từ bé đến giờ nó đã được nhìn thấy hình thù một quả trứng chim là như thế nào đâu!

Nó vỗ cánh bay ra đồng cỏ. Cứ bay mãi, cô đơn, để rồi đến chiều tối một sức mạnh vô hình lại kéo nó tìm về tổ cũ. Từ đấy nó sống âm thầm với hy vọng mùa tình yêu mới sẽ trở lại trên Đồi Xanh vào mùa xuân năm sau. Nó không còn nằm ấp, nhưng cũng không phá bỏ cái tổ hay dùng chân đạp hòn sỏi rơi xuống đất. Trong lòng nó lại nảy sinh một tình cảm dại khờ nữa. Sau bao ngày được ấp ủ, nó cứ có cảm giác rằng nếu giờ đây bị xô xuống đất, viên sỏi vô tội ấy cũng sẽ đau đớn và vỡ tan ra như một quả trứng vậy. ❑

xóm cũ

LTS.—Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sớt chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Tự Cổ Tăng Nhàn.... Chùa Giác Viên

Trần Lang

Rõ là tiếng chuông sớm ấy chở theo cùng với tiếng loài kim một chút khác thường. Thường ngày bị nhốt trong mấy gian cửa hẹp, thanh âm nửa như muốn thoát ra, nửa như bị ngón tay còn tươi tắn của người tăng chúng mà tuổi đời chưa được gấp đôi số ngón trên hai bàn tay, e dè không dám khua động cái tĩnh mịch thường hữu của nhà chùa.

Tiếng đồng rền rền trong mấy cung trầm của thang âm, ngân ngân cùng một trường canh, dội lại trong lòng quả chuông quí trước khi gửi đến chung quanh cái tiếng buồn buồn mà phảng phất hững hờ, dửng dưng trước những phù vinh của nhân thế. Chút gió nhẹ bữa ấy đã chở được một lúc, tiếng của loài kim, hương của một loài gỗ quí và cái vị tiêu sái của một chốn thiền môn.

Tiếng chuông sớm nay còn giữ cái tâm trạng đắn đo của nó. Nửa như lưu luyến mấy gian nhà tối vẫn thường nhốt giữ nó, nửa như muốn theo ra ngoài khoảng trời rộng mà khoáng khoát của vùng Hố Đất. Quả chuông nhỏ nhắn bữa ấy lãnh thêm việc giải ách cho một lớp tín chủ nên trong tiếng đồng như vẳng thêm tiếng Nam Mô và chuỗi ngân dài chẳng kém hàng giấy dài dán đặc quanh giá. Tiếng loài kim bữa ấy gợi thêm cái trầm tư về một cõi nhân sinh. Ở cái hiên đầy ánh nắng của nhà chùa, tiếng chuông vẫn giữ được cái cảm giác mê hoặc về một cõi chẳng gợn chút ưu phiền, ham muốn. Lạ thay, ở nhiều chốn thiền môn, ánh nắng nóng bức của mé hiên ngoài làm rũ nhanh chóng cái mơ màng của vùng đất Phật; còn ở cái vùng Hố Đất êm ả này vào buổi rằm đầu năm, cái thanh thoát bay bổng của tâm hồn theo tiếng chuông mà ra xa, theo tiếng chuông mà chìm lắng.

Mé cuối đông lang gần cửa vào nhà trù là cái bản gỗ treo gần vách. Hình dáng của vật gây hiệu lệnh bằng gỗ sơn son này gợi đến hình ảnh cái trống cơm thu nhỏ. Nhà sư không nề sự tò mò của khách mà chỉ rằng vật bằng gỗ ấy lãnh nhiệm vụ truyền tin cho buổi triêu chúc và ngọ trai của tăng chúng. Và bốn tiếng mộc khô gọn vừa rồi là tiếng báo bữa trưa của nhà chùa.

Một nhà sư trẻ uể oải gấp cuốn sách đọc dở, rời tấm phản chắc và mát vừa ngả lưng, theo chân vào gian nhà trù. Nhìn cái vị thế của gian nhà xây giáp với đông lang cũng rõ nhà trù là phần được xây thêm để nới rộng chỗ cần thiết theo kiểu kiến trúc chữ "nhật" của ngôi chùa miền Nam này.

Nền nhà thấp hơn thềm ngoài đến hai bậc làm gian nhà tối hơn, lạnh lẽo hơn. Ngoài mấy bộ ván kê ở góc cuối thì không có vật dụng

nào khác. Tịnh không có một mùi tạp vị dù là bếp của cửa không. Ở đây nhà trù còn lạnh lẽo hơn cả chốn hương đăng. Đôi chữ bụi phủ duy nhất trên đôi cột chưa được rõ nghĩa này chắc là ca ngợi cái chân vị không của hằng bữa trai:

...Trọn ngày một bữa cơm chay
Cả tháng dôi lần chè mật...

Cái nắng tháng tư lách mình qua khuôn cửa hẹp chỉ rọi sáng được một góc phản, bên trong vẫn là bóng tối, mát và tịch mịch. Cái va chạm của đũa bát, của các giác quan thưởng thức trần vị chẳng thấy ở đây. Tưởng như đám tăng chúng nhẫn nhục mà thản nhiên, trầm mặc làm cho xong một nghi lễ chốn thiền gia. Qua khuôn cửa, nắng bữa ngọ đổ xuống bụi cỏ, xuống loài cây dại quanh tường. Lối đi thưa thớt chân người mà những trận mưa đầu mùa làm dồi dào thêm thảo mộc xứ nhiệt đới. Tiếng gà eo óc nơi xa góp vào tĩnh mịch một cảnh nơi thôn ổ mà chỉ cách đây một con đường đất quanh co những sống trâu là đến con đường thị tứ bụi bặm và ồn ào ngựa xe mang tên Lạc Long Quân. Quả thực nhà chùa như bị bỏ quên cũng vì giải đường quanh co ruột ngựa và mấp mô vũng lầy này.

Người khai sơn ra chốn danh lam hẳn phải tự hào vì cái tĩnh mịch đã có trước đây ngót hai thế kỷ nay vẫn như xưa. Cái tĩnh là cái chất làm đông đặc ngôi chùa, cảnh vật, con người thành một khối. Chùa vắng, cỏ cây im lìm và con người trầm mặc. Ở đây, thời gian là vật thừa thãi nhất. Hai cái kim đồng hồ chập lại vào lúc mặt trời đứng bóng này chỉ còn là cái nhắc nhở cho khách tục. Cái đồng hồ chẳng cắt được tĩnh mịch của nhà chùa thành 24 giờ của thế nhân.

Ở sau lưng ngôi chùa, nhưng vì khách thập phương chỉ vào chùa được bằng lối sau, nên ngôi miếu nhỏ ấy là nơi dừng chân cho ráo giọt mồ hôi trước khi kẻ thiện tín sửa lại nếp áo để bước vào chốn danh lam. Cùng nhìn về một hướng với ngôi chùa, toà miếu nhỏ ấy gợi nên cái ý chùa mẹ lẫn chùa con cùng nhìn về phía ánh đạo vàng. Phía ấy là hướng chính đông mà bây giờ vầng đông đã ở vào khoảng ngọn cây.

Vuông vức mỗi bề hơn một chiếc chiếu, cái quan niệm siêu hình về vũ trụ của mấy nhà nho để lại trong trí sùng tín thần linh của người dân nơi mảnh đất này, một nếp kiến trúc nhỏ nhoi phụ tùy hương khói với cảnh Phật. Mấy chữ xinh xắn "Ngũ hành nương nương" đắp trên trán hợp cùng đường nét vuông vức của ngôi miếu là cái chứng mới mẻ của toà vôi đá. Đôi rồng chầu mặt nguyệt đơn sơ đặt trên mái, hình long mã hà đồ nơi bức bình phong bằng gạch tô, món trang sức thường thấy nơi tế tự của Khổng giáo, là thứ tạo phẩm của nền tam giáo đồng nguyên nơi một ngôi chùa cổ.

Chẳng lọt được vào mấy tấm cửa son mọt và kênh của nhà chùa, vị hiền triết đất Lỗ chỉ còn để lại ngoài sân chùa đôi ý nghĩ thô thiển nhất về vũ trụ quan, kỳ dư thì trả về với văn chỉ, với Khổng miếu. Cái đầu óc chuyên nữ hoá và thần hoá những ý niệm siêu hình để lại đây năm pho tượng nhỏ nhắn như đồ chơi mà từ đường nét đến nghi dung không khác gì những ngẫu tượng. Hẳn là nhà sư khai sơn khi loay hoay xếp đặt chỗ ngồi của các pho tượng Phật đã có ý muốn giữ cho chốn khói nhang còn thuần nhất mà mạnh tay trả những tứ mẫu, tứ phủ về những ngôi miếu nhỏ.

Đến khoảng đầu của đình Bình Thới, khu cổ tháp của Giác Viên biệt chiếm một cảnh trời. Từ cái thế đất thấp và trũng, nhận cái mái ngói còn chắc chắn và mấy chiếc cột danh mộc mập mạp cùng màu xanh ngăn ngắt của cây bạch mai làm cái nền hòa hợp mà đắc vị, ngọn tháp cao nhất như muốn vượt lên khoảng trời xanh. Tháp bốn mặt và chỉ có ba tầng, nhưng ý nghĩ người dựng kiểu muốn gửi vào toà kiến trúc cái tán thán công đức một đấng danh tăng một thời đã có công trùng tu hai ngôi chùa bản địa: Giác Lâm và Giác Viên.

Tháp Hoằng Nghĩa là nơi giữ nhục thân Hoà thượng Trần Văn Phòng húy Như Phòng (1847-1929), được đệ tử là Hoà thượng Hồng Hưng tức Thạch Đạo lãnh việc tạo dựng. Việc Tổ Hoằng Nghĩa - trú trì chùa Giác Lâm - được nhập tháp tại đây cũng như tượng và long vị được tôn trí bên tả nhà thờ tổ là điều có thể khiến ta viết cho Giác Lâm và Giác Viên chung một trang tự phả.

Mái tháp được điểm tô bằng chim phụng và đầu bia còn sắc sảo những bông sen chưa nở là cái kiên cố và mỹ thuật còn sót lại của hơn 60 năm tàn phá bởi mưa gió và tay người. Mỗi tầng tháp đều có lan can chạy vòng bốn mặt, trang điểm tỉ mỉ tăng vẻ mỹ lệ khác thường. Nắng quái gửi lại trên từng món điêu khắc của tháp một màu vàng vọt phủ trên lớp rêu đã xám khô. Cái phong ba tuế nguyệt của hơn nửa thế kỷ chưa đủ để toà vôi vữa này thành một cổ tích nhưng đã cho nó hợp với dáng chùa thành một phần không thể thiếu của chốn già lam. Nắng thêm thoi thóp theo hồi chuông tuần mộ. Tiếng đồng làm nẫu thêm màu nắng úa đậu trên chiếc tịnh bình đầu tháp. Ngọn cau thêm vàng lá ở khoảng giữa hai tiếng đồng, nhưng cái khoan thai của loài kim phút chốc trả về cho tháp màu xám của rêu của đá.

Tháp sáu mặt Như Nhu kế bên cũng loang lổ màu rêu và vôi vữa. Cái nét cong đầy sáng tạo của một tầng mái quả đã làm nhẹ được khối vôi vữa thật đầy đặn này. Chiếc bình thật lớn nơi đỉnh tháp gắn những mảnh sứ xanh là vật trang sức vừa đỏm dáng vừa tương phản với chiếc áo cũ kỹ mà đơn sơ của ngôi tháp.

Lố nhố ở khoảng sau chùa này có đến bốn, năm toà tháp nhỏ mà kiểu thức khác nhau của nó rõ là cái ý biệt lập của mấy sư chủ trì. Mấy tàu lá chuối gần tháp nhìn đã thấm màu. Chiếc bình pháp bảo ngồi vững chắc trên đỉnh tháp đã có thể in được một nét vững chắc không kém trên nền trời. Mấy cánh chim góp thêm được mấy nét chấm phá trên cái khoảng không giữa sáng và tối.

Tiếng đồng như đã loãng hết trong không gian.

Gian phương trượng nằm sau tổ đường và trước toà giảng. Một sập nhỏ trên đặt kỷ trà là giang sơn của vị trú trì vào những ngày lễ. Tượng Di Lặc tô màu ngồi trên toà sen đặt ở gian giữa này, như muốn chia sẻ với người khách thế nhân ngồi nhấp chén trà nhạt nơi đây, cái lạc quan cực kỳ của một đấng giác ngộ. Ngồi ở chốn phương trượng này có thể nhìn ngắm sự tinh xảo của người thợ khéo tái sinh cái hoạt động của một trăm con chim nơi bức bao lan bá điểu trước nhà giảng. Bao lan chạm cả hai mặt nên người ngồi ở gian thiền phòng cũng như đứng ở nhà giảng nhìn vào đều có thấy in một, hai mặt của một toà điêu khắc tuyệt vời. Nhà sư già cũng còn nhớ cái tài khéo hiếm có của người thợ vô danh để giới thiệu với khách, khi tự thân ra mở rộng cánh cửa sau, đem ánh nắng hè vào cái âm u và tịch mịch của gian nhốt hương linh hàng ngàn con người được ký gởi trong ngôi cổ tự này. Cho đến lúc uống cạn chén trà mà hương vị đã pháp du từ lúc nào sau mấy lần khuyên mời của chủ, còn có thể ngắm mấy bức hoành treo san sát trên nóc thiền phòng, phô được cái gân tay tài hoa của người cho chữ lẫn nét dao sắc sảo của người thợ khéo.

Nhà sư còn non tuổi đời bữa ấy lãnh việc thỉnh chuông, nhân khoảng giữa hai tiếng đồng, đã góp một câu về cái nghĩa của tên chùa. Dù không nhớ hết được tên các vị tổ bày ở gian tổ đường, nhà sư đã nói đúng nghĩa chữ "Viên" của ngôi tổ đình Giác Viên này. "Viên" nghĩa là viên mãn, không phải là vườn. "Giác viên" là giác ngộ trọn vẹn chứ không phải là vườn giác. Như thế, các sư tổ đã có công tạo dựng hai ngôi chùa Giác Lâm và Giác Viên không có ý chỉ ngôi chùa được tạo lập sau và quy mô cũng nhỏ hơn này, cái tên khiêm cung hơn là "vườn giác" so với "rừng giác" của tên Giác Lâm.

Ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu đã ngả màu ở gian giữa bảo điện, nhà sư giản phác mà sau này sẽ cầm lấy pháp trượng của chốn già lam này, vừa trỏ lên tấm biển treo ở chỗ cao nhất của ngôi phạm vũ, vừa giảng về cái nghĩa của ba chữ "Giác Viên Tự" đã nhạt nét vàng.

Chánh điện có ba dãy cột, một dãy sáu chiếc. Như vậy chỉ ở gian thờ chính này đã có tới 18 dòng chữ nghĩa. Cúi mình xuống chiếu, nhà sư từ tốn viết ra đôi chữ mà bậc danh tăng thuở ấy đã đặt vào gian giữa của chánh điện:

Đại hùng điện thượng diễn tam thừa chúc quốc vương Nghiêu niên Thuấn nhựt.

Vạn phép đài trung tuyên chư phẩm nguyện thí chủ thọ hải phước san.

Xem ra đôi câu đối này có nửa phần giống ý và lời với đôi câu treo ở chánh điện chùa Giác Lâm mừng ngày lạc thành trùng kiến vào năm Giáp Tý 1804.

Vạn pháp đài trung tuyên tứ đế báo Phật tổ hồng ân, kỳ phong điền vũ thuận.

Đại hùng điện thượng dẫn tam thừa chúc Hoàng vương thánh thọ, nguyện quốc thái dân an.

(Trong đài vạn pháp giảng tứ đế, báo công ơn Phật tổ cao dày, cầu được mưa hoà gió thuận.

Trên điện đại hùng dạy tam thừa, chúc tuổi thọ Hoàng vương trường cửu, mong cho nước thạnh dân yên).

Hai câu ở gian ngoài lại khéo ở chỗ có cả âm điệu của tiếng tụng kinh:

Xướng vạn đức hồng danh tẩy ngũ trần hàm giai thanh tịnh.

Lễ thiên hoa bửu trướng thống lục căn vô bất quy y.

Đôi câu hay nhất ghi trên gỗ sơn then hình lòng máng được đặt ở gian giữa tổ đường nơi thờ Tổ khai sơn Hải Tịnh, tưởng như nói hết được cái tiêu sái của cảnh chùa cùng cái ung dung thích thản của người chủ chốn sơn lâm buổi ấy:

Tự cổ tăng nhàn thường dẫn yên hà vi bạn lữ.

Sơn thâm thế cách chỉ bằng thảo mộc ký xuân thu.

(Chùa cổ sư nhàn thường lấy khói mây làm bầu bạn.

Non sâu đời khuất chỉ nhờ cây cỏ nhận xuân thu)

(Bản dịch của Giản Chi)

Ở gian phương trượng, hoành phi san sát trên cao, tán dương cái thiền đức của chốn sơn môn, nét vàng còn rõ ràng, đường chạm cực tinh vi, những:

Hoằng đồ đại nghiệp
Đạo mạch trường hưng
Thiền quang sách tấn

Ngôi phạm vũ ở chốn "sơn thâm thế cách" này được ca ngợi là cơ đồ của đạo pháp, là mạch của giếng từ, là ánh sáng thiền già, tưởng không phải là quá đáng. Phía bên tả của gian thiền phòng để lại nét bút của một viễn tăng. Thời gian làm khuyết lạc sợi tơ cộng thêm nét rất tháu của người viết để lại cái bối rối cho nhà sư lãnh phần đọc tự tích của vị thiền sư người Trung Hoa tặng hoà thượng Minh Khiêm, trú trì chùa vào thời ấy. Tự tích chỉ đọc được một nửa "Bố y quảng nghiệp...". Lạc khoản ghi năm Đinh Tuất 1904 nghĩa là tấm chữ đã lưu truyền được 5 đời tổ.

Khi nhà sư mở cánh cửa son ngăn cách nhà chùa với thế giới bên ngoài, thì cặp mắt của tục nhân ít phút trước đây như bị bưng kín trong cái bóng tối của bao lan, tượng gỗ, giờ thì mở rộng đến hết tầm. Tịnh không có cây lớn che tầm mắt. Ruộng và rẫy đều đặn trải rộng dưới sân chùa.

Chùa ở vào hướng chính đông, nhà sư nói thế, và ánh nắng hạ sáng nay không làm nheo mắt người vãn cảnh đang thở chút khí trời trong và lành ở khoảng sân trước chùa này. Dãy tường thấp mà chắc đánh đai lấy sân trước nện cao. Hàng cột danh mộc kê táng trên phiến đá xanh gọt vuông vắn nâng đỡ vững chãi hàng hiên mặt trước và mặt sau nhà chùa dẫn xuống nhà đông lang.

Có người ẩn sĩ tên gọi Bạch Liên viết bài phú *Thiếu Thất*, lời văn có chỗ như khắc họa cái đạm bạc mà

nên thơ, thiền vị đằm thắm chốn tu hành của vị sư tổ phái Thiền tông:

Mõ gỗ mít, dáng quả đào đánh bóng, dùi lim khuya vang động một thang tròn.

Chuông đồng già, khuôn trái nhót nhẵn cừ, vồ vông thỉnh ngân dài mười sải quật.

và:

Ngồi đệm cỏ một mình hóng mát, tay phong phanh quạt lá đan tròn.

Đi thềm nhà bách bộ tiêu cơm, chân lập cập dép mo đóng chặt.

(Kiến trúc Phật giáo VN tr.17-18, Nguyễn Bá Lăng)

Chùa Giác Viên chưa có được bài văn đài như thế ca tụng, nhưng đôi câu đối 22 chữ treo ở gian nhà tổ cũng đã khắc họa chốn sơn môn ở nơi u tịch này đôi nét đan thanh. Cái câu *"Thường dẫn yên hà vi bạn lữ"* thì rõ khói sớm ráng chiều là khách đàn việt của chốn danh lam này.

Tầm mắt không theo kịp ngón tay nhà sư chỉ, rạch Ông Bông ở đằng xa kia. Con đường đưa gỗ về kiến tạo hai ngôi chùa lớn nhất vùng. Đoàn xe trâu kéo lê những loài danh mộc. Gỗ quí đã giúp những hiệp thợ khéo tổng Bình Dương tái sinh được thế giới siêu nhiên và thiên nhiên trong toà phạm vũ. Một trăm năm mươi có lẻ pho tượng gỗ, lớn nhất cũng hơn hai thước cao, nhỏ nhất thì bằng bàn tay, đặt quanh chín tầng của chiếc tháp Dược Sư Lưu Ly Quang.

Cái nền cao ráo của sân chùa khiến khách nhận ra ngay cái trũng và thấp của vùng mang tên Hố Đất. Cửa sau nhà chùa là nơi đón chân người vãn cảnh. Trên nền sau này có ba gốc cây già. Cây giữa là gốc mai năm nhánh. Một nhà sư mạnh tiếng cho rằng gốc mai đã được 200 năm và do Mạc Cửu tặng chùa. Thế nhưng lời truyền ngôn ấy thật vô bằng vì Mạc Cửu mất năm 1735, nghĩa là trước cả mái thảo am Giác Lâm xuất hiện (1744) đến 9 năm. Và cái am tranh nhất danh Quan Âm Tự, tiền thân của ngôi chùa Giác Viên, mãi đến năm 1804 mới được bõ Hương Đăng "đánh tranh dựng nóc thảo đường". Cái sai lầm ấy còn thấy trong một cuốn địa phương chí Gia Định.

Gốc danh hoa ấy cao trên 4 thước, nghĩa là thấp hơn gốc bạch mai ở chùa Gò. Ngồi ở ghế đá đặt dưới gốc cây có thể ngắm loài hoa quí. Cành không làm nên tán, nhưng lá dầy, xanh ngắt tương tự như mai chùa Gò. Tuy thế, tuần giáp Thanh Minh, mai chùa Gò còn sai trái và chùm trái chín vàng, còn mai Giác Viên tuy vẫn sum sê nhưng không kết trái gì.

Mai chùa Gò đứng sát bên hàng hiên, cái vị thế không mấy chọn lựa. Còn gốc danh hoa cùng tên ở Giác Viên nằm ở giữa sân sau. Tưởng cái cô lậu của đám chung quanh cũng nhờ cây hoa quí này mà để lại nét đáng nhớ trong trí người vãn cảnh❑

lục huyền cầm

khúc khẩu cầm ai thổi
lúc hoàng hôn buồn thôi,
kìa những con dơi tối,
nhởn nhơ bay rong chơi.

trở về mái nhà cũ,
ôm cây lục huyền cầm
ta khảy bài tình khúc,
chỉ thấy biển xa gầm.

đàn: gỗ vênh, dây: sét
treo vách đợi ta về.
mười năm, mười năm lẻ
cây sứ vẫn bên hè.

thân cây xù xì sẹo
chỉ thấy vài cánh hoa
thấy con bọ ngựa già
giơ cây gươm lên múa.

ngày nào dưới gốc sứ,
ta ôm đàn ngồi ca
nghe sóng gầm biển cả
nay ta già, đàn già.

ôm đàn lang thang bại,
đời như thân mộc khô
mười năm rồi, ờ lạ.
muốn làm tên cuồng đồ.

đó đây nơi phố chợ
khảy đàn thiên hạ nghe
rồi về cây đa cổ
nằm khểnh giữa trưa hè.

ai nghe, ai không nghe,
đàn ta, ta vẫn khảy
ai chê, ai không chê
ta đàn, ta đàn đấy.

mặc đời, mặc lũ người,
quay cuồng rú rít cười,
chiều ra ngồi bãi vắng,
một mình ôm đàn chơi.

sóng ầm ầm cuồng thét,
biển cuống quít, đá gào,
trận cuồng phong cát bụi,
bão, cơn dông gió cào.

xoá sạch bờ cát sụt,
chôn vùi đất bùn nhơ
xô nhanh thân mộc mục
ào ào cuốn sỏi bờ.

rồi lặng im tất cả
sóng chìm, cơn mưa qua,
biển ngọt ngào vỗ vỗ,
mây theo bờ lang thang.

qua thôi thời biển động,
những con tàu ra khơi
thấy xa xa nhấp nháy,
đèn như đốm sao rơi.

xoá sạch đời cát bụi
ta ôm đàn ngồi ca
nhạc, âm thanh cao vút
như nắng sớm chan hoà.

nhìn lên bông sứ nở
thấy cõi đời từ bi
hương của hoa và đạo,
còn lo nuối tiếc gì!

búng dây đàn bật khóc,
máu rỉ đầu ngón tay,
búng dây đàn chợt đứt
trăng lên thân sứ gầy.

trở về mười năm lẻ,
tay cứng, đàn đứt dây,
cõi người ta, ờ vậy,
thương ta kiếp tù đày.

nguyễn trung dũng

Những Ngày Ở Hẻm Đội Có

Nguyễn Quốc Trụ

*1*958. Học xong trung học, tôi thi vô trường Bưu điện vừa mới được thành lập, sau một năm lân la làm quen cái không khí đầy náo nức của tương lai như đang giục giã ở ngay đầu ngã tư của cuộc đời, ở một đại giảng đường đại học. Bạn thử tưởng tượng, một học sinh nghèo, sống chui rúc ở cuối con hẻm Đội Có, Phú Nhuận, nơi đám người nghèo khổ bám quanh thành phố, khi chiến tranh chưa dồn dập đem những tiện nghi vật chất tới tận giường ngủ, xó bếp, rồi lấy đi một số những người thân yêu của họ, chỉ biết xài đèn dầu, uống nước giếng. Đám thanh niên, ngoài những lúc tự an ủi nhau bằng những mối tình tưởng tượng, những tiếng hát nhái theo giọng Út Trà Ôn, Trần Văn Trạch quanh cây đàn ghi-ta bên cạnh giếng nước vào những lúc con xóm, sau một ngày mệt lả, mặc tình cho bóng đêm và muỗi đói hoành hành, chỉ còn cách kéo nhau ra phía sau dãy nhà lụp xụp, mặc tình ngắm nghía mấy cô gái họ vẫn thường trầm trồ mỗi lần thoáng thấy bóng. Các cô lúc này đang xắn cao quần, thoăn thoắt giữa đám rau muống xanh um phủ kín mấy vũng nước đen ngòm, nguồn lợi thứ nhì sau mấy ao cá, một nơi hò hẹn khác nữa của đám thanh niên thiếu nữ, và của cả đám con nít. Buổi sáng đi học, nếu nhà không còn cơm nguội, đành nhịn đói, bỗng một ngày thấy như Alice lạc vào xứ thần tiên, lạc vào đại giảng đường Khoa học, đại học Sài gòn.

Phở hồi đó ba đồng một tô, tiền ông Diệm, như sau này người dân miền Nam vẫn thường xuýt xoa, tiếc nhớ một hoàng kim thời đại khi chưa nếm mùi Giải phóng, và tệ hơn, mùi Cộng sản, thảm hơn nữa, Cộng sản Bắc Việt! Những buổi sáng hiếm hoi, trong túi có mấy đồng bạc cắc Bà Trẻ thương tình giấu giếm cho, nhân bữa trước bán hết mớ đồ xi. Mấy cô gái, mỗi lần đi chợ Phú Nhuận, sau khi mua mớ rau, con cá, thường xúm quanh cái mẹt của bà già Bắc kỳ, mân mê mấy chiếc vòng mã não, chiếc cà rá hình trái tim, cây lược lưỡi liềm, tấm gương bầu dục phía sau có hình mấy tài tử tân nhạc, cải lương...

Tôi có cảm tưởng cả khu hố cũng xôn xao cùng tôi qua những hương vị buổi sáng của nó: tô phở nơi đình làng Phú Nhuận. Trong hơi phở có chút hiền từ của những cây nhang, những lời cầu khấn của mấy bà đi chợ, tiện ghé đình ăn sáng và lạy Phật... Dĩa bánh ướt của cô gái

trong xóm với đôi quang gánh lúc nào cũng lao về phía trước, chỉ chậm lại nơi đầu con hẻm chừng mươi lăm phút, rồi lại tất tả chạy quanh xóm. Có bữa dù đã chạy vội từ nhà, khi ra tới nơi, chỉ kịp nhìn thấy một nửa bóng dáng cùng những cử chỉ quen thuộc của cô còn nán lại phía nửa sau đòn gánh.

Khi đã đi làm, có chút lương bổng hàng tháng, có nhà do cơ quan cấp, bị dòng đời xô đẩy không kịp ngoái cổ nhìn lại chốn xưa, có những buổi sáng sớm chạy xe vòng vòng, đuổi theo dư âm ngày tháng cũ, biết đâu còn chút nào qua hương vị dĩa bánh cuốn Thanh Trì, tại con hẻm Trần Khắc Chân, Tân Định. Thứ bánh mỏng lét, không nhân, chấm nước mắm nhỉ màu mật, cay xè vị ớt bột, kèm miếng đậu phụ nóng hổi, dòn tan, miếng chả quế, giò lụa, khi đã no nê vẫn còn thèm thuồng chút thơm tho của đôi ba giọt cà cuống đầu tăm... Nhìn bước đi tưởng chậm chạp của thời gian, của thành phố thì đúng hơn, trong cơn tuyệt vọng chạy đua với chiến tranh, trong nỗi hối hả tìm ra ông chủ đích thực, sau những ông chủ thuộc địa, thực dân, đế quốc, cuối cùng khám phá ra đó chính là kẻ thù... Nhìn bước đi chắc nịch của thời gian trên khuôn mặt xinh tươi của mấy cô gái ngày nào còn tranh giành đồ chơi, tị nạnh, đun đẩy nhau công việc, nay đã biết xấu hổ trước mấy cậu khách hàng. Hay tới 79 đợi một tô phở đặc biệt sau khi len lỏi qua đám bàn chật cứng khách, cố tìm một ghế trống, tới quán bà Ba Bủng, để rồi lưỡng lự giữa một tô bún ốc, bún riêu hay một dĩa bún chả giò... Ôi, tất cả chỉ vì thèm nghe cho được cái âm thanh ấm áp của mấy đồng bạc cắc Bà Trẻ cho ngày nào...

Bà Trẻ, vợ một người em ông ngoại, khi còn con gái nổi tiếng đẹp, thông minh, được cho ra tỉnh học, đột nhiên bị gia đình gọi về quê gấp. Bà đã đành lòng vùi dập ước mơ trở thành cô giáo của mình, làm vợ "thế" cho bà chị ruột, vợ ông Nghị, lúc đó bệnh nặng, đang chờ chết, để nuôi nấng dạy bảo đứa con gái của người chị, lúc đó còn ẵm ngửa, thực ra là để gìn giữ mớ của cải bên chồng, không cho lọt ra người ngoài, đúng hơn, không rớt tới đám con cái mấy đời vợ trước.

Sự hy sinh của bà không được đền đáp. Cô con gái sau này vẫn thường tỏ ra hỗn hào với bà, ý rằng bà đã sống nhờ tiền bạc của mẹ ruột cô ta, chưa kể nỗi ganh tị sau biến thành hận thù, rồi được Cộng sản cho phép gọi là nợ máu, của mấy cô, cậu thuộc dòng vợ thứ nhất, thứ nhì... Họ tố bố địa chủ hãm hiếp mẹ nông dân, tố mẹ ghẻ ngoài cái tội thù ghét, hành hạ con chồng, còn cả tội giấu giếm tiền bạc, của cải... Bà Trẻ cuối cùng đã may mắn đem đứa con trai độc nhất, ông chồng, cô con gái xuống Hải Phòng rồi vào Nam.

Ông Nghị, tướng người cao lớn, mấy đời vợ, mấy dòng con, không kể con rơi con rớt, con "làm phúc". Bà Trẻ kể cho tôi nghe về một cặp vợ chồng hiếm hoi đã "nhờ vả" ông Nghị, và đứa con gái, kết quả của mối tình "thả cỏ", của một bữa rượu say sưa bên mâm thịt cầy, trong lúc người chồng giả vờ mắc bận bỏ ra ngoài, đã bị câm ngay từ khi lọt lòng...

Nghe bà kể, tôi mơ hồ nhận ra nỗi thất vọng của một người vợ, của một người đàn bà đã hy sinh một cách vô ích tuổi trẻ, nhan sắc, sự thông minh và luôn cả lòng tốt của mình. Nỗi đắng cay của một bà mẹ về đứa con trai duy nhất: cậu H. Tuy không tật nguyền, nhưng không thể nào là một đứa con của hạnh phúc, cho nên cậu không thừa hưởng được tính thông minh, chăm học của mẹ, không thừa hưởng vóc dáng cao lớn, đàn ông của bố, nhưng lại giữ nguyên được truyền thống của những người đàn ông trong họ, luôn coi người đàn bà mới là chủ thực sự trong gia đình. Cậu luôn tỏ ra bất lực trước bà chị cùng bố khác mẹ, một cô gái tuy chưa quá tuổi lấy chồng đã là gái già. Những lúc bị đay nghiến, hành hạ quá mức, cậu chỉ phản ứng bằng cách đập đầu vào tường. Âm thanh của sự nhẫn nhục không chịu ngừng lại trước ngưỡng cửa của chiến tranh: Trong những năm miền Nam bị Thần Chết ngày đêm đòi mạng, cậu H. đã áp dụng cái võ khí tỏ ra hữu hiệu nhất đối với cậu là tự hành xác để được hoãn dịch. Cậu nhịn ăn, nhịn ngủ, uống cà phê đen, uống trà đặc, hút thuốc lá... Không chịu ngừng lại mà còn vượt xa hơn nữa, tới miền đất của phúc phận, nghiệp duyên. Cuộc sống gia đình hạnh phúc của cậu những năm sau 1975, theo Bà Trẻ của tôi, là do đức Phật đã thấu tới nỗi đau khổ, lòng ăn chay niệm Phật của bà, nhưng tôi cho rằng ngài đã bị những tiếng đập đầu binh binh của cậu H. làm giật mình, nhìn xuống cõi đời ô trọc này...

Tôi viết dưới ánh sáng của một ngọn nến: Sài gòn.

28.3.66. "Tôi đột nhiên nhận ra khuôn mặt thảm hại của tình yêu". Ôi chao! Tôi đã có lần viết về cái cảnh thất thểu dưới mưa, chạy lẽo đẽo theo một cô bé nơi đường Cộng Hoà, ngay trước đại học Khoa học. Và cái cảm giác giận dữ, mệt mỏi, theo tôi hoài, còn dai dẳng hơn cả mối tình...

Hãy viết về Sài gòn cho chẳng riêng ai mà cũng là cho tất cả mọi người. Hãy viết về một thành phố trong cơn hối hả đi tìm người thân tưởng đã mất tích, và trong khi chờ đợi đã bồn chồn muốn có tất cả, muốn sống một lần, ngay lập tức, ngay tại đây,... Hãy viết về một thành phố tưởng như nông nổi, tạm bợ, nhưng có khả năng cảm hóa, biến đổi tất cả những ai đã từng sống trong nó thành những tín đồ của một thứ tôn giáo, đạo miền Nam, đạo Sài gòn... Hãy viết về những bạn bè đã thất lạc, đã lang thang nơi này nơi nọ mà địa chỉ cuối cùng còn nhớ được: Sài gòn. ❑

Ông Thần Cây Đa

Minh Tâm

Cây đa đầu làng không biết có từ bao giờ mà cao tới mấy chục thước, cành lá xoè rộng choe rợp một khoảng đất lớn. Các nông phu, khách bộ hành và người đi chợ thường ngồi nghỉ chân dưới bóng cây mát mẻ. Trẻ con chạy đuổi chơi giỡn chung quanh gốc cây. Những rễ phụ lòng thòng từ những cành cao rủ xuống, theo gió đu đưa như những chiếc võng. Các cụ trong làng năm nay đã ngoài 80 tuổi cho biết khi còn nhỏ đã thấy cây đa ở chỗ ấy rồi, như vậy ít ra nó cũng đã ngoài một trăm năm.

Có một cái miếu thờ nhỏ treo bám vào thân cây, không rõ ai làm từ thời nào, bên trong chỉ có dán một chữ "Thần" viết bằng chữ nho mực đen trên giấy đỏ đã nhạt màu vì lâu ngày và mưa gió. Đồ thờ rất sơ sài, ba cái chén hạt mít để rót rượu, một cái chén lớn để đựng nước, một cái đĩa bằng gỗ để đựng trái cây và một lư hương bằng sứ trắng có vẽ hai con rồng chầu mặt nguyệt. Những ngày thường, không phải Tết hoặc ngày sóc ngày vọng thì hương tàn khói lạnh, chỉ khi nào có người ra cúng thì mới lau quét cho sạch, bầy lễ vật ra khấn vái xong lại mang về ngay. Theo lời dân làng thì thần miếu linh lắm, cầu gì cũng được, mà ai hỗn xược đi qua không ngả mũ nón thì bị ngài quở phạt.

Quả thật có một vị thần ở cây đa ấy. Ngài đã làm được một số việc lành trong nhiều kiếp, nhưng chỉ cầu phước báo hữu lậu nơi cõi trời và cõi người nên được làm thần, chứ chưa giải thoát được khỏi vòng sinh tử luân hồi. Ngài ở cảnh giới thiên thần nên cũng có vài phép thần thông, nghe hiểu, nhìn thấy rõ mọi người mọi vật và còn hiểu thấu tâm ý người ta nữa. Ngài có thể đi mây về gió, bay tới những nơi xa nhưng vẫn về trụ tại cây đa đầu làng. Tâm thức ngài nhẹ nhàng hơn loài người, tuy nhiên vẫn còn ham ăn ham uống, thụ hưởng những lễ vật được dâng cúng. Ngài chỉ ăn bằng tâm chứ không ăn thật, nếu ngài ăn thật thì không biết còn có ai cúng nữa không? Có lúc ngài hoan hỉ với người ăn ở hiền lương, và cũng còn sân si với những kẻ độc ác làm trái luật trời, nhưng ngài cũng chẳng thưởng thiện phạt ác được, vì ngài chưa đủ quyền lực, chỉ theo dõi và quan sát luật nhân quả tự hành tự báo ứng mà thôi.

Lắm lúc ngài phì cười vì thấy có những người đến cầu xin quá lố, nào xin ngài giúp cho buôn bán phát tài nhất bản vạn lợi, học trò lười mà cầu thi đỗ, sát sinh mà cầu sống lâu, không tu hành mà đòi vãng sinh cực lạc,... Ngài thầm nghĩ: nếu ta có thể ban những đặc ân ấy thì chính ta đã về cực lạc trước rồi, tội gì mà ở cây đa này.

Hôm nay là ngày mồng một đầu tháng, theo cổ lệ, cụ Lý Thôn mang một miếng thịt lợn luộc, một đĩa xôi lạc, một bình rượu, một nải chuối, cả giấy tiền vàng mã nữa, tới cúng ở miếu. Cụ thật là thành tâm, lau quét miếu thờ sạch sẽ, bầy lễ vật ngay ngắn, rót rượu ra ba chén nhỏ, rửa kỹ lưỡng cái chén lớn đổ đầy nước giếng trong, rồi cụ lễ bái khấn khứa xin chư vị thần linh và các quan chứng giám hâm hưởng, ban cho cụ và gia đình được nhiều sức khoẻ, sống lâu giàu bền, mua may bán đắt, con cháu học hành đỗ đạt thành danh, trẻ con hay ăn chóng lớn, con gái đắt chồng, con trai lấy vợ vừa đẹp vừa giàu, ngoan ngoãn nết na hiền thục,... Khấn vái xong, cụ đốt giấy tiền vàng mã để các quan tiêu dùng, rồi hạ lễ vật mang về ăn lấy khước, trong lòng thơ thới hân hoan. Nhiều người đi qua cũng xúm vào

lạy thánh mớ bái, cầu xin đủ thứ.

Vị thần cây đa thấy hết, nghe hết, hiểu hết, nhưng dân làng người trần mắt thịt không thấy ngài. Vị thần hoan hỉ cám ơn cụ Lý Thôn đã dâng ngài lễ vật ngon lành, nhưng ngài chỉ ăn chay xôi lạc, trái cây thôi, rượu thì ngài chỉ ngửi lấy hương, còn thịt thì ngài sợ lắm, ghê tởm. Ngài ở cảnh giới thiên thần, tâm thức nhẹ nhàng hơn người trần nên nhìn miếng thịt lợn là thấy cả một dòng nghiệp báo luân hồi triền miên, giết hại và bị giết, đòi nợ và đền tội lẫn nhau. Ngài đã nhiều lần hét vào tai cụ Lý Thôn bảo đừng cúng thịt nữa, chẳng được phúc mà còn thêm tội, nhưng tiếc thay, đôi tai thịt của cụ không nghe được tiếng của thần.

Lại còn vụ đốt giấy tiền vàng bạc nữa! Thật bậy bạ hết sức! Gọi là tiền Âm phủ, có nghĩa là chỉ tiêu ở địa ngục mà thôi. Ngài ở cảnh giới thiên thần mà cụ biếu tiền Âm phủ, làm sao tiêu được? Chính những hương linh đang trả quả báo ở địa ngục cũng chẳng dùng được tiền này, vì tùy nghiệp phát hiện, chúng ta ở cõi trần thấy là tiền giấy, chư hương linh thấy là gông cùm xiềng xích, chỉ cầu vứt bỏ mà thôi. Cụ Lý Thôn cũng như một số người khác, nhẹ dạ dễ tin, mắc mưu bọn buôn thần bán thánh, in tiền giả mang bán mà cụ vẫn mua. Cụ thường nói với các con cháu: "Từ xưa các cụ tổ làm như thế, nay tao cũng làm vậy. Các quan linh thiêng lắm! Chúng mày đừng có báng bổ hỗn láo mà quan phạt!"

Trong nhà cụ có cái bình vôi cũ lâu ngày ruột đặc lại không dùng được nữa, cụ mang ra treo vào cành đa ngay cạnh miếu thờ. Có người hỏi treo bình vôi để làm gì thì cụ nói: Nào ai biết? Xưa sao nay vậy. Cụ cứ giữ y nguyên và làm theo những gì người xưa đã làm, không cần hiểu ý nghĩa ra sao, có hợp tình hợp lý không!

Vị thần thấy cụ cổ quá, nói không được đành mặc kệ, nhưng vẫn thụ hưởng xôi và trái cây của cụ, ngửi hương rượu và uống nước lạnh của cụ cúng, vừa thương lại vừa giận cụ. Thương quý cụ là người chất phác thật thà, có tâm tốt; nhưng giận cụ ngu dốt, không chịu học hỏi nghĩa lý kinh Phật để tu tâm sửa tánh, không chịu thực hành lời Phật dạy. Tu như cụ là tu mù, hành như cụ là hành sai, chả trách đạo Phật không phát triển được!

Nhiều người trong làng cũng giống như cụ Lý Thôn, mê tín dị đoan, coi các vị thần như chức sắc trong làng, cứ biếu nhiều là xin gì cũng được. Có người vừa khóc lóc kể lể vừa xin thần vặn cổ đứa nào ăn cắp gà của họ. Thần rất thương họ quê mùa dại dột, làm ác mà không biết. Thần chẳng những không có quyền lực vặn cổ ai cả, mà dù làm được thần cũng chẳng dám làm vì thần phải tôn trọng luật nhân quả nghiệp báo nghiêm minh, gieo nhân nào gặt quả nấy.

Cách cây đa chừng vài chục thước có một ngôi chùa cổ, nhỏ bé rêu phong, ẩn mình dưới bóng một cây đề cũng cao lớn và cổ xưa không kém gì cây đa, dân làng vẫn gọi là ông đa bà đề, cấm trẻ con không được leo trèo phá phách. Trước đây chùa có một ông thầy cúng ê a tụng kinh lễ Phật, ở chùa giữ việc nhang đèn, nhưng ông ta có vợ con, lại ăn mặn, bê tha rượu chè, còn tổ chức lên đồng cô bóng cậu ở điện thờ hậu cung nên không Phật nào chứng, chẳng có thiên thần hộ pháp nào giáng lâm độ trì. Chẳng bao lâu chùa chịu cảnh hương tàn khói lạnh, dân làng chăm lễ ở miếu cây đa hơn ở chùa. Chán nản vì không đủ lợi dưỡng sinh sống, ông thày cúng bỏ đi nơi khác, chúa càng tiêu điều.

Một hôm có vị sư già chừng hơn 60 tuổi đi qua thấy cảnh chùa hoang vắng, bèn xin ở tu, dân làng bằng lòng. Vị sư đó là người chân tu đức hạnh, đạo lực vững vàng, chán cảnh chùa ở đô thị ồn ào náo nhiệt, chán cảnh phải chiều chuộng các Phật tử giàu sang khó tính, kiêu căng ngã mạn đòi hỏi thày phải theo ý họ, nên thày rũ áo ra đi tìm nơi thanh vắng để ẩn tu. Từ khi về chùa nhỏ này, thày sửa sang lau quét cho sạch sẽ trang nghiêm. Thày chỉ cúng Phật bằng hương hoa, trái cây và nước, cúng cơm vào trước giờ ngọ. Thày ăn chay giữ giới, khuyên dân làng quy y, làm lành lánh dữ. Dân làng kính phục thày lắm, khung cảnh chùa lần lần trở nên thanh tịnh, ấm áp. Buổi sáng thày tụng chú, ban ngay tụng kinh, đêm niệm Phật. Tiếng chuông thu không đã cảnh tỉnh nhiều người nên họ đem gạo đậu tương chao đến cúng dường. Thầy được sống thoải mái an định, thầm tạ ơn Phật đã ban cho thầy một nơi tu hành đúng ý.

Sau mỗi thời kinh, thày không bao giờ quên hồi hướng công đức lành cho dân làng được ấm no mạnh khoẻ, chư hương linh vãng sinh tịnh độ, mọi loài chúng sinh trong ba cõi sáu đường đồng thành Phật đạo.

Vị thần cây đa vẫn quan sát nếp sống của sư và khen ngợi sự trì trai giữ giới tinh nghiêm. Thần cũng cám ơn sư đã hồi hướng công đức tu trì cho thần, vì thần cũng là một chúng sinh trong sáu đường, nhưng thần vẫn ở cây đa, vẫn hưởng phẩm vật của dân làng dâng cúng và chưa biết phát tâm tu hành giải thoát.

Một bữa nọ, thày đang hưởng xôi lạc với chuối tiêu thì bên chùa sư tụng kinh A Di Đà. Với chút thần thông sẵn có, thần thấy trong tâm thức của sư hiện ra cảnh cực lạc, đất bằng vàng bạc lưu ly, hoa sen bốn màu xanh vàng đỏ trắng, chim nói pháp, gió thổi nước reo cũng ra tiếng pháp, rồi lại thấy chư Phật phóng hào quang tiếp độ chúng sinh... Cảnh giới không thể nghĩ bàn này thật mầu nhiệm, từ trước tới nay thần chưa có duyên lành được biết, do đó thần say sưa theo dõi lời kinh cùng các nghĩa lý cao siêu tiềm ẩn. Cho đến lúc vị sư tụng xong gập quyển kinh lại, các cảnh trong tâm thức sư biến đi, thần cứ tiếc mãi, rắp tâm hôm sau lại tới nghe kinh. Cứ như thế, thần ham thích bộ kinh A Di Đà, gần đến giờ sư tụng kinh niệm Phật là thần đã chầu sẵn ở chùa rồi. Có

hôm mải nghe kinh, thần quên không về hưởng các phẩm vật mà cụ Lý Thôn cúng, thần cũng chẳng ham tiếc nữa.

Thần đã hiểu nghĩa kinh, phát nguyện tu theo lời kinh, và bắt đầu niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Lúc đầu còn loạc choạc chưa định, niệm vài câu lại nhớ sang chuyện khác, nào xôi lạc chuối tiêu, nào hương rượu ngào ngạt,.. nhưng lần lần tâm của thần được định, trí huệ sáng tỏ, thần không còn ham muốn thụ hưởng lễ vật nữa mà chỉ thích nghe kinh, niệm Phật, trì chú vãng sinh cho thuần thục.

Ròng rã ba năm, thần tuy ham thích cảnh thiền môn thanh tịnh; khi nghe kinh, thần cũng muốn dứt bỏ cảnh trần để về cực lạc, nhưng vẫn chưa chịu rời cây đa, vẫn hưởng các phẩm vật dân làng dâng cúng. Tình trạng giằng có đó kéo dài cho đến một hôm, sư tụng kinh niệm Phật xong rồi đi ngủ. Ngọn đèn dầu lạc bị gió thổi mạnh, ngã vào quyển kinh A Di Đà, bắt đầu cháy xém tờ bìa. Vị thần thấy rõ, cuống quít hét vào tai sư mà sư đâu có nghe thấy. Thần quý bộ kinh lắm lắm, mà muốn dập tắt ngọn lửa thì phải hiện thân, bỏ ngôi vị thần mà lấy thân người, vì phép thần thông của thần chưa cao, hễ hiện thân người là không biến đi được nữa.

Vị thần do dự, nhưng thấy bộ kinh quý báu sắp bị cháy, liền phát tâm dõng mãnh, quyết chí hiện thân người chạy vào dập tắt ngọn lửa, bảo vệ quyển kinh. Nhiệm mầu thay hành động hy sinh cao quý của thần. Một luồng ánh sáng rực rỡ êm dịu chiếu soi ngôi bảo điện, trong đó có tiếng nói: Ta khen ngợi con đã quyết tâm bỏ địa vị thần, bỏ lòng ham dục lạc, không tham ăn uống để bảo vệ chánh pháp. Ta cho phép con được làm Hộ pháp tại chùa này để hộ trì tam bảo, tu hành tinh tấn, về sau sẽ thành chánh quả.

Thần hoảng hốt vội lạy sụp xuống, khi ngẩng đầu lên thì thấy vị sư đứng đó từ lúc nào, nhìn thần mỉm cười đầy từ bi và an lạc. ❑

Hàng Cây Bên Đường

Cao Xuân Lý

*T*hằng Toàn đang ngồi ở góc hiên chơi với con Thúy thì bố thằng Toàn về. Thấy vậy, con Thúy đứng lên nói với nó:

- Thôi tao về chẳng mẹ tao mắng, ngày mai chơi tiếp.

Nhiều lần như vậy. Hễ đang chơi mà gặp người lớn là con Thúy bỏ dở cuộc chơi, đi về. Thằng Toàn không hiểu tại sao con Thúy lại sợ người lớn như vậy. Bố nó có bao giờ nạt nộ gì con Thúy đâu! Nhiều lần nó định hỏi con Thúy tại sao nhưng lần nào gặp, nó cũng quên.

Con Thúy đi rồi, thằng Toàn cũng trở vào nhà. Bố nó thấy nó nhưng không hỏi gì. Ông mệt. Ngày nào đi làm về ông cũng kêu mệt nên rất ít khi ông nói chuyện với nó. Thường thì ông chui vào phòng tắm, tắm rửa qua loa rồi ngồi vào bàn, ăn một mình vì dì nó và nó đã ăn rồi.

Thấy ông không nói gì, Toàn lảng ra chỗ khác, thường là ra sau nhà, nơi có khu vườn trồng đủ loại cây mà nó không biết là những cây gì, trừ cây chanh quả chĩu chịt.

Đi loanh quanh trong vườn mãi cũng chán, Toàn ngồi xuống bậc thềm phía sau nhìn lên những ngọn cây nhà hàng xóm, nơi chim chóc thường bay về tìm chỗ ngủ khi trời sụp tối. Nó nhìn mãi lên ngọn cây mà không biết chim ở chỗ nào vì lá cây rậm rạp và trời đã về chiều. Ngoài tiếng chim, nó còn nghe được tiếng ve sầu và cả tiếng dế. Bầu trời trên cao tím dần. Bây giờ nó chỉ còn thấy bóng đen của hàng cây in trên nền trời đã sẫm màu. Một vài ngôi sao lấp lánh trên cao. Thỉnh thoảng, vài cơn gió nhẹ làm lay động hàng cây kêu xào xạc.

Nhìn mãi cảnh trời cũng chán, Toàn muốn trở vào nhà nhưng ngại gặp dì nó. Toàn gọi bằng dì vì bà là vợ lẽ của bố nó. Ông bà gặp nhau ở trên đảo rồi sang đây sống với nhau.

Thằng Toàn chợt nhớ đến mẹ, nước mắt tự nhiên ứa ra. Bây giờ ở xóm Chùa chắc mẹ nó buồn và nhớ nó lắm. Khi đi vượt biển, bố nó có hứa hẹn là khi sang đến nơi sẽ gửi tiền về ngay cho mẹ nó tiêu và bảo lãnh cho bà sang sau. Vậy mà bây giờ ông cặp kè với bà này, không nhắc gì đến mẹ nó nữa! Đã vài lần thằng Toàn nhắc bố gửi quà và bảo lãnh mẹ nó nhưng ông không trả lời mà chỉ trợn mắt nhìn nó. Ông mê bà này quá rồi, vừa mê vừa sợ. Toàn chỉ mong chóng lớn để đi làm có tiền gửi về giúp mẹ mà sao thấy chậm quá, chậm đến nỗi nó có cảm tưởng là nó không cao hơn được tí nào, vì lần nào đứng dựa lưng vào tường để đo, đầu nó cũng chỉ vừa chạm cửa sổ. Cứ như thế này thì bao giờ nó mới đi làm được!

Thằng Toàn nhớ lại ngày mới đến đảo ở Mã Lai, hai bố con nó được chia một khoảng trống trong dãy nhà kế chỗ ở của bà Tâm, dì nó bây giờ. Lúc đầu bố nó viết thư cho

mẹ nó đều đều, ít nhất mỗi tháng một lần. Mẹ nó cũng chăm viết thư trả lời lắm. Trong thư bà căn dặn bố con nó đủ điều, còn nói là nhớ bố nó và cả nó nữa.

Nhưng từ khi bố nó quen bà Tâm, hai người rủ nhau đi chơi, đi hóng mát ngoài biển cho đến khuya, thì bố nó thưa viết thư về Việt Nam. Rồi việc nhận thư của mẹ nó cũng thưa dần, sau đó ngưng hẳn.

Có lần bố nó nói là mẹ nó ở Việt Nam đã lấy chồng khác nhưng nó không tin. Hồi xưa, khi bố nó đi tù mấy năm, mẹ nó còn không lấy chồng huống hồ là bây giờ. Nhiều khi nhớ mẹ, nó muốn viết thư cho bà nhưng không biết phải viết địa chỉ thế nào vì nghe nói đường xá ở Sài gòn đã đổi tên hết. Nó lại không có tiền mua tem thành ra dù định viết thư cho mẹ nhiều lần, nó vẫn chưa làm được.

Trong phòng dì thằng Toàn vẳng ra tiếng phim bộ từ ti-vi. Nó cũng thích coi phim bộ nhưng ít khi được xem. Nhà chỉ có một cái ti-vi, lúc đầu còn đặt ở phòng khách, sau dì nó kêu ngồi lâu mỏi lưng nên bố nó đem vào phòng cho bà ấy vừa nằm vừa coi.

Cũng từ khi cái ti-vi được chuyển vào phòng ngủ, hầu như thằng Toàn hết được coi luôn. Dì nó thường bảo là nó không nên coi vì toàn là phim người lớn, hơn nữa nó phải dành thì giờ học bài. Nhưng chắc là không phải vậy, vì không được coi ti-vi thì nó bỏ đi lang thang ngoài đường hay chơi với con Thúy bà cũng đâu có nói gì!

Dù không muốn gặp dì nó, thằng Toàn cũng phải vào nhà vì trời đã tối hẳn. Khi đi ngang phòng khách, nó thấy bố nó đang ngồi ăn cơm, còn dì nó vẫn đang xem phim bộ trong phòng. Bà mê phim tập hơn tất cả mọi thứ. Những hôm cuối tuần, bà coi liền một mạch cả mười mấy cuốn, từ sáng hôm trước đến sáng hôm sau mới đi ngủ. Mới đầu bố nó còn cằn nhằn, nhưng bà làm toáng lên, thế là bố nó im re luôn. Từ đấy bố nó không còn cự bà ấy nữa mà có khi còn thức suốt đêm để coi.

Những lúc như thế, thằng Toàn muốn làm gì thì làm vì hai ông bà ở trong phòng ngủ suốt ngày. Như thế kể cũng sướng nhưng được cái này mất cái khác. Cơm nước bà không nấu. Giá có mẹ nó thì chắc nó được ăn cơm chứ không phải chỉ mì gói hoặc bánh mì như thế này đâu!

Thằng Toàn thấy bố đang ăn bỗng ngước lên nhìn nó rồi lại cúi xuống ăn tiếp. Ông thường nhìn như thế mà không nói gì nên nó bỏ vào phòng ngủ.

Khi Toàn leo lên giường thì tiếng ti-vi bên phòng bố nó đã tắt. Nó nằm nghĩ lan man đến con Thúy. Mai mốt lớn lên, nó sẽ lấy con Thúy làm vợ, sẽ yêu thương con Thúy chứ không bỏ vợ như bố nó đâu! Nhưng con Thúy phải hiền như mẹ nó kìa, nếu dữ như dì thì nó nghỉ chơi luôn.

Thằng Toàn không hiểu tại sao bố nó mê bà Tâm. Nó thấy mẹ nó đẹp hơn bà Tâm nhiều. Có lẽ vì bà ấy trẻ hơn chăng? Hồi ở đảo, nó nghe kể bà Tâm đã có chồng, nhưng ông ấy chết trong trại cải tạo nên bà ấy vượt biển có một mình. Có người lại nói, lúc chồng đi tù, bà Tâm tằng tịu với một gã công an nên ông ấy giận, bỏ đi. Chẳng biết bố nó có biết những chuyện ấy không mà đâm đầu vào!

Toàn trằn trọc mãi mà không ngủ được vì trời nóng quá, nóng hơn cả Việt Nam. Bố nó có hứa cho nó cái quạt máy nhưng chưa mua. Chắc là ông lu bu nhiều chuyện quá nên quên. Rồi thì nó cũng thiếp đi. Khi nó thức giấc thì bên ngoài trời đã

sáng hẳn, ánh nắng nhuộm vàng mấy đỉnh ngọn cây cao bên nhà hàng xóm. Căn nhà im vắng không một tiếng động vì hôm nay là thứ bảy, bố nó không phải dậy sớm đi làm và nó cũng không phải đi học.

Nằm nướng thêm một lúc cho đến khi nghe tiếng nói chuyện Toàn mới trở dậy. Xuống bếp, nó thấy bố và dì đang ngồi uống cà phê, trước mặt hai người là hai cái tô còn đọng lại chút cặn mì gói. Nó lẳng lặng lấy bình nấu nước sôi đổ vào mì mặc dù chán ngấy, nhưng không ăn mì gói thì chẳng có gì khác để ăn cả!

Ăn xong, thằng Toàn lẻn ra khỏi nhà. Mới sáng sớm mà nắng đã gay gắt. Nắng làm nó nhớ đến những ngày nghỉ hè ở Việt Nam, nhớ đến bọn thằng Tăng, thằng Tư, thằng Bảy... Hồi đó vui biết mấy! Cạnh trường học có một khu đất trống, tụi nó tha hồ đem bóng đá với nhau. Nếu không chơi bóng thì chạy ra mé sông câu lươn. Rồi còn nhiều trò chơi khác nữa, không bao giờ phải suy nghĩ tìm tòi.

Bây giờ khu thằng Toàn ở chỉ có mỗi hai gia đình người Việt là nhà nó và nhà con Thúy. Bố mẹ con Thúy bận suốt ngày với hai cái máy may trong phòng nên nó rất ít khi gặp.

Đến trước cửa nhà Thúy, thằng Toàn đưa tay nhấn chuông. Một đoạn nhạc ngắn du dương phát ra. Nó thích loại chuông này lắm, có lần đòi mua thì bố nó trừng mắt nói: "Nhà thuê thì có cái gì dùng cái ấy, chuông với trống gì!" Gia đình con Thúy sang đây được ba bốn năm rồi. Bố mẹ nó lại chịu khó làm việc nên đã mua được nhà dù còn nợ nhà băng khá nhiều.

Đợi mãi không thấy ai ra mở cửa, nó nhấn chuông một lần nữa nhưng vẫn không thấy con Thúy đâu cả. "Hay là cả nhà nó đi vắng?" Toàn tự hỏi, rồi ngồi bệt ngay xuống thềm nhà nhìn ra đường.

Chờ một lúc vẫn không thấy con Thúy đâu, Toàn đành đứng dậy đi về. Nhưng khi ra đến đường, cho tay vào túi thấy có đồng hai mươi xu thì nó đổi ý, chạy ra phố gần đấy chơi *game*, một trò chơi mà nó rất mê nhưng ít khi có tiền để chơi.

Vừa đến góc đường thì con Thúy và bố nó về. Thằng Toàn chạy ngược trở lại. Xe ngừng, con Thúy thò đầu ra nói với nó:

- Tao phải đi ngay bây giờ. Má tao bệnh vào nhà thương đêm hôm qua. Mày về đi, lúc nào má tao khỏi, tao sang.

Thằng Toàn thất vọng quay trở lại đường cũ. Nó đã hết hứng chơi *game* nhưng chẳng biết làm gì khác nên vẫn tiếp tục đi. Đến nơi thì mới biết tiệm chưa mở cửa. Đứng tần ngần một lúc, nó đành về nhà. Giá có thằng bạn nào ở gần nó đã đến chơi rồi, nhưng bạn nó ít quá, lại ở xa lăng lắc.

Mấy hôm sau, thằng Toàn nghe tin mẹ con Thúy chết trong nhà thương. Bố nó bảo, tại mẹ con Thúy làm nhiều quá, kiệt sức chết. Ngày nào mẹ con Thúy cũng đạp máy may từ sáng sớm đến mười hai giờ khuya mới đi ngủ. Sáng trưa chiều tối, bà thường ăn qua loa gói mì vì sợ nấu nướng tốn thì giờ. Có người còn nói bà không dám uống nước vì uống nước nhiều phải đi tiểu nhiều, đứng lên ngồi xuống nhiều lần cũng tốn thì giờ nữa!

Dạo này thằng Toàn ít khi gặp con Thúy. Nó buồn vì mẹ chết nên không thèm đi chơi nữa. Nhiều khi nó muốn đến nhà con Thúy nói câu gì đó cho nó đỡ buồn mà không dám. Hơn nữa, nói theo kiểu người lớn, chia buồn với nhau mỗi khi có người chết nó không quen, thành thử nhớ con Thúy mà nó không gặp được.

Ít lâu sau thì nhà con Thúy treo bảng bán, nhưng không phải là bán theo kiểu thông thường mà là "đấu giá" gì đó. Nó không hiểu rõ hai chữ đó là gì nhưng nghe nói nhà thiếu nợ nhiều mà không trả nổi thì thường phải bán theo kiểu đó.

Một hôm thằng Toàn đi ngang nhà con Thúy, ghé vào nhấn chuông nhiều lần nhưng không ai mở cửa. Bố con Thúy đã dọn đi lúc nào không ai biết. Thằng Toàn thấy giận con Thúy thật nhiều, đi mà không bảo với nó một tiếng để nó còn biết lối mà tìm...

Khi trở về nhìn hàng cây bên đường bị chặt cụt đầu, nó liên tưởng đến con Thúy. Bạn nó cũng giống như hàng cây kia, vừa bị chặt mất một phần cuộc đời. Tự nhiên nước mắt nó ứa ra. ❑

---

trở giấc

Ngôn ngữ thiên hà vũ trụ
Ta một giấc mà gió lộng ngàn phương
Hoá thân chuyển kiếp miên trường
Ngàn năm nước đổ về miền biển khơi
Lửa tinh đẩu không sáng trời vũ trụ
Đường chim bay khuất dấu một thời gian
Ta với không gian muôn hình ảo tưởng
ngất ngưởng ngàn thu
chờ nghe sóng đổ
Lạc cánh sao sa trở giấc mê hồ.

gã tư mã

xếp al capone

(V)

TRUYỆN DÀI

Trường-Sơn
Lê Xuân Nhị

Chương 53

Từ thuở còn nhỏ, Bill Thompson, đương kim thị trưởng của thành phố Chicago hiện thời vốn là một con người rất... làm biếng. Cái tính làm biếng, không hiểu có tính chất di truyền hay không, nhưng người ta thường thấy đa số những đứa bé lớn lên trong các gia đình vương giả giàu có đều mắc phải tính xấu này. Một điều lạ lùng là, trái ngược với những đứa bé làm biếng, bố mẹ chúng nó thường lại là những kẻ chân chỉ hạt bột, những người làm việc từ 18 đến 20 giờ một ngày, bỏ cả ăn ngủ, quên cả nghỉ ngơi. Gia đình của Bill Thompson thuộc vào hạng này.

Tuy làm biếng thúi thây ra nhưng cậu bé Bill lại học hành giỏi dắn nhờ hai yếu tố. Yếu tố thứ nhất do Bill là một đứa bé khá thông minh và yếu tố thứ hai vì ông bố Bill là người ký ngân phiếu "cực kỳ lớn" tặng nhà trường vào các dịp lễ lạc. Bắt đầu từ tiểu học, lên đến trung học rồi cuối cùng là đại học, hễ trường nào có công nuôi nấng và dạy dỗ thằng bé Bill nên người thì trường đó sẽ được tặng một cái thư viện khổng lồ. Dĩ nhiên, thư viện đó phải mang tên Thompson nhưng chuyện này không quan trọng gì đối với các ngài hiệu trưởng. Miễn nhà trường có cái thư viện ngon lành là tốt, còn nó mang tên gì cũng được.

Được bố mẹ "lo lắng" đến học vấn" của con kỹ đến vậy thì chả trách gì vào năm 26 tuổi, dù rằng suốt thời gian ở nhà trường, tối nào cậu cũng đi chơi với đào và cuối tuần nào cũng nhậu say túy lúy, Bill Thompson đỗ bằng tiến sĩ Luật. Tuy Bill đỗ hạng áp chót nhưng đối với bố mẹ của Thompson, chuyện này không quan trọng. Con nó đỗ tiến sĩ luật là được rồi, còn đỗ hạng thứ mấy cũng được.

Ngay từ lúc cậu con Thompson chưa đỗ, bố mẹ Thompson đã có sẵn một tương lai sáng rỡ cho con mình. Ông bà tính, sau một thời gian để cho nó hành nghề luật lấy chút ít kinh nghiệm và tiếng tăm, nó sẽ được nhận vào làm phụ tá biện lý cho chính phủ. Mà phải là biện lý của toà án liên bang kìa, ba cái toà hoà giải vớ vẩn của thành phố thì dẹp đi, khỏi cần nhắc tới. Ba cái vớ vẩn đó để dành cho bọn luật sư xuất thận con nhà nghèo chúng nó tranh cử với nhau. Dòng giõi danh gia thế phiệt như Bill Thompson không thuộc hạng đó. Sau đó, chắc chắn, lâu lắm là chừng 5 năm, nó sẽ được cất nhắc lên làm biện lý. Sau đó nữa, nó sẽ được làm ông toà. Khoảng chừng bốn mươi tuổi thì cho nó mặc áo thụng đen ngồi ghế quan toà là vừa rồi. Sớm hơn nữa mặc áo này coi không có uy, bố của Bill thường nói với con như vậy. Và sau ông toà, lạy Chúa, chỉ có Chúa mới biết thằng con Bill tài giỏi của con sẽ leo tới cái chức gì. Chức thống đốc tiểu bang hay chức tổng thống Hoa Kỳ cũng không phải là quá cao đối với một kẻ tài giỏi như nó.

Dĩ nhiên, nếu thằng Bill là tổng thống thì nhất định nó phải là tổng thống của đảng Cộng Hòa, vì dòng họ nhà Thompson xưa nay toàn thuộc đảng Cộng Hoà. Hiện thời, bố Thompson là chủ tịch đảng Cộng Hòa của Chicago. Bố làm chủ tịch đảng Cộng Hoà địa phương, con vào đảng Dân chủ thì coi sao được? Bố thì trung thành và hăng say như vậy nhưng đối với cậu con, nhà luật sư trẻ tuổi Bill thì đảng nào cũng như đảng nào hết. Đảng nào cũng được lập nên để kéo bè kéo nhóm ăn nhậu và bảo vệ quyền lợi của nhau. Cộng Hoà nghe cũng êm tai mà Dân Chủ nghe cũng ngọt ngào, miễn sao nó phải là một cái thang cho mình tiến thân, hốt bạc và ăn chơi. Dân Chủ hay Cộng Hòa gì thì cũng là một cái danh từ không quan trọng.

Do sự sắp đặt của bố, chỉ sáu tháng sau ngày ra trường, nhân một buổi họp mặt chính trị có nhiều chính khách của đảng Cộng Hoà từ khắp nơi trên nước Mỹ về dự, dĩ nhiên là phải có những khuôn mặt quan trọng, những quan toà lừng danh từ Hoa Thịnh Đốn xuống, bố Bill Thompson làm lễ "rửa tội" cho thằng con trai vào đảng Cộng Hoà. Bill được đưa đi bắt tay từng ngài chính khách một, trước là để làm

quen, sau đó là để gởi gấm.

Lễ "rửa tội" vào đảng coi như thành công hoàn toàn. Ai cũng khoái thằng bé nhà Thompson. Nó đẹp trai con nhà giàu, ăn nói hoạt bát, đàn bà con gái cứ bu quanh lấy thằng bé. *"Typical Repuplican white boy. Superb future"*, ai cũng trầm trồ khen ngợi như vậy.

Chỉ một tháng sau đó, Bill thi lấy bằng hành nghề luật sư của tiểu bang và đậu dễ dàng. Xưa nay, có người thí sinh nào nhận được đề thi một tháng trước khi thi mà lại chẳng đậu dễ dàng?

Có bằng hành nghề rồi thì nhà luật sư trẻ tuổi Bill Thompson được ngay một hãng luật lớn nhận vào làm. Mới đầu là phụ tá rồi sau đó là luật sư thực thụ.

Khỏi cần phải nói, với sự thông minh trời cho, cộng thêm cái uy tín của bố và cái thế lực chính trị của gia đình, Bill Thompson chẳng bao lâu trở thành một luật sư nổi tiếng, dù rằng đích thân mình ít khi có mặt tại toà án mà chỉ thường xuất hiện ở các chốn ăn chơi, các sân đánh gôn, và các buổi họp mặt chính trị.

Và càng nổi tiếng thì cậu Bill Thompson càng... làm biếng. Sự làm biếng này không phải không có lý do. Trước hết, nhân sinh quan của Bill, con người sinh ra để hưởng thụ. Khi mình chưa nổi tiếng thì phải chịu khó... chút chút, nhưng khi nổi tiếng rồi thì tội gì lại phải vào sở lúc 5 giờ sáng, vùi đầu trong núi giấy tờ, ôm cặp táp chạy ra chốn pháp đình để cãi lộn, rồi lại trở về sở vùi đầu tiếp tục cho đến nửa đêm mới bỏ sở ra về. Đối với nhiều luật sư khác ở nước Mỹ thời ấy, đó là một cái giá phải trả cho sự thành công nhưng với Bill thì không. Nổi tiếng thì tốt nhưng phải trả bằng giá đó thì hơi ngu!

Mấy năm đầu Bill Thompson còn hơi bận rộn với công việc một chút, nhưng càng ngày thì càng trở nên bê bối. Nhà luật sư trẻ tuổi chỉ thỉnh thoảng mới ló đầu vào sở một lần cho có mặt. Trong hãng, chẳng ai dám phiền trách sự vắng mặt này. Chính ông chủ lại còn khoái như vậy hơn là đằng khác, bởi vì, nhiều khi, một vụ án kéo dài hàng hai ba năm có thể giải quyết dễ dàng chỉ trong vòng năm phút bên cạnh một ly Cognac với ông chánh án ở bàn rượu... Hệ thống tư pháp Hoa Kỳ là một hệ thống tuyệt hảo và trong sạch nhất thế giới, nhưng lâu lâu không tránh khỏi những con sâu làm rầu nồi canh như vậy. Chính nhờ những cuộc ăn chơi ở thời gian này mà Thompson mới từ từ khám phá ra một bí ẩn khác của thế giới chính trị Hoa Kỳ: Mỗi một chính trị gia luôn luôn có một cuộc sống riêng tư, khác hẳn với đời sống mà công chúng biết đến. Đời sống riêng tư này, với một số rất ít, là gia đình, là nhà thờ, là học đường; nhưng với đa số, là động điếm, là nhà thổ, là ăn nhậu, là ngoại tình, là hút sách, và cuối cùng, quan trọng nhất và tai hại nhất, là chia chác quyền lực với nhau.

Theo đúng như sự xếp đặt của bố, năm năm sau, Thompson được cất nhắc lên làm phụ tá biện lý, rồi sau đó là biện lý. Bây giờ, thiên hạ không còn gọi Bill Thompson là Bill nữa mà là ngài biện lý Thompson.

Năm Thompson gần 40 tuổi, vào cái lúc ông bố đã dự tính để vận động cho Thompson lên làm quan toà thì xui xẻo thay, người ngồi trong toà Bạch Cung lúc ấy lại là một "thằng" Dân Chủ cà chớn. Tuy vậy, với uy tín và thế lực của giòng họ Thompson, vẫn có người bấn tiếng cho ông bố Thompson biết rằng nếu cháu nó chịu "xé thẻ đảng" đi để gia nhập đảng "Dân Chủ của nhân dân" thì Tổng thống Wilson sẽ có cái nhìn "cởi mở" hơn với lá đơn đề nghị của bộ Tư Pháp. Còn lâu! Sức mấy! Gia đình Thompson này sống là đảng viên đảng Cộng Hòa thì chết đi cũng làm ma Cộng Hòa, bọn Dân Chủ cà chớn chúng bay làm sao thay đổi được "quan điểm chính trị" sắt son đã có từ bao nhiêu đời của gia đình Thompson được! Ông bố của Bill Thompson bảo với người sứ giả như vậy. Ông còn tiên đoán thêm rằng kỳ tới, sẽ có một "Ông Cộng Hòa" ngự trong toà Bạch Cung. Lúc đó, ông cho thằng con trai lên làm quan toà cũng chưa muộn. Ông có thì giờ, ông còn chờ được.

Ông bố Thompson cứng cựa như vậy nhưng cậu con Thompson lại khác. Cậu Bill khôn hơn cha. Nhờ giao thiệp nhiều, cậu biết sau kỳ này, đảng Dân Chủ sẽ còn ngự trị trong toà Bạch Cung ít nhất là 4 năm nữa. Nếu cậu cứ nghe lời cha mà chờ thì chắc đến năm 50 tuổi mới có hy vọng được mặc áo thụng đen. Ối trời đất, 50 tuổi mà mới được làm quan toà thì chừng nào mới được làm thống đốc, và chừng nào mới được ôm mền chiếu vào ngủ trong toà Bạch Cung? Tệ hơn nữa, Bill Thompson đã ngán cái nghề biện lý lắm rồi. Lúc làm luật sư thì Thompson rất làm biếng nhưng khi ngồi ở ghế công tố viện đại diện chính phủ thì cậu lại hăng tiết vịt vô cùng. Hăng tiết vịt đến nỗi khám đường Chicago chật cứng, người ta đang tìm cách xây thêm khám đường mới.

Chẳng cần suy nghĩ lâu, khi nghe bố báo tin như vậy thì Thompson tự có quyết định cho mình liền. Cái "thẻ đảng" Cộng Hoà là cái chó gì mà không vất nó đi để leo lên cái ghế quan toà mà ngồi ? Đừng nói gì đảng Dân Chủ, nếu vào đảng Sa Tăng hay đảng Cộng Sản mà được làm quan toà thì Thompson cũng sẵn sàng tuyên thệ để xin vào.

Tuần sau, ông bố Thompson gần té xỉu nơi bàn ăn khi nhìn thấy tờ *Chicago Tribune* đăng tin và chụp hình thằng con nghịch tử tuyên bố ly khai đảng Cộng Hoà để kết nghĩa với đảng Dân Chủ. Chuyện này chưa hề xảy ra trong gia đình Thompson. Táo bạo hơn, thằng con chẳng cần giấu giếm cái tham vọng thầm kín của mình: "Tôi muốn vào đảng Dân Chủ để tiến thân. Tôi muốn được Tổng Thống cứu xét cái đề nghị cho tôi làm quan toà của pháp đình liên bang." Chính câu nói tai hại này đã làm cuốn bay cái thang danh vọng mà Bill đang chập chững leo lên, đổ hẳn xuống vực sâu.

Từ lúc thành phố Chicago được

thành lập, chưa bao giờ đảng Cộng Hoà bị một vố đau và nhục như vố này. Việc "phản đảng" của thằng biện lý trẻ tuổi chấn động đến tận Hoa Thịnh Đốn rồi từ đó lan ra khắp lục địa Hoa Kỳ. Và báo chí toàn quốc, đang đói tin tức, lập tức ào ào nhảy vào vòng chiến... Lạ lùng thay, người bị đập đầu tiên không phải là thằng con mất dạy của gia đình Thompson, cũng chẳng phải ông bố đầy uy quyền, mà lại là ông tổng thống đang ngồi thù lù ở toà Bạch Cung cách đó cả ngàn dặm, người chẳng có ăn nhậu gì đến vụ phản đảng bất tử của một thằng biện lý đầy tham vọng vô danh tiểu tốt. Báo chí tố cáo tổng thống đặt nặng quyền lợi đảng phái cao hơn quyền lợi quốc gia. Rằng một người có tài thì phải được trọng dụng, chẳng cần biết nó là Dân Chủ hay Cộng Hoà. Thậm chí có tờ còn kêu gọi làm một cuộc điều tra để làm sáng tỏ vụ này.

Chiều hôm sau, toà Bạch Cung họp mật để tìm giải pháp. Có liền. Ngày hôm sau, tham mưu trưởng của Tổng Thống cho biết cái vụ ông gì đó tuyên bố ra khỏi đảng của ông ta là chuyện riêng của ổng, và nhấn mạnh hai lần rằng không phải hễ cứ ra khỏi đảng là được làm quan toà đâu, chớ có tưởng bở. Tổng thống lựa chọn người trên tài năng chứ không phải trên đảng tịch. Vài ngày nữa, để chứng tỏ "thiện chí" của mình, tổng thống bổ nhiệm luôn một ông toà là người của đảng Cộng Hòa.

Báo chí xìu liền nhưng vẫn để ý theo dõi. Và tổng thống giữ lời hứa. Hồ sơ của "quan toà" đầy hứa hẹn Bill Thompson ở bộ Tư Pháp bị vất mẹ nó vào sọt rác. Các nhân viên dưới quyền tổng thống trong bộ bị cấm chỉ không được mở miệng nhắc đến cái tên Thompson hôn ám từ đó. Đối với Hoa Thịnh Đốn, cuộc đời chính trị của Bill Thompson chấm dứt từ đây.

Lúc vụ ly khai đốn mạt của thằng con vừa chìm xuồng thì ông bố Thompson buồn quá, bị đứt gân máu não bộ phải đưa vào nhà thương điều trị. Hễ mê sảng thì thôi nhưng tỉnh lại thì ông cứ réo tên thằng con trai ra mà chửi. Nó xin vào gặp ông cũng không cho và cuối cùng, ông nhắm mắt kết liễu cuộc đời "vì con" của mình trên giường với vợ con và anh chị em của Bill nhưng không có Bill. Đám tang của ông Thompson đều có đầy đủ văn võ bá quan của Cộng Hoà đi dự nhưng tuyệt không có ai thèm đến bắt tay cái thằng nghịch tử. Đảng Cộng Hoà địa phương cũng không quên chuyện phản bội một cách dễ dàng. Áp lực từ nhiều nơi bắt đầu đổ xuống ông biện lý. Những chuyện chẳng ra gì ngày xưa cũng trở thành một "vấn đề" để các quan chức nhà nước thắc mắc. Đảng Cộng Hoà xưa nay vốn là một đảng của người giàu, có nhiều tờ báo trong tay. Khỏi cần phải nói, chúng nó huy động lực lượng, đưa cả một đạo binh ký giả ra bao vây lấy Thompson để "đập chết mẹ" thằng phản bội. Một người bình thường không có tội lỗi gì mà khi bị ký giả ghét còn có thể bị chúng nó biến thành quỷ Sa Tăng huống gì một ông luật sư con nhà giàu vốn dĩ có một cuộc sống bê bối như Thompson. Chúng nó đã muốn bươi ra thì chỉ còn nước chết.

Chỉ vài tuần sau, dân chúng Chicago bỗng đọc được nhiều chuyện ăn chơi, chuyện trác táng kỳ lạ, chuyện tình bê bối của ngài biện lý. Đây là những chuyện thuộc về đời tư thôi, không có gì phạm pháp hay trái luật cả nhưng ai đọc cũng thấy đỏ mặt.

Thompson bắt đầu thấy thấm đòn thù của đảng Cộng Hoà... Mỗi buổi sáng, ông biện lý ngồi giở chồng báo đọc những bài viết nói về mình và có cảm tưởng như mình là một tội nhân đang bị chúng nó xử tử bằng cách lăng trì. Cứ mỗi sáng khi giáo đường Grand Cathedral của thành phố gieo một hồi chuông đánh thức thành phố dậy thì chúng nó lại xuống đao, lóc của mình mất đi một miếng thịt.

Vài ngày sau, một buổi chiều, biện lý Thompson đang ngồi trong phòng thì một cú điện thoại gọi tới. Người đầu dây bên kia cho biết nếu muốn tồn tại thì nên từ chức gấp. Nó còn nói thêm rằng rằng cú điện thoại này là cú điện thoại... ân tình. Nó cắt nghĩa, vì chút ít tình nghĩa với ông cụ thân sinh ngày xưa, không muốn cho thằng con vào nằm nhà đá cho nên nó mới gọi tới để khuyên bảo đôi điều khôn ngoan. Nó cho biết, những điều mà báo chí chúng nó đăng xưa nay chỉ là chuyện cá nhân, nhưng bắt đầu ngày mai, sẽ tới chuyện mua bán bằng cấp, chuyện ăn tiền, chuyện... đủ thứ. Và những chuyện này nếu được phun ra thì chắc chắn sẽ được coi như là những tội phạm và sẽ bị truy tố theo luật định.

Thompson gật đầu, giọng nghẹn ngào, hai hàng nước mắt chảy xuống cặp má hốc hác của người đang thất thế:

- Ông đang nắm... hai hòn dái tôi. Ông nói gì mà tôi không chịu làm.

Gác điện thoại lên giá, Thompson lấy tờ giấy trắng viết 3 chữ "Tôi từ chức" để lên bàn rồi bước ra khỏi văn phòng biện lý. Bước mau như bị ma đuổi và chẳng bao giờ trở lại nữa.

Lúc ấy, ở Chicago, ai cũng nói rằng sự nghiệp chính trị huy hoàng của Bill Thompson chấm dứt tại đó. Tội nghiệp, chuyện đời thật khó mà lường trước được. Một ngôi sao mới cách đó chừng vài tháng đang còn sáng chói, ai cũng tưởng tương lai sẽ còn chói lọi hơn nữa nào ngờ chỉ một câu tuyên bố hớ hênh với báo chí mà thành thân bại danh liệt. Thật ra nếu lúc ấy, Thompson chỉ cần tuyên bố rằng tôi bỏ đảng vì thấy đường lối đảng không còn thích hợp với lòng dân thì giờ này chắc chắn là đang mặc áo đen trịch thượng ngồi cầm búa gõ ở ghế quan toà liên bang rồi.

Thompson nhớ mãi cái bài học quý giá này. Ai mà quên nổi bài học đau đớn như vậy?

Trở lại với thế giới luật sư dân sự, Thompson nhận ra rằng mình khó mà có thể cạnh tranh với cái đám đồng nghiệp ngày xưa. Bao nhiêu

năm ngồi ở ghế công tố viện của chính phủ, Thompson chỉ biết chỉ tay năm ngón, việc gì cũng giao cho phụ tá lo hết, còn mình thì chỉ xuất hiện cho có lệ, ký vài ba cái văn thư rồi dọt lẹ nên cái đầu đã trở nên lú lẫn. Cái đầu này chỉ làm việc cho chính phủ thì được chứ không thể phục vụ cho ai được cả. Mới đầu, Bill cũng nhận được vài vụ tranh cãi nhưng vụ nào cũng thua sát ván.

Thua vì Bill dở cũng có mà vì tội phản đảng cũng có. Quan toà nào nhìn thấy cái mặt thằng phản bội thì cũng muốn xử cho nó thua hết. Tiếng dữ đồn đi rất mau, thiên hạ bắt đầu sợ cái tên Thompson. Văn phòng của nhà luật sư trở nên vắng vẻ từ đó. Chán đời, Thompson đóng cửa văn phòng và bỏ đi du lịch Âu Châu.

Người ta nói ăn rồi ngồi không thì của núi cũng lở huống gì gặp một tay ăn chơi bạt mạng như Thompson thì núi càng đổ mau hơn nữa. Chỉ trong vài năm, số tiền bạc kiếm được bao lâu để trong nhà băng chấp cánh ra đi hết. Thompson chỉ trở về lại Chicago khi hay tin mẹ qua đời. Trở về trong một hình thể tiều tuỵ và không còn một xu dính túi.

Mặc đồ đen cúi đầu đi bên quan tài của mẹ mà Thompson nào có nghĩ đến mẹ? Hắn chỉ nghĩ đến tờ di chúc cuối cùng mà lát nữa đây, sau khi chôn cất xong, luật sư sẽ đem ra đọc cho mấy anh em nghe.

Kết quả cũng không tệ lắm như Thompson dự đoán. Nhà có bốn anh em, của cải được mẹ cho chia ra làm bốn phần đều nhau. Thompson dàn xếp với mấy em để lấy cái căn phố ở khu thị tứ Chicago mở văn phòng luật sư trở lại. Chuyện này cũng dễ dàng thôi vì anh em Thompson xưa nay vốn rất rộng rãi với nhau. Tuy nhiên, ngoại trừ căn nhà ngoài phố đó ra, Bill Thompson không còn hưởng thêm một cái gì cả. Bọn em út còn nhắc nhở, nếu không nhận được giấy mời, chớ có về nhà.

Cũng chịu thôi. Mình làm anh lớn mà sống không nên người để cho em út chúng nó cư xử như vậy thì cũng phải. Thompson ôm cặp táp bước ra khỏi nhà. Đói quá thì đầu gối phải bò, dù biết mình chẳng còn chút uy tín gì nữa, Thompson vẫn treo bảng hiệu để hành nghề. Nhưng hoạ vô đơn chí, treo bảng được mấy ngày, khách đâu chẳng thấy tới mà một ngày, Thompson đang ngồi ngáp vặt trong văn phòng thì có một thằng cô hồn xuất hiện. Mới đầu, nhà luật sư đói khách mừng quýnh lên, tưởng thân chủ đến thăm nhưng nhìn thấy bộ mặt hung ác đầy những sẹo và ánh mắt toé lửa của nó thì Thompson mới biết là mình lầm. Nó không phải là thân chủ mà chính là thằng tội nhân mà mình đã nhét nó vào nằm trong nhà đá 10 năm trời hồi còn làm biện lý. Tội của thằng này cũng chẳng có gì quá đáng, nó mang dao đi ăn cướp và bị chống cự, nó đánh dập mặt một thằng và đâm lủng bụng một thằng khác. Không có người chết, cả hai nạn nhân vô nằm nhà thương vài ngày rồi ra liền.

Tội này cứ theo sự thường thì lãnh cỡ từ 2 đến 5 năm là vừa, nhưng gặp phải tay nhà biện lý trẻ tuổi Bill Thompson thì nhà biện lý trổ hết tài hùng biện ra để buộc tội và cuối cùng xin một cái án tối đa để dằn mặt những thằng khác. Ai cũng hiểu lúc ấy, ngài chẳng cần dằn mặt ai, ngài chỉ muốn nổi tiếng và muốn lấy cảm tình dân chúng Chicago thôi nhưng chẳng ai tiện nói ra. Chính trị thường có những bề trái oan khiên như vậy.

Gặp quan toà cũng là chỗ quen biết lớn, thường ăn nhậu với nhau vào dịp cuối tuần cho nên quan chẳng ngần ngại mà tặng cho nhà biện lý một bản án 10 năm như ý muốn. Thompson còn nhớ, buổi chiều hôm đó, nhà biện lý trẻ tuổi còn tuyên bố với báo chí một câu xanh dờn: "Dân dao búa Chicago phải lấy chuyện này làm gương. Lần sau, cứ hễ phạm pháp vào đây gặp tay tôi, nếu tôi không lấy được cái án 10 năm thì tôi xin từ chức Công Tố Viện Liên Bang."

Luật sư Thompson toát mồ hôi trán và nghĩ thời gian 10 năm trôi qua mau thật. Dù đang vãi đái trong quần nhưng hắn vẫn làm bộ không còn nhớ chuyện xưa, đứng lên giơ tay ra cười cười:

- Hân hạnh được gặp ông, tôi có thể giúp gì được ông không?

Cái thân hình hộ pháp không thèm trả lời, lầm lì bước từng bước một nặng nề tới trước bàn giấy của Thompson rồi đứng yên một đống ở đó. Thompson ngồi yên nhìn sững nó một lúc rồi nuốt nước miếng, nói vọng vào trong thật lớn:

- Ê trong nhà, tụi bay đứa nào rảnh ra đây pha cà phê cho khách.

Thằng hộ pháp chẳng thèm nói gì, vẫn đứng yên, hai mắt nhìn nhà luật sư như đổ lửa. Nó dư biết trong nhà làm chó gì còn có người nào khác mà gọi. Nó biết rõ vậy vì trước khi vào đây, nó đã bỏ ra mấy ngày để theo dõi và nghiên cứu. Chẳng qua đây chỉ là một đòn tâm lý thôi mà.

Thấy chẳng có ai trả lời, Thompson liền đứng dậy, càu nhàu:

- Tụi bay sao mà chậm chạp quá, để tao vào coi sao...

Vừa nói, nhà luật sư vừa lách người toan bước đi nhưng chưa được hai bước thì đã bị bàn tay thằng hộ pháp chụp cứng vào vai. Hai bàn tay nó như hai cái kềm sắt, kẹp vào chỗ nào thì chỗ đó coi như khỏi có thoát ra được. Cái miệng thịt bấy giờ mới lên tiếng:

- Đù mẹ tính trốn hả? Làm đéo gì có người trong đó mà đi kiếm.

Nói xong, nó đẩy ngược một cái. Nhà luật sư ngã ngược trở lại, rớt chính xác ngay trên chiếc ghế của mình. Chiếc ghế cùng ngài luật sư dội ngược ra sau va vào tường đánh rầm một phát.

Bây giờ thì Thompson kinh hoảng thật sự. Nó ăn nói và hành động như vậy thì nó không phải đến đây để mướn luật sư mà để làm chuyện gì khác. Và tệ hơn, nó đã để tâm rình và biết hết đường đi nước bước của mình rồi. Thompson chỉ còn đủ can đảm để nghĩ tới đó thôi, không dám nghĩ thêm chuyện gì khác nữa.

Thằng hộ pháp như hiểu được sự tuyệt vọng của ngài cựu biện lý. Nó đứng yên nhìn nạn nhân như con

mèo đứng ngắm con chuột trước khi vồ. Và sau câu chửi lúc nãy, nó không thèm nói thêm một lời nào nữa.

Thompson lấy hết can đảm, nở một nụ cười cầu tài:

- Ông có cần chi không? Tôi có thể giúp ông gì không? Mời ông ngồi.

Thằng hộ pháp vẫn đứng yên nhìn xuống. Nó làm như không hiểu được tiếng Ăng Lê.

Thompson lại nói:

- Mời ông ngồi.

Thằng hộ pháp chẳng thèm ngồi, cũng chẳng thèm nói năng gì, cứ đứng như trời trồng. Hình như nó đang chờ đợi một cái gì đó mới chịu lên tiếng. Cứ như vậy cỡ chừng năm phút, luật sư Thompson mới lắc đầu, mếu máo nói:

- Thưa, tôi biết ông là ai rồi. Tôi hối hận vô cùng. Hồi đó, tôi còn trẻ, tôi ngu, ông thông cảm.

Bấy giờ, cái miệng thịt của thằng hộ pháp mới chịu vén lên, nhe hàm răng đẩy ra một tràng cười sảng khoái, nhưng nghe rất man dại:

- Ra bây giờ mày mới chịu mở miệng.

Thompson chớp mắt, lắc đầu:

- Tôi hối hận lắm. Lúc ấy tôi còn trẻ.

Thằng hộ pháp ngưng cười, quơ tay bắt cái ghế rồi ngồi ngay trước mặt nhà luật sư, hỏi nhẹ nhàng:

- Thưa nhà luật sư cựu biện lý, nhà luật sư cựu biện lý có biết là tôi chờ đợi giây phút này bao nhiêu lâu không?

Thompson biết cuộc đời mình đến đây là hết, trả lời hết sức nhẹ nhàng:

- Tôi hiểu.

Đột nhiên thằng hộ pháp vung tay đập bàn rồi quát lên như sấm:

- Trả lời ngay lập tức, bao nhiêu lâu?

Thompson co rúm người lại, nói mau như một cái máy:

- Thưa... mười năm.

Mặt thằng hộ pháp tự nhiên trùng xuống, nó gật gù:

- Phải. *Ten fucking years!* Mười năm đau đớn, mười năm đốt cháy cuộc đời, mười năm không thấy ánh sáng mặt trời, mười năm không biết được cái đùi con đàn bà nó êm ái ra làm sao...

- Thưa, tôi chỉ làm bổn phận... tôi hối hận lắm, ông thông cảm cho tôi.

Trước con mắt kinh ngạc của Thompson, thằng hộ pháp bỗng đưa hai tay chùi... nước mắt. Ôi trời đất! Hạng người như thằng này mà còn khóc được thì mình... chết cũng phải.

Rồi nó bật khóc lên hu hu:

- Mười năm! Mười năm, mười năm qua, mỗi tối, tao đã giết mày mỗi ngày một lần...

Thompson nín thở. Thằng hộ pháp đột nhiên nín khe. Nó nín bất chợt cũng như lúc bật khóc.

- Nhưng, số mày chưa chết. Một tuần lễ trước khi ra khỏi nhà tù thì tao thay đổi ý kiến.

Vậy là mình còn sống được rồi, Thompson cảm thấy hơi mừng mừng nhưng chưa biết nó còn giở trò gì nữa. Thằng hộ pháp tiếp:

- Tao sẽ không giết mày nữa. Mày biết vì sao không?

- Thưa không!

- Có hai chuyện. Trước hết, tao không muốn vào tù trở lại. Tao còn vợ con, tao muốn sống hết quãng đời còn lại bên vợ con tao.

Thompson cố giấu tiếng thở phào nhẹ nhõm:

- Còn chuyện thứ hai?

- Trước sau gì thì mày... cũng chết. Trong nhà tù tao ở, có khoảng hơn một chục đứa muốn giết mày. Một ngày rất gần đây sẽ có thằng bầm mày ra như cám. Biết vậy tại sao tao lại phí công giết mày làm gì kìa?

Tiếp theo câu nói là một tràng cười man dại. Thompson nghe vậy thì tái mặt lại. Thằng tù này không phải là không có lý. Gần mười năm ngồi ở ghế công tố viện, từ phó biện lý rồi lên đến biện lý, không biết bao nhiêu thằng đầu trộm đuôi cướp đã vào tù vì mình. Hồi đó, mình đâu bao giờ ngờ được rằng đời mình rồi sẽ có một khúc rẽ thê lương như ngày hôm nay.

Tiếng cười man dại tiếp tục nấc lên từng hồi:

- Ha ha, mười năm tù dạy cho tao được nhiều chuyện. Một trong những chuyện đó là đừng bao giờ làm chuyện gì mà mình biết sẽ có người làm. Mày hiểu ý tao nói không?

Đang cười ngon lành, đột nhiên nó thò tay ra chụp cứng lấy cổ áo nhà luật sư, kéo tới gần sát ngay mặt mình. Cặp mắt nó long lên, ngầu đỏ:

- Tao không giết mày nhưng tao cần mượn chiếc xe của mày và một ít tiền để làm lộ phí về nhà. Tao chắc mày không từ chối. Bắt đầu là 1000 đô la thôi.

Thompson sùi bọt mép để rán cắt nghĩa cho thằng tù hiểu về sự túng thiếu của mình nhưng nó nào chịu nghe. Nó buông tay Thompson ra, nhìn dớn dác rồi hăm doạ:

- Cái văn phòng này mà bị đập phá thì tiền sửa chữa chắc cũng lên đến vài ngàn. Tao nhượng bộ, chỉ đòi năm trăm thôi, mày nghĩ thế nào? Thompson kéo hết hộc bàn, móc hết túi ra chỉ có được vài đô la, đưa hết cho thằng tù:

- Tôi nói thật, tôi chỉ còn có bấy nhiêu thôi.

Thằng hộ pháp gầm lên:

- Tiên sư cha thằng luật sư bẩn thỉu dơ dáy. Bọn mày hễ mở miệng ra thì than nghèo than đói mà đứa nào cũng nhà cao cửa rộng, vợ đeo đầy hột xoàn và kim cương. Để tao coi thử mày lì tới mức nào cho biết.

Thằng hộ pháp đứng lên tiến tới cái tủ sách đằng sau lưng Thompson. Nó thò tay hất mớ sách luật dày cộm ở trên kệ cho đổ xuống nền nhà từng cái một:

- Mày không đưa tiền thì tao quẳng hết mớ sách luật này của mày vào cầu tiêu. Mớ sách này mà mua lại chắc cũng bộn bạc...

Thompson hãi quá nhưng chẳng biết tính sao! Giá như hắn có tiền thì hắn đã thí vài trăm bạc để nó đi khuất mắt cho rồi. Cứ để nó đùa cái điệu này thì bộ sách luật vô giá của tổ tiên chắc sẽ bị tàn phá chẳng còn một cuốn. Đau lòng quá mà chẳng biết làm sao, Thompson đứng dậy, toan đưa tay ra tay ngăn cản nhưng

chưa kịp làm gì cả thì đã bị thằng hộ pháp bất ngờ xoay người lại, vung tay quại ngay một cú đấm vào hàm té chúi nhủi xuống sàn nhà. Thompson không còn nhớ lần cuối cùng mình bị người ta giộng cho một cái đau như thế này là hồi nào. Lâu lắm rồi, có lẽ cách đây trên 30 năm, lúc mình còn là một thằng bé tiểu học đi đánh nhau. Tuy c: xa đến 30 năm nhưng mùi vị của máu trong miệng thì lúc nào cũng giống nhau. Nó mặn mặn, chát chát và sền sệt.

Nhà luật sư cựu biện lý lồm cồm bò dậy, rút khăn tay ra lau miệng. Một tấm danh thiếp trong túi theo chiếc khăn tay rớt ra ngoài... Thompson lượm tấm danh thiếp lên toan cất vào túi nhưng tò mò đọc liếc qua một cái. Cái tên trong tấm danh thiếp làm Thompson tỉnh hẳn người. Tỉnh hẳn người và nẩy liền ra một kế. Hắn đứng dậy, từ từ tiến tới gần thằng hộ pháp, cất giọng rất tự tin, sang sảng:

- Ông bạn, tôi có thể là một người sa cơ nhưng tôi còn có một người bạn. Và người bạn tôi nếu biết việc làm này của bạn thì hắn sẽ không tha thứ cho bạn.

Sự bình tĩnh sau khi bị ăn... cú đấm của Thompson làm thằng hộ pháp hơi chột dạ. Đù mẹ, bình thường, thằng nào đã bị ăn đấm của mình như vậy thì nó nhất định phải đứng xa mình cả cây số mới dám nói chuyện, thằng này chẳng những không vậy mà còn tiến tới gần thì nhất định là có chuyện rồi. Nó dừng tay quay lui, chờ đợi.

Thompson tiếp tục bước tới gần thằng mất dạy, một tay bụm cái miệng đầy máu, tay kia chìa tấm danh thiếp ra:

- Người bạn tôi mà biết được chuyện này thì ông khó mà sống.

Thằng hộ pháp nhìn vào tấm danh thiếp thì cái vẻ hung dữ trên mặt hắn biến mất liền lập tức, khuôn mặt từ từ trở nên dịu lại. Và cuối cùng thì một nụ cười cầu tài nở trên khuôn mặt nó.

Tấm danh thiếp chỉ vỏn vẹn ghi mấy hàng chữ đơn giản: "Alphonse Capone, Chuyên Mua Bán Bất Động Sản."

Trong cái thế giới đẫm máu của dân anh chị, vùng hoạt động không phải chỉ ở ngoài đường phố, ở trong mấy ổ điếm, mấy sòng bài sòng bạc mà còn kéo vào tới tận trong các khám đường lớn. Lý do dễ hiểu là trung bình khoảng 40 phần trăm cuộc đời của mấy ông đầu trộm đuôi cướp là ở trong tù. Dĩ nhiên, cũng như ở ngoài, xã hội tù có luật pháp riêng của tù. Cũng có giai cấp, có lãnh tụ giống y như ở ngoài. Xã hội Hoa Kỳ thời đó, các ông trùm ở ngoài thường cắt cử người nào được làm vua ở trong tù. Và khi một cuộc chiến hay một cuộc thanh toán giữa phe này và phe kia xảy ra ở ngoài thì ở trong tù một cuộc chiến tương tự như vậy cũng xảy ra. Dĩ nhiên, việc thanh toán này phải diễn ra không ồn ào, rất là giới hạn và trong vòng bí mật nhưng nhiều khi, càng bí mật thì lại càng đẫm máu.

Hồi ấy, phe của trùm Al Capone là phe mạnh nhất và tàn bạo nhất trong tù. Cho nên, vừa ra khỏi tù thì thằng hộ pháp này phải giựt mình khi nhìn thấy tấm danh thiếp của Al Capone...

"Nếu chúng nó là bạn thân với nhau thì đời mình tàn." Cái đầu thằng hộ pháp bây giờ xoay chuyển chung quanh ý nghĩ đó. Và, hễ càng nghĩ đến Capone thì cái trán đồ nhẵn bóng của nó càng toát ra nhiều mồ hôi. Tinh quái như nhà cựu biện lý thì làm gì chẳng biết cái màn này. Mình có cơ hội sống sót rồi đây, Thompson bảo thầm với lòng mình như vậy. Thực ra, Thompson chẳng có quen biết gì nhiều với Al Capone cả. Cái thế giới nhung lụa mà hắn sinh ra và lớn lên là cái thế giới thượng lưu quý phái, xa cách cái thế giới nghèo nàn của đa số dân chúng trong xã hội Hoa Kỳ thời đó. Thompson được giáo dục để lớn lên ra đời ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ. Vì thế, dưới mắt của nhà biện lý trẻ tuổi uy quyền của pháp đình liên bang, bọn ăn cướp, cho dù nó là Mafia hay là gì, cho dù nó nổi tiếng đến đâu cũng không xứng đáng để cho mình giao du. Chuyện tấm danh thiếp Capone nằm trong túi Thompson chỉ là một chuyện tình cờ, xảy ra đã lâu rồi. Hồi đó, lúc còn là một ngài biện lý uy quyền, Thompson có đóng tiền gia nhập một cái hội gọi là hội "Những người trẻ tuổi của Chicago" (The Chicago 's Young Men Club)...

Nói về sự làm việc và sự ăn chơi thì trên thế giới này, ít có ai làm việc nhiều bằng người Mỹ và cũng ít có ai ăn chơi tận tình như người Mỹ. Có tiền có bạc và có đủ thứ kỹ thuật trong tay, muốn ăn chơi cho thoả chí mà chẳng lẽ lại cứ đâm đầu vào mấy cái nhà thổ để chơi bời. Mất sướng. Đồng ý nhà thổ có cái rẻ cái sang, nhưng dù sang đến đâu thì bước vào nhà thổ cũng thấy nó ngượng ngùng, đi đứng không được tự nhiên, chỉ sợ gặp người quen hay gặp báo chí thì tàn đời. Đó là chưa kể đến những mối lo khác mà bất cứ thằng đàn ông nào đi chơi bời khi nghĩ tới cũng dựng tóc gáy là hình ảnh đang trần truồng nằm trên bụng con đĩ thì cánh cửa phòng bật tung ra, cảnh sát, hay tệ hại hơn, con vợ già ụp vào bắt quả tang.

Có tiền có bạc mà ăn chơi kiểu đó nó mất vui đi. Châm ngôn của người Mỹ là "làm việc tận lực và ăn chơi hết mình" mà. Mình có đầu óc để tổ chức những cơ sở làm ăn kiếm tới bạc triệu thì tại sao không dùng cái đầu của mình để nghiên cứu tổ chức những mục ăn chơi, tận hưởng cuộc đời? Một cuộc họp mặt để bàn về vấn đề này được các tay triệu phú kêu gọi gấp gấp. Mổ xẻ vấn đề, ai cũng thấy rằng tổ chức công việc làm ăn thì khó chứ tổ chức ăn chơi đàng điếm để qua mặt mấy con vợ ở già thì dễ ợt. Có gì đâu, việc đầu tiên là thành lập một cái hội. Mỗi người vào hội bỏ ra và ngàn đô la, sau đó đóng nguyệt liễm hàng tháng. Chừng chục người góp lại thì hội có ngay vài chục ngàn đô la trong két. Vào thời buổi đó, số tiền này đủ sức mua một căn biệt thự lớn với đầy đủ tiện nghi như hồ tắm, nhà tắm hơi, phòng nhảy đầm, phòng chơi bời v.v... Dĩ

nhiên, căn biệt thự này phải nằm trong một địa điểm tối mật, làm sao để con vợ già ở nhà và báo chí không thể biết được.

Tiếp theo, để điều hành thì cứ mướn ngay một thằng quản lý. Phải lựa một thằng kinh nghiệm đầy mình về vấn đề ăn chơi để cho nó cai quản, trả lương cho nó thật cao để nó phục vụ hết mình. Nhiệm vụ của thằng này rất đơn giản, nó chỉ có một bổn phận là làm sao bảo đảm cho hội viên luôn luôn có bia rượu và gái đầy đủ. Luôn luôn đầy đủ dù trong bất cứ trường hợp nào. Dĩ nhiên, hội quán phải được một đạo binh an ninh canh phòng rất kỹ với đầy đủ chó săn và súng ống bảo vệ.

Thế là hội The Chicago's Young Men Club ra đời. Tuy tiền nguyệt liễm đóng cao như vậy nhưng đơn xin vào nhiều đến độ ban tổ chức phải mở một màn thanh lọc. Muốn vào hội, người ta phải được người trong hội đồng tổ chức giới thiệu và phải làm một bản kê khai tài sản, nguồn gốc và gia thế của mình cho hội đồng duyệt xét.

Không biết hội được thành lập lúc nào nhưng lúc Bill Thompson còn nhỏ thì cậu bé được biết bố mình là một hội viên của hội. Và một trong những mơ ước lớn của cậu bé Thompson là được gia nhập hội sau khi thành tài. Nhưng khi ra trường và đi hành nghề luật sư, dù tiếng tăm và thế lực như vậy nhưng đơn xin vào club của Bill bị bác đi mấy lần. Mãi cho đến ba năm sau khi Thompson lên làm biện lý của pháp đình liên bang thì bỗng một ngày đơn xin gia nhập bất ngờ được chấp thuận.

Dĩ nhiên, việc thâu nhận một ông biện lý toà án vào hội không phải là không có lý do. Lý do xa, trước hết, The Chicago's Young Men Club, dù dưới hình thức nào đi nữa, thì đó cũng là một cái nhà thổ, nơi dân nhà giàu lui tới để chơi bời hợp pháp. Lý do gần là, mới đây, ông quản lý của hội vừa tiếp một đại diện của thằng Weiss, vua cờ bạc và đĩ điếm của Chicago lúc bấy giờ. Tên thằng đại diện là Alphonse Capone, mặt mày rất bặm trợn khó thương, cùng đi với một thằng mặt mày giống như quỷ sứ không ai biết tên là gì.

Dĩ nhiên, tuy mặt mày bặm trợn nhưng bước vào chốn quan quyền, Capone rất lịch sự. Nó lễ phép thông báo rằng nó chỉ mang thông điệp của ông chủ, cho biết là chúng nó vừa khám phá ra The Chicago's Young Men Club gây thiệt hại cho công cuộc làm ăn của chúng nó. Để đền bù sự thiệt hại, ông chủ nó "đề nghị" club mỗi tháng phải đóng tiền cho ông chủ. Ngược lại, chúng nó đồng ý sẽ cung cấp gái cho club mỗi ngày.

Tuy rất lịch sự và tế nhị nhưng nó cũng nói thẳng một câu: "Kỹ nghệ... đĩ điếm là của chúng tôi."

Ông quản lý cũng lịch sự tiếp đãi và hẹn sẽ cho Capone biết quyết định của The Chicago's Young Men Club.

Điều đáng nói ở đây là, thằng Weiss biết hội viên của The Young Men Club toàn là những tai to mặt lớn của Chicago, thậm chí có đến cả quan toà cùng quan xếp sòng cảnh sát nhưng kẹt một điều, hội này là hội kín lập ra để ăn chơi nên chẳng ai muốn ra mặt. Ló mặt ra là thân bại danh liệt liền. Và bọn Mafia biết rõ điều này hơn ai hết. Thế là chúng nó nhất định lợi dụng cái điểm kẹt này để đòi kiếm chác.

Tuy nhiên, găng tơ ăn tiền của đám dân đen thì dễ chứ ăn tiền của dân nhà giàu, dân có sạn trong đầu, có đầy đủ quyền uy và thế lực thì chúng nó sức mấy mà nhượng bộ? Chúng nó bàn nhau để tìm giải pháp. Họp tới họp lui, có tiền có bạc lại có thế lực thì thiếu gì giải pháp nhưng bắt đầu, người ta đề nghị lôi thằng biện lý trẻ tuổi vào để đỡ đòn. Hồi đó, Thompson là một ngôi sao đương lên của pháp đình, nổi tiếng là rất nặng tay với đám du thử du thực và rất được bọn này nể sợ. Dùng thằng biện lý trẻ tuổi chẳng mất mát gì, chỉ cần thí cho nó một cái thẻ hội viên. Nếu thằng biện lý không giải quyết được thì sẽ bàn đến giải pháp thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư v.v... Lo gì chuyện đó.

Thompson được mời tới hỏi ý kiến. Nhà biện lý trẻ đồng ý liền. Đương không được mời vào hội lại được đặc ân là không phải đóng tiền nguyệt liễm như mọi người thì còn gì bằng nữa.

Một buổi họp thứ hai với đại diện của thằng Weiss được tổ chức. Capone lù lù bước vào phòng họp để nhìn thấy nhà biện lý trẻ tuổi cũng ngồi... lù lù một đống chờ nó. Găng tơ gặp cảnh sát hạng bét là đã thấy muốn phú lĩnh, huống gì gặp phải biện lý nổi tiếng là nặng tay thì càng ngán hơn nữa. Hai người bắt đầu ngồi xuống nói chuyện nhưng ngay từ giây phút đầu tiên, Capone biết ngay là mình sẽ thua cơ thằng biện lý tinh khôn này. Mà thật, Bill Thompson hồi đó còn trẻ và ở chốn pháp đình lâu năm nên hăng tiết vịt lắm, chẳng coi bọn găng tơ này ra gì cả. Nhà biện lý phủ đầu Capone bằng một câu nói ngắn nhưng đầy đủ ý nghĩa: "Bỏ liền mấy cái vụ điên rồ này đi. Dính vào thì tao lôi hết cả lò nhà chúng mày ra toà." Capone chưa kịp trình cãi thì Bill bổ xuống thêm một nhát nữa: "Ngay nội cái vụ đi đòi tiền khơi khơi như thế này là cũng đủ ôm mười cuốn lịch rồi... Nếu muốn thì chiều nay tao sẽ cho mày vào nhà đá... đừng có giỡn mặt.

Capone là một con người sâu sắc. Xếp biết ngay là cuộc tống tiền điên cuồng này sẽ không đưa tới đâu hết. Capone hồi đó còn là phụ tá của Weiss, chỉ biết làm theo lệnh chủ. Bây giờ bất ngờ gặp một thằng biện

ĐÃ PHÁT-HÀNH

Xếp
Al Capone
IV

Giá 18 mỹ-kim (24,50GK)
Liên-lạc: Làng Văn

lý cứng đầu như vậy thì chẳng biết phản ứng như thế nào cả, ngồi yên một đống. Bắt mạch được thằng ma cô, Bill Thompson thao thao thêm một lúc nữa về sức mạnh của club và về sự điên rồ của chúng nó.

Capone ngoan ngoãn ngồi nghe và rồi nẩy ra được một ý tưởng lạ... Cái chuyện bất địa này là chuyện của thằng chủ Weiss. Nó có bất địa được cái club này một tháng thêm chừng vài ngàn thì mình chưa chắc đã có đồng nào, và không bất địa được thì mình cũng chả mất gì. Tại sao không lợi dụng cái dịp may gặp gỡ thằng biện lý trẻ tuổi này để làm quen với nó và gây thế lực. Mình đang âm mưu để lật thằng Weiss, có thêm một người bạn biện lý toà án trong tay là một chuyện rất tốt.

Capone kiên nhẫn và sốt sắng ngồi nghe hết bài diễn thuyết rồi mới lễ phép nói:

- Thưa ngài, ngài nói vậy rất phải, tôi xin nghe lời. Ông chủ tôi, Weiss quả thật là một người chẳng biết gì cả. Phải gặp như tôi là ông chủ thì tôi chẳng những đã không đòi hỏi gì nhiều mà còn tình nguyện đem gái tới dâng hiến cho quý vị nữa. Tôi biết bổn phận của chúng tôi, không phải như ông chủ Weiss nhà quê, lúc nào cũng chỉ biết có tiền và tiền.

Thompson nghe Capone nói vậy thì thấy sướng trong lòng và đâm ra hơi khoái nó. Ừ, ít ra giang hồ cũng phải có thằng biết điệu như thằng này chứ đâu phải ngu dốt như thằng chủ nó.

Lúc chia tay, Capone đưa cho Thompson tấm danh thiếp, hứa sẽ về nói chuyện [illegible] với "ông chủ ngu dốt" của mình và chân tình kính mời ngài, khi nào có thì giờ, ghé chơi thì Capone sẽ đặc biệt tiếp đãi. Thompson xưa nay vốn coi dân đầu trộm đuôi cướp chẳng ra gì nên bỏ cái danh thiếp vào túi áo rồi quên đi, chẳng bao giờ mò tới thăm Capone và cũng chẳng bao giờ gặp lại Capone cho đến ngày hôm nay, tình cờ tấm danh thiếp lọt ra ngoài giúp hắn tìm được lối thoát.

Thompson nhìn thằng hộ pháp đang cười cầu tài trước mặt mình, chậm rãi nói:

- Capone là bạn tôi, bạn rất thân...

Thằng hộ pháp tái mặt, lắp bắp xin lỗi:

- Tôi mới ở tù ra, không biết chuyện này, mong ông tha lỗi cho tôi...

Sự thể đã như thế này thì cũng đành tha lỗi cho nó cho rồi. Không tha cho nó thì biết làm gì nó đây?

- Cút cha mày đi và đừng có bao giờ trở lại...

Thằng hộ pháp ra tới cửa thì bỗng đứng lại, quay lui nói thật mau:

- Cám ơn ông nhiều lắm. Nhưng tôi có một lời khuyên thân tình... xin ông rán giữ mình... Xin Chúa gìn giữ ông...

Cánh cửa đóng lại nhẹ nhàng sau lưng nó...

Thằng hộ pháp đi rồi, Thompson vào phòng tắm rửa mặt mũi và suy nghĩ về cái tương lai đây... chết chóc của mình. Thằng tù này nói đúng. May mà nó còn biết suy nghĩ chứ nếu hồ đồ một chút thì đời mình chắc tàn rồi. Thompson lo lắng quá, mãi suy nghĩ để nước chảy xuống ướt đẫm cả ngực trước mà vẫn không hay.

Bây giờ phải làm gì đây? Nghĩ tới nghĩ lui, Thompson thấy trong mọi cách, chỉ có cách hay nhất là bán nhà bán cửa rồi bỏ xứ mà đi. Nhưng mà đi đâu? Và có đi thì biết làm nghề gì để nuôi miệng? Nghề luật sư ở Mỹ không phải đi chỗ nào cũng thực tập được vì luật lệ mỗi tiểu bang đều khác nhau. Khi đi sang tiểu bang khác và muốn hành nghề người luật sư đó phải thi lấy bằng trở lại. Và đối với Thompson thì việc thi lấy bằng là một việc bất khả. Ngày xưa mới ra trường mà thi cử còn phải nhờ bố ra tay can thiệp mới đậu nổi thì bây giờ, bỏ đèn sách đã lâu, chân ướt chân ráo tới một tiểu bang khác, không quen biết ai, không thế lực gì thì làm sao đậu nổi? Nếu ở lại thì có thể tạm kiếm ăn được nhưng chắc sống không nổi với cái đám tù nhân đầy dẫy trong khám đường liên bang. Thompson rửa mặt xong, nhìn vào gương thấy làn môi bên trên hơi sưng vếu lên, mặt mũi coi thật là tang thương thì càng thấy thấm thía cuộc đời. Mình mà còn làm biện lý thì có cho vàng thằng khốn nạn kia cũng chẳng bao giờ dám bén mảng tới. Cuộc đời chó má thật.

Lững thững trở lại bàn giấy, Thompson nới lỏng nút cà vạt, ngồi ngả người xuống ghế, đăm chiêu tư lự. Thompson ngồi ôn lại cuộc đời của mình từ lúc sinh ra, lớn lên, cho đến khi ra đời.... và tự hỏi tại sao cuộc đời của một con người lại có thể xuống dốc mau đến như thế được. Nghĩ đến đâu thì thấy đau lòng đến đó. Chao ôi, không ngờ chỉ một câu nói hớ hênh với báo chí trong một giây phút bốc đồng mà hậu quả tàn khốc đến như vậy. Thompson đưa tay lên vuốt vuốt vào chỗ cái môi vừa bị đòn. Không, không thể được. Một cú quại bằng tay sơ sơ vào quai hàm mà còn chịu không muốn nổi thì một viên đạn bằng chì vào đầu chắc là còn đau đớn hơn nhiều. Thompson chồm người tới trước bàn giấy, đưa hai tay lên chống cằm suy nghĩ. Tự nhiên, hắn lại chợt nhìn thấy tấm danh thiếp của Capone nằm yên trên mặt bàn. Thompson khựng người lại một lúc.

"Alphonse Capone, Chuyên mua bán bất động sản."

Cái tấm danh thiếp cùng những lời nói ngày nào của Capone bỗng trở về, vang lên văng vẳng trong đầu nhà luật sư tuyệt vọng: "Chân tình kính mời ngài, khi nào có thì giờ, nếu ngài ghé chơi thì Capone sẽ đặc biệt tiếp đãi." Thompson lẩm bẩm trong miệng mấy lần tiếng "Alphonse Capone, Alphonse Capone..." Kỳ lạ thay, cái tiếng Capone như có một sức mạnh lạ lùng. Càng lập lại thì Thompson càng thấy lòng mình sảng khoái, mọi lo lắng, mọi ưu phiền cùng tuyệt vọng bỗng biến đi đâu mất hết.

Ừ nhỉ, tại sao không làm thử một chuyến viếng thăm người "bạn" cũ

ngày xưa coi thử như thế nào! Có mất mát gì đâu? Hơn nữa, chính cái tên Capone này hồi nãy đã cứu mình thoát chết kia mà.

Tuy ánh sáng hy vọng vừa loé lên trong đầu nhưng Thompson vẫn còn cảm thấy ngại ngùng lắm. Câu nói ấy là một câu nói... hơi cũ, lúc Capone chỉ là một thằng Mafia vô danh, chưa có tên tuổi gì. Bây giờ, sau bao nhiêu năm, thời thế đổi thay nhiều. Capone đã thành một ông trùm giàu có và uy quyền nhất Chicago, còn mình thì tuột dốc thê thảm để trở thành một anh luật sư quèn. Không biết nó có chịu "đặc biệt tiếp đãi" mình như câu nói ngày nào nữa không? Thompson ngồi cân nhắc sự lợi hại của cuộc gặp gỡ. Xét cho cùng, mình là một kẻ cùng đường, mà một kẻ cùng đường thì chẳng có gì để sợ mất cả. Nếu nó tiếp đãi thì tốt, còn không thì mình cũng chẳng mất gì. Nhưng nếu nhìn vấn đề bằng một cặp mắt lạc quan hơn, thì dù mình đã xuống chó, dù sự nghiệp và danh tiếng chẳng còn gì nhưng mình vẫn còn là một luật sư kia mà. Dù là một luật sư dở, luật sư làm biếng, luật sư hạng bét, nhưng đã mang cái mác luật sư, biết đâu chừng mình có thể giúp nó được nhiều việc. Thời buổi này, thằng ăn cướp nào lại chẳng cần luật sư. Nếu thằng Capone là một người có đởm lược, biết nhìn xa trông rộng thì nó sẽ vồ ngay lấy mình.

Bill Thompson vỗ mạnh tay xuống mặt bàn một cái. Nếu mình được thằng Capone "vồ" thì còn có thằng nào ở tù ra mà dám đến đây ăn hiếp Thompson nữa? Nghĩ như vậy là Thompson cảm thấy yêu đời trở lại ngay. Hắn tròn miệng lại, chu mỏ lên tính huýt gió một điệu nhạc nhưng thớ thịt của cái môi bầm dập vì quả thôi sơn lúc nãy bị vận động bất ngờ, truyền sự đau đớn lên thẳng tới thần kinh nhà luật sư. Thompson rú nhỏ lên một tiếng rồi bung ra một tiếng chửi thề, nhăn nhó đưa tay lên ôm lấy mặt...

(còn tiếp)

bước qua cõi chết

Biết rồi; sinh ký tử quy
Sống là cõi tạm, chết về thiên thu
Biết rồi; cuộc thế phù du
Mất, còn cũng tựa chút mù sương tan
Sắc không, lẽ ấy là thường
Bốn mươi năm. Đủ chán chường, khổ đau
Biết rồi; chốn ấy trước, sau
Một lần, ai cũng qua cầu mà thôi
Nhưng ta mới quá nửa đời
Bước đi chưa nỡ, chân rời còn vương...
Biết rồi; có hợp, có tan
Có sinh có diệt, đã cam phận người.
Dẫu cho định mệnh an bày
Đau thương vẫn cứ đọa đày từng cơn.
Biết rồi; thân vốn cô đơn
Đến, trong tiếng khóc. Đi, hồn thảnh thơi.
Nhưng con thơ dại, lạc loài
Tội tình chi, sống giữa đời bơ vơ
Ai nâng niu nữa bây giờ?
Cạn nguồn suối ngọt, đời chưa biết gì!
Biết rồi; vướng mệnh phân ly
Có than khóc, vẫy vùng chi cũng đành
Nhưng ta đâu thể vô tình
Thản nhiên về cõi u minh, lạnh lùng.
Biết rồi; từ chốn hư không
Thân về cát bụi cũng trong luân hồi
Nhưng ta bất chợt yêu đời
Thiết tha muốn sống cho người thân yêu.
Chân qua mấy nhịp phù kiều
Thoảng nghe tiếng khóc đưa theo, gọi về
Ừ thôi, sinh ký tử quy
Biết rồi, sao vẫn còn nghe đoạn trường.

lãm thúy

tình cao

Nằm nghe mây núi đụng trời
Gió lùa mái cỏ tơi bời thịt da
Da em rừng ngát hương hoa
Da ta nắng sạm phong ba cùng mình
Gò ghề giữa đám gân xanh
Thịt xương nổi loạn gập ghềnh trái tim.

cao xuân tứ

ngọc sáng trong hoa sen

John Blogeld

Nguyên Phong

phóng-tác

(tiếp theo)

Khi những người thân yêu của tôi lần lượt qua đời thì Trung quốc cũng bước vào giai đoạn cuối của cuộc chiến. Quân đội cộng sản xiết chặt vòng vây quanh các thành phố lớn. Họ chiếm Quảng Châu, Tứ Xuyên, Quảng Đông và dần dần kiểm soát toàn thể Trung Hoa. Những biến cố dồn dập này đã gây cho tôi một xúc động lớn. Tôi cảm thấy tất cả dường như sụp đổ. Những gì tôi tin tưởng bỗng trở nên vô nghĩa. Tôi không biết phải làm gì với cuộc đời còn lại! Lòng nhiệt thành với đời sống của tôi tự nhiên thay đổi thành một thái độ khủng hoảng và tuyệt vọng. Ngọn lửa tâm linh vẫn nung nấu trong tâm tôi đột nhiên tắt ngấm. Tôi thấy những việc mà tôi vẫn thành kính thực hành từ trước như lễ bái, thiền tập, học kinh điển... bỗng trở nên thừa thãi trước những quay cuồng của thời cuộc.

Khi chạy loạn từ Bắc Kinh xuống Vân Nam, trải qua nhiều biến động thập tử nhất sinh, tôi vẫn còn ý thức rõ rệt mục đích của đời sống. Dù đầu óc dao động mạnh, tôi vẫn còn có nơi nương tựa để tìm lại sự quân bình nhưng hiện nay tất cả đều trở nên vô nghĩa. Khi mất niềm tin, người ta thấy mình trôi nổi trong một cơn sốt lạ lùng kéo dài dường như vô tận. Một động năng kỳ lạ nào đó đã đẩy tôi vào hố thẳm mà tôi không thể cưỡng lại được. Tôi tự hỏi phải chăng những việc tâm linh cao thượng chỉ là một ảo tưởng? Phải chăng sự giải thoát khỏi các khổ đau chỉ là một ý niệm viển vông? Tại sao những người hiền lành như Trần Phi Sơn hay Tạ Hải lại gặp những nỗi bất hạnh? Tất cả mọi lý luận hay giải thích lúc đó đều trở nên vô nghĩa. Tôi nghĩ trước sau ai cũng phải chết nhưng trước khi chết hãy sống thoải mái, say sưa, hưởng thụ tất cả những gì có thể hưởng được.

Tôi sống vật vờ không định hướng như vậy trong một thời gian khá lâu cho đến khi gia đình của Trần Phi Sơn qua định cư tại Hương Cảng. Người Trung Hoa có liên hệ gia tộc rất rộng rãi. Chỉ một thời gian ngắn sau khi dọn qua đây, gia đình này gia nhập vào hội của những người cùng mang họ Trần. Đây là một phong tục rất đặc biệt của người Trung Hoa, dù sống bất cứ nơi đâu họ cũng luôn luôn tìm cách kết hợp, giúp đỡ và liên lạc với nhau qua hình thức một hội ái hữu. Vì đã kết nghĩa với Trần Phi Sơn nên tôi được coi như người trong nhà, và đương nhiên là hội viên của Trần gia ái hữu hội. Cách sống buông thả, trụy lạc của tôi khiến nhiều người lo ngại. Một buổi họp gia tộc diễn ra. Người trưởng tộc quyết định rằng, đã đến lúc tôi phải lập gia đình. Ít lâu sau, gia đình họ Trần đã tìm cho tôi một người vợ thuộc gia tộc này.

Cuộc hôn nhân giữa tôi và Trần Mỹ Phương tạm thời mang lại cho tôi một sự quân bình trong đời sống. Khi trước tôi không có ý định lập gia đình vì tôi nghĩ rằng mình không thể tìm thấy hạnh phúc với một thiếu nữ người Âu, nhưng tôi cũng không thể lập gia đình với một thiếu nữ Trung Hoa trong khi cha tôi còn sống. Dĩ nhiên hiện nay điều này không còn là một vấn đề nữa. Trong suốt ba năm liền chúng tôi sống êm đềm trong một căn nhà nhỏ tại Cửu Long. Ngoài việc dạy học mưu sinh, tôi không còn muốn chú ý gì đến cái thế giới đầy phiền phức bên ngoài nữa. Chúng tôi có với nhau hai mụn con, một trai một gái, và dành mọi thời giờ để săn sóc chúng. Mặc dù đời sống gia đình phẳng lặng nhưng thỉnh thoảng trong tâm hồn tôi lại lâng lâng một cảm giác lạ lùng không thể diễn tả. Một cái gì nhẹ nhàng như luồng gió mát giữa trưa hè nóng nực nhắc nhở cho tôi về những điều mà tôi đã từng kinh nghiệm được. Khi đó bất kỳ ở đâu hay đang làm gì, tôi thấy mình ngây ngất trong một cảm giác kỳ lạ không thể diễn tả. Nhiều lúc người lái xe bus lắc đầu thương hại người hành khách đãng trí là tôi quên cả trạm xuống. Đôi khi đám học trò bật cười khi giáo sư tự nhiên lắp bắp nói những câu không ra đâu vào đâu. Dĩ nhiên khi giây phút đó trôi qua thì

tôi lại trở về với đời sống bình thường.

Các sách vở tâm linh thường đề cập đến một giai đoạn đặc biệt khi người lữ hành đi trên đường đạo phải trải qua những giây phút mệt mỏi, chán chường, bị thử thách, đầy tuyệt vọng. Tôn giáo nào cũng nói đến một giai đoạn khi mọi sự tưởng chừng như chìm đắm vĩnh viễn trong đám mây mù dày đặc thì tự nhiên đám mây mù chợt tan biến và mặt trời hay chân lý hiện ra rực rỡ hơn bao giờ hết. Cái kinh nghiệm lạ lùng này đã được triết gia Aldous Huxley tả rõ trong cuốn *Perenial Philosophy* và gọi đó là giai đoạn cuối của màn đêm trước buổi bình minh của giác ngộ. Giai đoạn mà người lữ hành đạt đến mục tiêu của cuộc hành trình, khi tâm thức được mở rộng hay nâng lên một bình diện mới, khác hẳn với đường lối suy tư thông thường. Các triết gia Hy Lạp đã sử dụng biểu tượng con chim phượng hoàng xuất hiện trong đám tro tàn khi đề cập đến giai đoạn lúc các quan niệm cũ tiêu tan hết và một ý thức mới nảy sinh, thăng hoa bay bổng. Tôi không nghĩ rằng giai đoạn cay đắng, chán chường tuyệt vọng mà tôi trải qua là giai đoạn cuối của màn đêm trước buổi bình minh của giác ngộ nhưng là một dấu hiệu báo trước rằng cuộc đời của tôi đang bước vào một giai đoạn mới.

Sau một thời gian làm việc tại Hương Cảng, tôi xin được một chân dạy sinh ngữ tại Thái Lan. Công việc thu xếp đã xong, chỉ còn chờ ngày lên đường. Hôm đó tôi ngồi trên chiếc ghế nhỏ sau vườn, lơ đãng nhìn lũ con nô đùa trong sân, bất chợt một cơn gió mát thổi qua, một cái gì trăng trắng thổi tạt qua mặt tôi. Trong giây phút đó tự nhiên tôi nảy ra ý nghĩ rằng đó là một hạt tuyết trắng ngần, bay từ dãy Hi Mã Lạp Sơn xuống. Vừa nghĩ đến đó tôi cảm thấy trong tâm dâng lên một cảm giác lạ lùng, một trạng thái an lạc không thể diễn tả và tự nhiên một tiếng nói thầm lặng, vô thanh từ đâu bỗng rót vào tai tôi: "Giai đoạn đen tối đã qua. Con sẽ thấy nó không phải là hậu quả của những việc mà con đã làm nhưng chỉ là một giai đoạn, một dấu hiệu báo trước về những điều tốt đẹp sắp xảy đến. Đừng vì quá bi quan mà quên rằng con người có khả năng tự giải thoát ra khỏi các phiền não khổ đau của đời sống. Đừng vì quá quan tâm đến những việc nhỏ mọn mà quên phóng tầm mắt lên những điều cao thượng. Đừng để cho những ánh đèn chập chờn của đô thị làm chóa mắt mà quên đi vẻ đẹp tuyệt vời của vầng trăng sáng. Hãy kiên nhẫn tiếp tục con đường đã đi và đặt niềm tin rằng con sẽ không đi con đường đó một mình. Hãy tìm kiếm không ngừng rồi con sẽ tìm được điều con muốn tìm. Cơ hội sẽ đến và chỉ đến khi đó con sẽ hiểu được điều ta muốn nói. Điều con muốn tìm con không thể tìm thấy tại Hương Cảng hay Thái Lan, nhưng con sẽ tìm được nó ở một nơi khác. Hãy để cho thời gian làm việc. Đừng tìm kiếm một cách vội vã và hãy để cho nội tâm phong phú của con hướng dẫn".

Tôi bàng hoàng một lúc khá lâu như vừa tìm lại được cái gì đã mất. Câu nói đó từ đâu phát xuất? Phải chăng đó là một lời tiên tri? Một sự hướng dẫn? Hay chỉ là một ý thức thầm kín trong đáy lòng bỗng bất chợt phát ra? Đã bao lâu nay tôi muốn tìm quên nhưng rồi tôi vẫn không thể quên được. Hình như tôi thấy trong người chợt đổi khác. Tâm trạng khủng hoảng tuyệt vọng vẫn đè nặng tâm tư tôi bỗng biến mất. Như người trút được gánh nặng, tôi bước đến trước bàn thờ trong nhà. Đã lâu lắm rồi tôi mới tìm lại được cử chỉ trang nghiêm thành kính của mình. Tôi nhẹ nhàng châm một nén nhang cắm lên bàn thờ và chợt ý thức rõ rệt mùi thơm của nhang trầm. Một lúc sau tôi thấy mình say sưa tụng lại câu thần chú mà khi xưa Kim Cương trưởng lão đã truyền dạy: "Namo Gurube, Namo Budhdhaya, Namo Dhamaya, Namo Sanghaya".

Cho đến nay, thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ về cảm giác lạ lùng này. Nhiều bạn hữu hỏi rằng có thật tôi đã nghe được một tiếng nói như thế hay không? Dĩ nhiên tôi không thể phủ nhận hay xác nhận, nhưng tôi biết rõ ràng đó là một cảm giác vô cùng đặc biệt, lâng lâng, an lạc, nhẹ nhàng mà không ngòi bút nào có thể tả xiết. Ai đã trải qua kinh nghiệm ấy sẽ hiểu rằng nó chứa đựng một niềm an lạc cao quý nhất trong đời người.

Nếu các cung điện tại Bắc Kinh được trang trí lộng lẫy huy hoàng thì tại Thái Lan, kiến trúc lộng lẫy nhất không phải là các cung điện mà là các ngôi chùa (Wat). Từ những màu sắc, cách chạm trổ, các cây cột kèo đều phản ảnh một nét mỹ thuật đặc biệt không đâu có. Tôi đã viếng thăm những ngôi chùa Mông Cổ lộng lẫy xây cất trên Ngũ Đài Sơn nhưng so với chùa chiền Thái Lan thì những ngôi chùa này thua kém xa về những chi tiết nghệ thuật. Từ những cây cột bằng gỗ mun đen bóng đến những pho tượng bằng vàng óng ánh; từ những mái ngói màu đỏ thắm đến các ngọn tháp nhọn cao vút... tất cả đều phản ảnh một đường nét nghệ thuật độc đáo không đâu có. Người Thái đã biết sử dụng màu sắc một cách tuyệt hảo. Họ đã chọn những màu sắc đặc biệt của các loại ngọc quý như lam ngọc, hồng ngọc, hổ phách... để trang trí.

Từ nhiều thế kỷ nay, Phật giáo đã trở thành quốc giáo, một truyền thống chi phối mạnh mẽ lên đời sống người dân xứ này. Theo truyền thống, tất cả mọi người thuộc phái nam, không phân biệt vua chúa hay thứ dân, đều phải sống trong tu viện như một tăng sĩ trong một thời gian. Hình ảnh các tăng sĩ đi khất thực trên các đường xá, làng mạc đã trở nên một nét đặc thù quen thuộc. Vì các tăng sĩ đều đi khất thực nên chùa chiền xứ Thái không hề có nhà bếp. Sau khi đi khất thực, các tăng sĩ mang thức ăn về chùa và ăn ngay tại chánh điện. Tại Trung Hoa, chánh điện là nơi tôn kính trang nghiêm, được giữ gìn sạch sẽ, ít ai dám nói

lớn hay có những cử chỉ thiếu trang nghiêm tại đây. Riêng tại Thái Lan, chánh điện vừa là nơi hành lễ vừa là chốn hội họp, người ta thản nhiên ăn uống, cười nói một cách thoải mái. Người Thái Lan sống tự nhiên và luôn luôn cười, có lẽ vì thế mà Thái Lan được gọi là "xứ của những nụ cười".

Trong thời gian sống tại đây, tôi thấy Thái Lan đang thay đổi. Tại các đô thị lớn như Vọng Các, đời sống không còn an nhiên thoải mái như xưa mà bắt đầu bận rộn quay cuồng. Hầu hết những nhà trí thức, lãnh đạo của Thái đều có khuynh hướng muốn canh tân xứ sở họ theo khuôn mẫu của người Âu nên họ đã ban hành nhiều biện pháp cải cách kinh tế, xã hội. Tại đại học Bangkok, đa số sinh viên tỏ ra nghi ngờ truyền thống cũ và ít nhiều có tư tưởng vọng ngoại. Họ so sánh đời sống tại đây với các cường quốc Âu Mỹ. Họ thán phục các bộ môn khoa học kỹ thuật Tây phương và nhiệt thành bắt chước đời sống của các thanh thiếu niên Âu Mỹ một cách lố bịch. Nhiều người đã nói với tôi rằng: "Phật giáo tượng trưng cho những gì cổ hủ, lạc hậu, không thích hợp với trào lưu tiến hoá hiện nay". Có người còn cho rằng đức Phật Thích Ca chỉ là một nhân vật tưởng tượng. Vào các ngày lễ có tính cách tôn giáo, những lớp người trẻ này cũng đi chùa, nhưng thay vì học tập kinh điển hoặc tìm hiểu về truyền thống Phật giáo thì họ lại coi đó là những cơ hội để hẹn hò, gặp gỡ lẫn nhau.

Vì một lý do khó có thể giải thích, người ta đã cố tình phân biệt hai nền văn minh Tây phương và Đông phương như hai chân trời cách biệt, nhưng nếu so sánh kỹ, người ta sẽ thấy ngày trước hai nền văn minh này vốn không khác nhau bao nhiêu. Bây giờ, nền văn minh Tây phương đã thay đổi trong khi nền văn minh Đông phương vẫn giữ được những truyền thống ngày trước. Vì thay đổi, dẹp bỏ truyền thống để đuổi bắt theo những điều viển vông mà người ta gọi là văn minh, tiến bộ, người Âu đã lao mình vào một cuộc phiêu lưu, chinh phục ngoại giới qua các lý thuyết, võ khí, kỹ thuật. Càng chiếm đoạt được nhiều lợi lộc, lòng tham của họ càng gia tăng và lòng tham lam càng gia tăng thì mục đích của cuộc phiêu lưu này càng có tính cách phi nhân, tàn bạo. Không mấy ai chịu đặt câu hỏi rằng, cuộc phiêu lưu này đã mang lại gì cho dân chúng Tây phương? Điều đáng tiếc là những thế hệ trẻ của Đông phương cũng không hề đặt câu hỏi một cách đứng đắn về cuộc phiêu lưu này mà lại coi đó như những gì tốt đẹp mà họ phải đuổi bắt cho kịp.

Vì không biết tiếng Thái, việc nghiên cứu của tôi bị giới hạn rất nhiều, nhưng tôi nhận thấy truyền thống Phật giáo Nam tông tại Thái Lan quá chú trọng vào từ chương và chỉ giới hạn trong một số ít kinh điển bằng tiếng Pali. Các tăng sĩ bị chi phối trong truyền thống bảo thủ, khắt khe này nên đôi lúc khó có thể thích ứng với những đổi thay quá nhanh của thời cuộc bên ngoài. Một phần nữa, các tục lệ mê tín dị đoan của địa phương như cầu khấn, lên đồng nhập cốt, lấy lá số chiêm tinh, cúng sao giải hạn,... đã ăn sâu vào đời sống các tu viện và trở nên một nguồn lợi về tài chánh quan trọng cho các chùa chiền. Người ta không còn coi đức Phật Thích Ca như một vị thầy hướng dẫn mà biến ngài thành một vị thần linh, một đấng thượng đế có thể ban phát các điều này nọ. Tôi đã nghe nhiều buổi diễn giảng mà trong đó các tăng sĩ đã cố tình giảng dạy sai lạc đi hoặc bóp méo những sự kiện lịch sử để thần thánh hoá ngài lên. Có lần tôi tham dự một buổi lễ quan trọng trong một ngôi chùa tại Saraburi, chính giữa chánh điện có một tảng đá khá lớn in dấu một vết chân người, nhưng là một vết chân rất lớn như chân người khổng lồ. Các tăng sĩ nói rằng đó chính là vết chân của đức Phật Thích Ca khi ngài qua thăm xứ này. Theo sự hiểu biết của tôi thì đức Phật Thích Ca không hề du hành đến Thái Lan. Phạm vi hoạt động của ngài chỉ giới hạn tại miền bắc nước Ấn mà thôi. Các tăng sĩ quả quyết rằng ngài đã đến giảng dạy tại đây và để lại một vết chân làm tin.

- Các vị hãy nghĩ lại coi, làm gì có vết chân nào to lớn quá khổ, dài cả nửa thước như thế kia? Một người như thế hẳn phải là một người khổng lồ.

- Dĩ nhiên đức Phật Thích Ca là một người khổng lồ. Một vị Phật ắt phải to lớn hơn người thường rồi.

- Nhưng điều này xét ra vô lý.

- Đức Phật có phép thần thông, ngài muốn biến chân ngài to nhỏ gì chẳng được. Ông là người Âu làm sao có thể biết về đức Phật nhiều hơn chúng tôi được?

Dĩ nhiên mỗi khi gặp những cuộc tranh luận như thế tôi đều cười trừ, làm thinh vì biết không thể tranh luận gì với những người như vậy.

Tôi sống tại Thái Lan được năm năm liền. Đời sống một giáo sư đại học tương đối nhàn tản nên tôi có dịp đi thăm thú đó đây. Lần đó tôi cùng một nhóm giáo sư đi du ngoạn lên miền bắc xứ Thái. Trên đường chúng tôi có dịp đi ngang một ngôi chùa đổ nát hoang tàn gọi là Wat Chalem. Đây là một ngôi chùa xây cất đồ sộ nhưng vì lý do gì bị bỏ hoang, cây cối mọc kín chung quanh. Không hiểu sao cảnh vật nơi đây dường như có gì quen thuộc, một cái gì kỳ lạ khêu gợi trí tò mò của tôi. Tôi nảy ra ý định sẽ trở lại thăm viếng ngôi chùa này một lần khác, nhưng rồi ngày tháng trôi qua, hình ảnh ngôi chùa đó dần dần chìm sâu trong quên lãng.

Một ngày chủ nhật đẹp trời, đang ngồi trong phòng đọc sách bỗng nhiên tôi thấy lại hình ảnh ngôi chùa đổ nát kia xuất hiện trong tâm khảm mình. Một hình ảnh lạ lùng và dường như có gì thôi thúc tôi đứng bật dậy chạy thẳng xuống nhà lấy xe đi lên miền bắc. Khoảng hai giờ sau tôi đến Nontaburi, một thị trấn nhỏ nằm ở ven sông Cửu Long. Từ đây tôi thuê một chiếc đò nhỏ đi lên phía thượng lưu. Khí trời mùa hạ nóng oi bức. Ngồi trên đò tôi

phải che dù và luôn tay quạt cho bớt nóng. Chiếc đò nhẹ nhàng lướt đi, vượt qua những chiếc ghe lớn chở đầy gạo, củi hay những chiếc thuyền thả lưới dọc theo hai bên bờ sông.

Cuối cùng tôi cũng đến Wat Chalem. Tôi hấp tấp bước vào giữa mảnh sân lớn lát gạch. Cây cối xanh rì mọc lan khắp nơi, leo lên cả những bức tường thấp quanh chùa. Một bầu không khí tĩnh lặng bao phủ. Tôi đến đây làm gì? Tôi tìm kiếm gì? Tôi phải đi đâu? Tôi ngơ ngác đứng giữa mảnh sân phủ đầy cỏ, quanh tôi muôn ngàn tiếng chim chóc ríu rít, tiếng con trùng rỉ rả... Tôi ngồi xuống bực thềm dẫn lên chánh điện. Một cảm giác an bình lạ lùng dường như xâm chiếm lấy tôi. Một cảm giác thoải mái mà phải chăng người ta chỉ có thể tìm thấy tại những nơi chốn đặc biệt như thế này? Tôi ngây người ngồi tại đó cho đến khi mặt trời từ từ khuất sau hàng cây rậm rạp. Tôi đã kinh nghiệm được gì? Tôi đã thấy gì? Dĩ nhiên tôi không thấy một điều gì lạ lùng cả. Tôi cũng không kinh nghiệm được một điều gì khác lạ nhưng chỉ thấy quanh tôi tràn ngập một màu xanh của cây cối, một thứ màu xanh lạ lùng bao phủ khiến tôi chìm ngập trong đó. Đáng lẽ ra tôi phải vào thăm chánh điện hay ít ra cũng đi thăm thú phong cảnh quanh chùa, nhưng không hiểu sao tôi lại ngồi yên lặng, ngây người nhìn ngắm cảnh vật chung quanh cho đến khi màn đêm bắt đầu buông xuống. Tôi đứng dậy ra về mà lòng vẫn ngây ngất một cảm giác kỳ lạ khó tả.

Chiều hôm đó khi trở về nhà, tôi thấy trong lòng rộn lên một niềm vui thầm kín, một cảm giác khác thường mà tôi không thể diễn tả. Tôi vui vẻ dùng cơm và tự nhiên thấy bát cơm hôm đó bỗng dưng ngon hơn mọi ngày thường. Tôi bước ra sân ngồi một mình với chén trà nóng trong tay, tự nhiên tôi thấy cảm giác chán nản, tuyệt vọng khi xưa dường như đã biến mất. Hình như vết thương trong tâm khảm tôi đã lành hẳn, gánh nặng mà tôi chất chứa trong lòng dường như không còn nữa và tôi đã uống trà trong một cử chỉ thành kính, trang nghiêm, tận hưởng từng vị ngọt của trà. Đến nay tôi vẫn không thể diễn tả được tâm trạng kỳ lạ của tôi ngày hôm đó. Tại sao tôi lại đến Wat Chalem? Tại sao tôi lại ngồi yên như vậy trong mấy giờ đồng hồ liền? Tôi biết chắc rằng mình đã không thấy gì hay kinh nghiệm được một điều gì, nhưng không hiểu sao hình như vẫn có một cái gì rộn ràng nảy nở trong tâm trí tôi, một cảm giác như người đi xa vừa trở về nhà. Tôi đứng dậy thắp một nén nhang trên bàn thờ và thành kính tụng kinh cho đến khuya. Đêm hôm đó tôi đã ngủ một giấc dài thoải mái. Ngày hôm sau tôi nhận được một bức điện tín của đài BBC Luân Đôn yêu cầu tôi làm một cuộc phóng sự về kỷ niệm ngày đản sinh của đức Phật Thích Ca năm thứ 2500. Để làm cuộc phóng sự này, đài BBC sẵn sàng trả cho tôi một số tiền để tôi qua Ấn Độ.

(còn tiếp)

---

quê hương đầu mùa hạ

Có phải tháng năm là đầu mùa hạ?
Ừ đúng rồi, nhớ quá tiếng ve kêu
Nhớ hàng phượng, đang vào mùa hoa lá
Những chùm hoa đỏ thắm muốn khoe màu

Tôi xa quê hương, nghĩ cũng đã lâu
Trời vào hạ làm tôi thêm nhung nhớ
Nhớ không nguôi những trò chơi thuở nhỏ
Giữa trưa hè trần trụi chạy lông nhông.

Có những buổi trưa như sáo xổ lồng
Đi tìm bắt con ve sầu nghịch ngợm
Tôi nhớ mãi tiếng nói cười hơn hớn
Đám trẻ tranh nhau, chọc quả bàng xanh

Thời gian qua mau, tôi đã trưởng thành
Cũng vào buổi quê hương mình buồn lắm
Những trưa hè tôi sống trong thầm lặng
Đôi mắt buồn, nhìn đất nước chẳng vui

Đời biến động, tôi ôm hận ngậm ngùi
Rồi tạm biệt cả khung trời yêu dấu
Xa quê hương, nhớ, nói sao cho thấu!
Nay tháng năm, đầu mùa hạ, đúng rồi!

Những trưa hè vẫn mãi mãi trong tôi
Khung trời cũ, mơ ngày mai trở lại
Không còn nữa, cảnh đau buồn ngang trái
Mang niềm vui, tôi sống với quê hương.

Trở lại năm xưa, khung cảnh phố phường
Hàng phượng vĩ vào mùa này khoe sắc
Lũ trẻ thơ với những trò kỳ quặc
Chạy lông nhông, tắm nắng giữa trưa hè.

trần hoài ngọc
(Hongkong)

quay trong cơn lốc

TRUYỆN DÀI

Nguyễn Ngọc Ngạn

(tiếp theo)

Chương 9

Cổn nổ máy xe, thơ thới phóng ra cổng, sống lại niềm vui hẹn hò đã lâu lắm mới tái diễn trong đời gã. Nắng chiều chênh chếch, chiếu thẳng vào mặt khiến gã nheo mắt khó chịu và chỉ trong chốc lát, cảm thấy chiếc cà-vạt dường như thắt chặt quá, xiết lấy cổ, làm mồ hôi toát ra. Gã quay kiếng xe xuống và rẽ vào con đường nhỏ tìm bóng mát. Nghĩ đến món tiền bảy ngàn mỹ kim vừa bất ngờ vớ được, lòng Cổn lâng lâng khoan khoái, ngước mắt nhìn hai bên đường một cách hết sức tự tin. Gã nghiệm ra rằng, đời gã chưa bao giờ xảy ra sự trùng hợp lạ lùng như hôm nay: vừa đỏ tình vừa đỏ bạc!

Xe chạy ngang nhà Hồng, Cổn đưa mắt nhìn vào, lưỡng lự một chút rồi tấp vô lề và dừng lại. Nhìn đồng hồ thấy còn sớm, gã tắt máy ngồi yên ngẫm nghĩ. Tự dưng có cái gì thôi thúc trong lòng khiến Cổn muốn vào thăm Hồng. Nhiều lý do lắm. Trước hết, Cổn muốn biết có thật là Khang đã chia tay Hồng hay chưa. Và quan trọng hơn nữa, biết đâu sáng nay Hoàng Tiến từ giã Cổn chẳng để quay về với vợ? Nếu Khang còn ở đây, hoặc Hoàng Tiến đã về lại với Hồng, thì Cổn khó lòng nuốt trôi món tiền Khang gửi! Cổn thấy tim mình bỗng dưng đập mạnh. Gã mở máy, ngoái đầu, lùi xe lại và quẹo hẳn vào trong sân nhà Hồng. Gã nhìn cái Toyota cũ của Hồng đậu trong garage và lại nhớ đến chiếc BMW nàng mua cho Khang. Có lẽ Khang nói thật: Xe đã bán rồi, bởi nếu không, Khang lấy đâu ra tiền đưa cho Hoàng Tiến?

Cổn bước lên thềm, đưa tay bấm chuông, hồi hộp hơn cả lần đầu đi hỏi vợ. Gã nín thở chờ đợi từng giây. Bên trong có tiếng bước chân rồi cánh cửa hé mở và Hồng trố mắt nhìn Cổn kinh ngạc. Do một thành kiến có sẵn, Cổn thấy nét mặt Hồng hôm nay toát ra cái vẻ mệt mỏi và chán chường của một người đang gặp khủng hoảng về tình cảm. Cổn gật đầu chào, cố lấy giọng tự nhiên:

- Anh Tiến có về đây không chị?

Hồng đứng giữa cửa, như có ý chắn lối không cho Cổn vào nhà. Sự xuất hiện bất ngờ của Cổn làm nàng giật mình nhưng đoán ngay rằng Hoàng Tiến cho gã về để dò xét, giống như vài lần trước đây ông đã điện thoại vờ vịt hỏi thăm con, kỳ thực chỉ để xem thái độ của Hồng đối với ông ra sao. Hồng bảo Cổn:

- Ông ấy về đây làm gì? Ai cho về mà về!

Câu nói lạnh nhạt và gay gắt làm Cổn đâm ra lúng túng. Gã ú ớ tiếp:

- Anh ấy đang ở với tôi, tự dưng bỏ đi... Tôi tưởng anh ấy quay về với chị!

Hồng im lặng nhìn Cổn ngờ vực. Cổn biết nàng không tin mình nên vội kể lể thêm:

- Tôi chạy ra chợ mua mấy thứ lặt vặt. Lúc về thì anh ấy xách va-li đi rồi!... Anh ấy có viết thư để lại.

Hồng vẫn không nói gì. Cổn thọc tay vô túi quần, lôi ra một nắm tiền. May quá, bên cạnh mấy tờ giấy 100, tình cờ có cả lá thư ngắn của Hoàng Tiến. Gã hân hoan mở ra, trao cho Hồng:

- Đây, chị đọc đi!

Hồng miễn cưỡng đỡ lấy và cúi xuống đọc lướt qua mấy hàng chữ ngắn ngủi của Hoàng Tiến. Nàng trả lại cho Cổn và bình thản nói:

- Ông ấy đi đâu, ai mà biết được! Chỉ có điều chắc chắn là không về đây!

Cổn hài lòng gấp lá thư nhét vào túi. Gã mong Hoàng Tiến bỏ đi xa, không ở thành phố này nữa, để gã khỏi bận tâm về món tiền Khang nhờ chuyển. Đứng thêm một chút, Cổn cảm thấy thừa thãi, đành bảo Hồng:

- Nhân tiện đi ngang, tôi hỏi thăm vậy thôi. Chào chị, tôi đi!

Hồng khẽ gật đầu chào lại. Cổn toan quay bước, sực nhớ ra một điều quan trọng, gã nói thêm:

- Lúc nãy Khang nó có ghé chào tôi để đi xa...

Hồng giật mình mở to mắt nhìn Cổn. Dù lý trí bảo rằng Cổn là đứa chuyên nói dối, Hồng vẫn giật mình khi nghe nhắc đến tên Khang. Nàng buột miệng hỏi lại:

- Đến chào anh?

Và nàng thấy ngay điều này rất vô lý bởi chẳng những Khang không hề thân với Cổn mà trái lại, hai người còn tỏ ra ác cảm với nhau một cách khá lộ liễu. Nhưng Cổn gật đầu nhấn mạnh:

- Nó đi Louisiana. Có người anh bên ấy. Đi máy bay, giờ nay chắc đang ở ngoài phi trường rồi.

Những chi tiết Cổn nêu ra bắt Hồng phải tin rằng việc gặp gỡ mới đây giữa Khang và Cổn là chuyện có thực. Hoặc ít ra, Cổn biết khá rõ về dự tính của Khang. Louisiana chính là tiểu bang mà Khang đã đặt chân đến đầu tiên, do người anh đi từ năm 75 bảo lãnh. Rồi từ đó liên lạc với Hồng, hẹn hò nhau, bắc nhịp cầu đưa Khang qua Cali. Bây giờ chia tay nhau, tuy Khang không nói ra, Hồng cũng đoán rằng Khang sẽ trở lại chốn cũ và điều này Hồng tưởng rằng chỉ mình nàng biết. Nàng hồi hộp hỏi:

- Khang gặp anh lâu chưa, anh Cổn? Lúc mấy giờ?

- Mới tức thì.

Và gã tò mò hỏi thêm:

- Bộ hai người giận nhau thật rồi sao?

Hồng miễn cưỡng đáp:

- Có chuyện hiểu lầm...

- Chuyện gì vậy?

- Chuyện riêng!

Câu trả lời nhạt nhẽo của Hồng làm Cổn thất vọng nhún vai quay đi. Gã vừa chui vào xe, Hồng khép vội cánh cửa, chạy lao vào buồng ngủ thay quần áo để phóng ra phi trường, hy vọng gặp được Khang trước khi chàng lên máy bay.

Cả tuần nay, Hồng ray rứt nhìn cuộc tình của mình tan vỡ. Nàng không hiểu nổi Khang. Bao nhiêu yêu thương chiều chuộng nàng dành cho Khang, theo đúng qui luật của người đàn bà lớn tuổi mê kép nhí, dường như không được Khang đón nhận, không làm cho Khang hạnh phúc. Nàng thấy rõ một điều là, lúc giao tình của hai người còn ở giai đoạn vụng trộm, còn ở mức lén lút thì Khang rất hào hứng và nồng nàn. Nhưng khi dọn vào chung sống công khai thì Khang biến đổi hẳn. Chàng trở nên ưu tư thường xuyên, nét đăm chiêu hiện rõ qua ánh mắt, ngay cả những lúc Hồng tưởng rằng hai người đang ngụp lặn trong hoan lạc. Rõ ràng có một thứ mặc cảm nào đó đang đè nặng tim Khang. Hồng gợi hỏi thì chàng chỉ gượng cười và lần nào cũng bảo: "Không. Có gì đâu!"

Linh tính người đàn bà bao giờ cũng bén nhạy. Huống chi đã ở tuổi bốn mươi, ít nhiều từng trải trong cuộc sống, Hồng dễ dàng đoán ra mối bận tâm của người tình trẻ. Đó là cái tâm trạng hối hận của Khang. Có những buổi sáng tinh sương khi đèn đường còn chưa tắt, hoặc những lúc nắng chiều đã khuất hẳn sau rặng cây bên hông nhà, Khang hay ra thềm, ngồi một mình trên chiếc ghế mây cũ, thờ thẫn nhìn xuống mảnh vườn chi chít những khóm hoa đủ loại, bâng khuâng nhớ lại ngày đầu tiên dọn vào đây, gặp Hoàng Tiến đang xới đất nhổ cỏ. Lúc Khang lấy va-li cùng đồ đạc từ trên xe xuống và báo tin Hồng bằng lòng cho chàng thuê phòng, ông thầy cũ đã nhìn chàng bằng ánh mắt thảng thốt, chứa đựng nỗi đau buồn ghê gớm của một kẻ thua cuộc. Rồi ông lặng lẽ bỏ đi, khiến ngay đêm đầu tiên bên cạnh Hồng, Khang đã thấy có lúc nhói lên trong lòng một chút ân hận. Tuy vậy, sự bồng bột của tuổi trẻ, của mối tình đầu, cộng với cung cách nuông chiều nồng cháy của Hồng, đủ lấn át hết mọi ưu tư của Khang trong những ngày trăng mật bên người yêu từng trải. Sang tuần lễ thứ hai, con bé Dung, nội trú trong *campus* đại học, về nghỉ *long week-end* tại nhà, ngơ ngác nhìn Khang ngang nhiên sống công khai với mẹ mình, thấy có cái gì bất ổn, mới hỏi riêng Hồng:

- Ba đâu rồi, mẹ?

Hồng bình thản đáp:

- Ba con đâu có ở với mẹ nữa! Bỏ đi theo bà nào rồi! Con còn lạ gì tính của ba con nữa!

Dung nhấn mạnh, hỏi bằng giọng gay gắt:

- Ba đang ở với chú Cổn mà. Có bà nào đâu! Tuần trước ba có điện thoại cho con, nói mẹ đem chú Khang về, đuổi ba đi!

Hồng giật mình lúng túng vì không ngờ Hoàng Tiến đã liên lạc và "đầu độc" con gái để nó chống lại mình. Nàng ú ớ nói:

- Ba mày tự ý bỏ đi chứ ai đuổi!

Dung lớn tiếng hơn:

- Nhưng mẹ đem chú Khang về tức là mẹ có ý đuổi ba đi chứ còn gì nữa! Con không bằng lòng!

Hồng nghe con nói, vừa ngượng vừa tức. Từ bao nhiêu năm nay, tình mẹ con vốn luôn luôn gắn bó bởi nó lớn lên bên cạnh Hồng. Ngày còn trong nước, dĩ nhiên Dung rất có thiện cảm với Khang, mặc nhiên chấp nhận việc chắp nối giữa Khang và Hồng, một phần vì sự ân cần của Khang đối với gia đình Hồng, một phần vì Hồng lúc nào cũng nhắc nhở các con là Hoàng Tiến đã có vợ khác. Cho đến khi sang đoàn tụ, thấy bố sống một mình, con bé bắt đầu ngờ vực những điều Hồng nói. Và mới đây khi Hoàng Tiến từ nhà Cổn điện thoại vào trường, não nuột kể cho con nghe tình cảnh của mình, con bé nóng ruột vội về thăm mẹ và quả nhiên thấy những điều bố nói đều là sự thật. Nó nhìn Khang lạnh nhạt, quên hết những ngày chú chú cháu cháu quấn quít bên nhau ở quê nhà. Nó nhìn Hồng uất ức, bởi không ngờ mẹ nó ác tâm đến như vậy! Nó nhớ đến lời phân trần của Hoàng Tiến:

- Ba chắc là mẹ con từng nói với con rằng ba ở bên này đã lấy vợ

khác. Nhưng con đã thấy, từ ngày con sang, ba có quen ai đâu! Nếu ba thương người khác thì ba bảo lãnh mẹ con và các con qua đây làm gì? Chỉ vì nghĩ đến tương lai của con và em con, ba mới đưa các con sang đây. Thấy con học giỏi, ba rất hãnh diện. Chỉ buồn một nỗi là sau bao nhiêu năm ba chờ đợi, bây giờ gặp lại mẹ con thì bị mẹ con phản bội! Nếu ba có vợ bé, thì giờ này ba đâu phải ở nhờ nhà chú Cổn! Mẹ con chỉ kiếm cớ đuổi ba đi và đem người khác về chung sống mà thôi!

Đó là thảm cảnh luôn luôn xảy ra ở những cặp vợ chồng bất hoà. Cả bố lẫn mẹ đều thi nhau nói dối để lôi kéo con cái đứng về phía mình, căm thù cha hoặc mẹ của chính chúng nó. Đối với những đứa trẻ lớn lên trong xã hội này, như Dung, nói dối là cái tật quá xấu đáng khinh. Cho nên khi nghe Hoàng Tiến giải thích cặn kẽ như vậy, con bé mất hết niềm tin và lòng kính trọng dành cho Hồng. Ngày cuối tuần, nó về thăm mẹ và thấy quả đúng như lời Hoàng Tiến nói, Hồng ngang nhiên sống với Khang, không chút xót thương đối người bảo lãnh mẹ con nàng qua đây.

Hai mẹ con đứng nói chuyện rất lâu ở quầy bếp, lúc to, lúc nhỏ, khi dịu dàng, khi gay gắt và giọng con thường lấn át tiếng mẹ. Khang đang nằm đọc sách trong phòng ngủ, tình cờ nghe Dung nhắc đến tên mình, vội ngồi bật dậy, rón rén bước lại sát cửa, nín thở theo dõi. Tuy không nghe được trọn vẹn mẩu đối thoại, nhưng Khang cũng mường tượng ra được cảnh xung khắc giữa hai mẹ con mà nguyên nhân chỉ vì sự hiện diện bất chính của chàng. Khang trở lại giường, ngồi thừ người suy nghĩ. Cái mặc cảm tội lỗi vốn nhen nhúm trong lòng từ trước, bây giờ hiện rõ dần, mỗi lúc một đè nặng hơn.

Bữa cơm chiều tẻ nhạt, ba người chẳng ai nói với ai. Hồng thì ngượng ra mặt. Dung thì hầm hầm bực bội. Khang ăn vội vã rồi bỏ ra ngồi ngoài hiên. Chàng nghĩ đến ông thầy cũ và hơn lúc nào hết, thấy rõ cái thế kẹt của mình cần phải tháo gỡ càng sớm càng tốt. Chàng đứng dậy bước xuống sân, đi len giữa mấy luống hoa, ra khoảng sân gạch tận cuối vườn, ở đó có một chậu kiểng bị gió thổi ngã, lớp cuội trắng đổ vung vãi trên nền gạch đỏ. Chàng dựng chậu cây lên, vặn vòi nước tưới khắp lượt, rồi trở lại hiên nhà. Chàng giật mình thấy Dung đứng sẵn ở đó, như có ý chờ đợi. Con bé lớn quá nhanh, cao vọt lên từ khoảng hai năm nay, trở thành một thiếu nữ mặn mà và nghiêm chỉnh, dù rằng nó ít để ý đến phấn son và trang phục bên ngoài. Dường như con bé không thích gì ngoài việc học.

Khang vừa tới gần thì Dung lên tiếng:

- Chú tính ở đây luôn với mẹ cháu hay sao?

Khang chưa biết trả lời ra sao thì Dung tiếp bằng giọng trách móc:

- Ba cháu bây giờ ở nhà người ta, phải ngủ ngoài sofa... Nhà này của ba cháu chứ đâu phải của mẹ cháu!

Khang yếu ớt phân trần:

- Hồi đó chú đang tìm nhà mướn. Mẹ cháu nói nhà dư phòng, nên cho chú thuê. Không ngờ chú dọn vào thì ba cháu bỏ đi.

Dung thẳng thắn đề nghị:

- Chú đi mướn chỗ khác được không? Nhà cho thuê bây giờ nhiều lắm. Cháu muốn ba cháu về lại với mẹ cháu.

Khang cười cay đắng:

- Ba mẹ cháu bỏ nhau đâu phải vì chú! Cháu nên nhớ là chú quen mẹ cháu cả mười năm nay, từ ngày cháu còn nhỏ, ngồi bán kẹo ở sân nhà thờ. Chú đã ở với mẹ cháu cả mấy năm rồi, chứ đâu phải qua đây chú mới gặp mẹ cháu!

- Nhưng hồi trước cháu tưởng ba cháu đã lấy người khác rồi. Mẹ cháu nói như vậy. Bây giờ cháu mới biết mẹ cháu là... *big liar*!

Về điểm này, Khang thấy con bé nói đúng. Chính chàng ngày còn trong nước cũng đã nhiều lần nghe Hồng bảo thầy Tiến lấy vợ khác rồi. Qua đây mới biết ông chỉ lăng nhăng vậy thôi chứ chẳng chính thức ở với ai. Chàng thở dài buông xuôi:

- Thôi được rồi. Chú sẽ đi!

- Cám ơn chú. Cháu vô trường đây. Tuần tới cháu về, hy vọng là chú không còn ở đây nữa.

Nghe câu nói tàn nhẫn, Khang buốt nhói trong lòng và chỉ muốn đi ngay. Chàng thấy rõ, dù tự giải thích cách nào đi nữa, thì sự có mặt của chàng cũng đang tạo quá nhiều mâu thuẫn trong căn nhà này. Thà đi cho rồi! Nay mai nếu Hoàng Tiến và Hồng ly dị hẳn hoi, có muốn quay về chắp nối lại với Hồng, lúc ấy sẽ danh chính ngôn thuận hơn. Chàng hỏi thêm:

- Cháu mới gặp ba cháu?

- Chưa. Ba cháu gọi phone, hỏi cháu có tiền thì cho ba cháu mượn một trăm! Cháu mời ba cháu ngày mai đi ăn sáng và đưa tiền cho ba cháu.

Khang thấy nghẹn ngào vì không ngờ ông thầy cũ bây giờ lâm vào cảnh khốn đốn như vậy, phải xin con có một trăm bạc!

Buổi tối hôm ấy lại thêm bà Nhàn đến đòi nợ. Đối với khách quen, Hồng thường tiếp ngay ở bàn ăn trong bếp. Khang nằm trong buồng ngủ, xem dở dang một truyện dài trên báo. Bà Nhàn có tật nói lớn, ngay ở chỗ công cộng, chung quanh toàn người ngoại quốc. Giọng bà có âm sắc cao, phát ra như chọc vào tai người ta. Khang gấp tờ tạp chí, đặt lên chiếc bàn nhỏ đầu giường và toan bật ti-vi thì nghe bà Nhàn bảo Hồng:

- Thế định nuốt của tôi bảy ngàn bạc hay sao đây mà đòi mãi không trả? Tôi nói cho cô biết, tôi hỏi lần này là lần cuối! Tiên lễ hậu binh, không trả thì tôi sẽ có cách!

Cái cách mà bà Nhàn vừa nhấn mạnh, dĩ nhiên Hồng biết là cách gì. Đó là nhờ du đãng thay mặt bà đến gặp con nợ. Một người bạn của Hồng, vốn là một phụ nữ đứng đắn, nhân một lần ham vui, theo bạn bè đi sòng bài về cháy túi, mượn bà Nhàn mười ngàn rồi quỵt luôn cả vốn lẫn lãi. Bà Nhàn đòi mãi không được, bỏ luôn đến nửa năm chẳng thèm liên

lạc. Người bạn của Hồng thấy chủ nợ không nhắc nhở gì, đoán là bà đã buông xuôi nên cũng an tâm quên luôn là mình đang mắc nợ.

Một buổi chiều tan sở, người bạn của Hồng lững thững từ văn phòng xách bóp ra bãi đậu xe, thì thấy một thanh niên mặc áo da, đeo kính đen, đứng chờ sẵn bên cạnh chiếc Accord của mình. Chị giật mình khựng lại trố mắt nhìn. Chưa kịp lên tiếng thì từ một chiếc xe đậu cách đó khoảng vài thước, chui ra thêm ba gã đàn ông khác, mặt mũi đứa nào cũng hung tợn - hoặc không hung tợn thì cũng phải làm ra vẻ dữ dằn cho đúng với nhiệm vụ được giao phó! Cả bốn tiến lại vây quanh người bạn của Hồng. Một gã nhẹ nhàng lên tiếng:

- Chào chị Sương. Chúng tôi là người nhà của bà Nhàn. Bà ấy lúc này kẹt tiền quá, nợ bọn tôi có mười ngàn mà đòi mãi không có tiền trả. Bà ấy bảo chị còn thiếu bà ấy mười ngàn, nên bà ấy gán qua cho chúng tôi. Bây giờ chúng tôi theo chị về nhà lấy tiền.

Sương tái mặt, muốn té quị xuống. Đời chị chưa bao giờ phải đối phó với du đãng. Chị ú ớ phân trần rồi xin khất đến chiều mai sẽ thanh toán. Đám du đãng hài lòng kéo nhau đi, hẹn tái ngộ giờ tận số ngày mai.

Bà Nhàn lấy lại được mười ngàn, chia đôi cho nhóm *collectors* một nửa như đã giao hẹn trước. Biện pháp bất đắc dĩ này bà chỉ dùng đến trong những trường hợp tối cần mà thôi, bởi thực sự bà vốn không muốn dính tới du đãng là thứ dao hai lưỡi mà phần nguy hiểm bao giờ cũng nghiêng về phía bà. Bà chỉ muốn tiếng đồn lan ra để thiên hạ biết rằng dưới tay bà có những đàn em sẵn sàng thanh toán bất cứ kẻ nào giật tiền của bà! Và cái chủ đích ấy đã phần nào đạt được, ít nhất là đối với Hồng. Nàng hoảng hốt phân bua với bà Nhàn:

- Ớ hay! Tôi đã bảo với bà bao nhiêu lần rồi là tôi có biết ất giáp gì đâu! Bà rủ ông ấy chơi hụi thì đòi ông ấy chứ sao lại đòi tôi? Chính tôi còn đến tận nhà bà, nói cho bà biết, bà quên rồi ư?

Bà Nhàn không quên, nhưng có lúc bà vẫn nghĩ rằng vợ chồng Hoàng Tiến dàn cảnh. Bà hỏi:

- Thế ông ấy đi đâu?

Bà chưa biết Hoàng Tiến đã dọn đi, cho nên có ý định sẽ ngồi chờ để gặp mặt cho bằng được. Mà Hồng cũng không muốn tiết lộ cho người ngoài biết Hoàng Tiến đã đi, cho nên nàng chỉ nói:

- Hình như ông ấy sang chơi bên nhà ông Cổn. Bà chạy qua bên ấy đi. Thế nào cũng gặp!

Bà Nhàn lắc đầu:

- Ai lại đến nhà người khác mà đòi nợ bao giờ! Tôi cứ ngồi đây, đợi ông ấy. Tôi muốn nói chuyện với ông ấy trước mặt cô, có vợ có chồng, ba mặt một nhời!

Hồng khổ sở:

- Biết chừng nào ông ấy mới về! Có khi ngủ luôn ở bên ấy cũng không chừng!

Bà Nhàn nhấn mạnh:

- Tôi chờ đến sáng mai cũng được. Không nhiều thì ít, phải trả cho tôi!

Để chứng tỏ mình vô can, Hồng xúi:

- Bà gặp ông ấy đâu, cứ túm lấy mà đòi. Ông ấy xấu hổ là phải tìm cách trả nợ bà! Nói riêng với bà cái này: ông ấy nhát lắm! Người trí thức mà! Bà dọa một tiếng là ông ấy vãi đái ra quần!

Từ trong buồng ngủ, Khang giật mình khi nghe Hồng đưa ra một đề nghị quá lạ lùng đối với ông thầy cũ của chàng. Giọng Hồng hăm hở đến độ tàn nhẫn khiến chàng tự hỏi tại sao Hồng lại có thể hận thù Hoàng Tiến đến như vậy! Chàng thấy rõ mình có lỗi trong vụ này đúng như lời con bé Dung vừa nói với chàng chiều nay. Chàng nén tiếng thở dài, nằm ngửa, duỗi thẳng chân, đan hai bàn tay kê dưới đầu làm gối, mắt mở trừng trừng nhìn lên trần. Bên ngoài, bà Nhàn vừa đổi sang giọng hiền hoà, khẩn khoản nói với Hồng:

- Của chồng công vợ! Tôi cũng biết là lúc này ông ấy túng, chả làm gì ra tiền. Cô có thì cho tôi xin tạm một vài ngàn. Tiền hụi của thiên hạ, chứ giá của tôi thì thư thả lúc nào ông ấy trả cũng được!

Hồng lắc đầu quả quyết:

- Tôi nói thật mà! Bà biết tính tôi, tôi ghét những người không sòng phẳng. Ông ấy giấu tôi, chơi hụi với bà, tôi có biết gì đâu! Với lại, tôi làm gì có tiền mà đưa cho bà. Nhưng tôi hứa với bà, ông ấy về, tôi sẽ giục ông ấy xoay tiền trả cho bà.

Khang lan man nghĩ đến ông thầy cũ đang tá túc bên nhà Cổn. Từ hôm Hoàng Tiến bỏ đi, bà Nhàn đã điện thoại sang hai lần, nói chuyện với Hồng. Chiến thuật đòi nợ của bà bao giờ cũng vậy, lúc thì chửi rủa độc địa, khi thì xuống nước năn nỉ. Và dĩ nhiên bà rất kiên nhẫn, cố tình đeo đuổi để con nợ cảm thấy bực mình mà phải thanh toán. Bà nghĩ

giữa đời tang thương

ta quay quắt
đến hụt hơi
tìm bông hoa đẹp
giữa đời tang thương
trượt chân
ngã xuống bên đường
cúi nhìn
thấy đoá vô thường trên tay
ngước lên
lồng lộng trời mây
hoá thân di điểu
xoải bay về ngàn
dáng bay
chấp chới xa đàn
giấu trong đôi cánh
vô vàn nỗi đau
không gian
đổi sắc thay màu
thật ra
chỉ
một nỗi sầu
thay tên...

hồ ông

đúng. Chính Khang là người ngoại cuộc mà thấy bà cứ mè nheo mãi, cũng phải sốt ruột bảo Hồng:

- Sao em không trả phứt cho bà ấy, để bà ấy cứ làm phiền mãi?

Hồng cãi:

- Mắc mớ gì đến em! Bảy ngàn bạc, anh tưởng ít à?

Khang không dám nói thêm nhưng trong lòng rất áy náy. Hồng mua xe cho chàng, lại dám bỏ ra hơn mười ngàn để Khang thực hiện băng nhạc, một điều mà chàng cảm thấy phí phạm một cách vô ích. Lẽ ra Hồng nên giữ món tiền ấy mà trả nợ cho Hoàng Tiến mới phải! Chàng bảo Hồng:

- Bà ấy sẽ còn rượt theo em dài dài, cho đến khi nào đòi được nợ mới thôi!

Quả nhiên vài hôm sau, bà Nhàn lại phone đến nói chuyện với Hồng khá lâu và hôm nay bà đích thân lại gặp nàng. Bà chưa biết Hoàng Tiến đã bỏ đi và Hồng cũng chưa muốn chính thức nói cho mọi người biết điều ấy, cho nên bà vẫn cứ tiếp tục làm phiền nàng.

Từ buồng ngủ, Khang lững thững bước ra, khẽ gật đầu chào bà Nhàn rồi bước thẳng lại tủ lạnh lấy chai nước lọc. Bà Nhàn trố mắt nhìn Khang, quên cả gật đầu chào lại. Hồng ngượng nghịu giới thiệu:

- Chú ấy mướn phòng, mới dọn vào. Nhà rộng quá, các cháu đi hết cả, cho chú ấy thuê, phụ tiền nhà!

Bà Nhàn hững hờ gật đầu. Trong giây lát, bà hiểu ngay câu chuyện khúc mắc đang diễn ra trong căn nhà này. Đã từ lâu, bà vẫn nghe đồn Hồng có kép nhí, nhưng bà chưa tin. Hôm nay thì chính mắt bà được chứng kiến. Thằng thanh niên đang đứng trước mặt bà không thể chỉ là người thuê nhà của Hồng, bởi một người mướn nhà không bao giờ thản nhiên ra vào phòng ngủ của bà chủ như thế được!

Uống cạn ly nước lọc, Khang quay vào buồng ngủ và khép hẳn cánh cửa lại. Chàng lên giường nằm lại và mãi lúc ấy mới nghĩ ra rằng đáng lẽ không nên để bà Nhàn thấy mình trong căn nhà này. Chàng hơi ân hận, nhưng lại tặc lưỡi tỏ thái độ bất cần, bởi chàng đã hứa với con bé Dung là sẽ rời căn nhà này.

"Tuần tới cháu về, hy vọng chú không còn ở đây!" Lời xua đuổi rõ ràng ấy, chàng không thể quên được. Chỉ nay mai chàng sẽ làm đúng như lời hứa.

Bên ngoài, bà Nhàn cũng vừa đứng dậy cáo từ. Bà biết mình lầm. Như vậy là Hoàng Tiến và Hồng đã chia tay nhau hẳn rồi cho nên Hồng mới bưng thằng kép trẻ về hưởng lạc. Hồng chẳng còn dính dáng gì để bà nói chuyện, bởi đó là món nợ riêng của Hoàng Tiến, một người mà giờ này đã trở thành hoàn toàn xa lạ đối với Hồng. Ra tới cổng, bà hỏi Hồng:

- Vậy là ông Tiến bây giờ không còn sống chung với cô nữa?

Hồng trả lời nước đôi:

- Thì vẫn ở đấy chứ, nhưng mà ông ấy đi cả ngày, chả biết lúc nào về!

- Tôi chỉ cần biết, có phải ông ấy ở với ông Cổn không? Nhà ông Cổn thì tôi biết.

Hồng gật đầu. Bà Nhàn trách:

- Vậy mà cô không nói ngay để tôi mất thì giờ, mà lại làm phiền cô mãi!

Hồng chớp mắt ngượng ngùng:

- Đã ngã ngũ hẳn đâu mà nói với bà!

Tiễn khách đi rồi, Hồng khép cửa, chạy ngay vào buồng ngủ, lao lên giường nằm bên cạnh Khang và nói:

- Anh chả để ý gì cả! Mướn nhà mà lại mặc pyjama trong buồng ngủ của em! Bà Nhàn hỏi, làm em ngượng quá!

Hồng trách Khang, nhưng trong giọng nói để lộ sự thản nhiên và dường như reo vui. Nàng thêm ngay:

- Mồm bà ấy là cái đài phát thanh. Chỉ nay mai cả thành phố này ai cũng sẽ biết anh chung sống với em!

Khang lật úp người, xoay mặt vào vách, nằm yên không nói gì. Chàng sẽ ra đi như đã hứa với Dung. Sẽ bán xe trả nợ cho Hoàng Tiến. Chàng quả quyết với mình như vậy, nhưng phân vân không biết có nên nói điều này với Hồng hay cứ lẳng lặng chia tay, đặt Hồng vào tình trạng đã rồi. Hồng đặt tay lên vai chàng và bảo:

- Chắc mình phải tự bỏ tiền phát hành băng anh ạ! *Master tape* mang đi chào khắp lượt, chẳng trung tâm nào mua, dù mình chịu lỗ đến một nửa! Chỉ có một trung tâm trả ba ngàn, nhưng đưa trước một ngàn, thiếu hai ngàn! Mà em nghe người ta bảo, kinh nghiệm trong giới băng nhạc, thiếu tức là kể như mất luôn!

Khang cười buồn:

- Nghĩa là mình bỏ ra gần mười ngàn, bán có một ngàn mà phải năn nỉ!

Rồi chàng chua chát tiếp:

- Đúng là mua danh!

Hồng an ủi Khang:

- Không phải họ chê giọng hát của anh, nhưng họ bảo là anh chưa có tên, khó bán băng lắm!

Khang gật đầu:

- Họ nói đúng đấy! Nhưng mà thôi, gác lại chuyện đó đi. Để từ từ rồi tính! Bây giờ lại bỏ thêm tiền phát hành và quảng cáo nữa thì tốn quá!

- Không được! Đã làm thì phải làm đến cùng. Em còn tiền, anh đừng lo! Không phải em chủ quan, nhưng em thấy giọng hát anh không thua gì Tuấn Ngọc với Sĩ Phú. Chỉ cần lăng-xê đúng mức là anh sẽ nổi.

Khang nghĩ đến Hoàng Tiến, giờ này khép nép nương nhờ bên nhà Cổn, một đồng bạc dính túi không có, chàng lại càng thấy sự phí phạm của Hồng vô lý gấp bội! Nhưng chàng biết mình không ngăn cản được Hồng, bởi tính nàng rất háo thắng và hễ đã định làm gì thì dứt khoát không bỏ cuộc. Chàng ậm ừ câu giờ:

- Việc ấy có lẽ em nên để anh lo. Anh có người bạn đang định lập trung tâm riêng. Anh đã nói qua với họ và họ nhận phát hành cuốn băng của mình đầu tiên, coi như khai trương trung tâm mới!

Hồng ngắt lời:

- Quên, em chưa nói với anh. Thứ bảy này, anh hát cho phòng trà Hoa Đăng nhé. Em *deal* với họ xong rồi!

Rồi Hồng dặn thêm:

- Họ bảo là anh chỉ được hát hai bài thôi, nhưng anh cứ hát thêm cho em, ba bốn bài gì cũng được. Phải hát nhiều thì khán giả mới biết hết tài của mình. Anh nhớ đấy!

Hai người nằm nói chuyện văn nghệ đến gần nửa đêm. Hồng vẫn rất hăm hở trong khi Khang chẳng còn chút say mê nào đối với cuốn băng giới thiệu tiếng hát của mình. Chàng nhìn đồng hồ trên tường rồi làm bộ mệt mỏi ngủ thiếp đi. Mấy lần chàng đã toan tiết lộ cho Hồng biết ý định của mình, nhưng chàng cứ ngần ngại không biết bắt đầu thế nào. Hình ảnh Hoàng Tiến và con bé Dung làm chàng rất khổ tâm, không thể kéo dài tình trạng này lâu hơn được nữa.

Sáng hôm sau, Hồng vừa đi làm, Khang lặng lẽ liên lạc với gia đình bên Louisiana và quyết định về sống với bà mẹ như thời còn ở trong nước. Chuẩn bị mọi thứ xong, chàng ra *dealer* hỏi giá bán xe. Bán gấp,

chàng bị thiệt đến hơn hai ngàn, nhưng chàng không chờ được nữa. Chàng nói dối Hồng là đưa xe đi *tune up* và dĩ nhiên Hồng chẳng có lý do gì để ngờ vực.

Suốt một tuần lễ ấy, từ hôm hứa với con bé Dung, Khang biết là mình sắp chia tay Hồng, nhưng bề ngoài chàng thản nhiên lắm. Ban ngày Hồng đi làm, chàng ở nhà thu xếp công việc. Buổi chiều Hồng về, chàng đón từ ngoài cửa, vui vẻ nói cười và thậm chí rủ nàng đi ăn cơm tiệm hay đi coi hát. Hai người sống với nhau những ngày chan hoà hạnh phúc, nhưng kỳ thực cùng che giấu những dằn vặt riêng tư trong lòng. Khang buồn đã đành mà chính Hồng cũng đang hết sức khổ tâm vì sự chống đối gay gắt của con gái. Nàng thấy rõ một điều: Nếu nàng tiếp tục sống với Khang như thế này thì tình nghĩa mẹ con kể như đứt đoạn! Cho nên cái vui hiện tại của nàng chỉ là cái vui gượng bề ngoài mà thôi!

Tối hôm qua thứ bảy, Hồng hân hoan đưa Khang lại phòng trà Hoa Đăng và ngồi lim dim nghe chàng hát hai bản tình ca. Trước đó, Hồng đã phone rủ cả chục người bạn cùng đến dự để... vỗ tay, cho nên phần trình diễn của Khang được kể là khá thành công.

Sáng nay Hồng dậy trễ. Nàng rủ Khang đi ăn phở, nhân tiện phải mang ít quần áo ra tiệm giặt. Nhưng Khang thoái thác lấy cớ là vừa uống cà phê còn đang ngang dạ. Chàng giục Hồng đi một mình và dặn nàng mua giùm ít trái cây. Hồng vừa đi khỏi, chàng xếp hết quần áo và vài thứ lặt vặt vào va-li, chờ người bạn đến đón như đã hẹn trước. Chàng để lại cho Hồng một bức thư ngắn cùng với xấp tiền bán xe, sau khi đã rút ra bảy ngàn đưa cho Hoàng Tiến.

Ở chợ về, đọc thư Khang, Hồng choáng váng nằm vật ra giường, nức nở khóc. Trong mọi biến cố của cuộc đời bốn mươi năm, chưa bao giờ nàng phải đối phó với một khủng hoảng lớn như hôm nay. Ngày xưa Hồng lấy Hoàng Tiến cũng là lấy vì tình, nhưng là thứ tình mới lớn, mức

cuồng nhiệt không thể sánh nổi với thứ ái tình nàng dành cho Khang bây giờ. Khang ra đi, tương lai trước mắt nàng chỉ còn là một màu u ám. Nàng vò lá thư ném vào góc phòng. Rồi một lúc lâu sau lại cúi xuống nhặt lên, mở ra xem lại. Nàng không biết sẽ tìm Khang ở đâu, nhưng mang máng nhớ lại thuở Khang mới qua, đã nhiều lần điện thoại cho Hồng từ Louisiana, cho nên có thể Khang sẽ về đó. Nếu cần, Hồng sẽ sang tìm lại, giống như ngày xưa ở trong nước, nàng đã vượt bao nhiêu gian khổ, dắt con xuống vùng bốn thăm Khang trong tù.

Nằm một lúc, Hồng lau nước mắt ngồi dậy, cất tiền vào bóp rồi bước sang phòng tắm rửa mặt. Đang chải tóc thì có tiếng chuông điện thoại reo. Nàng chạy lạo ra phòng khách với niềm hy vọng mong manh người đó là Khang. Nhưng nàng thất vọng ngay vì con bé Dung từ trong trường gọi cho Hồng và nhập đề ngay:

- Mẹ cho con nói chuyện với chú Khang một chút.

Hồng giật mình nhớ lại mới tuần trước, con nàng đã về thăm và gay gắt lên án việc nàng đón Khang vào chung sống. Hồng nén xúc động bảo con:

- Chú ấy đi rồi con ạ! Đi luôn rồi. Không còn ở đây nữa!

Dung nói như reo:

- Con cũng nghĩ vậy. Chú Khang đã hứa thì lúc nào cũng giữ lời. Lát nữa con về thăm mẹ!

Hồng sửng sốt:

- Chú ấy hứa gì với con?

Dung kể:

- *Weekend* trước con nói chuyện với chú ấy, yêu cầu chú *move out!* Chú hứa với con là tuần này sẽ đi.

Hồng thấy nghẹn trong cổ vì vừa tức vừa ngượng. Nàng hỏi lại:

- Con... đuổi chú ấy đi?

- Không phải đuổi! Con chỉ yêu cầu chú ấy thôi!

Hồng không biết nói sao, chửi con thì cũng vô lý. Nàng thấy tội nghiệp Khang và càng thương Khang hơn bởi nàng tin rằng chỉ vì con mình nặng lời mà chàng phải dứt áo ra đi! Nàng hỏi con bé thêm dăm ba câu vớ vẩn nữa rồi gác máy. Hồng trở lại phòng tắm, nhìn mình trong gương và thấy da mặt nhợt nhạt như người trúng gió. Nàng nhớ có đọc một bài báo về thẩm mỹ trong đó có câu: Trên mặt người phụ nữ, có thể không cần vẽ mắt, không cần đánh phấn, nhưng bắt buộc phải tô son môi để da mặt khỏi tái. Hồng thấy điều đó đúng, nhất là ở vào lứa tuổi của nàng. Nàng cầm thỏi son, thoa một lớp mỏng, đầu óc vẫn choáng váng nghĩ đến Khang. Nàng thất thểu bước ra phòng khách và ngồi phịch xuống sofa. Mới được vài phút thì Cổn đến, mang cho nàng bản tin Khang vừa ra phi trường. Dù chẳng biết giờ giấc nào Khang sẽ lên máy bay, và cũng không biết Khang mua vé của hãng nào, nhưng Hồng vẫn lấy xe phóng ra phi trường với chút hy vọng có thể níu kéo lại cuộc tình đổ vỡ. *(còn tiếp)*

---

yêu

Nếu em là núi là non
Thì anh làm gió thổi luồn quẩn quanh
Em là hương ngát hoa chanh
Anh đem chậu sứ ướp dành để riêng
Nồng cay em tẩm gừng riềng
Thì anh nêm, nếm cho duyên đậm đà
Em là bóng mát cây đa
Anh làm chim hót ngợi ca lá cành
Em là rượu cất để dành
Anh làm men ngọt cho tình trăm năm
Em là ấm áp chỗ nằm
Quấn chăn ôm mộng anh tằm nhả tơ
Nếu em là biển là hồ
Anh con cá lội ngu ngơ với mình
Em là giọt nắng bình minh
Anh làm hoa nở hứng tình thủy chung
Nếu em là gối là mùng
Anh không sợ muỗi ung dung ngủ vùi
Em ơi em hỡi em ơi
Làm sao nói hết được lời yêu em...

t.t. mây trên ngàn

mặt trời đã tắt

Mai em về quê mẹ
Quê mẹ chắc buồn hơn trại cấm
Người ta đẩy em lên xe,
nước mắt chảy từng giòng
Em bật khóc, dù từng ngày vẫn khóc.

Mai anh về quê cha
Đã thấy bóng trại giam
thăm thẳm giữa rừng già
Chắc nuối tiếc những ngày tù đất Thái
Những ngày tù không làm anh sợ hãi

Mai chị về, tê tái
Những con đường mua bán tuổi thanh xuân
Tổ quốc ta tủi nhục đến trăm lần
Chắc chị nhớ chút nắng chiều xứ Mã

Mai, mọi người về cả
Vết thương cũ chưa lành,
cơn đau mới mang theo
Xưa, sá chi sông biển hiểm nghèo
Nay, nhân loại ngập ngừng ngoảnh mặt
Mai mọi người về, mặt trời đã tắt!

kha huyền

TRUYỆN MA ĐỒNG QUÊ MIỀN NAM

bãi gió cồn trăng

Hồ Trường An

Chương 1

Hôm nay ông Năm Tảo đi lên Tân Ngãi đặt làm ba cái bài vị cho ông bà nội mình và cho bà đích mẫu của cha mình để thờ tại trung đường. Ông không ngại tốn kém, đặt làm bài vị sơn son thếp vàng rực rỡ.

Nhà ông mái lợp ngói móc, vách ván, gồm ba gian hai chái. Gian giữa, ông thờ bức tranh A Di Đà Tam Tôn. Gian bên trái ông thờ cha mẹ mình. Gian bên mặt ông thờ ông bà nội và bà tổ đích mẫu. Còn chái bên trái ông đặt các hộc tủ chứa dược thảo cùng kệ sách. Chái bên mặt ông kê hai chiếc tủ kiếng bày đồ cổ ngoạn. Trước bàn thờ cha mẹ, ông bà là bộ ngựa bằng gỗ giáng hương. Nơi gian giữa ngoài bàn thờ Phật là chiếc bàn dài bằng gỗ nu nổi vân, hai bên có hai chiếc trường kỷ chạm chim, sóc, trái nho.

Bà Năm Tảo đang soạn một mâm cơm nho nhỏ để cúng cô em nhà chú dù hôm nay không phải là ngày giỗ của cô. Cô nầy từ trần cách đây gần mười năm. Số là cô bị một gã sở khanh dụ dỗ đến mang bầu. Hắn hứa cưới cô và khuyên cô dưỡng thai. Ai dè chén thuốc hắn ân cần đưa cô uống, nói là thuốc dưỡng thai đó, thực sự là cỏ Càn Ngươn sắc đặc, chuyên dùng phá thai. Cô uống vào, thai ra cùng lúc với cơn băng huyết. Mất máu nhiều nên cô vong mạng. Đêm qua trong cơn chiêm bao, bà Năm thấy cô hiện hồn về mách bảo:

- Tuổi em hạp với con Ba Tuý Nguyệt. Từ nay em sẽ là vong cô phù hộ cháu gặp duyên ưa phận đẹp. Còn bà tổ đích mẫu của anh Năm là vong cô của con Hai Tuý Ngọc đó.

Mười năm qua rồi, tên sở khanh kia đã trải hai đời vợ nhưng người em gái yểu mạng bạc phước của bà vẫn chưa đi đầu thai. Tía má bà người gốc Quảng Nam, còn cha mẹ ông Năm gốc Quảng Ngãi. Mâm cơm cúng phải có một món ăn ở hai tỉnh đó.

Hôm nay cô Hai Túy Ngọc mua được một mớ cá đối. Cá nầy kho lạt, rắc hành và chan mỡ xắt hột lựu ngon phải biết! Ông Năm thích ăn bánh bèo Quảng Nam chan nước cá nục kho với ớt sừng trâu. Không có cá nục, dùng cá đối thay thế cũng được. Món bánh bèo quê hương của bà làm bằng bột gạo, lớn cỡ miệng chén đựng bánh trôi nước, trắng mềm, thoa mỡ hành coi thiệt ngon. Ngoài món bánh bèo ăn cặp với cá đối kho, bà còn làm thêm món bánh bèo lục tỉnh lớn cỡ đồng xu, trét nhưn đậu xanh và rắc tôm bằm nhuyễn. Mâm cơm cúng có thêm tô canh sườn heo nấu với củ cải muối rắc ngò gai xắt nhuyễn, dĩa dưa kiệu xé tơi xào tôm thịt và tộ cá bống cát kho nước đặc sánh.

Ông Năm Tảo là một thầy lang giỏi, nhờ nghề xem mạch hốt thuốc mà dư ăn dư để. Nhưng đối với người chung quanh, ông là kẻ trái đời. Vào những thập niên đầu thế kỷ, vợ không sanh con trai mà ông không nạp thiếp, nạp hầu. Chẳng những vậy, ông còn dùng những chữ huê mỹ đặt tên cho các con, và cho học thêm chữ nho, chữ nôm, làm thơ làm phú ngoài việc học bếp núc, vá may.

Cô Hai Túy Ngọc trắng da dài tóc, nhan sắc bóng bẩy, phẩm cách cao sang. Cô Ba Tuý Nguyệt nước da tuy mởn nhưng không trắng bằng chị, dung nhan mặn mòi, ăn nói có duyên.

Bà Năm Tảo nhìn bóng nắng nơi ngạch cửa, gọi hai cô con gái cưng đang xới líp huệ bên hông nhà:

- Trời sắp đứng ngọ rồi, bây liệu mà vô nhà đi!

Cô Hai vừa bước tới ảng nước điểm loáng thoáng bông cau rụng bởi trận gió đêm qua, vừa giục em gái:

- Thôi chớ. Tạm nghỉ để ăn cơm cái đã. Chiều mát, chị em mình làm tiếp.

Bà Năm bưng mâm cơm từ bếp lên chái bên trái, đặt trên chiếc bàn hột xoài bằng gỗ thao lao quang dầu bóng lộn. Bà ngó qua tấm phên mắt cáo, thấy con gái còn lảng vảng ngoài sân nắng, liền hét:

- Mau vô nhà nghe chưa! Bây

còn làm giống gì ở ngoài vậy? Giờ đúng ngọ là giờ cực dương. Hễ cực dương thì hoá âm. Tao nói ít bây phải hiểu nhiều.

Cô Ba Túy Nguyệt lật đật xách chiếc cuốc vào nhà. Cô Hai Túy Ngọc cũng đã rửa tay chưn xong, nối gót theo em.

Khắp xóm lặng ngắt. Cây cỏ thiêm thiếp say nắng rực rỡ màu vàng ròng. Thỉnh thoảng có tiếng gà gáy lẻ tẻ vọng lên từ trong xóm. Đây là xóm Chuồng Gà nằm bên mặt con lộ Trần Minh Tại, ngoại ô tỉnh Vĩnh Long. Con lộ nầy từ dốc cầu Thiềng Đức đưa tới làng Long Thạnh, băng qua xóm Thiềng Đức, xóm Bánh Phồng, xóm Chuồng Gà, xóm Cầu Kè. Bắt đầu từ cuối xóm Thiềng Đức, con lộ đã xuyên vào vùng miệt vườn rợp bóng mát.

Nhà bà Năm Tảo ở đối diện với khu vườn làng nằm kế bên vùng tha ma mộ địa. Tuy mồ mả nơi bãi tha ma nầy làm bằng vôi trộn nhựa cây ô dước rất xưa, tròm trèm cả trăm năm chớ không ít, và người chết chắc đã đi đầu thai cả rồi, nhưng vào lúc chạng vạng tối cũng chẳng mấy ai dám băng qua con lộ trải đá xah để qua bên kia vườn làng. Vườn làng đây là khu vườn công cộng của làng, do ban hương chức hội tề cai quản. Mấy ông đó chẳng nghĩ gì tới việc khẩn hoang, đốt lau sậy, bứt dây mây dây choại để trồng cây ăn trái. Khắp vườn mọc đầy cây đủng đỉnh, cây dầu, cây sao, cây thị, cây giá tị, bụi tre gai, cụm tầm vông, khóm nứa... Lác đác có vài cây dâu miền dưới, cây phù quân, cây cốc, cây ô môi, vài bụi chuối hột mà tụi chăn trâu thường ghé vô hái trái, cạp ăn nghe rào rạo.

Ven đường là những cây còng lớn cỡ vòng ôm, các loại chùm gởi bám đầy, thân phủ rêu xanh. Tàn cây còng tỏa bóng mát thâm u cả một khúc lộ. Trong bóng mát như chập chờn ẩn hiện bóng u linh.

Sau nhà bà Năm là bến sông Long Hồ, cạnh cây da xà sống trên tám chục năm rồi. Thân cây cao vút, tán lá tỏa rộng, rễ phụ buông xuống như những con rắn lớn cỡ cườm tay. Dưới gốc cây, cà ràng cũ, ông táo, hoả lò, nồi, ơ, trách, trả, vịm, chậu lủng, bể... bày la liệt.

Bà Năm lấy chén gạo lưng thay thế bát nhang đặt lên bàn, cắm cây nhang huyền đàn vừa mới thắp. Bà vái van:

- Ưng ai, vong hồn dì nó sống khôn thác thiêng, nghĩ tình máu mủ mà phù hộ cho hai con cháu gái của dì.

Đúng ngọ, thời khắc ma qui xuất hiện cho tới đầu giờ mùi tức khoảng một giờ trưa. Ai sao không biết chớ cô Hai và cô Ba đã có lần gặp ma vào lúc đúng ngọ. Cách đây ba năm, khi ông bà Năm Tảo mới dọn về khu nầy, hai chị em sau khi dùng cơm trưa xong, vô vườn làng câu cá. Ở đây có một bàu nước trong vắt lớn cỡ hai sào đất. Giữa bàu là những khóm bông súng, lá lớn cỡ cái đĩa bàn trải trên mặt nước. Ven bàu, chỗ nước sâm sấp là những cụm bèo cánh tròn xinh xinh. Cả hai ngồi dưới bóng cây dâu miền dưới, buông cần câu, chăm chú nhìn vào mặt ao. Ngồi mãi, không hiểu vì sao hôm ấy cá không chịu cắn câu. Thời tiết nóng nực, chung quanh hoang vắng, cô Ba Túy Nguyệt cởi áo, kéo chiếc quần lá nem rộng đáy lên tới ngực, vớ chiếc rổ nhảy xuống bàu để xúc cá tép. Trời đang nắng chang chang bỗng đâu một cơn gió thổi tới, xua áng mây đen che khuất mặt trời. Cơn trốt nổi lên làm kẻ trên bờ, người dưới nước cảm thấy rát mí mắt. Đến khi cơn trốt thoảng xa và dịu lại, thì cả hai thấy trong bàu nước có một bà già tuổi ngoài sáu mươi cũng đang xúc cá tép. Sự xuất hiện đột ngột của bà làm hai chị em xững vững. Cô Hai Túy Nguyệt lễ phép hỏi:

- Thưa bác, bác từ đâu tới?

Bà già nét mặt xanh xao, da dùn, tóc bạc dã dượi, cái nhìn lộ vẻ lãnh đạm, thờ ơ và đặc biệt có một nút ruồi đen, lớn bên mép. Bà nhìn kẻ trên bờ, người dưới nước, ấp úng:

- Tui hả? Tui ở đây, cạnh cái bàu này.

Câu trả lời có vẻ kỳ cục, bí mật. Cô Ba Túy Nguyệt hỏi nà:

- Bác tới hồi nào mà cháu không thấy? Bác xuống nước cách nào mà cháu không hay?

Bà già lãnh đạm:

- Làm sao cô thấy được! Nhưng thôi, tui không thể ở đây lâu. Mình xúc cá thôi kẻo trễ.

Bà cầm chiếc rổ xúc một cái, được ngay một con cá bông lớn, vảy ửng xanh lè, một mớ tôm càng và hai con cá sặt bướm. Lúc nãy nước trong bàu ấm ấm vì nhốt hơi nóng suốt ba ngày nắng liên tiếp, giờ đây bỗng giá lạnh. Ham bắt cá nên cô Ba cứ xẩn bẩn bên bà. Cô cũng xúc được ba con cá lóc bằng cườm tay, bốn con cá rô mề và một mớ tép bạc cùng tôm trứng. Đôi lúc bà già xáp lại gần cô, hơi thở của bà lạnh như gió tháng chạp.

Bỗng một con chim thằng chài lông xanh bay lướt qua bên kia đám điên điển trổ bông vàng sát mé nước. Bà già bảo hai chị em:

- Tui phải đi, đã tới giờ có người kêu tui đó! Vậy tui cho mấy cô mớ cá tôm nầy.

Bà trút cá tôm vô giỏ cá của hai chị em. Và trong nháy mắt, bóng dáng bà mất biệt. Hai chị em sửng sốt nhìn nhau, da thịt mọc ốc. Cô Hai hỏi em:

- Hồi bả bước lên bờ, sao tao không nghe thấy tiếng khuấy nước, tiếng lau sậy khua động?

Cô Ba rùng mình:

- Bả biến đi thiệt lẹ. Hay là...

Cô không dám nói tiếp, hối hả bước lên bờ mặc áo vào. Bỗng cô nhìn vô giỏ cá, ré lên:

- Chị Hai! Chị coi đây nè! Trời ơi, sao lạ như vầy!

Cô Hai Túy Ngọc dán mắt vào đáy giỏ. Cá tôm đâu không thấy, chỉ có rác rến và vài cánh bèo mà thôi.

Hai chị em vội vã về nhà, thuật lại cho mẹ mình nghe. Lúc đó bà Năm Tảo đang ngồi nói chuyện với bà Chín Thẹo ở bộ ngựa giáng hương. Bà Chín Thẹo vụt hỏi:

- Có phải hai đứa bây gặp bà già có mụt ruồi bên mép không?

Hai chị em gật đầu xác nhận. Bà

4-10-19.22.25-29-32
9-25

Chín Thẹo vỗ đùi một cái bép:

- Vậy là hai con nầy gặp ma rồi! Hồn ma bà Bảy Cúc đó! Số là hồi năm Nhâm Tuất gì đó, quan Tây Bô-na đem quân đánh chiếm thành Vĩnh Long, dội hỏa pháo vô thành. Quan tổng đốc cho đốt trại lính rồi rút lui. Giặc Tây đuổi theo. Một số quân mình vừa chống cự vừa chạy tháo thân tới rạch Nước Lạnh, bỏ mình hàng chục người. Con rạch đó ở sau vườn làng, cách bàu một đám sậy rộng cỡ hai mẫu. Trong số nghĩa quân liệt sĩ đó có ông Hai Phụng. Ổng chưa lấy vợ, nhà chỉ có một mẹ một con. Bà mẹ sau cái chết của con, đau đớn quá nên thường tới rạch Nước Lạnh khóc lóc than thở. Bà phải mượn rượu giải sầu. Một đêm nọ bả uống say rồi toan tới rạch khóc than với vong hồn con. Ai dè mới tới bàu nước, bả té quị, nhiễm sương mà chết. Dân trong xóm bèn chôn cất bả bên bàu nước. Té ra trên một thế kỷ rồi mà hồn bả vẫn chưa siêu sanh, còn lẩn quẩn bên bàu.

Vụ quân Pháp đánh chiếm Vĩnh Long, sau đó hai cô Túy được cha thuật lại như sau: Tháng hai năm Nhâm Tuất (1862), thiếu tướng Bonard đem 11 chiếc pháo hạm lẫn tuần dương đỉnh gồm một ngàn quân đậu phía trên đồn Vĩnh Long, đổ bộ sát lũy. Thế giặc rất mạnh, trúc chẻ ngói tan. Đồn Vĩnh Tùng thất thủ. Nghĩa quân ta tử thương rất nhiều. Lãnh binh Tôn Thất Thoan, Quyền Lãnh binh Nguyễn Thái, Chánh quản cơ Lê Đình Cửu phải dồn tất cả vào đồn Thanh Mỹ. Quân Pháp dội hỏa hổ (trái nổ để phá và đốt) vào thành. Tổng đốc Trương Văn Uyển túng thế phải đốt doanh trại, đốt kho lương rồi rút về huyện Duy Ninh, không kịp thủ tiêu kho võ khí. Lãnh binh Hồ Lực tiếp ứng mặt trận chạy sau. Một cánh quân của ông do Phó lãnh binh Ngô Thành Riêng điều động bị tản lạc vào ven rạch Nước Lạnh và bị bắn gục tại đây.

Vừa vào nhà, bà Năm Tảo bắt hai cô xức dầu cù là ngay. Tiết trời viêm nhiệt, bịnh thời khí xảy đến biết đâu mà lường, cho nên bà phải đề phòng, không cho cả nhà uống nước mưa chứa trong lu bầu, trong mái đầm để ngoài hàng ba mà phải uống nước trà huế pha gừng, quế.

Bà nhắc nhở:

- Con Hai ăn cơm xong nhớ khuấy bột trứng sam cho tía bây dùng. Con Ba thì nấu cho má nồi chè đậu xanh khổ tai bột bán.

Vừa từ bếp đi lên, tay bưng đĩa bàn đựng rau sam luộc và chén mắm nêm giã tỏi ớt, thì bà nghe cô Ba Túy Nguyệt kêu nhỏ, giọng run rẩy, mặt tái xanh:

- Má, chị Hai coi kìa!

Bà Năm Tảo đặt đĩa rau và chén mắm cạnh mâm cúng rồi cùng cô Hai bước ra hàng ba ngó về phía cây da xà. Quỉ thần thiên địa ơi! Cô em con nhà chú của bà hiện về đó chăng? Cô ta nằm vắt vẻo trên hai nhánh cây da, tóc buông xõa phất phơ trong gió, mặt xanh chành như lúc lâm chung. Cô ta ôm một đứa con trai cỡ ba tuổi mập mạp xinh xắn. Đứa bé bú tay, đầu áp vào ngực mẹ.

Bỗng cô Út Thoại Huê, tên cô em nhà chú của bà Năm Tảo, ngóc đầu ngồi dậy, ngoắc bà Năm:

- Chị và hai cháu lại gần đây cho em tỏ bày câu chuyện. Tới giờ mẹo là hai mẹ con em phải trở về cõi âm.

Bà Năm Tảo ngó hai con rồi cả ba bước lại gần gốc cây da. Nắng bên ngoài chang chang như đổ lửa,

một đoạn đời

Nắng loang lổ
cánh rừng lá thấp
về phố núi
buồn như tới tấp
niềm cô đơn hun hút đỉnh trời
thoáng hương xưa theo người khuất lấp

Mai thức dậy
tưởng là kiếp khác
nhìn thịt da
chừng cũng đổi màu
ngôn ngữ mới lưỡi cong, giọng lạc
lỡ lầm này thẹn với xưa sau

Đã mất hướng
đoạn đời tuổi trẻ
thêm gian nan
xuôi ngược xứ người
bóng lợi danh vai nghiêng nặng nhẹ
khóc lúc vui, buồn rớt nụ cười

Ngày hốc hác
con tim rối nhịp
đêm thăm thẳm
ý tưởng hụt hơi
còn sự sống khó nhọc nối tiếp
giữ được không chút thân phận người.

vạn giả

nhưng vũng bóng mát cây da sao mà rờn rợn, gây gây lạnh! Bà Năm ấp úng:

- Dì về ở luôn đây hay ghé chơi một chút rồi đi?

- Thân em đây vốn vô định sở, những vẫn ở trong cuộc đất Vãng nầy. Chỗ nào trong đất nầy cũng là nhà của em, và bởi nghiệp lực oan trái em không ở một chỗ lâu dài. Thằng Hai Luyện khốn nạn dụ dỗ em cho tới mang bầu. Má con nhà nó còn bầy mưu lập kế phá thai khiến em phải băng huyết mà vong mạng. Trót mười năm nay cái ác quả của gia đình nó chưa chín muồi nên ác báo chưa hiện hành. Ai gieo mạ tháng ba thì tháng chạp sẽ gặt. Riêng dòng họ mình tu nhơn tích đức nhiều, anh chị ăn ở hiền lương sẽ gặp nhiều sung sướng về sau. Em về thăm chị và cầu xin chị một điều: Cây da xà nầy hạp với vong hồn các sản phụ chết trong lúc lâm bồn và các thai nhi lỗi giờ sanh. Xin chị lập dưới gốc da một miễu nhỏ cao hai thước, ngang một thước rưỡi, dài hai thước, có hương án bên trong, liễn đối bên ngoài. Mỗi kỳ rằm Vu Lan nhớ cúng kiếng cho các vong hồn được hưởng. Có vậy em mới theo con Ba để phù hộ cho nó.

Bà Năm Tảo suýt soa khấn vái:

- Dì nó đã dạy thì mẹ con tui xin vưng. Chỉ mong rồi đây không lâu, vong linh mẹ con dì mau được tiêu diêu siêu thoát.

Cô Út Thoại Huê bảo:

- Chị nên giữ kín chuyện nầy, đừng để lối xóm hay biết. Thôi, chị và các cháu vô nhà đi. Em và các bạn ở đây vui chơi chốc lát rồi sẽ về cõi u linh.

Mẹ con bà Năm ngậm ngùi quay vô nhà. Cả ba nhìn qua tấm vách, về hướng cây da. Trên ngọn cây, khắp các cành, vài chị đờn bà xõa tóc chuyền qua chuyền lại. Còn lũ con nít thì bay lượn như chim, cười nói líu lo nhưng âm vang chỉ văng vẳng mơ hồ, lẫn trong tiếng gió xôn xao từ cánh đồng bên kia con lộ đá thổi tới.

Cô Út Thoại Huê cất tiếng hát:

- Nắng lên cho lá héo hon
Cho đáng kiếp chàng phụ rẫy nghĩa xưa.

Một chị đờn bà ru theo:

- Thuở xưa quả báo thời chày
Thời nay quả báo một giây nhãn tiền...

Những lúc hát những câu trách móc đó, cơn giận làm mặt họ xanh như chàm đổ, răng nanh dài ra, mắt sáng quắc như hai cục than ngún lửa. Rồi đám trẻ nít dần dần biến mất, sau đó mới tới lượt các chị đờn bà. Sự yên tĩnh rờn rợn phủ xuống.

Bà Năm Tảo bảo con:

- Để má hâm lại các món ăn.

Bà bưng mâm xuống bếp. Cô Hai nối gót mẹ. Vừa lúc đó ông Năm Tảo cũng về tới. Cô Ba liền múc thau nước mát cho cha rửa mặt. Cô Hai nói với bà Năm:

- Tía về rồi đó. Má lên hầu chuyện tía đi, để con hâm thức ăn cho.

Ông Năm Tảo tác người roi roi. Nhờ ông dượt võ Bình Định đều đặn, cũng như chịu khó làm vườn cuốc đất mỗi khi rỗi rảnh nên thân thể cường tráng, bụng săn chắc chia làm sáu múi. Mặt mày ông bặm trợn nhưng hoà hưỡn, cằm vuông, mày sắc. Ông lớn hơn vợ một tuổi nhưng không giữ nét trẻ trung bền dai bằng vợ. Gần tới tuổi năm mươi mà tóc bà Năm vẫn đen láng như huyền, mặt không một vết nhăn, vóc mình hơi mập, tươi mát. Thương yêu vợ nên dù không có con trai, ông vẫn không chịu nạp hầu, nạp thiếp. Nhớ ơn đó, bà chiều chuộng, săn sóc ông từng chút.

Trong khi cô Ba xuống bếp lấy đường cát mỡ gà và bột huỳnh tinh khấy trứng cá cho cha thì bà Năm Tảo thuật lại giấc chiêm bao đêm trước và vận sự các oan hồn hiển hiện cho chồng nghe. Ông cứ gật đầu chấm câu, không hề ngắt lời vợ. Nghe xong câu chuyện, ông nói:

- Má nó thấy tui có lý hay không? Hồi tui tính dọn về đây ở, má nó cứ cằn nhằn tui sao chọn nhà gần chốn tha ma mộ địa. Nay má nó rõ rồi đó: đức trọng quỉ thần kinh. Tui noi gương ông bà, giữ vững khí tiết. Má nó thì giữ dạ hiền lương, lại dạy cho con cái hiếu thảo, tiết trinh. Vậy thì ma quỉ nào nỡ lòng khuấy phá, hãm hại mình?

Bà Năm Tảo hạ thấp giọng:

- Để rồi ông coi, gia đình ông Bang biện Hưỡn sẽ trả quả!

Ông Bang biện Trần Văn Hưỡn là cha của cậu Hai Luyện, nhà ở xóm Cầu Đào, gần chùa Bảy Phủ. Ông nội của ông Bang biện vốn là bạn đồng hương với ông nội ông Năm Tảo, quê làng Mỹ Khê, huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi. Cả hai cùng vào Nam lập nghiệp. Nhưng trong khi ông nội ông Năm Tảo sống bằng nghề xem mạch hốt thuốc thì ông nội ông Bang biện theo tên Việt gian Trần Bá Lộc chuyên đánh dẹp, bắt bớ các nghĩa quân chống Pháp ở vùng Tiền Giang.

Vào năm 1862, trong trận đánh chiếm Vĩnh Long, nhờ ông nội ông Bang biện Hưỡn điểm chỉ mà quân Pháp đã tiêu diệt đám nghĩa quân của Lãnh binh Hồ Lực. Để trả ơn, ông ta được Pháp cho làm tri huyện tại huyện Duy Ninh. Cha ông Bang biện Hưỡn là con trai duy nhứt, thừa hưởng một gia sản khổng lồ, ruộng đất cò bay thẳng cánh, trong tủ có trên ba trăm lượng vàng. Ông Bang biện Hưỡn là thứ nam, không được coi sóc ngôi nhà thừa tự và hưởng ruộng đất hương hỏa. Nhưng ông thọ hưởng được tánh gian ác của ông nội cùng sự quyền biến và biển lận của tía ông nên ông lập nên cơ nghiệp to tát chẳng mấy chốc.

Nhà ông Bang biện Hưỡn ở sâu trong rạch Cầu Đào, giữa khu vườn trồng cây ăn trái. Nhà lợp ngói lưu ly màu ngọc thạch, nền đá da qui cao tới ngực, tường đúc, nền nhà lót gạch bông, sân trước, sân sau, sân bên đều lót gạch tàu. Trong nhà, bàn ghế bằng gỗ nu, gỗ cẩm lai. Bàn thờ bằng gỗ trắc khảm ốc xa cừ lóng lánh. Các gian bầy đầy đồ ngoạn khí; chậu, choé, đôn đều bằng sứ quí giá. Đó là chưa kể hai chiếc tủ kiếng, mỗi chiếc dài bốn thước gồm bốn

từng chứa toàn chén, dĩa, độc bình cổ thời Gia Tĩnh, Khương Hy, Càn Long... Đáng kể nhứt là cái lẫm lúa ba gian dài 12 thước đập vào mắt lối xóm, chứng tỏ ông là bực đại điền chủ có tới 300 mẫu ruộng tốt.

Ông bà Bang biện Hưỡn tuy giàu có nhưng cư xử rất khắc bạc với tôi tớ, tá điền tá thổ. Bà cho vay ăn lời cắt cổ. Hễ con nợ túng hụt, không kịp trả tiền lời đúng hạn là bà mắng nhiếc chửi bới. Có lần bà dám nhảy lên bàn thờ ông bà của một con nợ, dậm chân đùng đùng.

Nếu cậu Hai Luyện ưa phá trinh con gái người ta thì ông Bang biện thích ve vãn vợ con tá điền. Ông khoái ngủ với những người đờn bà có chửa mà dân sành việc gối chăn gọi là "núp gò mối đâm heo".

Cậu Hai Luyện trải qua hai đời vợ. Người vợ trước của cậu chết trong buồn rầu, thất vọng vì lấy phải người chồng bạc bẽo, ưa đào đĩ. Người vợ sau vốn là con ông tri huyện, tánh bướng bỉnh. Khi về làm dâu, mợ ta gây gổ với cha mẹ và hai cô em chồng. Hễ cậu vắng nhà lâu là mợ ó ré chửi mắng. Nếu cậu cự lại là mợ xách dao rượt cậu chạy vắt giò lên cổ. Cô Ba Cẩm Tú, em kế của cậu, có trỏi giọng chảnh lỏn là mợ lập tức ghịt đầu, vả lia lịa vô miệng. Sau đó, mợ mượn cớ về thăm nhà rồi ở luôn. Cậu qua rước, mợ chẳng những không về còn đon ren chửi xéo cha mẹ chồng.

Cô Ba Cẩm Tú chơi thân với một cô bạn học cùng lớp trường Áo Tím. Thấy cô nọ có ông thầy thuốc tốt nghiệp trường y khoa Hà Nội đi hỏi, cô tìm cách rù quến vị lang tây kia khiến cô bạn thất vọng uống á phiện trộn dấm thanh tự tử.

Cô Tư Cẩm Lệ, con gái út của ông bà Bang biện, nhảy vào làm bé một ông thầy kiện ở Sài gòn rồi lấn quyền vợ lớn khiến bà kia buồn rầu mà chết. Khi nắm quyền chủ phụ trong nhà, cô đối xử với con ghẻ tàn tệ còn hơn là đối với kẻ thù.

Ông Bang biện Hưỡn và ông Năm Tảo vốn là đôi bạn thời thơ ấu. Dù tánh khí khác nhau, nhưng cả hai vẫn giữ tình giao hảo. Lý do thứ nhứt là bởi ông Năm coi mạch hốt thuốc mát tay. Lý do thứ hai cũng là lý do chánh, ông Bang biện cần có ngươi để khoe khoang. Riêng bà Năm và hai cô Túy chưa hề đặt chưn tới nhà ông Bang biện bao giờ! Hễ vô tình đụng đầu nhau ngoài đường, hai cô Túy chỉ chào hỏi lễ phép, nói vài câu xã giao rồi đường ai nấy bước.

Cơm nước xong, ông Năm Tảo sao khử thổ hột muồng thơm, lá hắc phàn diệp, thân, cành và rễ cây mật nhãn. Bà Năm cũng không quên nấu món thang trị ho gồm bách bộ, gừng khô, bông sứ cùi phơi khô, rau tần dầy lá cho mình.

Cô Hai Tuý Ngọc mở nắp thố sứ, múc bột huỳnh tinh khuấy trứng sam vào cái chén sứ nhỏ bày lên mâm rồi mời ông Năm Tảo dùng. Bên ngoài, trời vừa tắt nắng. Ông Năm vừa ăn bột, vừa lắng nghe tiếng bìm bịp vẳng ngoài bến sông. Ông bảo cô trưởng nữ:

- Tía phải qua bên xóm Lò Rèn để trị bịnh cho cô Bảy Thược, con ông Hương bộ Hành, cuối canh hai tía mới về.

Cô Hai Túy Ngọc không nói gì. Ba tiếng "xóm Lò Rèn" như vọng vào ấn tượng cô một thoáng bàng hoàng. Nói là xóm Lò Rèn, nhưng ở đó chẳng có một cái lò rèn nào. Muốn rèn dao, mác, xuổng, cuốc... dân xóm Cầu Kè này phải bơi xuồng vào tận làng Long Thanh.

Bà Chín Thẹo kể rằng, cách đây bảy năm, có gia đình người thợ rèn gồm hai vợ chồng tuổi cỡ 30 và thằng con trai tuổi chừng 13. Hàng ngày, vợ thụt ống bễ, chồng rèn dao mác. Đứa con trai xẩn bẩn bên cha để học nghề. Ai dè một hôm trời mưa, sét đánh chết cả ba. Chòm xóm và họ hàng những người bất hạnh đó chôn họ trong miếng đất, cạnh lò rèn. Trải qua hai mùa mưa nắtng, nền lò rèn mọc đầy cỏ ống, cỏ đuôi chồn, cây ké, cây vòi voi, dây choại, dây nhãn lồng. Nhưng đêm đêm, những người neo xuồng bên kia bến Lò Rèn để câu tôm thường thấy cảnh lò rèn hiện ra, đèn thắp leo lét, lửa lò đỏ rực. Người vợ vẫn thụt ống bễ, người chồng vẫn đập búa lên thỏi sắt nung đỏ đặt trên đe, còn đứa con trai vẫn ngồi chồm hổm bên cha. Tiếng búa nện không chan chát như tiếng búa thường, nó chỉ văng vẳng mơ hồ, vọng vào cõi âm u từng loạt mong manh rời rạc. Cảnh lò rèn ma và ba chiếc bóng u linh cứ sinh hoạt như thế cho tới lúc gà gáy hiệp hai mới tan.

Mỗi khi nhớ tới vận sự gia đình người thợ rèn, cô Hai Túy Ngọc nao nao tấc dạ. Cái chết giáng xuống thình lình biến hai vợ chồng và đứa con kia thành ba oan hồn uổng tử, tâm thần hoang mang mờ mịt. Bởi họ không biết rằng họ đã bước vào cõi chết, họ không hay xương thịt họ đã vùi trong lòng đất và đã vữa nát, hư hoại. Cho nên, nhiều đêm họ tái diễn cảnh sinh hoạt mà họ vẫn làm thuở còn sanh tiền. Có ai tụng cho họ bài chú vãng sanh và kinh cầu siêu để vong linh họ nhận biết được tình trạng của mình hầu sớm đầu thai kiếp khác!

(còn tiếp)

---

bến quê

Sông Bạch Đằng lịch sử
Trôi xuôi theo thời gian
Lòng người mang nỗi nhớ
Đưa chuyến phà sang ngang.

Bến Rừng đầy thương nhớ
Đưa người đi muôn nơi
Người đi yêu bến cũ
Con sông nhớ mặt người.

hoài việt

BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị,v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

LẠI... "KHÌA"

Hỏi: 1. Trong hai câu "*Qua điền bất nạp lý, lý hạ bất chỉnh quan*" và "*Qua điền bất nạp lũ, lý hạ bất chỉnh quan*", câu nào đúng?

Trong hầu hết các sách, cháu thấy các tác-giả đều dùng chữ "*lý*", duy có Dương Quảng Hàm dùng chữ "*lũ*" (*Việt-nam thi-văn hợp tuyển*, bài *Quan-âm Thị Kính* phần chú-thích). *Lý* là giầy, *lũ* là dép. Vậy thì "sửa giày" hay "sửa dép"?

Theo ý riêng của cháu thì "sửa dép" hợp lý hơn: *vườn dưa sửa dép*. Hơn nữa câu "*Qua điền bất nạp lũ, lý hạ bất chỉnh quan*" đọc nghe xuôi tai hơn.

2. Vừa qua cháu có đọc mục góp ý về món "khìa" (*Làng Văn* 108). Ông Ngô Nguyên Dũng bảo "*...thịt... ướp với tỏi, muối, đường,... ngũ vị hương.*" Sau đó bà Từ Kim Tước góp thêm vào: "*tiêu.*"

Đọc xong, cháu ngẩn-ngơ. Chẳng lẽ món khìa không có... nước mắm? Cháu được biết là phụ-nữ Việt-nam sở-dĩ mặn-mà là nhờ nước... mắm! Thế nên ít có món Việt nào mà thiếu nước mắm. Nếu không có nước mắm, liệu món khìa có còn là món Việt không? Hay là khi làm món khìa người ta không ướp thịt với nước mắm, mà chỉ cần khi ăn có chén nước mắm kế bên để chấm?

Lê Thanh Nam
Winnipeg, Gia-nã-đại

KHÌA VÀ XÁ-XÍU

Hỏi: Cháu nhớ lại lúc nhỏ, thấy bà ngoại và má cháu mỗi khi nhà có đám giỗ thường có một món thịt ướp và làm như bà Kim Tước kể, mà má cháu gọi là "khìa", còn bà ngoại cháu gọi là "chiên". Cháu thắc mắc thì người lớn bảo rằng đó là cách dùng chữ của mỗi người, như cái "chén" và cái "bát" vậy. Bây giờ lại được biết món "khìa" có tên là "xá-xíu"! thưa bác, theo cháu biết thì xá-xíu là tên món thịt nướng (không phải chiên) của người Tàu.

Nguyễn Kim Lê
Montréal

Đáp chung các câu trên:

1. Hai câu này trong bài *Cổ quân tử hành:*

Quân tử phòng vị nhiên,
Bất xử hiềm nghi gian;
Qua điền bất nạp lý,
Lý hạ bất chỉnh quan.

Nghĩa là:

Người quân-tử phải biết đề-phòng,

không để lâm vào cảnh bị người khác hiềm nghi.

Giữa ruộng dưa không cúi xuống sửa giày (e người ta nghi mình đang hái trộm dưa);

dưới cội mận không nên dừng lại mà sửa mũ (e người ta nghi mình hái trộm mận).

2. Quả thật, trong món khìa không có nước mắm, vì khìa ướp thịt với xì-dầu.

Theo cuốn *Nấu ăn nhanh* của Nguyễn thị Hường, sau khi ướp thịt với các gia vị, cho vào soong nấu tất cả cho mềm với nước dừa, chỉ còn lại độ nửa chén nước, gọi là khìa.

Trả lời thêm cho bà Nguyễn Kim Lê (Montréal): BC đồng ý với bà, "xá-xíu" là món thịt nướng của người Quảng.

BÁI-HỎA GIÁO

Hỏi: Đọc bộ Cô gái Đồ-long thấy có nói tới Bài hoả giáo tức Minh giáo (sau bị gọi là Ma giáo) dùng biểu-tượng ngọn lửa. Tôi nghe nói đạo này có truyền sang nước Tàu từ đời nhà Tống, không hiểu có đúng không, và đạo này gốc từ đâu tới, có phải Ba-tư?

Nguyễn Văn Lành
Toronto

Đáp: Đạo đó là Bái Hỏa Giáo (*bái*, không phải *bài*), giáo-chủ là Zoroastre, thờ thần lửa, xuất-hiện tại vùng Bá-đạt (tức thủ-đô Iraq ngày nay) lúc đó thuộc về Ba-tư, vào thế-kỷ thứ 7 trước Tây-lịch.

Đạo này truyền vào Trung-hoa vào đầu đời Tống. Theo ngoại-sử, Chu Nguyên Chương người sáng-lập nhà Minh, vốn là tín-đồ Bái Hoả giáo.

LẠI CHUYỆN CẦU KIỀU

Hỏi: 1. Kỳ trước ông BC giải-thích rằng hai chữ "*cầu kiều*" trong câu "*Muốn sang thì bắc cầu kiều, Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy*" là sai, chữ đúng là "*phù kiều*" (cầu nổi) chứ không phải "*cầu kiều*".

Tôi nhớ lúc nhỏ đi học trung-học, các thầy và các sách giáo-khoa đều dạy là "*cầu kiều*". Nay tôi nghe ông nói là "*phù kiều*" thì thấy cũng có thể có lý, nhưng có sách nào đồng ý với ông về hai chữ "*phù-kiều*" này hay không?

2. Về chữ "*thập kỷ*", Tiến-sĩ Phạm Văn Thuyết dùng theo VC, có nghĩa là "*10 năm*", giống như chữ "*thập niên*". VC trong nước đều nói thập kỷ theo nghĩa là "*10 năm*" cả. Theo tôi biết, "*niên*" là năm mà "*kỷ*" cũng là năm, như trong chữ "*niên kỷ.*" Ông BC nên giải-thích rõ hơn về chữ "*kỷ*" có nghĩa là "*12 năm*" của ông.

Ngoài ra, "thiên-kỷ", "kỷ-

nguyên" là bao nhiêu năm? Ông BC nên cẩn-thận!

Nguyễn V.Đ.
Toronto

Đáp: 1. Trong đời của BC đã học được lắm điều sai, do các thầy học hay ông bà, cha mẹ truyền dạy, sau này mới biết. Tuy không trách-móc người trên, nhưng việc tìm hiểu để sửa lại cho đúng, không những không mang tội bất kính, mà còn là góp công với văn-học nước nhà.

Trong việc truy nguyên ngôn-ngữ, không nên có định-kiến mà phải ghi-nhận để tìm hiểu và phán-đoán. Lập lại một điều sai chưa hẳn đã có lỗi, nhưng phân-biệt đâu là đúng đâu là sai rồi chọn lấy một chữ mà dùng, vẫn hơn là cứ nói bừa theo cái biết sẵn có của mình.

Về hai chữ *phù kiều* trong câu *Muốn sang thì bắc phù-kiều*, có mấy người đã ghi trong sách của họ:

- *Thành-ngữ điển tích danh nhân từ điển* của Trịnh Vân Thanh, quyển II trang 1099 (giải-thích chữ *phù-kiều* và dùng câu ca-dao này làm thí dụ).

- *Từ-điển Việt-nam* của Thanh Nghị, trang 1077 (giải-thích chữ *phù-kiều* và dùng câu ca-dao này làm thí dụ).

2. VC dùng chữ "thập kỷ" thay cho "thập niên", chỉ thời gian 10 năm, nhưng họ dùng không đúng cách.

Theo *Đại-nam quấc-âm tự-vị của Huỳnh Tịnh Paulus Của*, do nhà Rey Curiol in tại Sài-gòn năm 1895, nhà xuất-bản thành-phố Hồ Chí Minh tái-bản tại thành Hồ năm 1982, *"kỷ"* là *"một vòng 12 năm."*

Hán Việt từ-điển của Đào Duy Anh in năm 1957, giải-thích *"kỷ"* vừa là *"12 năm"*, vừa là *"năm"* (trang 439).

Theo *Từ-điển từ và ngữ hán việt* của Nguyễn Lân do nhà xuất-bản thành-phố Hồ Chí Minh in năm 1989, giải-thích *"kỷ"* là *"năm"*, và *"thập kỷ"* là *"10 năm."*

Trong Nam, theo *Hán Việt từ-điển* của Nguyễn Văn Khôn, Khai Trí in tại Sài-gòn năm 1960, *"kỷ"* là *"thời-gian 12 năm."*

Theo *Việt-nam tự-điển* của Lê Văn Đức, Khai Trí in tại Sài-gòn năm 1970, *"kỷ"* là *"con giáp"*, tức 12 năm.

Theo *Việt-ngữ chính-tả tự-vị* của Lê Ngọc Trụ (giải thưởng văn-chương toàn quốc VNCH năm 1961), *"kỷ: 12 năm."*

Hán Việt tự-điển của Thiều Chửu, Hoa Tiên in tại Sài-gòn năm 1974, *"mười hai năm gọi là một kỷ"*.

Theo ngữ-pháp Trung-hoa, trong chữ kép "niên-kỷ", chữ "kỷ" là phó từ đi sau chữ "niên", dùng chỉ rõ khoảng thời-gian trong chữ "niên." Vì thế, thời-gian 10 năm phải nói là thập-niên-kỷ; trăm năm là bách-niên-kỷ (còn gọi là thế-kỷ), ngàn năm là thiên-niên-kỷ.

Khi nói tắt, có thể bỏ chữ "kỷ", (thập-niên-kỷ thành thập-niên), nhưng không thể bỏ chữ "niên" là danh-từ mà lấy chữ "kỷ" là phó-từ.

Kỷ-nguyên: không chỉ rõ bao nhiêu năm. Kỷ-nguyên là một thời-kỳ lịch-sử mở đầu bằng một sự kiện trọng-đại, có giá-trị quyết-định chiều hướng phát-triển về sau chung cho cả xã-hội hay riêng một lãnh-vực nào đó. Thí-dụ: kỷ-nguyên Thiên-chúa-giáo, kỷ-nguyên văn-học hiện sinh, kỷ-nguyên chinh-phục không-gian, v.v.

"Niên kỷ" ngoài nghĩa chung là "thời-gian một năm", còn được hiểu là "tuổi". Thí dụ:

Tân nhân dục vấn lang niên kỷ
Ngũ thập niên tiền nhị thập tam.

Nguyễn Công Trứ

LẠI CHUYỆN SÔNG TƯƠNG

Hỏi: 1. Trước kia có người thắc-mắc rằng sông Tương nông hay sâu. Cháu không thắc-mắc chuyện nông sâu, mà lấy làm lạ về thái-độ của những kẻ yêu nhau bị sông Tương chia cách:

Sông Tương một dải nông sờ,
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.

Nếu đã yêu nhau quá lắm, chỉ cách có một con sông "nông sờ" (tức là cạn queo) thì chờ gì nữa mà không xắn quần lội qua tìm nhau, về với nhau cho bõ những ngày xa cách khổ-sở, mà cứ đứng đó than trời trách đất? Bác BC có thấy điểm phi-lý đó không?

2. Trong thơ cổ, khi có tin thư từ xa tới, người hay dùng chữ "tin nhạn"; nhưng theo cháu biết, người xưa cũng dùng cả bồ câu để đưa thư nữa mà sao không nói là tin... bồ-câu? Chữ "tin nhạn" khởi nguồn như thế nào?

3. Cháu nghe hình như câu "hữu xạ tự nhiên hương" (có mùi thơm, tự nhiên người khác sẽ biết rằng mình thơm) còn có khúc đuôi cái gì "...phong lập" nữa, xin bác nhắc cho.

Thu Nga
Toronto

Đáp: 1. Có, BC có thấy phi lý và trong một buổi trà đàm đã mang chuyện nông sâu này ra hỏi học-giả Lê Hữu Mục. Ông Lê giải-thích: Chữ đúng không phải là "nông sờ", mà là "nung sừ". Theo tiếng Việt cổ, *"nung sừ"* là mênh mông, bao-la, bát-ngát. Sông Tương có bao la bát ngát thì những kẻ yêu nhau mới tan-nát cõi lòng, sinh bệnh tương-tư vì chẳng thể gặp nhau.

2. Người phương tây thường dùng bồ-câu đưa thư hơn người phương đông.

Còn "tin nhạn" xuất-xứ từ tích Tô Vũ. Nhạn là một loài ngỗng trời cổ ngắn, mùa lạnh thiên-di xuống phương Nam, đợi xuân ấm bay về Bắc.

Theo *Hậu Hán thư*, Tô Vũ đời Hán đi sứ sang Hung-nô, bị vua Hung-nô bắt giữ, cho đi chăn dê ở phương Bắc.

Khi hai nước hòa-hảo trở lại, vua Hán đòi Tô Vũ nhưng vua Hung-nô vẫn không thả, bảo rằng không biết họ Tô hạ-lạc nơi đâu.

Sứ-giả nhà Hán nghĩ mẹo, nói rằng vua Hán bắn được con nhạn chân buộc thư, chỉ rõ chỗ ở của Tô Vũ. Vua Hung-nô thấy khó chối phải

cho Tô Vũ về nước. Từ đó có điển-tích "tin nhạn" để chỉ thư-tín.

3. Nguyên câu là:

Hữu xạ tự nhiên hương
hà tất đương phong lập.

Nghĩa là: có mùi xạ, tự nhiên (người khác sẽ biết mình) thơm, không cần phải ra đứng giữa gió (để nhờ gió đưa mùi thơm đi xa cho người khác biết).

NHỊ THẬP BÁT TÚ

Hỏi: Xin cho biết nhị thập tú là 28 vì sao nào, ở chỗ nào trên trời?

Lê Anh
Mississauga

Đáp: Hai mươi tám sao này gồm:

- Giác, Cang, Đế, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ nằm ở phía Đông Nam.
- Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích ở phía Đông Bắc.
- Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm ở phía Tây Bắc.
- Tỉnh, Quí, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn nằm ở phía Tây Nam.

CẢI-LƯƠNG HỒ QUẢNG

Hỏi: 1. Cải-lương Hồ Quảng du-nhập nước ta từ bao giờ? Nhạc Hồ-Quảng là nhạc cải-lương biến-chế hay là bài Quảng-đông? Nếu là bài Quảng-đông thì gồm những bài nào? các gánh nào hát Hồ Quảng?

2. Tôi nghe nói nhạc Việt có hơi Nam, hơi Bắc. "Hơi" là gì, có phải là "điệu" hát, là bài bản? Gồm những bản nào?

3. Đối với nhạc Tây-phương, mỗi bài có một nốt chánh, và bao giờ cũng phải hết bài bằng nốt này. Nhạc Việt-nam thì không như vậy, có khi kết bài bằng một nốt khác với nốt chính. Như vậy so với Tây phương là sai phải không? Sao ta không sửa lại theo Tây-phương. Xin cho thí-dụ về cách dứt bài trong nhạc Việt.

Lê Văn Đặng
Montréal

Đáp: 1. Cải-lương Hồ Quảng xuất-hiện trên sân-khấu Việt-nam từ 1935, chịu ảnh-hưởng lối hí-khúc (hát giiễu) của Trung-quốc, thịnh-hành tại các tỉnh Hồ-bắc, Quảng-đông và Quảng-tây Trung-hoa.

Ngoài các bài Trung-hoa, trong "Hồ-Quảng" Việt-nam còn có một số bài bản cải-lương "biến-chế" ra "Hồ Quảng", bằng cách lên lại giây đàn, chuyển sang hơi Bắc.

Bài hát Quảng-đông du-nhập, gồm có: *Mành-pản, Dĩ-phạn, Phảnh-phá, Bọc-cầm-lừng, Sắc-dùi-thấu, Xảo-pản* và *Xái-phỉ.*

Các đoàn cải-lương chịu ảnh-hưởng Hồ Quảng có Phụng Hảo và Minh Tơ.

2. "Hơi" là âm-hưởng. Một "hơi" bao trùm nhiều điệu. Trong âm-nhạc Việt-nam có ba hơi chính là hơi Nam, hơi Bắc và hơi Oán.

Hơi Nam xuất-hiện trước nhất, trong lễ nhạc: hát thờ, cầu-đảo, tế thần, cầu hồn, đưa đám, lên đồng, v.v.

Hơi Nam rõ nét ngay cả trong một số bài kinh Phật, như đoạn khai kinh:

Khai kinh kệ, vô thượng thậm
thậm chi diệu pháp,
Bách niên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thụ trì,
Nguyện giải Như-lai chân thật nghĩa...

Trong hơi Nam lại chia ra ba nhánh; *Nam Ai, Nam Xuân và Nam đảo,* tất cả đều buồn.

Hơi Bắc nằm trong nhạc giáo phường, nhã nhạc, nhạc tài-tử và một số bài hát văn, cúng-tế. Hơi Bắc chỉ phổ-biến trong Nam 6 bài Bắc, Thập thủ liên hườn và một số bài ngắn.

Bảy bài Bắc dài trong nhạc lễ là 7 bài Cò: *Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long-đăng, Long ngâm, Vạn giả, Xàng-xê* và *Tiểu-khúc.*

Hơi Bắc trang-nghiêm, hào-hùng, ảnh-hưởng mạnh vào nhã-nhạc miền Trung.

Hơi Oán mang nặng yếu-tố bi-ai, gồm 4 bài chính là *Tứ Đại Oán, Phụng Cầu, Giang nam* và *Phượng Hoàng,* sau có thêm *Văn Thiên Tường* và *Bình sa lạc nhạn.*

3. Không thể lấy cái khuôn Tây-phương làm chuẩn để phê-bình nhạc Việt được.

Nhạc tây-phương là nhạc chủ-điệu *(musique tonale)*, thành-lập thang-âm có hệ-thống, lấy chủ-âm làm chuẩn, tất cả mọi âm đều dẫn về chủ-âm để kết trong trạng-thái nghỉ-ngơi.

Nhạc Việt là nhạc điệu-thức (*musique modale)*, quan-niệm các nốt trong thang-âm đều tương-đối quan-trọng như nhau, và chủ-âm chưa chắc đã tạo được trạng-thái nghỉ-ngơi hoàn-toàn nên không nhất-thiết phải kết ở chủ-âm.

Thí-dụ:

Điệu-thức I cải-lương, thang-âm là *hò, xự, xang, xê, cống,* dứt bằng *hò.*

Điệu thức II cải-lương, thang-âm *xừ, xang, xê, cống, líu;* âm dứt là *xang.*

Điệu-thức III cải-lương, thang-âm *xang, xê, cống, líu, ú;* dứt bằng *xang.*

Điệu-thức IV cải-lương, thang-âm *xê, cống, líu, ú, xáng;* dứt bằng *xê.*

Điệu-thức V cải-lương, thang-âm *cống, líu, u, xang, xế;* không dứt bằng chủ-âm *cống* mà chuyển sang điệu-thức khác để dứt, như bài *Ú liu ú xáng,* phần đầu dứt ở âm *cống,* phần sau dứt ở âm *xang.*

LỄ CƯỚI CỦA NGƯỜI MIÊN

Hỏi: Cháu yêu một thiếu-nữ Cao-miên. Nàng cũng là người tị-nạn, sống cùng thành-phố với cháu và đi học tiếng Anh chung một trường. Gia-đình nàng căm-thù người Việt y như mối thù truyền-kiếp giữa hai dân-tộc. Ba nàng nói, nếu cháu mà không tránh xa nàng thì ổng sẽ chém cháu bay đầu rồi ổng đi ở tù hay lên ghế điện, ổng cũng làm. Cháu biết là ổng có thể làm thiệt. Cháu có người anh ruột ngụ tại Sacramento, cũng yêu một cô gái Miên và bị anh ruột

của nàng chém rụng một cánh tay suýt chết. Cháu không sợ chết. Đời cháu mà không có nàng sẽ trở thành tha-ma mộ-địa. Ông ba vợ không chém thì cháu cũng nhảy xuống *subway* mình ên.

Bác ơi, cháu lâm tình cảnh nửa sống nửa chết vì đau khổ này được hai năm rưỡi thì ông ba vợ bị ung-thư, chết cách đây một tháng. Bà má vợ không ghét cháu nhiều như ông ba vợ, vì bả là người đầu gà đít vịt, Tàu lai Miên. Vợ cháu cũng không có anh em, bà con gì bên này, chỉ có một ít bè bạn, nên sự chống đối sau khi ông già chết đi thì không còn mạnh nữa.

Bà má vợ đồng ý gả con gái, nhưng yêu-cầu tụi cháu phải làm lễ cưới y như người Miên, nghĩa là không dính-dáng tới kiểu cưới hỏi của người Việt hết. Cháu cũng trơ-trọi, ba má cháu đều ở bên Việt-nam hết nên cháu muốn làm trời làm đất gì cũng không ai cản. Nhưng bác ơi! Cưới theo người Miên thì cưới làm sao? Cháu cưng vợ cháu lắm, biểu làm gì cháu cũng làm, nhưng nghe nói hình như người Miên có tục cắt... cu, đau lắm phải không bác. Tụi cháu có tình-nghĩa với nhau như vợ chồng mấy năm nay nên biểu cháu chịu "ở không" vài tháng cho lành chỗ cắt cũng không sao, nhưng cháu sợ mất giống, không đẻ được con, mà cháu ưa con nít lắm. Bác cố-vấn giùm cho cháu, cháu đội ơn nhiều.

2. Cháu nghe má vợ cháu nói, trên đời này có "ông tà" gì đó linh lắm. Nếu sau này cháu mà bỏ vợ cháu thì "ông tà" vật chết. Cháu thương vợ cháu lắm và không bao giờ có thể xa nàng được đâu, nhưng cháu cũng tò-mò muốn biết "ông tà" là ai mà ghê-gớm vậy bác?

3. Về cách tính tuổi Miên, đối-chiếu với lịch tây, vợ cháu nói là cháu tuổi con bò, còn nàng tuổi con thỏ. Vậy là người Miên cũng có con giáp như mình, phải không bác, mà mấy con tất cả? Mình có 12 con.

Nguyễn Văn Được
Toronto

Đáp: Tội-nghiệp cháu lâm cảnh khổ quá lâu mà vẫn chung tình, rất đáng khen. Tục cắt da qui-đầu chỉ có người theo Hồi-giáo và Do-thái-giáo áp-dụng. Người Miên phần lớn theo Phật-giáo, không có tục này, cháu yên-tâm.

Lễ cưới của Miên khá rắc-rối, nhưng đã yêu nhau thì năm bảy núi cũng trèo, sá gì những chuyện lỉnh-kỉnh vô-hại này!

Trước hết, cháu nhờ ông mai tới thưa chuyện với nhà gái. Lễ này gọi là *sua đòn đâng*.

Khi nhà gái nhận lời, họ sẽ định ngày đám hỏi, gọi là *tâu đòn đâng*.

Trong đám hỏi, hai bên sẽ định ngày cưới, gọi là *chul th'ngay ka*.

Ngày cưới là *pi thi à pia pi pia*, hai họ nhờ hai cụ cao-niên gọi là a-cha thay mặt hai họ điều-khiển buổi lễ.

Trong lễ cưới có lệ cột tay *(chon đay)*, ra ý hai vợ chồng khắng-khít trọn đời. Hai ông *a-cha* sẽ cột tay cháu và vợ cháu vào nhau bằng một sợi chỉ trắng. Bên vợ cột chỉ vào tay chú rể, lúc đó cô dâu chấp tay vái tay chồng. Sau đó bên chồng cột mối chỉ kia vào tay cô dâu, chồng dùng tay phải nâng tay vợ lên. Suốt trong ngày cưới, đôi vợ chồng mới không được tháo chỉ ra. Cả ngày họ phải đi đứng, nằm ngồi, làm... vệ-sinh có nhau. Tối hôm đó dĩ-nhiên vợ chồng nằm chung, nhưng chưa được "động đậy" gì cả.

Qua sáng hôm sau, là lễ *dốt huê lia*. Lễ này cử hành trước hiên nhà, có đủ hai họ và hai ông *a-cha*. Cô dâu chú rể ngồi chiếu, trông về hướng Đông chờ mặt trời lên. Nếu mặt trời bị mây che, phải chờ có một con chim bay ngang, như để thay thế mặt trời, mới bắt đầu làm lễ. Cha mẹ đôi bên và hai ông *a-cha* chúc tụng cô dâu chú rể rồi đãi tiệc.

Tối đến, nhờ một đôi vợ chồng lớn tuổi, đông con, hạnh-phúc vào dọn giường cho cô dâu chú rể động phòng, gọi là lễ *chon-mung*.

Sau đó cô dâu chú rể vô mùng vui-vẻ với nhau, đôi vợ chồng lớn tuổi kia cũng phải nằm lại bên ngoài mùng trong ba đêm liên-tiếp để xem-xét, giúp-đỡ đôi trẻ cho chúng hòa-hợp với nhau.

Trong thư, cháu bảo đã có "tình-nghĩa với nhau mấy năm như vợ chồng rồi" thì xin nhà gái miễn cho cái lễ *chon mung* này. Bên này lại không nằm mùng, trẻ trông ra già trông vào, ngượng chết!

2. Ông tà *(Néak Ta)* giống như thành-hoàng ở ngoài Bắc, là vị thần coi sóc một vùng. Ông Tà có khi là một vị quan to, khi chết được vua sắc phong thành thần. Người Miên không tạc tượng ông Tà, chỉ dùng một hay nhiều hòn đá to làm vật tượng-trưng.

3. Tuổi con thỏ của người Miên tức là tuổi Mẹo của ta; tuổi con bò của người Miên là tuổi Sửu của ta. Người Miên cũng chịu ảnh-hưởng Trung-hoa, dùng 12 con giáp. Họ chỉ đổi con trâu thành con bò, còn con thỏ giữ nguyên theo người Tàu (người Việt đổi con thỏ thành con mèo).

CHUYỆN RƯỢU CHÈ

Hỏi: 1. Tôi sang Pháp này đã mấy năm, ít giao-tiếp với người Tây-phương nên không biết cánh ăn uống ra sao, nhất khi khi đãi rượu, rượu nào đi với món ăn nào, xin bác BC giúp cho.

2. Dao nĩa bây giờ người ta cầm làm sao? Tôi thấy người Mỹ cầm nĩa tay mặt.

Lý Thanh Cảnh
Bordeaux

Đáp: BC cũng ít giao-tiếp như tiên-sinh, kiến-thức về rượu chè, ắt cũng lỗi-thời cả rồi.

Đại-khái thì người ta dùng rượu khai-vị (apératif) trước bữa ăn: Porto, St. Raphael, Dubonet, Anisette,.. Khách đến chơi buổi trưa cũng đãi được. Dùng ly lớn, pha với soda hoặc uống không với nước đá.

Rượu tiêu-hóa (digestif) dùng sau bữa ăn: Cognac, Cointreau, Chartreuse, Cherry, Curacao. Rượu này

uống bằng ly nhỏ.

Rượu nho (vin): Rượu hạng thường thì dùng ly lớn, rượu hạng sang uống bằng ly nhỏ hơn. Tùy theo món ăn mà chọn rượu nho khác nhau:

- Món ăn chơi (hors-d'ouevre) như thịt nguội (buổi trưa), cháo hay súp (potage, buổi tối): uống rượu nho trắng, nhẹ như Bordeaux, Anjou.
- Món biển: dùng rượu trắng, gắt như Vouvray, Muscadet.
- Món gà vịt: rượu đỏ, nhẹ như Beaujolais, St. Julien.
- Thịt nướng: dùng rượu đỏ, hơi gắt: Bordeaux, Bourgogne.
- Món rau cải: không dùng rượu, uống nước lã.
- Món fromage: nếu là fromage ít mùi, dùng rượu trắng như Meursault, Vin d'Alsace; nếu ăn fromage nặng mùi, dùng rượu đỏ như haut-Bourgogne, Châteauneuf-di-pape.
- Món tráng miệng: dùng rượu trắng loại ngon, như Sauternes, Barsac.

Rượu Champagne có thể dùng đãi khách bất cứ lúc nào, trong dịp vui mừng, và đãi suốt bữa ăn.

2. Lệ cầm dao nĩa không đổi: dao tay mặt, muỗng tay mặt, nĩa tay trái. Khi dùng nĩa để ăn rau, đậu hay gỡ cá chẳng hạn, có thể đổi sang tay mặt.

Dao nĩa đang dùng nên gác lên cái giá hay để bên mép dĩa. Khi nào dùng xong, cho vào dĩa, bồi bàn sẽ hiểu ý và dọn đi ngay.

NHẠC-CỤ VIỆT-NAM

Hỏi: 1. Nhạc-cụ cổ-truyền Việt-nam ta ngoài trống lớn, trống cơm, kèn đám ma, đàn cò, đàn gáo, đàn đáy, đàn tranh,.. còn các loại nào nữa. Xin bác soạn lại và kể cho có hệ-thống các loại nhạc-khí VN từ thời xa xưa cho tới nay, ban nhạc loại nào thì dùng nhạc-khí nào? Thí-dụ ban nhạc triều-đình dùng nhạc-khí nào, ban hát chèo dùng nhạc-khí nào?

2. Nhạc-khí Trung-hoa có từ bao giờ, do ai sáng-chế?

Nguyễn Triệu Vân (Paris)

Đáp: Theo Lê Tắc (1307) trong *An-nam chỉ lược*, thời đó có hai loại nhạc: đại nhạc (nhạc triều-đình) và tiểu nhạc (nhạc dân gian).

Nhạc-khí Đại-nhạc có 4 nhạc-khí gồm hai kèn, 1 trống, 1 chũm-choẹ.

- Kèn tất-lật (kèn 3 lỗ, phỏng theo kèn Tàu)
- Tiêu-quản (sáo kép, do hai ống trúc ghép lại).
- Tiểu bạt (cái chũm-choẹ nhỏ).
- Phạn cổ (trống cơm).

Nhạc-khí Tiểu-nhạc, có 6 nhạc-khí gồm 5 đàn giây và 1 kèn:

- Đàn cầm (7 giây, gốc Tàu)
- Đàn tranh (14 hay 16 giây)
- Tì-bà (4 giây).
- Thất huyền (7 giây, gốc Tàu).
- Song huyền (2 giây, sau này cải-biến thành đàn nhị).
- Sáo hoặc tiêu.

Trong Tiểu-nhạc có nơi dùng thêm đàn tam (3 giây), địch (sáo ngang) và phách (trắc gỗ để gõ nhịp).

Đến năm 1437, thời nhà Lê, Lương Đăng bắt-chước theo nhạc nhà Minh Trung-quốc lập hai ban nhạc triều-đình, gồm:

a) Đường thượng chi nhạc (nhại theo *Triều-hạ yến hưởng chi nhạc* của nhà Minh thời Hồng-vũ 1368) là ban nhạc đặt ở thềm trên, gồm 8 nhạc-khí:

- Huyền đại cổ (trống lớn)
- Biên khánh (khánh)
- Biên chung (chuông)
- Thiết cầm (đàn cầm, 7 giây), thiết sắt (đàn sắt, 25 giây).
- Sênh hay sênh hoàng (giống như cái khèn của Lào, do nhiều ống sậy kết thành, có một cần thổi).
- Các loại tiêu: tiêu (sáo dọc), quản (sáo có lưỡi gà), thược (sáo 3 lỗ) và sáo đất (sáo cổ).
- Chúc (một cái chậu bằng gỗ, gõ ra tiếng); ngữ (nhạc-khí gõ bằng gỗ, tạc thành hình con cọp).
- Huân (còi đất 6 lỗ, 1 lỗ để thổi, 5 lỗ để đổi âm).

b) Đường hạ chi nhạc (ban nhạc dưới thềm), nhại theo *Giáo phường ti nữ nhạc* của nhà Minh, gồm các nhạc-khí sau:

- Huyền phương hưởng (nhạc-khí gõ bằng thanh kim-loại).
- Sênh hoàng.
- Hầu (còn gọi là không hầu, đàn 20 giây).
- Tì-bà.
- Quan cổ (trống).
- Quản-địch.

Theo Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút*, đến đời Lê Thánh Tông (1470-1497), triều-đình lập ra hai bộ Đồng-văn (chơi đàn) và Nhã-nhạc (hát và ngâm). Nhạc-khí thời này gồm:

- Trống ngưỡng thiên
- Sênh hoàng
- Long sinh, long phách.
- Tam huyền cầm (3 giây).
- Tứ huyền cầm (4 giây).
- Thất huyền cầm (7 giây).
- Cửu huyền cầm (9 giây).
- Thập ngũ huyền cầm (15 giây).
- Địch quản.
- Đan diện cổ (trống mặt đỏ).
- Quản tiêu phách.

Cũng trong thời này, dân gian có nhạc giáo phường, chơi các nhạc-khí:

- Trương cùng (ống tre 3, 4 thước chẻ dọc, nhạc-trưởng dùng đũa tre gõ lên làm nhịp).
- Trúc địch (sáo trúc).
- Yêu cổ (trống có eo).
- Đới cầm (hay đái cầm, đàn có giây đeo), còn gọi là đàn đáy.
- Dịch quản (quản thúy).
- Phách (do ả đào cầm).
- Trống cái hoặc đan diện cổ.

Tới năm 1587, hai bộ Đồng-văn Nhã nhạc chỉ được dùng trong các đại-lễ như tế Nam-giao, hoặc các buổi đại triều; trong khi đó nhạc giáo-phường phát-triển rất mạnh, được đưa vào cả cung đình. Khi nhập cung, nhạc giáo-phường được gọi là Cung trung chi nhạc, người bình-dân gọi là hát cửa quyền.

Ban hát cửa quyền dùng các nhạc-khí:

- Trúc-sênh (đàn gõ, giống như xylophne), hình-dạng tương-tự như cái chúc (nhạc-khí Tàu), mặt trên thùng đàn có những thanh tre già,

tạo ra các âm thương (sol), giốc (la), dùng giữ nhịp cho cả ban nhạc.

- Thiết huyền, còn gọi là cửu huyền cầm, giống đàn cầm của Trung-hoa, nhưng có 9 giây sắt.

- Đàn tranh.

Vẫn theo *Vũ trung tùy bút*, thời chúa Trịnh, trong dân-gian xuất-hiện thêm phường nhạc Ba Lênh, dùng các nhạc khí:

- Trống: phong yêu cổ, trống cơm, trống tâm-bông.

- Nhạc-khí thổi: xúy quản (kèn), tiêu xúy quản (kèn tiểu), trung quyển xúy quản (kèn tổ sâu),

Theo Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương*, sang thế-kỷ 15 tới cuối thế-kỷ 18, các loại nhạc-khí sử-dụng trong âm-nhạc Việt-nam gồm:

a) Đàn giây:
- Đới cầm (đàn đáy).
- Tam huyền cầm (đàn tam)
- Tứ huyền cầm (đàn tứ).
- Tì-bà.
- Đàn cầm (7 giây).
- Cửu huyền cầm.
- Thập ngũ huyền cầm.
- Tranh (15 hay 16 giây).
- Đàn sắt (25 giây).
- Không hầu (20 hay 25 giây).

b) Nhạc-khí thổi:
- Thược (sáo gỗ, từ 3 tới 5 lỗ).
- Tiêu (sáo gỗ, thổi dọc).
- Địch-quản (sáo kép).
- Trúc địch (sáo tre).
- Sênh hoàng.
- Huân (còi đất).
- Đại xúy (kèn lớn).
- Xúy quản (kèn).
- Tiểu xúy quản (kèn tiểu).
- Trung quyển xúy quản (kèn tổ sâu).
- Loa.

c) Nhạc-khí gõ:
- Đại cổ (trống lớn)
- Ngưỡng thiên đại cổ (trống lớn, mặt ngửa lên trời).
- Quan cổ (trống tròn).
- Tiểu cổ (trống nhỏ).
- Đan diện cổ.
- Yêu cổ hay phong yêu cổ (trống thắt eo, còn gọi là trống tâm-bông).
- Kim cổ (trống đồng).
- Sênh (phách bằng tre).
- Trương cùng .
- Trúc sênh.
- Chúc.
- Ngữ.
- Long sênh.
- Quản tiên phách hay sênh tiền.
- Tiên (roi).
- Chung (chuông).

d) Nhạc:
- Biên khánh.
- Biên chung.
- Huyền phương hưởng.
- Tâm âm la.

Trong tất cả các nhạc-khí trên đây, chỉ có sáo dọc (xuất-hiện tại VN trước khi Trung-hoa có cây tiêu), đàn đáy (đới cầm), trương cùng và trúc sênh là hoàn-toàn do người Việt sáng chế; phần lớn còn lại đều mượn nhạc-khí Trung-hoa và Ấn-độ hay phỏng theo nhạc-khí Trung-hoa, Ấn-độ để chế-biến thêm.

Nhạc-khí chịu ảnh-hưởng Ấn-độ có:

- Đàn Tì-bà (luth), xuất-hiện tại Ấn vào thế-kỷ thứ 7, truyền vào Trung-hoa rồi sang VN.

- Sáo ngang, từ Ấn-độ vào VN qua ngả Cao-miên, Java và Chàm vào thế-kỷ thứ 7.

- Hồ cầm: thùng đàn hình nửa trái bầu, cần đàn cong, kéo bằng mã-vĩ dài. Hồ cầm truyền vào Thổ-phồn sang Trung-hoa, cải-biến thành hình nửa trái dừa trước khi du-nhập VN.

- Trống cơm: gốc Ấn-độ (trống Damaru).

2. Nhạc-khí Trung-hoa có từ thời Phục Hi, Nữ-oa (năm 4483 trước tây-lịch), là thời-kỳ sáng-tạo ra chữ viết và sau đó kinh Dịch xuất-hiện.

Theo *Trí tượng nhạc lục* của Tàu:

- Vua Thuấn chế ra ống tiêu, thoạt đầu có 10 ống, bề dài 2 xích, các ống chắp lại so-le theo hình cánh phượng. Về sau tiêu lớn có 23 ống, tiêu nhỏ 16 ống.

- Bà Nữ-oa, em gái vua Phục Hi chế ra ống Sênh hoàng, hình giống thân con phượng, mỗi ống sênh chia ra 13 cái hoàng, là một loại lưỡi gà, thổi ra tiếng.

Ống vu: một loại kèn gồm 36 hoàng làm bằng tre.

Huân (hay huyên) làm bằng đất nung.

Phẫu bằng sành, nguyên trước để đựng rượu, người nhà Tần dùng gõ làm nhịp.

Theo *Văn-hiến thông khảo*, vua Hoàng-đế chế ra kèn dốc, nhại theo hai âm *thanh, dốc* của chim phượng. Theo *Lương nguyên đế toàn yếu*, vua Hoàng-đế cũng chế ra đàn cầm, gồm 2 giây *thanh, dốc*.

Theo *Hoàn đàm tân luận*, vua Thần Nông cho chẻ gỗ ngô-đồng làm ra đàn giây.

Theo *Lễ ký*, vua Thuấn làm ra đàn 5 giây, và sau thêm 2 giây vào đàn cầm.

Theo *Thế bản*, họ Bào-hi chế ra đàn sắt. Sắt nghĩa là "sạch", gảy đàn sắt để lòng được trong sạch.

Theo *Đế vương thế-kỷ*, vua Hoàng-đế cho giết con quì (một loại thú ở biển Đông), lấy da căng ra làm trống, tiếng kêu vang xa 500 dặm.

Sách *Lã-thị xuân thu* chép, vua Hoàng-đế sai Linh Luân và Doanh Viện đúc 12 cái chuông.

---

gôm

❑ Bài *Kẻ và Chạ, Làng Văn* 107, in sai vài chỗ, xin sửa lại cho đúng như sau:

- trang 26, cột 1 dòng 23: *"kẻ Đô"* xin sửa lại là *"kẻ Đơ."*

- trang 27, cột 2, dòng 33-34 *"và thủ-lãnh. Sau..."*, xin sửa lại là *"và thủ-lãnh (tức là có thủ-lãnh lãnh-đạo). Sau..."*

- trang 28 cột 1, dòng 24 và cột2 dòng 1-9: đoạn này bị dán sai thứ-tự, xin đọc lại nguyên đoạn như sau:

"Còn như từ "chạ", thì Từ-điển tiếng Việt do Văn Tân chủ-biên đã đưa ra ba định-nghĩa:

1. Tổ-chức giao-hảo giữa hai hay ba làng cùng thờ một ông thần trong thời phong-kiến, ví-dụ: làng trên chạ dưới.

2. Đông người, không có trật-tự, kỹ-luật; chẳng hạn: chạ người, chạ việc..."

Xin tạ lỗi cùng tác-giả và quí độc-giả.

❑ *Làng Văn* số 108, trang 7 cột 1 dòng 4: " GS Lê Văn Mão", xin sửa lại là *"ông Hoàng Văn Thuận"*. Xin tạ lỗi cùng hai ông và quí độc-giả.

Những Khám Phá Vật Lý Thiên Thể

Trần Văn Nam

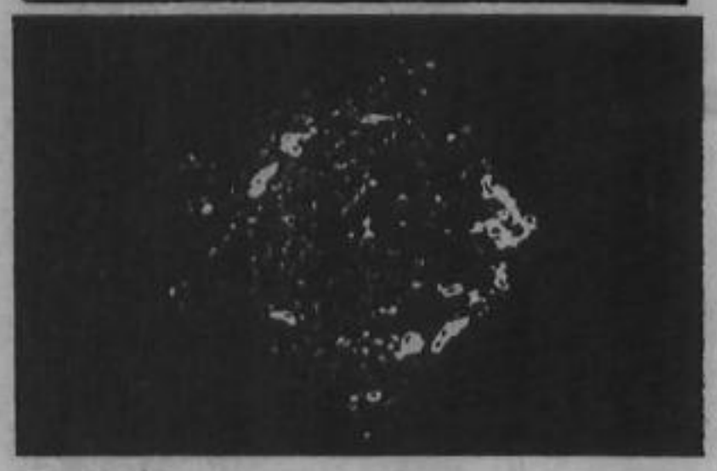

Năm ngôi sao sáng giống như một chữ M không lồ, đó là chòm Cassiopeia, ngai hoàng-hậu. Tại chỗ lõm của chữ M, một vì sao đã nổ tung vào thế-kỷ 17. Hình bên dưới là tàn-tích của sao nổ.

*N*hững hiểu biết về vật lý thiên thể (Astrophysics) xin được viết lại một cách giản dị, dụng ý thật dễ đọc, dựa vào các bài báo trong các tạp chí *Astronomy, Scientific American, Sky and Telescope,* và thỉnh thoảng trong các tuần báo *Time* và *Newsweek.*

. Ngày xưa, thiên văn học là một ngành khoa học chuyên biệt, chỉ quan sát và tính toán, không thể đem bầu trời mà thực nghiệm được. Ngày nay có cuộc hôn phối giữa thiên văn học và vật lý học là do sự khám phá biết được các vì tinh tú trên bầu trời chính là các lò phản ứng hạt nhân.

Đó là các lò lửa được đốt cháy do trọng lực hay sức hút vào bên trong cực lớn. Trọng lực kết tinh từ những trọng khối (Mass) vật chất đầy đặc. Những trọng khối vật chất của thiên thể ấy do biến hoá từ thể khí, thể hơi, từ các hạt vật chất siêu vi, biến hoá dần thành thể lỏng, thể rắn, thành sắt thép,v.v... dưới sức nóng hàng triệu độ.

Sự kết hợp vật lý thiên văn học cũng do những khám phá gần đây về các tia phóng xạ từ các rún trời (black holes), gọi chung là phóng xạ Hawking, và khám phá các làn sóng ngắn bắt nguồn từ các biến cố mạnh mẽ trên các thiên thể. Trong khi đó ánh sáng cũng là một trong những tia vũ trụ có làn sóng trung bình phát hiện cho ta một vũ trụ không đầy đủ.

Chính những tia vũ trụ với làn sóng ngắn như tia gamma, tia quang tuyến X-ray, tia cực tím, tia hồng ngoại, mới phác họa gần đầy đủ một vũ trụ còn đang tàng hình, phóng ra những luồng hạt đi bằng làn sóng ngắn vô cùng mãnh liệt.

Ngoài tia sáng với làn sóng trung bình, vũ trụ còn có tia vô tuyến (radio) mà làn sóng rất dài so với các tia vũ trụ khác. Đặc điểm của tia vô tuyến là đi xuyên suốt, không bị hấp thụ làm cản bước. Người ta đã áp dụng tia này để tạo ra vô tuyến viễn vọng (radio-telescope) có tầm lùng kiếm xa thẳm hơn viễn vọng kính (optical telescope).

Ngành vật lý thiên thể hiện đại (Astrophysics) đưa tới các cuộc thí nghiệm thiên văn học, như thí nghiệm tái tạo các hạt vật chất siêu vi, gọi là hạt căn nguyên (elementary particles), nguồn gốc hình thành các thiên thể, tại phòng thí nghiệm C.E.R.N ở Âu châu (Hoa kỳ cũng đang thiết lập phòng thí nghiệmnày tại Texas). Hạt căn nguyên đó có tên khoa học là quarks. (Quarks là cơ bản của các hạt siêu vi như electron, proton, neutron,v.v...)

. Có hằng hà sa số thiên thể trong vũ trụ. Thiên thể trọng khối nhỏ (low mass) như các vẫn thạch gần như không kết tinh trọng lực. Trọng lực kết tinh từ những trọng khối tương đối còn thấp như các hành tinh trái đất, mặt trăng, hoả tinh, kim tinh... Các hành tinh này có trọng lực còn tương đối yếu, chưa đủ mạnh nên không tự đốt cháy toàn diện và phát ra ánh sáng.

Trọng khối bằng mặt trời trở lên thì thiên thể biến thành tinh tú, thành các lò phản ứng hạt nhân, triền miên đốt cháy, biến hoá từ thể khí, thể hơi, từ hydrogen thành helium, thành lithium, thành oxy, carbon, thành thể lỏng, thể rắn, thành sắt thép, thành cobalt, nikel...

Khi thiên thể trọng khối gấp ba lần rưỡi trọng khối mặt trời trở lên, thì cái lõi của tinh tú toàn là sắt thép do vật chất biến hoá tạo thành. Với

nhiệt độ hàng tỉ độ trên tinh tú, sắt thép không biến hóa thành chất nặng hơn. Ngừng biến hoá, ngừng phản ứng phóng xạ để thải bớt vật chất ra ngoài không gian bằng các tia vũ trụ, tinh tú (với trọng khối quá cao) trở thành kín bưng, có thể phát nổ một lúc nào đó.

Thiên thể nào trọng khối trung bình như mặt trời, được đốt cháy bằng lò lửa màu vàng cam, không nóng đến độ xanh biếc. Tinh tú nào có tia vũ trụ mang vật chất thải ra ngoài cân bằng với bụi hơi nhập vào thì đời của tinh tú vững vàng, bền lâu. Còn thiên thể nào với trọng khối quá cao bị sụp vào do chính sức hút của chính nó, nổ tan tành sẽ chỉ còn cái lõi vật chất nặng gọi là Neutron star hoặc thành black holes (trường hợp tinh tú có trọng khối gấp trăm lần trọng khối mặt trời). Gần trái đất có một sao nổ tại chòm sao Cassiopeia cách đây khoảng 300 năm.

. Khi ta lái xe với tốc độ nhanh, cảnh sát công lộ dùng một cái máy áp dụng hiệu ứng Doppler (Doppler effect) để khám phá. Máy này phóng ra một luồng radar. Luồng radar gặp xe ta dội lại bằng những vòng chu kỳ. Các vòng chu kỳ ấy được gói ghém vào một giây đồng hồ thì gọi là tần số (frequency). Tần số càng cao là số chu kỳ càng nhiều trong một giây. Xe ta chạy tới càng mau thì những vòng chu kỳ càng dồn dập, do đó cảnh sát biết ta đang chạy với tốc độ bao nhiêu. Khi xe chạy qua, càng xa chỗ cảnh sát đứng thì vòng chu kỳ càng nới rộng, nghĩa là tần số càng thưa thớt. (Tốc độ càng mau thì càng xa, càng xa thì tần số càng thấp; khác với tới càng mau thì tần số càng cao).

Các nhà khoa học cũng áp dụng hiệu ứng Doppler để biết độ xa của các thiên hà. (Ngân hà hay Milky way là một trong hàng triệu thiên hà rải rác khắp vũ trụ). Ánh sáng các thiên hà tới được trái đất bằng những làn sóng qua các vòng chu kỳ làm thành tần số cao hay thấp và được thâu vào hệ thống kính quang phổ (spectrum). Các khoa học gia quan sát thấy ánh sáng các thiên hà tới bằng những làn sóng với tần số thưa thớt. Tần số này được ghi vào quang phổ bằng những vạch hồng. Vạch hồng càng rộng thì tần số càng thấp, nghĩa là thiên hà càng xa trái đất. Ngược lại, ánh sáng với vòng chu kỳ dồn dập, tần số cao, được ghi vào quang phổ bằng các vạch màu xanh. Vạch xanh càng hẹp thì thiên thể với ánh sáng lao tới càng lúc càng gần.

Tóm lại, các khoa học gia thấy các vạch hồng trong quang phổ càng ngày càng rộng, chứng tỏ thiên hà càng ngày càng bay xa đối với

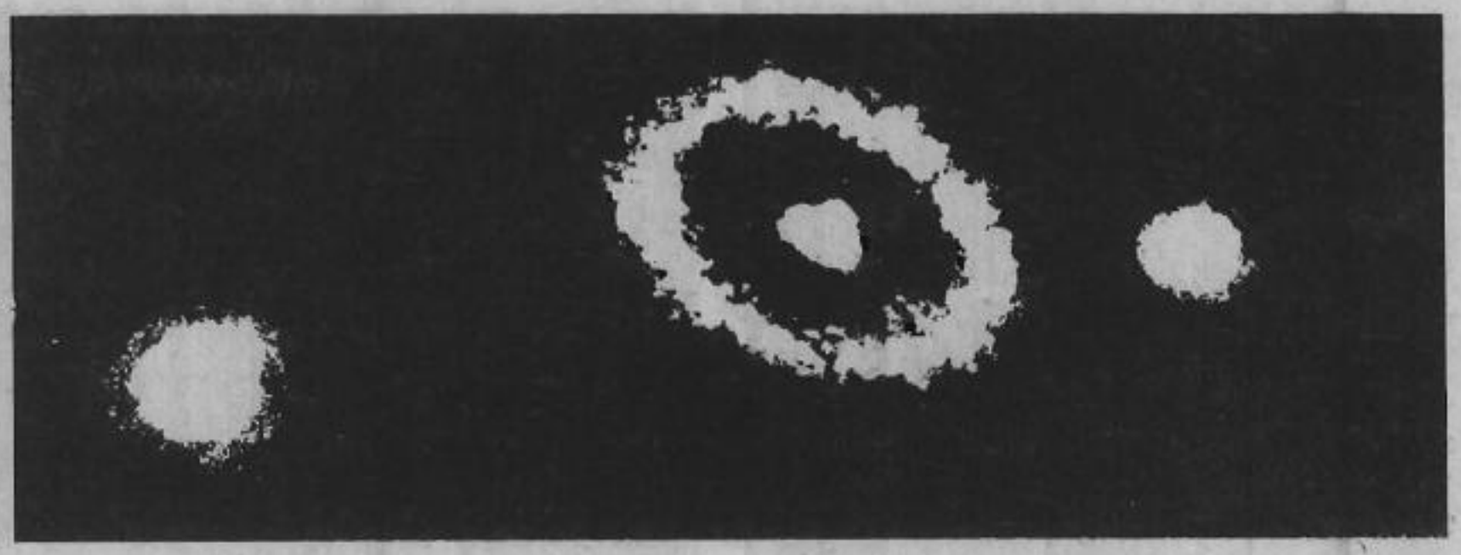

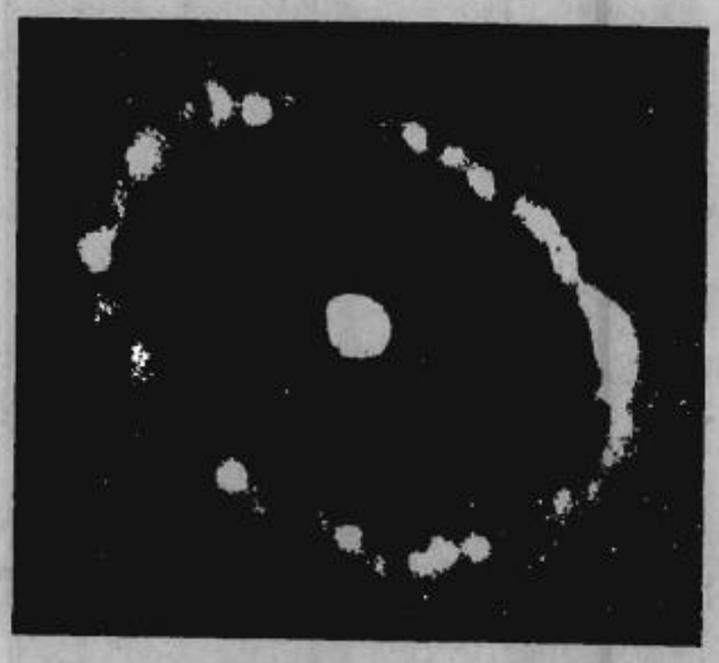

Vành đai tro bụi của một vì tinh-tú nổ cách trái đất 170.000 năm ánh-sáng. Ánh-sáng của vành đai và của vì sao nổ đi mất 170.000 năm mới tới trái đất (năm 1987). Ánh-sáng vành ngoài đến trước 80 ngày và ánh-sáng vành trong đến muộn 420 ngày. (ảnh NASA)

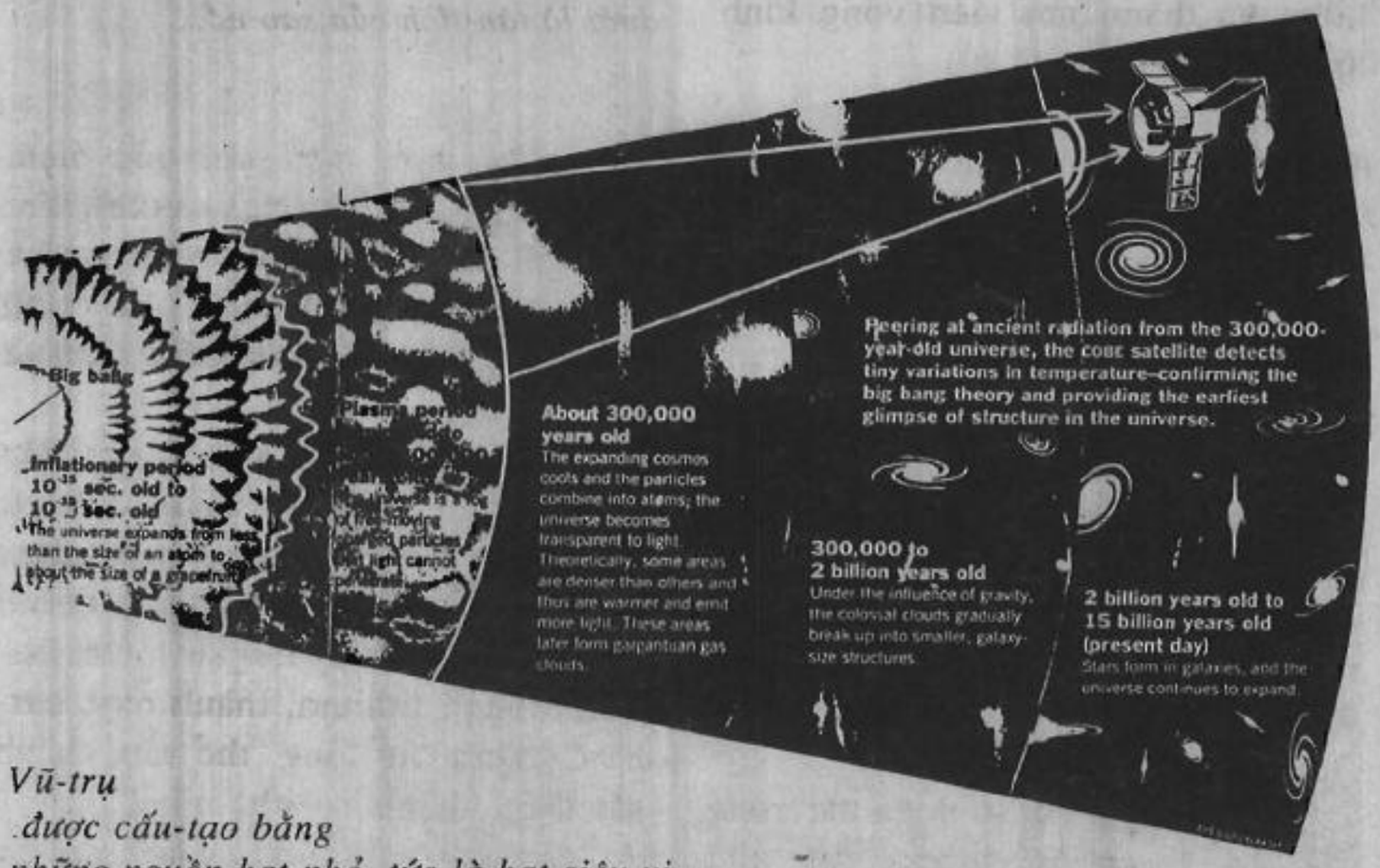

Vũ-trụ
được cấu-tạo bằng
những nguồn hạt nhỏ, tức là hạt siêu-vi
ở bên trong nguyên-tử, hình-thành qua lớp lớp cơ-duyên
(va-chạm, nung-nấu dưới một nhiệt-độ cực cao) Sau một trận nổ khai thiên xảy ra cách đây 15 tỉ năm (theo giả-thuyết khoa-học).

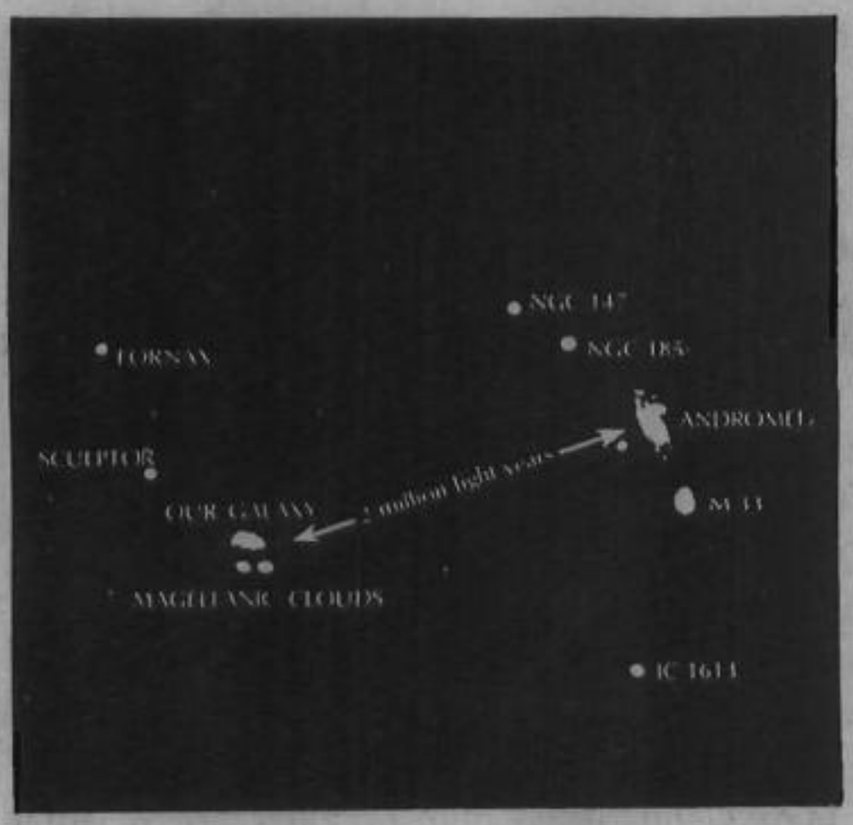

Cụm Thiên-hà địa-phương (local group of galaxy cluster) bao gồm dải Ngân-hà của ta. Thiên-hà khổng-lồ này cũng cùm cụm Andromeda, cách Ngân-hà của ta 2 triệu năm ánh-sáng

9 ngôi sao họp thành chòm Thiên-nga (Cygnus), bay dọc theo Ngân-hà, hướng về phía Nam, sáng nhất là sao đuôi vào mùa hè. Ảnh dưới là Ngân-hà.

quang phổ càng rộng.

. Cơ quan Quản trị Hàng không và Không gian Hoa kỳ (NASA) đã sử dụng ngân khoản 100 triệu đô la để xúc tiến chương trình truy tầm đời sống có trí khôn ngoài trái đất, gọi tắt là S.E.T.I. (Search for Extra Terrestrial Intelligence). Có hai lý do chính đưa tới quyết định này. Một là các giàn vô tuyến viễn vọng rải rác khắp trái đất đều bắt được những luồng vô tuyến phát xuất từ những cõi mù mịt trong vũ trụ.

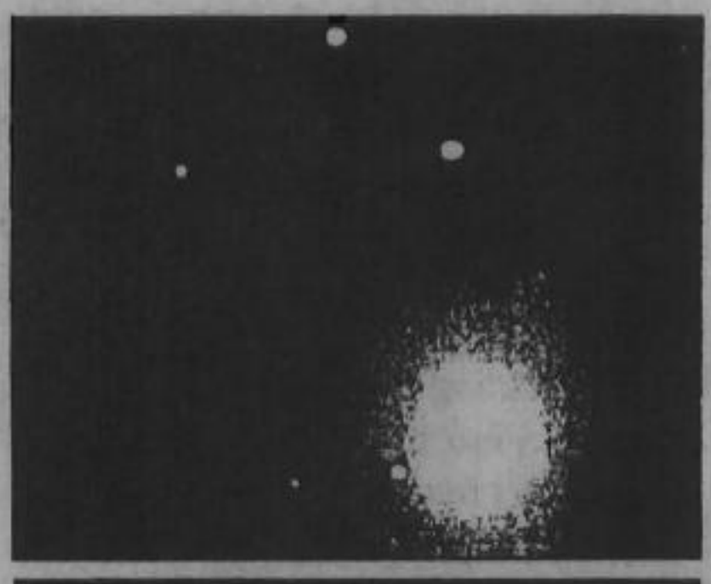

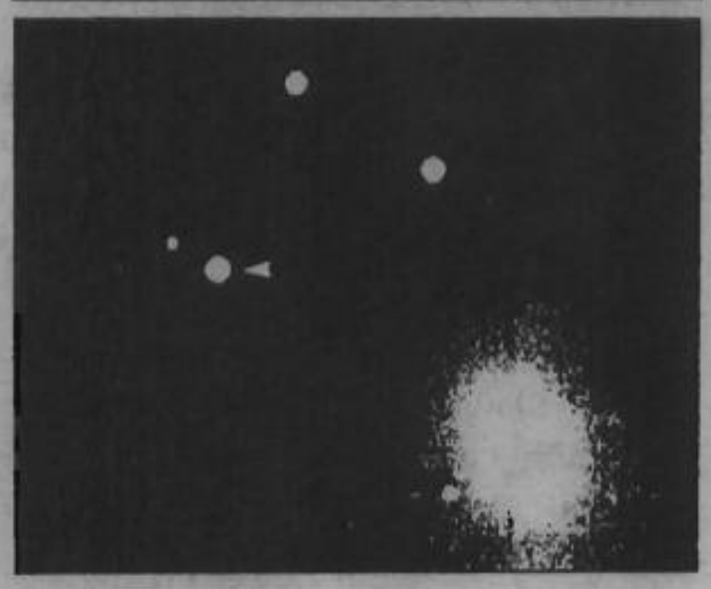

Hình dưới:
Hàng triệu triệu sao đang tập-trung xuống trung-tâm Thiên-hà M32. Đó là bằng-chứng về một vực thẳm đại-hấp-lực do một "black hole" hiện-diện.

trái đất. Vậy là vũ trụ đang dãn nở, bung xa như bọt xà bông càng lúc càng phình ra hay một cái pháo bông nổ bung trên bầu trời.

Như thế, vũ trụ ta ở đang bành trướng với một tốc độ vô cùng lớn. Tốc độ đó là hằng số Hubble (Hubble constant), từ 50 đến 100km mỗi giây đồng hồ trong mỗi quãng cách 3.26 triệu năm ánh sáng. Giống một cái bánh nướng đang phồng ra, thiên hà nào càng ở ngoài rìa vũ trụ thì tốc độ bay xa càng lớn, vạch hồng trong

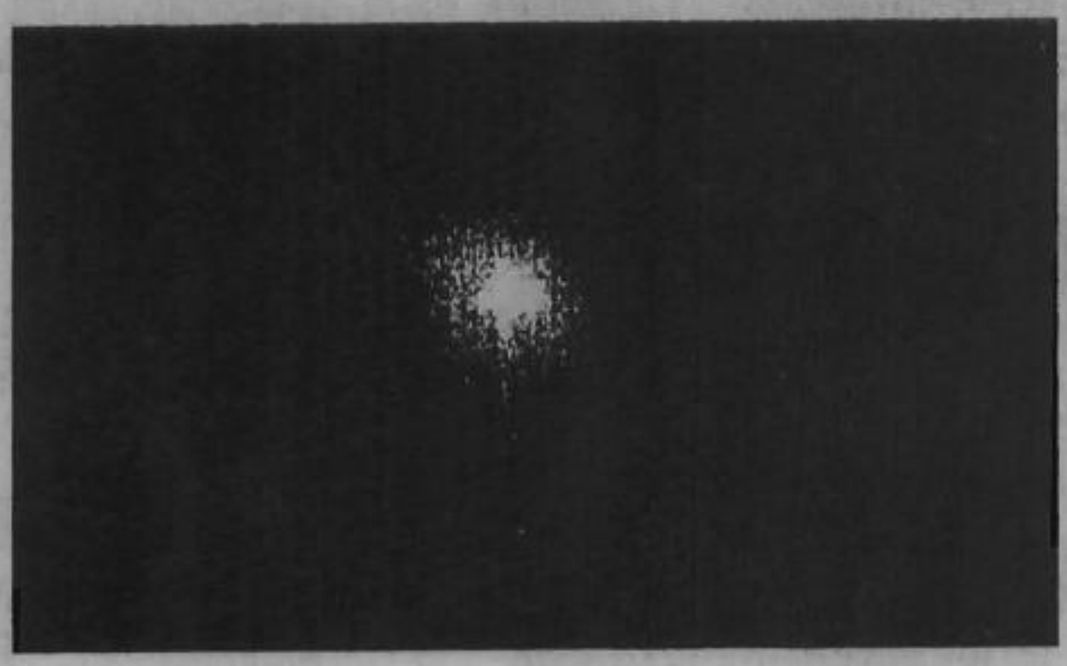

Hình trên:
So sánh hai tấm hình trên, ta thấy một vì sao nổ năm 1993, phía chòm sao Gấu lớn xảy ra trong Thiên-hà M81 cách trái đất 10 triệu năm ánh-sáng (xem mũi tên chỉ ở hình sau, hình trước không có).

DIỄN ĐÀN

Chưa Thôi Được Chữ Thôi

Hoàng Lan

Trên *Làng Văn* số tháng 10.92, chúng tôi có cơ hội trình bày vài cảm nghĩ về chữ "Thôi cũng được" và "Cũng được thôi", nay có thêm một số ý tưởng nên xin thưa tiếp, nhưng cũng xin nói chỉ giới hạn trong cách đặt câu "Cũng phải thôi", "Cũng tốt thôi", "Cũng dễ hiểu thôi"... mà không có ý nói về những chữ *thôi* khác như trong các câu: "Họ không nói đó thôi", "Hổng thương thì thôi", "Chỉ có bấy nhiêu thôi"...

Khi nói rằng miền Bắc mang chữ *thôi* xâm nhập miền Nam sau 75 thì có sợ làm phân chia Nam Bắc không? Thưa không, vì xét kỹ miền Bắc không dùng chữ *thôi* theo cách đã nói trước 54, hay ít dùng thì đúng hơn. Bằng chứng là hơn một triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam năm 54 đã không mang theo cách dùng ấy. Đó là một con số lớn so với 17 triệu dân miền Nam lúc bấy giờ. Họ rải khắp từ Bến Hải tới Cà Mau mà không nơi nào ghi nhận lối nói ấy. Cái mà người miền Bắc mang theo là những *cả, nhỉ, nhé, thế à, đấy*... làm cô Tư, cô Năm của ông Hồ Trường An thấy hay quá là hay.

Văn nói đã vậy, còn văn viết? Văn, thi, nhạc sĩ, nào là Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Phạm Duy... cũng không đem chữ *thôi* ở trên vào văn, thơ, nhạc miền Nam. Ngẫm nghĩ thấy lạ. Trước 54 miền Bắc không nói "cũng tốt thôi" mà sau 54 bỗng dưng lại trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng dùng chữ *thôi* là sao? Có giải thích được chăng? Có lẽ được. Ta hãy bắt đầu bằng tam đoạn luận tân thời:

1. Miền Bắc trước 54 và miền Nam trước 75 không hay dùng cách đặt câu có chữ *thôi* ở trên.

2. Cách dùng chữ ấy khởi sự lan tràn mạnh ở miền Bắc sau 54 và miền Nam sau 75, tức sau khi có cộng sản.

3. Chế độ cộng sản là nguyên nhân làm lan tràn chữ *thôi*, bởi nó hữu dụng cho cả bạo quyền lẫn nạn nhân là người dân hai miền Nam Bắc. Do đó tuy chữ *thôi* du nhập từ Bắc vào Nam, nhưng đích danh thủ phạm chính là chế độ cộng sản khiến người dân phải dùng chữ đó.

Chữ *thôi* tiện dụng cho bạo quyền, vì cộng sản có thể biện minh, bênh vực trơn tru cho chế độ qua cách dùng chữ ấy.

Thí dụ:

- Sau 54, miền Bắc độc lập, hoà bình mà sao dân phải ăn cơm độn khoai? - Ấy, bởi dân ta làm nghĩa vụ chống Mỹ cứu nước, phải thắt lưng buộc bụng giải phóng miền Nam nên ăn độn *cũng phải thôi!* (chứ không phải năng xuất kém vì hợp tác xã thất bại).

- Sau 75, lại cũng đã độc lập, hoà bình và thống nhất đất nước mà sao toàn quốc cứ ăn mì, bo bo dài dài?

- Ơ kìa, đất nước thống nhất nhưng tàn dư Mỹ Ngụy còn nhiều, còn bao khó khăn phải khắc phục, thiếu thốn ban đầu *cũng dễ hiểu thôi*! (chứ không phải vì chính sách dùng bao tử để cai trị).

- Tại sao công ty quốc doanh thua lỗ, tham nhũng hối lộ ngày càng lan tràn trong giới cán bộ, đảng viên? - Thế này này, các đồng chí ấy mới ở rừng về chưa quen quản lý nên có chút lấn cấn đấy thôi. Ta đang ở thời kỳ quá độ trước khi tới Xã hội Chủ nghĩa nên có vài hành động tiêu cực lẻ tẻ thì *cũng đúng thôi.*

Nào, còn ai muốn thắc mắc nữa không? Từ ba thí dụ trên, độc giả rảnh rỗi có thể soạn bài đố vui để học, và sẽ thấy rằng vấn đề nào cũng có thể giải thích xuôi rót, lấp liếm che đậy khéo léo bằng chữ *thôi.*

Với người dân bị kềm kẹp, có nhiều lý do để dùng chữ ấy mà ta sẽ nói thêm về sau, ở đây chỉ nói tới hai ý: Một, nó tượng trưng phản ứng tiêu cực, yếu ớt, biết nói cũng vô ích nhưng nhu cầu tâm lý bắt con người phải thốt ra. Họ nói cho chính họ với ý "ta còn sống đây", còn có thể có ý kiến dù chỉ là ý kiến vuốt đuôi, xuôi thuận, đồng tình. Hai, nó tượng trưng sự băng hoại của xã hội. Tinh thần thiếu trách nhiệm, đổ lỗi, ích kỷ nảy nở kỳ lạ trong chế độ cộng sản, điều ấy không cần chứng minh. Cứ trút hết lỗi lầm, bổn phận lên người khác, việc khác là xong. Tóm tắt, cứ đem chữ *thôi* ra là hết trách nhiệm.

Chữ *thôi* như vậy phản ảnh tâm lý và thời thế, điều này thấy rõ trong tác phẩm của người viết trước và sau 75. Đọc hai quyển sách *Sài gòn sau 12 năm* (1989) của Thế Uyên và *Hồi ký Nhã Ca* (1991) của Nhã Ca, ta thấy có những điểm giống nhau sau:

- Về con người, hai vị đều đã viết và có tiếng tại miền Nam trước 75. Sau 75, cả hai đều chịu đầy đọa dưới chế độ CS trên dưới 13 năm.

- Về tác phẩm, chữ *thôi* dùng thật tự do trong cả hai quyển. Đây là cách dùng chữ không hề có trong các tác phẩm của Thế Uyên và Nhã Ca trước 75. Và đó là chuyện đầy ý nghĩa.

So sánh lối viết của một nhà văn trước và sau 75, hay trước 75 rồi 75-88 (nếu họ có sáng tác) và từ 88 khi nhà văn đã ra ngoại quốc, có thể là đề tài lý thú cho một luận án văn chương Việt Nam. Bài góp ý này chỉ nêu một điểm nhỏ là những chữ *thôi* trong sách của hai tác giả Thế Uyên và Nhã Ca *(Gật đầu thôi; Mới đây*

thôi; Cũng ngay khúc đường này thôi) phát xuất từ cảnh ngộ chiến bại, bị áp bức, đè nén của cả hai trong khoảng 75-88. Cảnh ngộ ấy đã được kể trong *Làng Văn* số tháng 10.92, nay xin nhắc lại:

A: Tháng này chỉ mua được 5 ký gạo, phần còn lại là mì.

B: Cũng được thôi.

Người dân phải nói như trên bởi họ mất thế, mất quyền đòi hỏi, phản đối, mà bị đồn vào thế nhận chịu, thụ động. Có được ký gạo nào hay ký gạo nấy, có còn hơn không, xuôi tay bất lực. Chữ *thôi* trong hai quyển sách trên đầy nét tủi lòng.

Như đã trình bày, chữ *thôi* rất đa dụng, biến hoá như da kỳ nhông; bạo quyền dùng cũng đúng mà ngụy dùng cũng sát. Chính vì bất lực trước đại nạn chung, con người chỉ còn làm được một chuyện là tự an ủi:

- ... Chuẩn úy thôi! (hàm ý may ra đi tù ngắn hạn).

- Cũng phải cười thôi!

- Chim mẹ... xoè cánh ra ấp ủ đàn con đấy thôi! (Nhã Ca).

Thái độ nhẫn nhịn, chịu đựng lộ qua nét bút không thấy có trong tác phẩm của hai nhà văn trên trước 75. Một điểm đáng chú ý khác khi đem so sánh hai tác phẩm của cùng một người viết Thế Uyên, ta nhận thấy: Trong cuốn *Sài gòn sau 12 năm* xuất bản năm 1989, gần như mỗi hai trang đều có lối dùng chữ *thôi* ở trên. Nhưng sang đến cuốn *Con đường qua mùa đông* ra năm 1990 thì hầu như không có những câu ấy. Hai tác phẩm xuất bản trước sau một năm, cùng một người viết, sao lại có hai lối dùng chữ? Lý do theo ý chúng tôi là khi viết cuốn *Sài gòn sau 12 năm*, tác giả viết với tâm tình của người bị trị, bị vùi dập không lối thoát, phải chấp nhận và tự an ủi. Với cuốn thứ hai, ông viết với ý thức mình là người tự do, có sự dõng dạc, đường hoàng, không chịu lép vế, do đó chữ *thôi* không xuất hiện nữa.

Nhã Ca cũng giống vậy. Trong cùng một cuốn *Hồi ký*, người ta phân biệt được hai lối đặt câu cho hai đoạn đời tác giả. Những chương nói về cuộc sống sau 75 mang nặng tâm trạng đau khổ, ê chề nên chữ *thôi* được dùng luôn. Đến khi bà thoát được thiên la địa võng để sống lại thời trước 75, nhất là trong phần III *Nhớ Ôn, Lạy Phật*, bà trở lại phong thái của người có tự do, cách viết đoạn này hoá ra cởi mở, nhẹ nhàng, và đó cũng là cách viết của bà trước 75, khi con người còn có quyền nói to ý nghĩ của mình.

Việc dẫn chứng sách của hai nhà văn Nhã Ca và Thế Uyên không hàm ý bất kính hay phê bình tác phẩm. Trước những nỗi bất công mà hai vị cũng như toàn dân Nam Bắc phải gánh chịu, người ta chỉ có một thái độ là kính trọng khi không thể chia sẻ hay làm vơi bớt. Phần nhận xét trên chỉ nhằm cho thấy lối đặt câu thay đổi song song với xáo trộn của lịch sử, hay tâm người phản ảnh thế sự.

Ngoài Bắc có hiện tượng này không, sau 54? Chúng tôi ít đọc sách miền Bắc nên không rõ. Cuốn *Bạn tôi* của Nguyễn Anh Tuấn và *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường viết sau 75 không có lối dùng chữ *thôi* ở trên. So sánh hai miền, chúng tôi có ý là miền Bắc có thể dùng chữ *thôi* trong văn viết ít hơn miền Nam. Lý do là cộng sản khi nắm chính quyền năm 54 ngoài Bắc đã không gây thù hận quá nhiều, quá đột ngột như khi họ vào miền Nam năm 75. Họ không có khối đông quân nhân, công chức để trả thù vào năm 54. Dân chúng không trải qua cơn lốc kinh hoàng như trong Nam năm 75. Biện pháp sắt máu được áp dụng phần nào từ từ, thay vì đổi đời trong tích tắc. Chỉ khi tinh thần trốn trách nhiệm, dối trá tiến nhanh tiến mạnh trong xã hội, chữ *thôi* có lẽ mới lan rộng. Dầu sao, đây chỉ là ức đoán cần được kiểm chứng.

Từ các nhận xét trên, chúng tôi suy được phần nào nguyên nhân sự bất bình khi đọc sách có chữ *cũng dễ thôi* và tương tự. Người bị đè nén dùng nó thì dễ hiểu, còn người ở ngoại quốc, với hiến chương nhân quyền sau lưng hỗ trợ, có thể đứng thẳng, chững chạc chỉ tay sang bên kia bờ để đối thoại với cộng sản, tại sao ta không tỏ ra mạnh dạn mà lại sử dụng chữ *thôi* nhẫn nhịn, như hay thấy trong cách nói và viết của văn chương tị nạn gần đây?

Có ai trách được chữ *thôi* trong bài hát: "Thôi thì thôi, chỉ là phù vân; thôi thì thôi nhé, có ngần ấy thôi..." (Phạm Thiên Thư, Phạm Duy)? Chúng là vàng, là ngọc, là tiếng lòng của người Việt Nam đa tình và lãng mạn. Nhưng trong trường hợp khác, khi có thể mạnh mẽ biểu lộ ý mình là người tự do, ta lại giảm bớt hiệu quả của lời nói hay câu văn bằng chữ *thôi* xuôi xị, chúng tôi nghĩ ấy là điều đáng tiếc.

Xin thôi hẳn bài chữ *thôi* ở đây. Con em út đọc xong bản nháp liền phán: "Chị sao rắc rối! Nói *cũng được thôi* hay *thôi cũng được* thì có chết con ma nào. Phiên phiến thôi!" Đã là ma thì còn chết sao được nữa, nhưng không thể lẫn lộn hai chữ *thôi*. Bên này đại dương ta ngẩng mặt thượng kỳ, bên kia đại dương anh em cúi đầu cam chịu, khác nhau chứ! ❑

Giới-Thiệu Sách Mới

BÚT-KHẢO VỀ "ĂN"

Tập bút-khảo đầu tay của BS Lê Văn Lân, Làng Văn xuất-bản.

Tác-giả Lê Văn Lân sinh năm 1931 tại Nam-định, lớn lên và học Quốc-học Huế, tốt-nghiệp Y-khoa tại Sài-gòn và phục-vụ trong Quân-y. Hiện ông làm việc tại bộ Y-tế tiểu-bang New Jersey, Hoa-kỳ.

Bút-khảo về "Ăn" viết về rau giấp cá; rau húng; thịt rắn và các món nhậu; nước mắm; con cà-cuống; trà Huế; các món bổ và vị thuốc, v.v.

Văn-phong Lê Văn Lân giản-dị, sáng-sủa; đề-tài ông chọn vừa-vặn kích-thích sự tò-mò, tính học-hỏi của đại-chúng. Đọc bút-khảo Lê Văn Lân, người ta có cảm-tưởng là ông không bao giờ cạn đề-tài. Trong trí-tưởng ông ấm-ấp đầy những chữ. Ông đùa nghịch, quấy-phá trong mọi đề-tài, mọi góc cạnh hiểm-hóc, những điều bí-mật chung quanh cuộc sống tự ngàn xưa cho đến ngày nay.

Dù đã đọc Lê Văn Lân trong các bài đăng rải-rác đó đây, quí bạn cũng nên có *"Bút-khảo về Ăn"* trong tủ sách gia-đình.

Sách dày 200 trang giá 10 mỹ-kim (13.50 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

CÂY ĐÀN MIẾN ĐIỆN

Nguyên-tác *Biruma no Tategoto* của Takeyama Michio, Đỗ Khánh Hoan dịch ra Việt văn, Nắng Mới tái-bản tại Gia-nã-đại.

Cây đàn Miến-điện ra đời trong hoàn-cảnh tăm-tối nhất của nước Nhật, gần một năm sau Thế-chiến thứ II. Truyện đưa ra một cảnh đời của thanh-niên Nhật đương thời: rời ghế học-đường, nhập-ngũ, dấn thân vào cuộc chiến-tranh vô-nghĩa, trải qua bao nhiêu gian-truân phi-lý.

Tuy là truyện Nhật, nhưng rất gần-gũi với tinh-thần và cuộc sống Á-đông. Một tác-phẩm đáng đọc.

Giá sách: $10. Liên-lạc: *Làng Văn*.

CHỦ-NGHĨA TƯ-HỮU

Nghị-luận và tạp-bút của kịch-sĩ Nguyễn Long, tập II.

Giá sách: 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Nguyễn Long, 9081 Madison Ave., Westminster, CA 92683, USA.

HƯƠNG HOA DÂN VIỆT

Nhận-định văn-học, văn-hóa của Lã Mộng Thường, tranh bìa của Hồ Thành Đức, Xuân Thu xuất-bản.

Sách chia ra làm hai phần, bàn về:

- Vai trò tục-ngữ, ca-dao (đức độ, nhân-nghĩa, danh-dự con người, sống liên-đới, xử-thế, nữ-giới, cơ-cấu gia-đình, tình-nghĩa vợ chồng, con cái, hiếu đễ, anh em họ-hàng, hiếu học, cần mẫn và cần-kiệm, tướng diện, tình-yêu quê-hương, tình cảm, niềm tin).

- Đặc-tính dân Việt (thăm hỏi, biết ơn, sống hòa-hợp, tự-trọng, chân-thành, khó nghèo, thi-nhân, đám xá).

Lã Mộng Thường là một bút danh quen thuộc trong làng văn, làng báo hải-ngoại. *Hương hoa dân Việt* đưa ra cái nhìn khách-quan và tinh-tế về văn-hóa Việt.

Sách dày 346 trang, giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Xuân Thu.

HƯỚNG VIỆT: NHỮNG GỢI Ý CHO TƯƠNG LAI

Tài-liệu hội-thảo *Tái-thiết Việt-nam hậu cộng-sản* ngày 4.7.93 tại Houston, Texas, Hoa-kỳ, Hội Văn-hóa Khoa-học VN xuất-bản.

Tập sách bao gồm các bài tham-luận đọc trong cuộc hội-thảo. Sách dàu 448 trang, giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Hội Văn-hóa Khoa-học Việt-nam, P.O. Box 79105, Houston, TX 77279, USA.

nhắn tin tị nạn

Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Mong tin cựu trung úy Hải quân **Nguyễn Đức Công**; trước 75 ở Bùi Hữu Nghĩa, Gia Định, sau dọn về trước Ty cảnh sát, quận I, Sài gòn. Được biết mới định cư tại Canada.

Thư về **Trần Giai Thoại**, 7916 Gosport Lane, Springfield, VA 22151, USA. ĐT: (703) 425-3523.

Tìm vợ, **Nguyễn Thị Xuân**, vượt biên năm 1986, đến Mã-lai và đã định-cư, hiện nay em ở đâu, xin liên-lạc với chồng là **Nguyễn Quốc Toản**, KI: 1007, AS# 098012, C/o Puskopal-Amarban, P.O. Box 7, Tanjung Pinang, Riau 29112, Indonesia.

Cô **Công-tôn-nữ Kim Chi**, vượt biên 1978, qua Mỹ ở California, xin liên-lạc với cháu là **Công-tôn-nữ Xuân-lộc**, Boat KG: 8846, C/o Puskopal-Amarban, P.O. Box 7, Tanjung Pinang, Riau 29112, Indonesia.

MUA BÁO DÀI HẠN
nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-diện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN
(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... ..... 50 gia-kim (cả thuế)
Gửi đi Hoa-kỳ:..... ..đường bộ: 50 mỹ-kim (65 GK)
đường hàng không: 70 mỹ-kim (91 GK)
Các nước khác:.....đường thủy: 50 mỹ-kim (65 GK)
đường hàng-không: 80 mỹ-kim (104 GK)

Ghi-chú:
- Gia-kim: CA$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US$: (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:
  tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.
  Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.
  Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.
  Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.
  Pháp: đường thủy 350 quan / hàng-không 600 quan.
  Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.
  Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen
- Chi-phiếu đề và gửi về đại-diện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:
Hội *Làng Văn*
(Bạch Thái Hà)
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
(Điện-thoại: 34-10-26-46)

Đức:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
44041 Dortmund
(ĐT: 656-949)

Hòa-lan:
Hồ Thị Chiến
Lyster 77
1628 Am-Hoorn-NH
(ĐT: 02290-31666)

Anh:
Hoài Châu
19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:
Dương Kim
Kalbakkvn 17
0953 Oslo 9
(ĐT: 216-5607)

Úc-đại-lợi:
P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195
(ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:
Đỗ Thông Minh
〒140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
(ĐT: 799-1763)

Độc-giả tại Anh, Pháp, Mỹ xin gửi thẳng chi-phiếu cá-nhân về tòa-soạn.

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quí vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,..).

Quí độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quí vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

.....

.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quí độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO,
CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG,..

◉ *Chỉ đăng trên ấn-bản Toronto hoặc Montréal:*
bìa sau: mỗi ô 2"x3": 50 gia-kim/tháng; nguyên trang 400 GK
bìa trong (trước hoặc sau): ô 2"x3": 40 GK; nguyên trang 300GK

◉ *Chỉ đăng trên ấn-bản Canada (trên hai báo Làng Văn và Tự-Do)*
trang trong:.....160 gia-kim
nửa trang:.....90 gia-kim
1/4 trang.....50 gia-kim
1/8 trang:.....30 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN TỪ 3 KỲ TRỞ LÊN ĐƯỢC HƯỞNG GIÁ ĐẶC-BIỆT

◉ *Ấn-bản quốc-tế:*
Nguyên trang bìa sau: 1 màu: 400 mỹ-kim; 5 màu: 600 mỹ-kim.
Trang bìa trong (trước hoặc sau): nguyên trang 300 mỹ-kim

◉ *Ấn-bản toàn quốc Gia-nã-đại và quốc-tế:*
Nguyên trang trong:.....200 mỹ-kim (270 gia-kim)
Nửa trang:.....110 mỹ-kim (150 gia-kim)
1/4 trang:.....60 mỹ-kim (80 gia-kim)
1/8 trang:.....40 mỹ-kim (55 gia-kim)

Độc-giả dài hạn được bớt 15% khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn

XIN GỬI MẪU QUẢNG-CÁO KÈM CHI-PHIẾU VỀ TÒA-SOẠN
HOẶC LIÊN-LẠC VỚI CÁC ĐẠI-DIỆN QUẢNG-CÁO TẠI ĐỊA-PHƯƠNG:
Toronto: 848-6049 / Montréal: 342-6706

thư đi tin lại

• Nguyên Hương phụ-trách

TÒA SOẠN TẶNG BÁO
THÂN HỮU GÓP TEM

Vì ngân sách eo hẹp, trong thời gian gần đây tòa soạn phải cắt bớt báo biếu gửi cho quí thân hữu, hội đoàn và báo chí các nơi, dùng tiền tem ấy gửi báo sang các trại tị nạn. Để giúp đỡ tòa soạn qua lúc khó khăn, và cũng là cách gián tiếp giúp đồng bào tị nạn có báo đọc, từ nay tòa soạn vẫn tiếp tục tặng báo, nhưng xin quí thân hữu vui lòng góp tiền tem gửi báo (mỗi năm 25 mỹ kim hoặc 30 gia kim).

Chi phiếu xin đề: "Nguyên Hương/ tem nhận báo).

Xin đa tạ quí vị.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Trong tháng qua, tòa-soạn nhận được các số báo bị trả về, xin quí độc-giả có tên sau đây liên-lạc gấp với tòa soạn để cập-nhật địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả về:

Nguyên Thao, San Diego, Hoa-kỳ; Trần Thị Bích Đào, Scarborough, Gia-nã-đại;

Ông Trần Văn Thanh, Đức: Cảm ơn ông đã nhắc về vụ hối suất. Thật ra, vì tiền Đức lên nhanh quá, ngoài mức dự liệu của tòa soạn, nên làng chịu thiệt một tí. Kính.

Cô Nguyễn Thị Ánh, BC: Độc giả tại Pháp, Anh, Hoa kỳ và Gia nã đại khi mua sách báo Làng Văn, đều có thể trả bằng chi phiếu cá nhân (personal cheque), không phải tốn công ra nhà băng hay bưu điện. Kính.

Phù Lưu lão thái, Troyes: Đa tạ lão thái đã đáp ứng nhanh chóng, không phụ lòng kỳ vọng của lão Mập. Ai bảo lão thái là cuốn *"Tạp chủng"* khô khan? Sách để đời của Bà Già Trầu đấy. Nhớ kỹ lời NH để khảo chứng sau này, nhất là truyện đầu "đi lạc" qua VH, khiến NH phải nắm cổ lôi về.

Đã nhận được bài phỏng vấn LVL. Sẽ đăng kỳ tới. Thân.

Nhà văn Nguyễn Đức Lập, Hoa kỳ: Đã nhận được truyện mới, cảm ơn anh. Nhiều khi cũng "thấm mệt" thật, nhưng nhìn lại chung quanh thấy vẫn còn nhiều người như anh, lại cảm thấy ấm áp để đứng lên đi tiếp. Trân trọng.

Thi sĩ Trần Vấn Lệ, Milpitas: Nhận được thiệp báo hỉ, cứ tưởng đâu ông thi sĩ nhà ta "nối lại dây đàn", xem kỹ mới biết là ngày vui của cháu. Thôi thì chúc các cháu trăm năm hạnh phúc (nhờ không làm thơ), và chúc bố cháu sớm về lại ...Los. Thân.

Anh Vũ Phương Đông, Nam Dương: Hai cuốn *Đọc và phiên dịch báo chí* và *Luyện dịch báo chí Anh Việt, Việt Anh* của lệnh nghiêm do nhà Đại Nam tái bản, *Làng Văn* chỉ lấy về một ít phát hành cho độc giả của làng. Anh có thể liên lạc thẳng với nhà xuất bản để nói về trường hợp gia đình anh, yêu cầu giúp đỡ. Địa chỉ nhà xuất bản:

Đại Nam
551 W. Arden Ave.
Glendale,
CA 91203, USA

Nếu muốn tìm một người thấu hiểu tình trạng thuyền nhân Việt nam, anh nên viết thư về:

Dr. John Chr. Knudsen
Instututt for Sosialantropologi
Universitetet I
Bergen, Parkvein 20
5007 Bergen, Norway.

Hãy viết bằng tiếng Anh. GS Knudsen làm việc với người tị nạn trong 10 năm. Ông đã hoàn tất một cuốn sách viết về người tị nạn VN rất sâu sắc. Chúc anh may mắn.

Má cu Bi, Québec: Xin chúc mừng mẹ tròn, con cũng sắp... tròn. Hóa ra lâu nay vắng thư nàng vì nàng bận vượt cạn! Cháu tuy nhỏ con nhưng khoẻ mạnh là vui rồi, phải không? Này, hỏi nhỏ, nàng tẩm tới mấy chục kí *baking soda* để chế tạo cái... *robinet* cho cháu vậy?

Cảm ơn về cái chi phiếu nàng nặng (10 tờ báo tị nạn hàng tháng và tái hạn 6 năm, 5 tháng cho thằng cu).

Má cu Bi khen ông nọ, chê ông kia, sao đúng ý NH quá! Thôi, chúc cả nhà vui mạnh. (Sắm xe mới chưa?). Thân.

Ông Lê Phụng, PQ: Tiếc là không thể cắt đăng nhiều kỳ được. Báo mỗi tháng mới ra một lần, độc giả khó theo dõi, nhất là các bài biên khảo. Các chỗ bị cắt, khi in sách đề nghị đưa vào phụ chú, tránh dẫn độc giả đi xa vấn đề quá. Kính.

Cô Nguyễn Thị Phương Trang, Queensland: Rất vui trước lời kêu gọi kết giao của các bạn. Cảm ơn về bản tin, rất công phu. Mong có dịp công tác chung bên đó..

Nhà văn Việt Phương, Dallas: Chúc mừng Phương về sự thành

công của *Trước bến Văn lâu*. Bao giờ sắp hết, nhớ báo trước để gửi thêm. Tiệm sách tới đâu rồi? Thân.

Nhạc sĩ Phạm Anh Dũng, Santa Maria: Nhớ gửi cho băng thu lại buổi sinh hoạt ra mắt *Đưa người về phương Đông* và *Tình khúc hồi hương*. Chúc thành công lớn. Thân.

Thi sĩ Lãm Thúy, MD: Thực sự, không có điều gì trục trặc cả, chỉ tại NH ưa dọn ăn theo lối "đổi món", thế thôi.

Kinh tế toàn cầu đi xuống, ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Rán chịu đựng cho qua vậy. Sau cơn mưa trời sẽ sáng, đừng lo nghĩ quá, khổ thân. Chúc vui.

Ông Minh Châu, Úc: Mừng ông sắp có hai tác phẩm mới lên khuôn. Đã nhận được các truyện ngắn ông gửi. Đa tạ.

Đinh Trí, Phi Luật Tân: Cháu không tìm thấy tên trên danh sách bài nhận được, vậy là lạc rồi. Gửi bản khác nhé. Chúc viết đều và may mắn hơn trong vụ kháng cáo.

Đại đức Thích Nguyên Đạt, Mã Lai: Rất mừng thấy gói báo đi đến nơi về đến chốn. Kính chúc Đại đức an khang thường tịnh. Kính.

Thi sĩ Văn Tuyên, Galang: Xin ông vui lòng theo dõi cột bài nhận được và bài sẽ đăng.

Thượng tọa Thích Minh Mãn, Thái Lan: Chúc mừng Thượng tọa qua được cửa thanh lọc, và cảm ơn về bài thơ. NH đọc thơ rất nghiêm trang, không bao giờ dám cười, xin Thượng tọa an tâm. *Từ bi âm* đình bản đã khá lâu, bây giờ Thượng tọa trở lại với truyện ngắn, truyện dài xem sao. Kính.

Thi sĩ Nguyễn Huy Phước, NJ: Đối với các đại lý ở xa, ông chỉ cần giới thiệu tờ báo với họ, sau đó để tòa soạn gửi thẳng, nửa năm hãy tạt qua thu tiền, như vậy tiện hơn. Thân già cô độc đạp tuyết đầm sương mãi, lỡ ngã bệnh biết cậy nhờ ai!

Về bài vở, tòa soạn cũng thôi thúc các ông cổ thụ ghê lắm, nhưng dạo này đúng vào *thuở trời đất nổi cơn gió bụi*, dông tố bão bùng, lụt lội, cháy rừng, động đất khắp nơi, đại thụ dường như e dè, co mình không "sản xuất", hoặc "sản xuất" "không đúng chất lượng yêu cầu", trong khi mầm non, mầm già xuất hiện đông đảo, thì phải dang tay đón mừng họ chứ. *Tên*, rất quí, *tài* càng quí. Chữ *tài* cùng với chữ *tên* một... *tờ* mà! Ông thử giở lại báo cũ từ 5, 7 năm trước, điểm mặt quận hùng, xem đã có bao nhiêu "mầm non" thời cuối thập niên 80 bây giờ đã được liệt vào hàng đại thụ!

Sinh hoạt kỷ niệm 10 năm *Làng Văn* có thể sẽ tổ chức một vòng thế giới, tùy tình hình sinh hoạt cộng đồng trong năm tới; nhưng quan trọng nhất vẫn là đặc phẩm MƯỜI NĂM LÀNG VĂN 1984-1994, dày khoảng 400 trang, ghi lại sinh hoạt của Làng trong 10 năm, qua những giai đoạn văn học ở hải ngoại, in kèm tổng mục lục, hình ảnh, tiểu sử những người cộng tác. Sẽ gửi phiếu phỏng vấn. Kính.

Nguyễn Cẩn, NB: Làng không "bán" bộ chữ Việt, mà ...cho không, theo yêu cầu của người làm ra bộ chữ, với mục đích góp sức phát triển văn hóa Việt. Bạn chỉ cần gửi 5$ cước phí và cho biết thích nhận dĩa lớn hay đĩa nhỏ là đủ.

Họa sĩ Phạm Thăng, Calgary: Thôi, tai nạn *Vui buồn nghề nghiệp* nay đã thuộc về... vui buồn nghề nghiệp. Lần tái bản tới, chờ xem cách ứng xử của sư ca vậy.

Lúc sau này, tòa soạn phải cắt bớt báo biếu thân hữu để chi di số tem thư ấy vào việc gửi báo sang các trại tị nạn. Hiện nay, ngoại trừ các tác giả có bài thường xuyên (ít nhất cũng xuân thu nhị kỳ), tòa soạn chỉ có thể tặng báo và xin thân hữu góp tem (mỗi năm 25$). Được vậy thì đồng bào tị nạn có báo đọc, thân hữu có báo đọc mà tòa soạn không đến nỗi vỡ nợ, vui vẻ cả làng!

Trương Mỹ Vân, BC: Quả *chí lớn gặp nhau*, Đông Tây tương hội, *Sợi tơ nhện* đã được Vi An dịch, vừa lên khuôn thì *Sợi tơ nhện* của Vân về tới. Anh chị có...hẹn hò gì nhau không đấy! Thân.

Anh Phan Tuấn Sơn, Hobart: Đã nhận được bài mới, cảm ơn anh. Vẫn chờ đọc bài viết về Nam cực của anh.

Bà lang Trần, Đức: Bà lang rừng mình biến thành Tử vi gia hồi nào vậy? Nếu ông Kohl hài lòng với cái lá số tử vi ấy, bà lang nhớ vòi "ngài" giảm bớt vài mục khó khăn trong bộ luật di trú mới toanh của nước Đức cho dân Việt được nhờ.

Sẽ gửi nguyên cuốn sách có bản đối chiếu âm dương lịch cho bà lang. Chúc mọi sự hanh thông, tài lộc tấn phát.

Đọc bài ông lang, ôn lại mấy câu *"Một cung gió thảm mưa sầu, bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay"* tự dưng tức cười. Phàm khi đánh đàn, nhạc công chỉ dùng bốn ngón tay để nắn phím, ai lại dùng cả ngón cái để bấm dây bao giờ, cụ Nguyễn Du nhà ta tinh nghịch lắm thay, bắt cả cái ngón tay đỡ cần đàn cũng phải... nhỏ máu thì quá lắm!

Họa sĩ Nghiêu Đề, San Diego: Tiếc không được nghe chị Giang hát. Nhưng thế nào cũng có dịp gặp lại mà! Cảm ơn về tấm thiệp... cảm ơn. Chu đáo cứ như như Mỹ vậy! Chúc sáng tác đều. Kính.

Ông Lê Quang Trường, Sask: Độc giả mua cho mình một năm và đồng thời tặng bạn một năm, vẫn được sách tặng. Xin ông cho biết tựa sách chọn nhận. Kính.

Nhà thờ Đức Mẹ Vô Nhiễm, Galang II: Gửi tặng một tờ báo mà nhận lại một bức thư cảm tạ trịnh trọng quá, NH thật cảm thấy áy náy.

"Ân nghĩa" ấy, thực ra là công sức của nhiều bạn làng, NH chỉ có công gói báo mà thôi.

BS M.H. Nguyễn, Winnipeg: Quí độc giả cư ngụ tại các vùng xa trong Gia Nã Đại, thích đọc báo thật sớm, có thể yêu cầu tòa soạn gửi báo theo cước phí hạng nhất, mỗi năm chỉ phải trả thêm 20 gia kim. Kính.

Anh Nguyễn Thanh Liêm, Úc: Đồng ý với các ý kiến nêu trong thư, ngoài cái bút hiệu "Ố Sồ", trông khó... làm quen với độc giả quá! Đã lấy tên cháu bé làm bút hiệu, sao không lấy tên trong giấy tờ? Dù sao, đó cũng chỉ là ý kiến riêng của NH. Kính.

Anh Nguyễn Văn Thảo, Tai A Chau: Tai A Chau không có nhiều *Làng Văn* vì nhà cầm quyền Hương Cảng ngăn không cho gửi báo chống cộng vào các trại. Các thông tín viên của làng thỉnh thoảng mới được vào trại một lần nên số lượng *Làng Văn* tại Tai A Chau cứ như muối bỏ biển, vào số nào là mất tăm số đó. Ông chịu khó lùng đọc. Hỏi các anh em có viết lách hay hoạt động cộng đồng xem. Kính.

Hoài Hương, Montréal: NH vốn thương học trò nghèo vừa rời cõi "thiên đường", nên sẽ thỉnh thoảng gửi một gói báo cho HH đọc, bao giờ ra trường sẽ... đòi cả vốn lẫn lãi. Muốn đọc lại các số cũ, thật cũ, chịu khó đến các thư viện của thành phố.

Muốn biết cụ Bút Chì là ai, chờ xem đặc phẩm MƯỜI NĂM LÀNG VĂN, dự trù phát hành vào tháng 10.1994, trong đó có đầy đủ tiểu sử, hình ảnh người làng. Thân.

Ông Võ Công Gương, Galang: Hiện tại, ngoài việc gửi sách báo sang, tòa soạn chưa giúp được gì thêm cho anh em bên đó. Lực bất tòng tâm, NH rất áy náy! Khi có chuyện cần tâm sự, anh cứ viết hết ra giấy, đừng ngại thư dài làm toà soạn "mất thì giờ." Mong các anh em cựu CSQG khắp nơi trên thế giới sẽ bắt được liên lạc với anh. Kính.

Anh Đặng Lưu Quế, Galang: Mừng anh sắp thành người tự do. Đã chuyển tên người nhận sang Nguyễn Thanh Mai. Chúc anh may mắn trên đường định cư.

Anh Trần Văn Hiếu, Galang: Đã chuyển thư cho Việt Phương. Chúc anh và các bạn khoẻ mạnh, may mắn.

Anh Nguyễn Văn Cường, Galang: NH vẫn theo sát những biến chuyển ngoài đảo, kể cả "giá biểu" đậu tái xét!

Đồng ý, khi nào lập đảng "Quốc gia cực đoan", NH xin hân hạnh kết nạp anh làm đảng viên đầu tiên.

Xin theo dõi các mục "bài nhận được" và "bài sẽ đăng". Bài nhiều, NH không thể nhớ hết được! Thân.

Em Bé Bay: Nên chia bớt thì giờ cho truyện "bé bay". Trẻ Việt bên này thiếu hẳn và khao khát những dòng văn Việt loại này. Còn chuyện chàng chàng, nàng nàng, sách tây đã cung cấp thừa mứa rồi, nếu tụi trẻ muốn tìm. Em Bé đã tới cái tuổi sống cho... người khác rồi. *Đã mang lấy nghiệp vào thân!* Rán đi. Thân.

Anh Phạm Quang Ngọc, Sydney: Biết diều hâu vàng bên đó vẫn đông hơn bồ câu đỏ là vui rồi. Bếp Mập đã phất cờ hiệu "lên đường". Sang năm sẽ bắt tay các anh, đánh lớn bên đó. Tháng 10 đi DC được chứ? Mong gặp. Thân.

Nhà văn Nguyễn Quốc Trụ, Thái Lan: Đã viết thư kêu cứu hộ cho Trần Dũng Thủy. Cũng phải rán hết sức thôi, chỉ sợ là chuyện... tiền định! Kính.

Bà Trần Phương Loan, Florida: Không ngờ ở thành phố Cocoa, Florida có con đường tên Thiên thai, mà lại là đường dài, vì số nhà của bà có tới 4 hàng số. Có dịp công tác ngang qua đó, nhất định NH sẽ lần dò tới xem. Đã gửi báo. Kính.

Tần Vy, Úc: Lần sau gửi bài, nên viết rõ hoặc cố gắng đánh máy hay xếp chữ bằng máy vi tính cho dễ đọc. NH sắp mang kính lão rồi! Thân.

Nghệ sĩ Hùng Cường, CA: Xin liên lạc tòa soạn nhận thư nhờ chuyển.

Sư cô Diệu Hương, GA: Tin mắm tôm chua về muộn quá, giá biết trước thì thế nào NH cũng rán bò qua! Tội nghiệp sư cô làm việc nhiều, lúc nào cũng thèm ngủ y các ông tân khóa sinh trong quân trường.

Mùa đông này gắng về làng, NH sẽ cho sư cô ngủ suốt mùa, tới trưa ngày 2 tháng 2 mới gọi dậy, cho ra sân bói mặt trời coi mùa đông sắp hết chưa để sư cô tự quyết-định thức dậy hay ngủ thêm 6 tuần nữa. Sướng nhé! Thân.

Nhà văn Vi An, Nhật Bản: "Câu chuyện xứ người" như vậy là "ăn", cứ tiếp tục dài dài, nên lắm. Chờ xem mặt anh trên ảnh. Nếu có ảnh chụp lúc đi xin xăm ở đền Minh Trị càng hay. Thân.

Vũ Nghi, Nanaimo: Có dịp, NH cũng sẽ tới sinh hoạt với cộng đồng ở thị xã biển Nanaimo; ở đâu có người chịu khó ngồi nghe thì mình tìm tới sinh hoạt, cứ gì phải đông mới quí!

Về sách dạy chữ Việt cho người ngoại quốc và trẻ con Việt-nam lớn lên tại xứ người (giỏi tiếng Anh rồi mới học chữ Việt), Bếp Mập hứa soạn một bộ. Bếp có bằng Sư phạm, phương pháp đưa ra cũng mới lạ và khả dụng, vậy mà chỉ hứa suông và hẹn lần. Nghi cần sách gấp, cứ theo níu áo mà đòi, may ra lũ trẻ được nhờ. Thân.

Bạch Liên nương tử, Na Uy: Đa tạ nương tử về đôi búp bê biểu tượng của Thế Vận Hội Mùa Đông 1994 tại

Na Uy. Đi xem mặt trời mọc lúc 1 giờ khuya ở phía Bắc Na Uy thì Bếp Mập giơ tay xung phong đi đầu, chứ xem thể thao thì trốn biệt, nương tử đừng rủ rê, phí công.

Chuyện *di hoa tiếp mộc* kia dù sao cũng là ...hỉ sự, nương tử bất tất phải nặng lòng. Hỗn danh ấy chính do NH căn cứ vào văn phong của người ta mà đặt, nay nó vận vào cuộc đời thì quả... *văn là người*, có sao đâu!

Cho NH gửi lời vấn an, chúc bà ngoại các cháu mau hồi phục. Thân.

Nguyễn Hồng Hoàng, Galang: Đồng bào ở các trại góp bài khá nhiều, ít nhất cũng khoảng 15% trong tổng số bài gửi về, tuy nhiên NH cũng không chọn được nhiều. Có những người mới khởi viết và đã bắt đầu xây dựng được tên tuổi từ khi còn ở trại, nhưng số này không đông. Dù sao, viết ra được cũng là một cách để giải tỏa ẩn ức, không thì chết mất! Dĩ nhiên khi thấy cần phải nhuận sắc tí ti, tòa soạn sẵn sàng làm, để tạo vẻ đẹp chung, em yên tâm.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Phạm H. Minh, Trần Nữ Anh, Phạm Vũ Dũng, Hứa Hoành, Nguyễn Đức Lập, Xuân Sơn, Hồng Huy (2), Minh Châu (8), Trần Văn Tích, Thái Văn Kiểm, Phan Tuấn Sơn (3), Trương Mỹ Vân, Nguyễn Văn Thông, Hiếu Đệ, Đỗ Đình Trí.

Thơ: Hoàng Viễn Phương (5), Phạm Quang Ngọc (4), Ngô Nguyên Dũng, Đỗ Đình Trí (2), Bùi Quang Tuyến (3), Trần Dũng Thủy, Trần Vấn Lệ, Trần Ngân Tiêu (5), Lê Tạo (3), Hoàng Nhật Linh, Phan Tuấn Sơn (3), Kha Huyền (2), Thanh Lê (3), Hương Giang, Hoài Nam (4), Nguyễn Duy Tâm (6), Thương Bá, Nguyễn Tư (29), Trần Trung Đạo (2), Phạm Tâm Phố (2), Lãm Thúy (2), Nguyễn Huy Phước (2), Anh Nguyễn (2), Huỳnh Liễu Ngạn (4), Cao Hoàng Nhân (2), Nam Chi Thượng Nhân (3), Vũ Nghi (3), La Toàn Vinh, Vạn Giả, Hà Lan Phương (3), Thuyền Nhân.

Tranh: Hiếu Đệ, Ba Bui, Mít.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Quí phái lạ thường (NVT), Lỗi lầm tai hại (TMV), Dưới bóng quang lang (TVT), Con của người con của vật (HH), Kiểng và người (NĐL), Đường xưa lối cũ (HH), Chyến phiêu lưu... (TNA), Trung thu ở nhà (PHM), Những cựu chiến binh (XS).

Thơ: Khoảng cách (VG), Giấc muộn, Nhớ (VN), Rượu tiễn, Tìm lại mùa xuân (CHN), Bích Thủy, Nhớ nhà (HLN), Cầm cố (NCTN), Mừng em sinh nhật (AN), Bidong, lời tạ từ (NHP), Câu khẩn, Gánh đời (LT), Lục bát tình yêu, Lệ vô thanh (PTP), Nỗi buồn chiến thắng (TTĐ), Như chẳng bao giờ... (HG), Những bài thơ, Ơi ngày mai... (KH), Lời cho em, Khất nợ (TNT), Những tấm gương soi (LT), Mất (NND), Tạ ơn em, Ngờ vực, Nếu em hiểu được (PQN), Sơn Tây ơi (TVL), Nhắn gửi bạn tôi, Hãy nhớ đừng quên (HN), Vô đề (TDT), Thư em gửi (NDT), Một số thơ NT.

Tranh: Ba Bui, Hiếu Đệ, Mít.

TIN MỪNG

Nhận được tin vui, thi-sĩ và bà TRẦN VẤN LỆ, California, Hoa-kỳ, sẽ làm lễ vu-qui cho trưởng nữ

TRẦN GIAO LINH

se duyên cùng cậu

NGUYỄN HOÀN HẢI

trưởng nam của ông bà NGUYỄN BÁ HÀ, Việt-nam,

Hôn-lễ cử-hành tại Los Angeles, California, Hoạ-kỳ ngày 2 tháng 10 năm 1993.

Hân-hạnh chúc mừng hai họ, thân chúc hai cháu Giao Linh & Hoàn Hải trăm năm hạnh-phúc.

Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa
Vợ chồng Nguyễn Ngọc Ngạn

ĐÓN ĐỌC

ĐẶC-PHẨM

"Mười Năm Làng Văn Hải-Ngoại"

(1984-1994)

phát-hành tháng 10.1994

- Tổng mục-lục 120 số báo Làng Văn từ 1 đến 120.
- Tiểu-sử, văn-nghiệp các tác-giả cộng-tác.
- Tổng-kết sinh-hoạt 10 năm Làng Văn trong văn-học Việt-nam hải-ngoại.

TIẾNG HÁT TRÊN
CÁNH ĐỒNG XANH
Truyện ngắn Phạm Thanh Quang
12MK - 16GK

TÌNH YÊU
Sách tâm-lý giáo-dục, Nguyễn Thi
10MK - 13,50GK

TIỂU-THUYẾT I
Võ Phiến
15MK - 20.50GK

TRẬN CUỒNG PHONG
Truyện dài Quỳnh Dao
12MK - 16GK

TRƯỚC BẾN VĂN LÂU
Tập truyện ngắn, Việt Phương
10MK - 13,50GK

TỬ-VI DƯỚI MẮT KHOA-HỌC
Biên-khảo, Vũ Thiên
11MK - 15GK

Quyền-lợi của độc-giả dài hạn Làng Văn cư-ngụ tại Hoa-kỳ và Gia-nã-đại:

Mua dưới 100 mỹ-kim (135 gia-kim): được bớt 10%; mua trên 100 mỹ-kim (135 gia-kim): được bớt 15%; mua trên 500 mỹ-kim (675 gia-kim): được bớt 30%.

Giá sách trên đây bao gồm cước phí (đường bộ) và thuế dịch-vật (cho độc-giả cư-ngụ tại Gia-nã-đại).

Độc-giả tại Gia-nã-đại xin trả theo giá đã tính ra gia-kim (tiền Gia-nã-đại). Giá này đã bao gồm 7% thuế di-ch-vật GST. Nếu trả bằng giá mỹ-kim, xin cộng thêm 7%GST vào.

Quyền-lợi của độc-giả dài hạn Làng Văn ngoài Bắc Mỹ:

Kể từ ngày 15.8.1993, độc-giả mua dưới 50 mỹ-kim (70 gia-kim): không được bớt, và xin trả thêm 10% tiền cước. Mua từ 50 mỹ-kim (70GK) mỹ-kim trở lên 100 mỹ-kim (135GK) không được bớt, nhưng không phải trả thêm tiền cước. Mua trên 100 mỹ-kim (135 gia-kim): không phải trả thêm tiền cước và được bớt 10%. Mua trên 500 mỹ-kim (675 gia-kim): miễn cước và được bớt 15%.

Thư-từ, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ontario M8Z-5P1, Canada

Độc-giả tại Đức có thể gửi thư đặt mua sách và chi-phiếu (bằng tiền Đức) về văn-phòng Làng Văn tại Đức, và nhận sách gửi trực-tiếp từ Gia-nã-đại.

Thư và chi-phiếu xin đề:
Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund 1

Về cách tính thành tiền Đức, kể từ 15.8.1993, xin lấy giá mỹ-kim, nhân cho 1.9

Độc-giả tại Pháp có thể gửi thẳng chi-phiếu cá-nhân bằng tiền Pháp về tòa-soạn ở Gia-nã-đại. Về cách tính thành tiền Pháp, xin lấy giá mỹ-kim nhân với 7.

Bạn có tác-phẩm, muốn in sách để chính-thức góp mặt trong văn-giới?

- Hãy gõ cửa

Làng Văn

- Cơ-sở Làng Văn nhận xuất-bản và phát-hành hộ tác-phẩm mới của tác-giả mới.
- Làng Văn, con đường ngắn nhất đưa sách của bạn đi khắp năm châu.
- Xin gửi bản-thảo (copy) về tòa-soạn, cho biết số trang và số lượng để biết giá phỏng định.

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

BENLUX . CHANEL . BENLUX . C. DIOR . BENLUX . YSL . BENLUX . LANCEL . BENLUX . LANCOME . BENLUX .

BENLUX
PARIS
DUTY FREE

BENLUX

TIỆM BÁN ĐỒ MIỄN THUẾ LỚN NHẤT PARIS

BENLUX
PARIS
ĐẶC-BIỆT
CHO
NGƯỜI VIỆT-NAM
-25% TỚI -40%

174 RUE DE RIVOLI, 75001 PARIS

Tél: 42-96-89-44 – Métro: Palais Royal

Trung tâm bán mỹ-phẩm và đồ trang-sức nổi tiếng
rẻ và đẹp nhất
của thủ-đô Ba-lê

Giảm giá đặc-biệt cho khách hàng Á-đông

từ -25% đến -40%

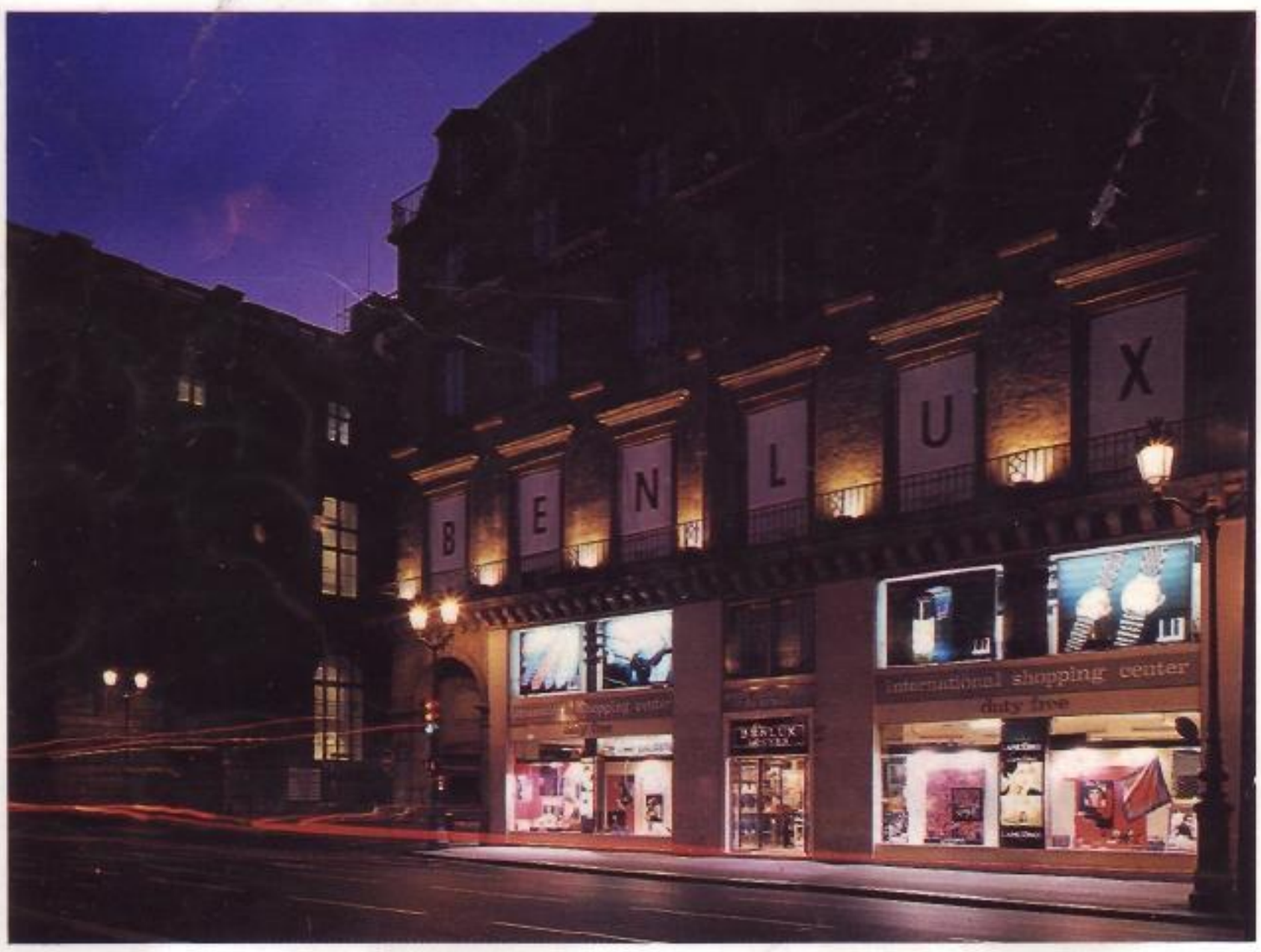

Đến BENLUX, quí vị sẽ tìm thấy những mỹ-phẩm như: dầu thơm, son phấn, đồng hồ, kính mắt, hộp quẹt, viết máy, ví xách tay, cà-vạt, khăng choàng, quần áo với các hiệu nổi tiếng như Cartier, Chanel, Christian Dior, Hermès, Guy Laroche, Givenchy, Nina Ricci, Yves Saint Laurent, Lancôme, Sisley, v.v.

Cho người Á-đông với giá thật rẻ và hàng tốt mà quí vị sẽ không tìm thấy ở nơi khác.

Đến BENLUX, quí vị sẽ được đón-tiếp niềm-nở và sẵn-sàng phục-vụ với các nữ tiếp-viên nổi tiếng Hoa, Việt, Thái, Lào và Cam-bốt. ***Quý khách mang theo quảng-cáo này sẽ được một tặng-phẩm.***

Đến BENLUX, quí vị sẽ có dịp so-sánh giá và phẩm-chất, những sản-phẩm mà quí vị cần mua.

. BENLUX . GUCCI . BENLUX . CHANEL . BENLUX . C. DIOR . BENLUX . YSL . BENLUX . LANCEL . BENLUX . LANCOME . BENLUX . NINA RICCI .

NINA RICCI . BENLUX . GUCCI . BENLUX . CHANEL . BENLUX . C. DIOR . BENLUX . YSL . BENLUX . LANCEL . BENLUX . LANCOME . BENLUX .